ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

TÒA THÁNH TÂY NINH

DANH NHÂN ĐẠI ĐẠO

Biên Soạn | ĐỨC NGUYÊN

TÀI LIỆU SƯU TẦM 2019

Hai•không•một•chín

Ebook được làm theo tài liệu phổ biến trên Website **DAOCAODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị thay đổi, sửa chữa những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gởi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **HIỀN TÀI NGUYỄN VĂN HỒNG**, **BAN PHỤ TRÁCH KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website, ngỏ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 09/02/2020

Tầm Nguyên

Website: **tusachCAODAI.wordpress.com**

1.

DANH NHÂN
ĐẠI ĐẠO

Biên Soạn | ĐỨC NGUYÊN

2.

MỤC LỤC

❒ *Danh Nhân*
CỬU TRÙNG ĐÀI 9

❖ *Đức Quyền Giáo Tông*
LÊ VĂN TRUNG
(1876 – 1934) 11

❖ *Đức Ngọc Chưởng Pháp*
TRẦN VĂN THỤ
(1857–1927) 39

❖ *Ngọc Đầu Sư*
NGỌC LỊCH NGUYỆT
(1890–1947) 45

❖ *Thái Đầu Sư*
THÁI THƠ THANH
(1873–1950) 51

❖ *Thượng Đầu Sư*
THƯỢNG SÁNG THANH
(1888–1980) 69

❖ *Nữ Đầu Sư*
LÂM HƯƠNG THANH
(1874–1937) 79

❖ *Nữ Đầu Sư*
NGUYỄN HƯƠNG HIẾU
(1887–1971) 89

❖ *Nữ Đầu Sư Hàm Phong*
HỒ HƯƠNG LỰ
(1878–1972) 103

❒ *Danh Nhân*
HIỆP THIÊN ĐÀI 113

❖ *Đức Hộ Pháp*
PHẠM CÔNG TẮC
(1890–1959) 115

❖ *Đức Thượng Phẩm*
CAO QUỲNH CƯ
(1888–1929) 157
❖ *Đức Thượng Sanh*
CAO HOÀI SANG
(1901–1971) 181
❖ *Bảo Pháp*
NGUYỄN TRUNG HẬU
(1892–1961) 197
❖ *Hiến Pháp*
TRƯƠNG HỮU ĐỨC
(1890–1976) 209
❖ *Khai Pháp*
TRẦN DUY NGHĨA
(1888–1954) 221
❖ *Tiếp Pháp*
TRƯƠNG VĂN TRÀNG
(1893–1965) 235
❖ *Bảo Đạo*
CA MINH CHƯƠNG
(1850–1927) 249
❖ *Hiến Đạo*
PHẠM VĂN TƯƠI
(1897–1976) 263
❖ *Khai Đạo*
PHẠM TẤN ĐÃI
(1901–1976) 273
❖ *Tiếp Đạo*
CAO ĐỨC TRỌNG
(1897–1958) 287
❖ *Bảo Thế*
LÊ THIỆN PHƯỚC
(1895–1975) 295

❖ *Hiến Thế*
NGUYỄN VĂN MẠNH
(1894–1970) 307
❖ *Khai Thế*
THÁI VĂN THÂU
(1899–1981) 313
❖ *Tiếp Thế*
LÊ THẾ VĨNH
(1903–1945) 317

❒ *Danh Nhân*
THẬP NHỊ BẢO QUÂN 321
❖ *Bảo Văn Pháp Quân*
CAO QUỲNH DIÊU
(1884–1958) 323

❒ *Danh Nhân*
CƠ QUAN PHƯỚC THIỆN 339
❖ *Phối Thánh*
PHẠM VĂN MÀNG
(1888–1933) 341
❖ *Phối Thánh*
BÙI ÁI THOẠI
(1909–1946) 351
❖ *Hiền Nhơn*
LÊ VĂN TRUNG
(1902–1976) 359

DANH NHÂN
CỬU TRÙNG ĐÀI

Đức Quyền Giáo Tông
LÊ VĂN TRUNG
(1876 – 1934)

Ngài Lê văn Trung là một trong 12 môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn, đã có đại công khai mở, xây dựng và truyền bá Đạo Cao Đài.

Khi còn ở ngoài đời, Ngài là một nhân vật chánh trị nổi tiếng binh vực quyền lợi của dân chúng, làm đến chức Nghị Viên Hội Đồng Thượng Nghị Viện Đông Dương.

Ngày 11–3–Bính Dần (dl 22–4–1926), Đức Chí Tôn phong Ngài Lê văn Trung vào phẩm Đầu Sư phái Thượng, Thánh danh là Thượng Trung Nhựt.

Ngày 3–10–Canh Ngọ (dl 22–11–1930), Đức Lý Giáo Tông giáng cơ ra Đạo Nghị Định thứ 2, ban quyền Giáo Tông Hữu hình tại thế cho Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, còn quyền Giáo Tông Vô Vi vẫn do Đức Lý Giáo Tông nắm giữ. Kể từ ngày đó, Hội Thánh gọi Ngài là Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung.

Để ghi nhớ công nghiệp lớn lao của Ngài, ngôi trường Trung Học do Hội Thánh lập ra ở gần Cửa số 7 Ngoại Ô được đặt tên là Trường Trung Học Lê văn Trung; và con đường cặp hông Giáo Tông Đường trong Nội Ô Tòa Thánh được Hội Thánh đặt tên là đường Thượng Trung Nhựt.

Sau đây là phần Tiểu Sử chi tiết:

Ngài Lê văn Trung sanh năm Bính Tý (1876) tại làng Phước Lâm tổng Phước Điền Trung (Chợ Lớn).

Thuở Ngài được 3 tuổi thì thân phụ là Ông Lê văn Thanh (1845–1878) đau bịnh từ trần, thân mẫu là Bà Văn thị Xuân (1849– 1912) lúc đó mới 30 tuổi, cư tang thờ chồng, thủ phận ở vậy nuôi con cho đến ngày khôn lớn.

Ngài Lê văn Trung lớn lên có hình dáng đẹp đẽ, cân đối, tánh tình hòa nhã nhưng rất cương quyết, phụng sự mẫu thân rất có hiếu, cư xử tốt đẹp với bà con anh em, và Ngài rất ái mộ Nho học.

Ngài thi vào học tại trường Lycée Chasseloup Laubat Sàigòn, và tốt nghiệp trường nầy vào năm 1894, lúc đó Ngài được 19 tuổi. (Tuổi tây là 18 tuổi).

Cũng trong năm nầy, ngày 14–7–1894, Ngài Lê văn Trung được thâu nhận vào làm Thơ Ký tại Dinh Thống

Đốc Nam Kỳ. Ngài làm việc Thơ Ký cho đến năm 1906, tổng cộng được 12 năm. Sau đó, Ngài xin thôi việc và được chấp thuận ngày 6–3–1906.

Ngài Lê văn Trung ra ứng cử và được dân chúng bầu vào Hội Đồng Quản Hạt Nam Kỳ (Conseil Colonial de Cochinchine), đại diện cho các tỉnh: Sài gòn, Gia Định, Chợ Lớn, Gò Công, Tây Ninh, được liên tiếp 2 khóa, tổng cộng 8 năm. (Hội Đồng Quản Hạt Nam Kỳ có 10 Hội Viên người Pháp và 6 Hội Viên người Việt. Hội Viên người Việt do đại diện các Hương chức Nam Kỳ bầu lên).

Lúc làm Hội Viên Hội Đồng Quản Hạt, mỗi khi nhóm họp nơi Soái Phủ Nam Kỳ, Ngài Lê văn Trung thẳng thắng bàn cãi những sự ích nước lợi dân. Ngài rất lưu tâm đến việc mở mang các trường dạy học và công việc thương mãi. Trong những sự bàn cãi, đôi khi làm trái ý quan trên, nhưng Ngài vẫn cam tâm vì nhiệm vụ đại biểu của dân, chẳng đoái đến phận mình bị trù dập. Cho nên, xa gần, quan dân đều ngợi khen Ngài là người khẳng khái cương trực.

Điển hình là vụ Lục Hạng điền, Chánh phủ Pháp phân 6 hạng ruộng để đánh thuế. Ông Outrey, quyền Thống Đốc Nam Kỳ dự thảo luật thuế về Lục Hạng điền, trình ra cho Hội Đồng Quản Hạt thừa nhận để đem ra áp dụng thi hành.

Ngài Lê văn Trung cùng với Ông Diệp văn Cương, Hội Đồng Quản Hạt Bến Tre đứng ra làm đầu 6 vị Hội Đồng Quản Hạt người Việt, đồng phản kháng dự thảo luật nói trên, nhưng khi biểu quyết, số thăm của Hội Đồng người Việt có 6, còn của người Pháp thì 10, nên bị thua thăm, và như thế thì dự luật được thông qua với đa số 10/6.

Dù thua thăm, nhưng 6 Ông cương quyết chống lại Luật Thuế Lục Hạng điền, nên tất cả 6 Ông Hội Đồng người Việt

đều gởi đơn từ chức để phản đối. Dưới thời Pháp thuộc mà 6 Ông làm được một việc như thế phải kể là một hành động táo bạo và rất can đảm.

Từ chức xong, 6 Ông đều ứng cử trở lại, và 5 Ông được tái đắc cử, chỉ có Ông Hội Đồng Hoài là bị thất cử, do Ông Bùi quang Chiêu theo phe Ông Outrey phá.

Nhờ vụ Lục Hạng điền mà tiếng tăm và uy tín của Ngài Lê văn Trung lên rất cao, khiến cho người Pháp rất chú ý Ngài, chẳng dám xem thường.

Năm 1911, Ngài Lê văn Trung đề xuất một việc làm rất mới mẻ tại Sài gòn, nơi đang chịu sự thống trị nặng nề của Pháp, là việc xây dựng một Nữ Học Đường để giáo dục con gái, thực hiện Nam Nữ bình quyền.

Chánh phủ Pháp ngoài mặt không dám phản đối, nhưng không ủng hộ việc mở mang dân trí nầy. Ngài Lê văn Trung đi vận động với Bà Tổng Đốc Đỗ hữu Phương, và một số trí thức ủng hộ, quyên góp tiền bạc, xây dựng được một ngôi trường Nữ đầu tiên tại Sài gòn, gọi là Collège des Jeunes filles, về sau đặt tên là Trường Nữ Trung Học Gia Long. Hiện nay, trường nầy vẫn còn tấm bia kỷ niệm ghi tên 2 vị sáng lập là Bà Tổng Đốc Đỗ hữu Phương và Ông Hội Đồng Quản Hạt Lê văn Trung.

Ngày 18–5–1912, Ngài Lê văn Trung được Chánh phủ Pháp thưởng cho Bắc Đẩu Bội Tinh Đệ Ngũ Đẳng (Chevalier de la Légion d'Honneur).

Mấy năm đó, Ngài có mở cửa hàng Hạnh Hoa Thôn, giúp đỡ người VN bổn xứ có nề nếp hưởng nhờ bề thạnh lợi, sanh ý ngày càng phấn tấn, dần dần nên cuộc đại thương, không nhượng ngoại quốc.

Ngày 10–12–1914, Ngài Lê văn Trung được Pháp cử lên

làm Nghị viên Hội Đồng Soái Phủ Đông Dương (Conseil du Gouvernement de l'Indochine), thường gọi là Hội Đồng Thượng Nghị Viện Đông Dương.

Nhà cầm quyền Pháp mở hội Thượng Nghị Viện tại Bắc Kỳ, Ngài đi với Nguyên Soái Gourbeil ra bàn việc nước. Quan Thống Soái Bắc Kỳ, Trung Kỳ, với quan Đại Thần An Nam là Ông Hoàng cao Khải, Ông Trương như Cường, đều ngợi khen Ngài là người có khoa ngôn ngữ và rất lễ nghĩa.

Em của Ngài Lê văn Trung là Lê văn Diêu, thuở trước làm Giáo Thọ chữ Pháp, sau được ban chức Huyện Hàm, tánh tình hiếu thuận, nối đường hướng của Ngài, mà gầy dựng được cuộc buôn bán phát đạt.

Chánh thất Phu nhân của Ngài Lê văn Trung là Bà Đãi thị Huệ, cũng người tỉnh Chợ Lớn, hiền đức, trọng nghĩa, siêng năng buôn bán, lại khéo bề nội trợ tề gia, giúp thêm tiếng tốt cho Ngài. (Sau nầy, Bà Đãi thị Huệ nhập môn vào Đạo Cao Đài, được Đức Chí Tôn phong chức Nữ Giáo Sư, thánh danh Đãi Hương Huệ, trong kỳ Phong Thánh Nữ phái Kỳ I ngày 14–1–Đinh Mão, dl 15–2–1927, tại Chùa Gò Kén Tây Ninh).

THI RẰNG:

Ra tài Quản Hạt bấy thu chầy,
Quan chuộng dân yêu hội hiệp vầy.
Lòng dạ thẳng ngay, gương vặc vặc,
Tiếng tăm khen ngợi, tiết hây hây.
Thương trường mở cuộc buồm xuôi gió,
Thượng Viện gặp thời chí lướt mây.
Nhờ đức thung huyên vun quén sẵn,
Lộc Trời ơn nước, phước gồm may.

(Viết theo tài liệu trong quyển "*Điếu Cổ Hạ Kim Thi*

Tập" của Ông Nguyễn Liên Phong soạn, Sài gòn, năm 1915)

Kể từ năm 1920 trở đi, công việc kinh doanh thương mãi của Ngài Lê văn Trung gặp khó khăn, đến cuối năm 1924 thì bế tắc, hoàn toàn bị lỗ lã. Ngài đau buồn, sanh ra hút thuốc phiện và sau đó, thị lực của đôi mắt yếu đi rất nhiều, chỉ thấy mọi vật lờ mờ.

Người bà con với Ngài là Ông Hội Đồng Nguyễn hữu Đắc, tu theo Minh Lý, thường vào hầu đàn Chợ Gạo. Nguyên mấy tháng trước đây, tại nhà Ông Nguyễn bá Vạn ở ngã ba Bà Kế thuộc Chợ Gạo, Chợ Lớn, nay là Bến Phú Lâm, Quận 6 Chợ Lớn, có lập một Đàn thỉnh Tiên rất linh hiển, thường cho thuốc trị bịnh rất hay. Ông Đắc hướng dẫn Ông Trung đến hầu Đàn nầy. Tại đây, Đức Lý Thái Bạch giáng khuyên Ngài Lê văn Trung nên tỉnh giấc mộng trần mà lo việc tu hành. Ngài Lê văn Trung tỉnh ngộ, bắt đầu ăn chay, bỏ hút thuốc phiện, và lần lần đôi mắt của Ngài hết lòa, sáng trở lại.

Sau khi đàn Chợ Gạo độ được Ngài Lê văn Trung rồi thì chư Tiên dạy bế đàn, làm cho nhiều người hầu đàn ngạc nhiên, không rõ cớ chi.

Theo tài liệu của Ban Đạo Sử:

– Ngày 23–11–Ất Sửu (dl 7–1–1926), Đức Cao Đài Thượng Đế dạy quí Ông Cao quỳnh Cư và Phạm công Tắc đem Đại Ngọc cơ đến nhà Ông Lê văn Trung ở Chợ Lớn cho Đức Chí Tôn dạy việc. Quí Ông ngần ngại nhưng không dám cải lịnh. Khi đến nhà Ông Trung, quí Ông trình bày tự sự. Ông Trung vui vẻ chấp thuận và cùng nhau thiết lập đàn cơ. Trong lúc chuẩn bị cầu cơ, nhiều phép lạ hiện ra. Trong đàn cơ nầy, Đức Thượng Đế dạy Ông Trung phải hiệp với 2 Ông Cư, Tắc lo việc mở Đạo.

Đức Chí Tôn Thượng Đế dạy:

"Trung! Nhứt tâm nghe con. Sống cũng nơi Thầy, thành cũng nơi Thầy mà đọa cũng nơi Thầy. Con lấy sự sáng của con mà suy lấy.

Một Trời một Đất một nhà riêng,
Dạy dỗ nhơn sanh đặng dạ hiền.
Cầm mối Thiên Thơ lo cứu chúng,
Đạo người vẹn vẻ mới thành Tiên."

Từ đây, Ông Lê văn Trung được Đức Chí Tôn thâu nhận làm môn đệ. Ông Trung ngửa vâng Thánh ý, thu xếp việc nhà, một dạ xả thân hành đạo.

– Ngày 27–11–Ất Sửu (dl 11–1–1926), Ông Lê văn Trung đến viếng xã giao 3 Ông: Cư, Tắc, Sang. Bốn Ông hiệp lại cầu cơ. Đức Chí Tôn giáng dạy Ông Trung nhiều việc.

– Ngày 14–12–Ất Sửu (dl 27–1–1926), quí Ông bạch hỏi Đức Thượng Đế về cách thờ phượng. Đức Thượng Đế dạy các Ông đến gặp Ông Đốc Phủ Ngô văn Chiêu để xem cách thức, vì Ông Chiêu đã được Đức Thượng Đế dạy đạo từ lâu, và bảo xem Ông Chiêu là Anh Cả.

– Ngày 15–12–Ất Sửu (dl 28–1–1926), cuộc họp mặt và dự tiệc do Ông Lê văn Trung tổ chức gồm 12 vị môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn và 14 vị khác đã có hầu đàn cơ nhiều lần nhưng chưa được chính thức thâu nhận làm môn đệ.

– Ngày 17–12–Ất Sửu (dl 30–1–1926), Ông Lê văn Trung thượng tượng thờ Thầy trọng thể hơn các vị khác. Đức Thượng Đế giáng cơ dạy và chỉ cách đặt vị trí thờ Đức Quan Thánh, Đức Quan Âm Bồ Tát và Đức Lý Thái Bạch.

– Ngày 11–3–Bính Dần (dl 22–4–1926), đàn cơ tại Chùa Vĩnh Nguyên Tự (Cần Giuộc), Đức Chí Tôn ân phong cho Ông Lê văn Trung làm Thượng Đầu Sư, Thánh danh Thượng Trung Nhựt, cùng một lượt với Ngài Ngọc Đầu Sư

Ngọc Lịch Nguyệt.

– Ngày 23–8–Bính Dần (dl 29–9–1926), Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, vâng theo Thánh ý của Đức Chí Tôn, hiệp cùng chư Chức sắc Thiên phong và chư Đạo hữu, tổng cộng 247 người, tại nhà Ông Nguyễn văn Tường ở đường Galiéni, nay là đường Trần Hưng Đạo, quận 1 Sài gòn, để thảo ra TỜ KHAI ĐẠO, gởi lên Chánh phủ Pháp. Tờ Khai Đạo nầy được dâng lên Đức Chí Tôn xem xét trước.

– Ngày 1–9–Bính Dần (dl 7–10–1926), Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt đích thân đem Tờ Khai Đạo nầy đến gởi cho quan Thống Đốc Nam Kỳ Le Foll, được Ông vui vẻ tiếp nhận.

– Ngày 15–10–Bính Dần (dl 19–11–1926), ngày Rằm Hạ nguơn năm Bính Dần, Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt hiệp cùng Đức Hộ Pháp và chư Chức sắc Đại Thiên phong, vâng lịnh Đức Chí Tôn mượn chùa Từ Lâm Tự ở Gò Kén Tây Ninh làm Thánh Thất tạm để tổ chức Đại lễ Khai Đạo Cao Đài, có đủ các quan chức các cấp của Chánh quyền Pháp thời đó và đại diện các tôn giáo khác đến dự.

– Ngày 3–10–Canh Ngọ (dl 22–11–1930), Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt được Đức Lý Giáo Tông giáng cơ ban cho quyền Giáo Tông Hữu hình, theo Đạo Nghị Định thứ nhì.

Xin chép ra sau đây nguyên văn Đạo Nghị Định nầy:

Đạo Nghị Định thứ 2

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ ngũ niên)

Chiếu theo Pháp Chánh Truyền ban quyền hành cho Giáo Tông và Hộ Pháp,

Nghĩ vì chư Chức sắc Thiên phong có quyền đặc biệt ngoài luật đã định, còn quyền hành Hội Thánh nữa,

Nghĩ vì thiếu luật Hội Thánh nên quyền hành chánh chẳng đặng vẹn toàn,

NGHỊ ĐỊNH

❖ ĐIỀU THỨ NHỨT: Ban quyền hành cho Thượng Đầu Sư thay mặt cho Lão mà thi hành các phận sự Giáo Tông về phần xác, còn phần thiêng liêng có Lão.

❖ ĐIỀU THỨ NHÌ: Chức sắc CTĐ, duy bậc Chánh Phối Sư phải tùng quyền mà hành chánh về phần Chánh trị của Đạo, song đặng thế mặt cho Đầu Sư, đương buổi người cầm quyền Giáo Tông của Lão.

❖ ĐIỀU THỨ BA: Mọi việc chi thuộc về quyền Chánh trị đều giao cho Chánh Phối Sư.

❖ ĐIỀU THỨ TƯ: Chánh Phối Sư đặng trọn quyền thông công cùng Chánh phủ và nhơn sanh, nhưng buộc phải có Hội viên Nhơn sanh và Hội Thánh chăm nom cơ hành động.

❖ ĐIỀU THỨ NĂM: Nghị Định nầy sẽ ban hành vào ngày 15–10–Canh Ngọ.

Làm tại TTTN ngày mùng 3 tháng 10 năm Canh Ngọ.

Ký tên:

Giáo Tông Lý Thái Bạch
Hộ Pháp Phạm công Tắc

Một số ít Chức sắc Thiên phong sanh lòng đố kỵ Đức

Quyền Giáo Tông, nên họ tìm đủ cách để công kích và buộc tội Ngài. Họ thiết lập Hội Vạn Linh để buộc tội Ngài, và viết Tờ Châu Tri để mạ lỵ, xúi giục tín đồ đem nhiều việc phi lý kiện Ngài nơi Tòa Án tỉnh Tây Ninh, đồng thời vu cáo Ngài làm cách mạng chống Chánh quyền Pháp.

Không ngày nào mà Đức Quyền Giáo Tông không bị các viên Thẩm phán Tòa Án đòi ra hỏi cung.

Đang lúc bị khủng bố nguy nan như thế, Đức Ngài vẫn điềm tỉnh đối phó, một mặt hiệp với Bà Nữ Chánh Phối Sư Lâm Hương Thanh sắp đặt Nữ phái trong Đạo.

Đức Ngài nói: "*Lúc trước tôi đã giúp Bà Cụ Tổng đốc Đỗ hữu Phương lập trường Nữ học, bây giờ tôi hiệp với Bà Nữ Chánh Phối Sư tổ chức các Nữ Viện, cũng đồng một nghĩa. Tôi chỉ ao ước cho Nam Nữ bất bình đẳng ở ngoài Đời chẳng còn trong Đạo nữa.*"

Kết cuộc các vụ thưa kiện Đức Ngài ở Tòa Án tỉnh Tây Ninh, họ kết tội Ngài: Đã cho công quả đánh xe bò ban đêm không thắp đèn hiệu, bò thiếu dây buộc ách, 34 người Đạo công quả thiếu thuế, và họ phạt Ngài 2 ngày tù.

Thật là khôi hài đối với một vị Cựu Thượng Nghị viên thưởng thọ Bắc Đẩu Bội Tinh của Chánh phủ Pháp. Họ biết Ngài vô tội, nhưng cũng cố buộc tội để làm nhục Ngài.

Bọn lính sen đầm đem 2 án tòa vào Giáo Tông Đường đặng bắt Ngài ra ngồi tù ở Khám đường Tây Ninh, Ngài chậm rãi khăn áo chỉnh tề, mang Bắc Đẩu Bội Tinh vào, rồi đi theo sai nha. Đó là buổi sáng ngày mùng 7–Giêng-Giáp Tuất (dl 20–2–1934), trước lễ Vía Đức Chí Tôn 2 ngày. Đức Ngài ngồi tù tại Khám đường Tây Ninh 2 ngày rưỡi mới được thả về.

Sau khi cúng vía Đức Chí Tôn và lễ Rằm Thượng Nguơn

xong, Đức Ngài liền viết một văn thư đề ngày 4–3–1934 (âl 19–1–Giáp Tuất), gởi cho Chánh phủ Pháp giao trả Bắc Đẩu Bội Tinh, vì nó không còn ý nghĩa gì nữa.

Bức văn thư nầy viết bằng Pháp ngữ, trong đó có nhiều chi tiết lịch sử quan trọng, xin chép nguyên văn ra đây và có bài dịch ra Việt băn.

Tây Ninh, le 4 Mars 1934.

A Monsieur le Président de la République Francaise.

P A R I S.

Monsieur le Président de la République,

J'ai l'honneur de venir très respectueusement remettre entre vos mains la Décoration de Chevalier de l'ordre national de la Légion d'Honneur que ma conférée la République Francaise par Décret du 18 Mai 1912.

Fonctionnaire apprécié et estimé pendant douze ans, Conseiller Colonial ensuite pendant huit ans, enfin Membre du Conseil du Gouvernement de l'Indochine pendant douze ans, telles sont les trente-deux années de vie mises loyale-ment au service de la France, qui m'ont valu cette haute récompense de la République.

Après ma vie publique, je m'apprêtais à finir mes vieux jours dans un coin oublié de terre en Cochinchine, quand soudain (1926) je fus appelé par L'Invisible à repren-dre ma tâche pour l'unification de toutes les religions existantes, pour "*semer parmi les peuples l'Amour du Bien et des créatures de Dieu, la pratique de la Vertu, apprendre à aimer la Justice et la résignation: Relever aux humains les conséquences posthumes de leurs actes, tout en assainissant leur âme.*"

Depuis huit ans, je me consacre entièrement à cette oeuvre de fraternisation des races, convaincu que la Nouvelle

religion constitue un des puissants facteurs indispensables à la réalisation d'un collaboration loyale et sincère de tous les peuples, d'une paix mondiale durable.

Le Caodaisme comprend aujourd'hui plus d'un million de fidèles composé d'Annamites en très grande partie, et de Francais, Cambodgiens, Laotiens, Mois et Chinois.

Nous ne sommes pas compris peut-être par le Gouvernement colonial?

Toujours est-il que le Caodaisme est sans cesse injuste -ment frappé?

À nos doléances et à nos réclamations, on répond par des actes arbitraires et des persécutions religieuses.

À l'heure qu'il est en fait tout pour atteindre le promoteur de cette nouvelle église dans son honneur.

Dans de nombreux documents, je me permets d'extraire les passages édifiants ci-après d'une lettre que j'ai écrite récemment à Monsieur l'Administrateur Vilmomt, Chef de la province de TâyNinh, Cochinchine.

"En ce qui concerne vos récentes instructions, je vous serais très oublié de bien vouloir me faire connaitre jusqu'à quand est applicable cette nouvelle règlementation des cultes.

Quant aux évènements dont vous avez fait allusion dans votre lettre, je me permets de vous faire remarquer que si vous aviez bien voulu tenir compte de mes requêtes et de mes droits, sinon de Chef du Sacerdoce Caodaisme, du moins de Chef du Temple de LongThành (TâyNinh) ces "*désordres*" n'auraient jamais au lieu. Mieux que tout autre vous saviez que les désordres que vous signalez aujourd'hui ne venaient pas de nous.

La réunion du 24 Novembre dernier, autorisée par vous

à se tenir dans mon Temple, à des personnes tout à fait étrangères à la religion et malgré ma lettre No 394 du 22 Novembre 1933, est un véritable défi, sinon une insulte, jeté sans motif à la face qu'un vieux et loyal serviteur de la France doublé d'un décoré de la Légion d'Honneur."

Il m'est vraiment pénible de constater ces choses à l'heure où tous mes efforts et tout mon dévouement sont mis sincèrement au service de la cause commune des deux peuples. c'est-à-dire à l'entente cordiale et sincère les deux races appelées par la volonté du tout puissant à vivre en communauté de vie et l'intérêts.

Naturellement ces doléances sont restées sans réponse, par contre les persécutions se sont de plus belle.

La dernière en date fut mon emprisonnement, le 22 Février dernier, pour dette due au fisc par trente-quatre de mes coreligionnaires, prétexte tout à fait fallacieux.

Le Chevalier de Légion d'Honneur, à l'aurore de sa soixantième d'année, fut jeté en prison sans qu'aucune formalité prescrite par la loi ne fut observée.

J'ai séjourné deux jours et demi dans une cellule de la prison de Tây Ninh avec mon ruban arboré et la carte de Chevalier sur moi.

Ainsi, aux yeux du Gouvernement colonial, la Légion d'Honneur ne signifie rien, l'infâmie peut atteindre.

Tout le tort revient-il à la République qui ne devait pas conférer cet insigne honneur à un pauvre indigène?

J'accomplis mon geste avec d'amers regrets, mais je préfère ne plus porter une très haute distinction à laquelle le Gouvernement colonial n'a aucun égard et qui ne peut même plus devenir un éclatant témoignage de mon attachement à

la France.

Cependant, confiant en la justice de cette France douce et généreuse que j'ai toujours aimée, je poursuivrai jusqu'au bout ma tâche sans passion et sans haine, espérant qu'on voudra bien un jour se rendre compte des erreurs commises et rendre justice à une religion qui n'a d'autre prétention que celle d'apporter au monde la paix et la concorde.

Veuillez agréer, Monsieur le Président de la Républi-que, l'expression de mon plus profond respect.

LÊ VĂN TRUNG

Lê văn Trung, Pape Intérimaire

Du Bouddhisme Renové ou Caodaisme,

Ancien Conseiller Colonial de Cochinchine,

Ancien Membre du Conseil du Gouvernement de l'Indochine.

Long Thành, Tây Ninh, Cochinchine

. *Pièce jointe:* Un Certificat de Monsieur le Grand Chancelier de l'ordre national de la Légion d'Honneur.

Bài dịch ra Việt văn

Tây Ninh, ngày 4 tháng 3 năm 1934.

Kính gởi Tổng Thống nước Cộng Hòa Pháp,

Thủ đô Ba-lê.

Thưa Tổng Thống,

Tôi hân hạnh hoàn trả vào đôi tay của Ngài với lòng tôn kính, cái huy chương Bắc Đẩu Bội Tinh mà nước Pháp đã ban cho tôi do Sắc lịnh ngày 18–5–1912.

Là một công chức được yêu mến và khen ngợi trong 12 năm, tiếp theo là làm Hội viên Hội Đồng Quản Hạt trong

8 năm, cuối cùng làm Nghị viên Hội Đồng Soái Phủ Đông Dương trong 12 năm, cả thảy là 32 năm làm việc trung thành với nước Pháp, nên nước Pháp mới ban cho tôi phần thưởng cao quí như thế.

Sau đời sống công chức của tôi, tôi chuẩn bị sống hết tuổi già trong một nơi vắng vẻ nào đó của đất Nam Kỳ. Khi bỗng năm 1926, tôi được Đấng Vô hình gọi đến giao cho phận sự qui nhứt tất cả các nền tôn giáo hiện hữu, để gieo rắc giữa các dân tộc, lòng thương yêu điều thiện và thương yêu chúng sanh, sự thực hành đức hạnh, học tập thương yêu công lý và sự an phận: tiết lộ cho nhơn loại biết về Quả báo, tất cả để thanh khiết hóa linh hồn.

Từ 8 năm nay, tôi hoàn toàn chú tâm vào công cuộc kết tình huynh đệ của các chủng tộc loài người, tin chắc rằng nền Tân tôn giáo thiết lập được một trong những yếu tố mạnh mẽ và cần thiết để thực hiện một sự hợp tác chân thành của tất cả các dân tộc, của một nền hoà bình thế giới lâu dài.

Đạo Cao Đài hôm nay có hơn một triệu tín đồ, gồm phần lớn là người Việt Nam, kế đó là người Pháp, người Miên, người thiểu số, và Hoa kiều.

Có lẽ Chánh quyền thuộc địa không hiểu chúng tôi chăng?

Phải chăng Đạo Cao Đài luôn luôn bị áp bức một cách bất công?

Với những kêu ca và thỉnh nguyện của chúng tôi, họ trả lời bằng những hành động chuyên chế và sự ngược đãi tôn giáo.

Ngay thời buổi nầy, họ đang làm đủ cách để hãm hại người đứng đầu của Tân Giáo hội trong danh vọng của họ.

Trong nhiều tài liệu, tôi xin trích ra đây những đoạn

điển hình trong một cái thơ mà tôi đã viết mới đây gởi cho Ông Vilmont, Tỉnh trưởng tỉnh Tây Ninh, Nam Kỳ.

"Thuộc về những chỉ thị mới đây của Ngài, tôi rất muốn biết đến bao giờ các qui tắc mới về sự thờ cúng mới được áp dụng.

Về phần những sự việc mà Ngài đã ám chỉ trong văn thư của Ngài, tôi mạn phép xin Ngài chú ý rằng, nếu Ngài xét đến những thỉnh nguyện và quyền lợi của tôi, nếu không là Chủ của Hội Thánh Đạo Cao Đài, ít ra cũng là chủ của Thánh Thất Long Thành (Tây Ninh) thì những vụ lộn xộn nầy không bao giờ xảy ra.

Hơn nữa, Ngài biết rằng những vụ lộn xộn mà Ngài đã báo hiệu, nó không xuất phát từ chúng tôi.

Cuộc họp ngày 24 tháng 11 năm ngoái, được Ngài cho phép, tại Thánh Thất của chúng tôi, với những người xa lạ đối với tôn giáo chúng tôi, và mặc dầu văn thư của tôi số 394 ngày 22–11–1933 là một thách đố thật sự, nếu không, một điều sỉ nhục ném vào, một cách vô cớ, mặt của một công bộc già nua và trung thành của nước Pháp đã được đeo huy chương Bắc Đẩu Bội Tinh."

Thật là khó khăn mới nhận định được những sự việc lúc đó, mà tất cả những cố gắng và nhiệt tâm của tôi, quả thật đã phụng sự cho lợi ích chung của 2 dân tộc, nghĩa là với sự hòa hợp tốt đẹp và thành thật, 2 sắc dân được kêu gọi bởi ý chí mạnh mẽ muốn sống trong cộng đồng đời sống và quyền lợi.

Đương nhiên, những thỉnh nguyện ấy bị xếp lại, không trả lời, trái lại, những sự ngược đãi lại càng thêm nữa.

Mới đây, ngày 22 tháng 2 vừa qua, bởi 34 người đồng đạo của tôi thiếu thuế nhà nước, mà tôi bị bắt bỏ tù, cái lý

do hoàn toàn giả dối.

Cái Bắc Đẩu Bội Tinh của tôi, ở vào năm bình minh của tuổi 60, đã bị ném vào tù, tuyệt đối không có một hình thức nào được qui định bởi pháp luật, được tuân thủ.

Tôi bị giam 2 ngày rưỡi trong một phòng giam nhỏ tại Khám đường Tây Ninh với cái huy chương đeo trên mình và cái thẻ Bắc Đẩu Bội Tinh.

Như thế, dưới con mắt nhà cầm quyền thuộc địa, cái Bắc Đẩu Bội Tinh chẳng có nghĩa lý gì cả, một sự ô nhục có thể đạt tới.

Tất cả lầm lỗi đó, phải chăng do nước Pháp không nên trao cái dấu hiệu danh dự ấy cho một người bổn xứ khốn khổ?

Tôi thực hiện cái cử chỉ ấy với sự luyến tiếc cay đắng, nhưng tôi không thích mang cái huy chương ấy nữa, vì nó bị nhà cầm quyền thuộc địa không một chút tôn trọng, và nó cũng không trở thành một bằng chứng rõ ràng của lòng ái mộ của tôi đối với nước Pháp.

Tuy nhiên, tin tưởng vào công lý của nước Pháp hiền hòa và độ lượng mà tôi hằng yêu mến, tôi sẽ theo đuổi đến cùng phận sự của tôi, không hờn giận, không hận thù, hy vọng một ngày nào đó, họ sẽ biết rõ những lầm lỗi đã vấp phạm và trả lại công lý cho một tôn giáo mà nó không có ý muốn nào khác hơn là đem lại cho thế giới một nền hòa bình và hòa hợp.

Kính xin Tổng Thống nhận nơi đây lòng tôn kính sâu xa của tôi.

LÊ VĂN TRUNG

Lê văn Trung, Quyền Giáo Tông,

Của Phật giáo Canh tân, hay Đạo Cao Đài.

Cựu Nghị viên Hội Đồng Quản Hạt Nam Kỳ,

Cựu Nghị viên Thượng Nghị Viện Đông Dương.

Long Thành, Tây Ninh, Nam Kỳ.

Giấy đính kèm:

Một Chứng thư của Cục Trưởng Cục Bắc Đẩu Bội Tinh.

Ngày 13–10–Giáp Tuất (dl 19–11–1934), Đức Quyền Giáo Tông lâm bịnh và nhẹ nhàng thoát xác qui Thiên tại Giáo Tông Đường, lúc 3 giờ chiều, hưởng thọ 59 tuổi.

Hội Thánh thông báo cho toàn Đạo để tang: Chức sắc CTĐ và HTĐ từ phẩm Giáo Hữu hay tương đương đổ lên, để tang 1 năm, còn Lễ Sanh và tín đồ thì tùy ý.

Thi hài của Đức Quyền Giáo Tông được liệm vào Liên đài, mỗi khi di chuyển thì đặt lên lưng Long Mã, gọi là Liên đài kỵ Long Mã.

Tang lễ được cử hành rất long trọng với chương trình tổng quát là:

- Ngày 15–10–Giáp Tuất : Lễ Thành phục.
- Ngày 15 đến 24–10–Giáp Tuất : Liên đài quàn tại Giáo Tông đường.
- Ngày 24–10 Giáp Tuất : Di Liên đài đến Tòa Thánh.
- Ngày 25–10–Giáp Tuất : Di Liên đài ra Cửu Trùng Thiên tại Đại Đồng Xã trước Tòa Thánh.
- Ngày 26–10–Giáp Tuất : Liên đài nhập Bửu tháp.

Bửu tháp của Đức Ngài được xây ngay phía sau BQĐ của Tòa Thánh.

Mượn lời của ký giả Diệp văn Kỳ nhận xét về cái chết của Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung, được đăng lên báo lúc bấy giờ, để làm phần kết:

"Chúng tôi chỉ biết rằng, từ hôm Ông chết đến nay, ở

Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh, số người mỗi ngày đến chịu tang, lấy muôn mà kể. Già trẻ, bé lớn, đàn ông đàn bà ở Lục tỉnh, ở Nam Vang, ở Lào, thảy đều thương tiếc khóc than, chẳng khác nào như con mất cha mẹ.

Nếu có thể lấy những "*Chuôn*" vải trắng bịt trên đầu để làm thước đặng đo sự nghiệp, công đức của người quá vãng, thì ta có thể nói rằng: sự nghiệp, công đức của Ông Lê văn Trung là lớn nhất ở Nam Kỳ nầy vậy."

Nếu kể từ ngày Khai Đạo tại Thánh Thất Từ Lâm Tự Gò Kén 15–10–Bính Dần (dl 19–11–1926) cho đến ngày Đức Quyền Giáo Tông qui Thiên 13–10–Giáp Tuất (dl 19–11–1934) thì đúng 8 năm tròn.

Nếu tính từ ngày Đức Chí Tôn thâu nhận Ngài làm môn đệ 23–11–Ất Sửu (dl 7–1–1926), thì Đức Ngài hành đạo được 9 năm.

Đức Phạm Hộ Pháp lấy bài thi sau đây của Đức Quyền Giáo Tông làm bài thài hiến lễ Đức Ngài:

Càn khôn quen thú phước Linh Tiêu,
Thấy khổ trần gian nghịch Thánh Điều.
Mượn xác phàm riêu cây Phất Chủ,
Nương cơ tạo xủ phướn Tiêu Diêu.
Bầu linh khổ hải đưa thiêu cạn,
Gậy sắt nhơn sanh chống dắt dìu.
Muôn dặm cửa Tiên chờ bước tục,
Cõi lau trở gót ruột trăm chiều.

Nguyên căn của Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung là Đại Tiên Lý Thiết Quả, tức là Lý Ngưng Dương, đứng đầu Bát Tiên.

Trong con đường TLHS, Đức Phạm Hộ Pháp có mô tả trận đánh giữa Đức Quyền Giáo Tông trong pháp thân

Lý Thiết Quả với Kim Quan Sứ để mở đường đi từ Ngọc Hư Cung đến Cực Lạc Thế Giới:

"Buổi ấy, Bần đạo đi với cái pháp bửu bằng vân xa, đi ngang qua từ Ngọc Hư Cung đến CLTG. Khi vân xa đi qua đó, bị Kim Quan Sứ đón đường không cho đi. Bần đạo đương bối rối không biết tính làm sao, liền khi ấy ngó thấy Đức Lý Ngưng Dương trong pháp thân của Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt, cầm cây gậy cà thọt nhảy ra chiến đấu với Kim Quan Sứ. Bần đạo ngó thấy cà ạch cà đuội, chơn cụt chơn dài, nhảy cà quơ cà quơ.

Bần đạo ngồi trên vân xa suy nghĩ, Đức Lý Ngưng Dương có một mình làm sao đánh lại người ta, thấy ban đầu có một mình Đức Quyền Giáo Tông, bên kia Kim Quan Sứ, 2 đàng đánh nhau không phân thắng bại, bửu bối không biết bao nhiêu mà bất phân thắng bại. Hồi lâu ngó thấy Đức Lý Ngưng Dương đập Kim Quan Sứ một gậy, đập văng hào quang ra như lọ nồi, như đập vào bình mực văng túa xua ra vậy. Đập thấy biến ra người thứ nhì nữa. Đàng nầy cả trong Thánh Thể của Đức Chí Tôn có một vị Chức sắc Thiên phong mà Bần đạo không nói tên ra, cản đánh người thứ nhì đó. Kim Quan Sứ biến ra bao nhiêu thì bên nầy cũng hiện ra bấy nhiêu. Một trận đại chiến náo nhiệt. Bần đạo ngồi trên vân xa cũng như người ta ngồi trên máy bay mà khán trận vậy.

Dòm riết mỏi mòn buồn ngủ, ngủ đã rồi thức dậy thấy cũng còn đánh, ngồi lâu lắm gục xuống ngủ nữa, làm 3 lần như vậy, tới chừng lần thứ 3 tỉnh lại thấy mặt trận đầy CKVT, lớn quá, bên mình không biết làm thế nào chiến đấu cho lại, không lẽ ngồi trên vân xa nầy hoài, phải có phương pháp gì giúp tay mới đặng... ...

Đến chừng bay giữa không trung, thấy minh mông

không biết làm sao gom lại được, để vậy khó đánh lắm, ai ngờ Bần đạo cầm cây Kim tiên, định vẽ vòng gom lại, thì chẳng khác nào vãi cái chài vậy. Bần đạo cầm cây Kim tiên định gom lại, vừa gom thì nó thúc nhặt mặt trận ấy lại nhỏ lần lần, thấy đàng ta đã thắng Kim Quan Sứ.

Bên đạo của ta là Đức Lý Ngưng Dương đã diệt được bên Kim Quan Sứ, tới chừng rốt cuộc chỉ còn Đức Lý Ngưng Dương đánh với Kim Quan Sứ mà thôi. Đánh nhau một hồi, Đức Lý Ngưng Dương đập Kim Quan Sứ một gậy thì Kim Quan Sứ hóa hào quang đằng vân bay mất."

▪ *(Trích Con đường TLHS trang 145–146).*

Những mẫu chuyện liên quan đến Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung:

◆ Thuở sơ khai nền Đạo, Đức Chí Tôn giáng cơ cho Đức Quyền Giáo Tông các bài thi:

Già trí đừng lo trí chẳng già,
Lương tâm mình biết, hỏi chi xa.
Thềm đầu Trời ngó lòng nhơn đạo,
Hư thiệt rồi đây cũng biết mà.

(11–1–1926)

Đã thấy ven mây lố mặt dương,
Cùng nhau xúm xít dẫn lên đường.
Đạo Cao phó có tay cao độ,
Gần gũi sau ra vạn dặm trường.

(12–2–1926)

Đức Lý Thái Bạch giáng cơ cho Đức Quyền Giáo Tông 4 câu thi:

Có công phải biết gắng nên công,
Tu tánh đã xong tới luyện lòng.
Kinh sách đầy đầu chưa thoát tục,

Đơn tâm khó định lấy chi mong.

(27–1–1926)

• Cũng trong ngày nầy (27–1–1926), có Thất Nương DTC giáng cơ. Đức Quyền Giáo Tông hỏi:

– Có duyên luyện đạo cùng chăng? Xin Em mách giùm.

– Đã gặp Đạo ắt có duyên phần. Ráng tu luyện, siêng thì thành, biếng thì đọa, liệu lấy mà răn mình. Phải sớm tính, một ngày qua là một ngày chết. Đừng dụ dự. Em xin kiếu.

• Trong một đàn cơ khác, nhân có Bát Nương DTC giáng đàn, Đức Quyền Giáo Tông hỏi thăm Bát Nương về Linh hồn của thân phụ và thân mẫu của Ngài có được siêu thăng cùng chăng.

Đức Ngài hỏi Bát Nương

– Thân phụ và thân mẫu của Qua có được siêu thăng không? Giờ đây đang ở đâu?

Bát Nương giáng cơ đáp:

– Em chỉ nói bằng thơ, nếu Anh giảng trúng thì nói nữa, trật thì lui.

Đức Quyền Giáo Tông năn nỉ:

– Nếu Qua nói trật thì nhờ Em thương tình mà chỉ dẫn để cho Qua học thêm với.

– Bạch Y Quan nay sanh Cực Lạc.
Bá phụ cùng Bá mẫu đặng an.

– Như vậy là thân phụ và thân mẫu của Qua trước ở cõi Bạch Y Quan, nay đã sang ở nơi cõi Cực Lạc?

– Đúng đó, ấy là nhờ công tu luyện của Anh nên Bá phụ và Bá mẫu được siêu thăng nơi Cực Lạc.

• Trong một đàn cơ khác tại Giáo Tông Đường ngày 25– 2–1934 (âl 12–1–Giáp Tuất), Đức Phạm Hộ Pháp và Ngài

Tiếp Thế Lê thế Vĩnh phò loan, có Chơn Linh Lénine giáng cơ nói chuyện với Đức Quyền Giáo Tông.

Bài giáng cơ viết bằng Pháp văn, xin chép ra sau đây:

- MÉDIUMS: Hộ Pháp – Tiếp Thế.

Présents à la séance: Le Pape intérimaire, Tiếp Đạo Cao đức Trọng, et quelques Grands Dignitaires.

Saint-Siège de TâyNinh, le 25 Février 1934.

LÉNINE

Le Pape intérimaire pose cette question:

– Est-ce bien le Grand Chef de la Russie?

Réponse:

– Oui. Bonjour mes chers Vénérables. La voie est donc tracée. Il s'agit unir les forces disparates. Des grands Esprits sont venus à votre aide. J'ai pu préparer en Europe une grande communauté humaine que l'on nomme "COMMU-NISME", mais l'essence est d'origine bouddhique dont vous trouverez plus tard tous les éléments nécessaires pour votre action salvatrice universelle.

Oh! Il reste encore des forces opposantes, mais cette dernière (action salvatrice) ne pourra barrer le grand flot spirituel qui l'emporte.

Tiếp Đạo demande:

– S'il s'agit de la Nouvelle Foi?

Réponse:

– Oui. Elle sera divinement accueillie. Je dépose les hommages de ma patrie à vos pieds. Le Pape intérimaire demande:

– La France s'unira-t-elle à nous?

Réponse:

– Elle se soumettra devant une puissance irrésistible.

Au revoir.

Bài dịch ra Việt văn

- PHÒ LOAN: Hộ Pháp – Tiếp Thế.
- HIỆN DIỆN NƠI ĐÀN CƠ: Quyền Giáo Tông, Tiếp Đạo Cao đức Trọng, Vài Chức sắc lớn.

Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 25–2–1934.

LÉNINE

Đức Quyền Giáo Tông đặt câu hỏi nầy:

– Có phải đúng là vị Đại Lãnh tụ của nước Nga không?

Trả lời:

– Phải. Kính chào quí vị đáng tôn kính thân mến. Con đường được vạch sẵn như vậy. Nó quan hệ đến sự hợp nhứt các lực lượng rời rạc. Các Đấng thiêng liêng cao trọng đã đến giúp đỡ quí Ngài. Tôi đã tạo nên ở Âu Châu một đại công đồng nhơn loại mà người ta đặt tên là "*Chủ nghĩa Cộng Sản*", nhưng bản chất có nguồn gốc Phật giáo, mà quí Ngài sẽ tìm thấy sau nầy tất cả những yếu tố cần thiết cho hoạt động cứu tế toàn cầu của quí Ngài.

Ô! Còn nhiều lực lượng chống đối, nhưng hoạt động cứu tế ấy sẽ không thể ngăn chận làn sóng tâm linh vĩ đại lôi cuốn nó đi.

Tiếp Đạo hỏi:

– Nó quan hệ đến Đức Tin mới như thế nào? (Đức Tin mới tức là Tân tôn giáo Cao Đài). Trả lời:

– Vâng. Nó (Đạo Cao Đài) sẽ được tiếp đón một cách vô cùng tuyệt diệu. Tôi đặt lòng tôn kính của tổ quốc tôi

nơi chân của quí Ngài.

Quyền Giáo Tông hỏi:

– Nước Pháp sẽ liên kết với chúng tôi chăng?

Trả lời:

– Nó (nước Pháp) sẽ qui phục trước một quyền năng vô địch.

Giã từ.

- **GHI CHÚ:**

LÉNINE (1870–1924): Người lãnh đạo thế giới Cộng Sản, phát triển chủ nghĩa Marx, sáng lập đảng Cộng Sản Liên Xô và Chánh quyền Xô Viết. Ông đưa ra chủ nghĩa Duy vật và chủ nghĩa Kinh nghiệm, lập đảng Bon-sê-vich (Bolshevik), lãnh đạo cuộc cách mạng vô sản, lật đổ chế độ Nga Hoàng thành công hoàn toàn vào năm 1917 để lập nên chế độ Cộng sản.

THI VĂN CỦA ĐỨC QUYỀN GIÁO TÔNG

Đức Phạm Hộ Pháp xướng bài thi:

NHẮN BẠN QUYỀN GIÁO TÔNG

Hồ lô ai để ở nơi đâu?
Ái quốc Việt Nam nhét bể bầu.
Cứu thế hồng ân chưa rải khắp,
Nâng thuyền lòng nước vốn còn sâu.
Nhơn tài nẩy nở tuy trăm bụng,
Dân trí biến sanh bởi một đầu.
Ví nhướng mắt Tiên xem rõ trận,
Cuộc cờ thắng bại tận phao câu.

(11–9–Bính Tuất 1946)

1. Đức Quyền Giáo Tông giáng cơ họa vận, ngày 19–9–

Bính Tuất (1946):

Tách trần tính lại đã là đâu,
Thế giới vân du chỉn một bầu.
Nguồn đạo bấy chừ bao sức lớn,
Tinh thần từ trước đã gần sâu.
Nhơn tâm gầy khối đều nên mặt,
Tình thế trau nên kiểu vở đầu.
Lừa lọc nên hư do phép Tạo,
Hưng suy chỉ định bởi đôi câu.

2. Đức Quyền Giáo Tông giáng cơ họa tiếp, ngày 28–4–Mậu Tý (1948):

Đường trần hạnh phúc đã là đâu?
Chi bằng Càn khôn quảy một bầu.
Đủ hiểu tâm phàm lòng lạt lẽo,
Dư xem bước tục chí cao sâu.
Thiên Quân ví chẳng ra tiền đạo,
Tướng soái khó toan chiếm địa đầu.
Vạn pháp đem khoe tài Hộ Pháp,
Cũng như đực rựa sánh kim câu.

3. Đêm mùng 10 tháng 10 Canh Dần (dl 19–11–1950).

QUYỀN GIÁO TÔNG

Mừng các em,

Mỗi năm đến kỳ Lễ Hạ Nguơn, kỷ niệm Khai Đạo, thì các em không quên ngày Thánh đán của anh, và mỗi em đều để tâm lo lắng, nhứt là Hộ Pháp cư xử trọn nghĩa đệ huynh, đến như thi hài của anh đối về phần Đạo thì cũng chẳng trọng hệ chi, nhưng đó là một phần trong Thánh Thể của Chí Tôn, các em lo cho anh được châu toàn, anh có lời cảm ơn trước là Hộ Pháp, sau là tất cả các em.

Một điều anh ước mong sao hành trình của mỗi em làm thế nào cho đoàn hậu tấn để tâm kính mến lo cho các em, cũng như các em lo cho anh từ thử.

Còn cơ Đạo của Chí Tôn, bước qua năm 26 sẽ phát triển lên cao thượng một cách phi thường, làm cho dân tộc VN đều ngạc nhiên và chủ tâm hưởng ứng.

Nền Đạo cao lên bao nhiêu thì danh thể của các em tăng tiến lên trọng yếu, và trách nhậm phải thế nào? Các em cần lo trau giồi cho đáng giá, để làm gương mẫu hướng dẫn quần chúng noi bước theo con đường đạo đức và lập quốc buổi tương lai đã đến đây.

Trong phương diện hành đạo, có 3 điều nên chú ý như sau nầy, các em khá nhớ:

– Một là Quyền.

– Hai là Luật,

– Ba là Pháp, đều của Đức Chí Tôn vậy.

- **Quyền** là giáo hóa, dìu dẫn chúng sanh vào khuôn linh của Đạo.
- **Luật** là thương yêu, rộng dung, tha thứ cho kẻ lỗi biết ăn năn.
- **Pháp** là giữ công bình chánh trực.

Nếu có kẻ không nghe lời giáo hóa, cố tâm phạm luật, thì người cầm quyền cai trị lấy Thánh đức mà định hình phạt là cốt yếu cạo gọt cho nên hình người, chớ không phải kẻ cầm quyền mà để phạm vào tội ác bất nhơn, bởi Đạo quyền là Thánh trị, chớ không phải Phàm trị, các em nên nhớ.

Còn Cơ đời sẽ biến chuyển cho đến ngày liễu kết cuộc chiến tranh hầu có lập lại đời Thánh đức. Đạo và Đời, Quốc và Cộng, như sau nầy:

THI:

Họa lại bài thi của Hộ Pháp, đảo vận:

Lưỡi liềm chi dễ sánh Kim câu,
Gây sự bởi ai tạo buổi đầu?
Đông hải mênh mông còn phải cạn,
Tây hồ chật hẹp độ bao sâu?
Tài ba Động Bích bao nhiêu sức,
Quyền phép Côn Lôn sẵn mấy bầu.
Quyết đoán cuộc cờ, ai thắng bại,
Chỉn xem Tiên Phật hướng về đâu?

Anh mừng các em, xin nhắn lời cám ơn Hộ Pháp.

THĂNG.

Đức Ngọc Chưởng Pháp
TRẦN VĂN THỤ
(1857–1927)

Ngài Trần văn Thụ sanh năm Đinh Tỵ (1857), tại làng Đức Hưng, tổng Dương Hòa Hạ, tỉnh Gia Định.

Thuở nhỏ Ngài học chữ Nho, lớn lên làm nghề dạy học.

Năm Đinh Mùi (1907), Ngài đến chùa Vĩnh Nguyên Tự tại làng Long An, quận Cần Giuộc, thọ giáo với Thái

Lão Sư Lê Đạo Long, thế danh là Lê văn Tiếng (1843–1913) để học Đạo Minh Sư. Ngài được Sư phụ Lê Đạo Long thâu nhận và ban cho pháp danh là Trần Đạo Minh. Ngài là đệ tử lớn nhứt trong các đệ tử của Thái Lão Sư Lê Đạo Long nơi Vĩnh Nguyên Tự.

Đến năm Bính Dần (1926), tức là sau khi Thái Lão Sư Lê Đạo Long liễu đạo 12 năm, Thái Lão Sư giáng cơ cho biết là Ngài đã đắc quả Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn, và khuyên các đệ tử nay tùng giáo theo Đức Cao Đài Ngọc Đế.

Các đệ tử vâng theo lời Ngài, và do đó, Vĩnh Nguyên Tự trở thành cơ quan của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thuở đầu tiên, và sau nầy trở thành Thánh Thất của Đạo Cao Đài gọi là Thánh Thất Vĩnh Nguyên Tự.

Ngài Trần Đạo Minh lúc đó cũng đã tu lên đến bực Thái Lão Sư, và con trai Ngài Lê Đạo Long là Lê văn Lịch tu tới bực Thiên Ân, cùng các đệ tử khác tại Vĩnh Nguyên Tự, đều vâng theo lịnh của Ngài Lê Đạo Long, tùng giáo Đấng Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

– Ngài Trần văn Thụ (pháp danh Trần Đạo Minh) được Đức Chí Tôn giáng cơ ân phong là: Nho Tông Chưởng Giáo Tuyên Đạo Thiền Sư Đại Đức Đại Hòa Đạo Sĩ: Chưởng Pháp phái Ngọc, trong đàn cơ tại Vĩnh Nguyên Tự đêm mùng 10–9–Bính Dần (dl 16–10–1926).

– Ngài Lê văn Lịch được Đức Chí Tôn phong là Đầu Sư phái Ngọc, Thánh danh là Ngọc Lịch Nguyệt, cùng một lượt với Ngài Đầu Sư phái Thượng là Thượng Trung Nhựt, trong một đàn cơ cũng tại Vĩnh Nguyên Tự, ngày 15–3–Bính Dần (dl 26–4–1926).

Ở đây có sự liên hệ gia đình: Con gái của Ngài Trần văn Thụ, quí danh là Trần thị Khá, được gả cho Ngài Lê văn Lịch.

Kể từ khi Ngài Trần văn Thụ thọ phong Ngọc Chưởng Pháp, Ngài vâng lịnh Đức Chí Tôn, cùng với các vị Chức sắc Thiên phong khác lo đi hành đạo, phổ độ nhơn sanh.

Khi làm lễ Khai Đạo tại Thánh Thất tạm ở Chùa Từ Lâm Tự (Gò Kén, Tây Ninh), ngày 15–10–Bính Dần (1926) thì Ngài Ngọc Chưởng Pháp thường xuyên hành đạo tại đó, để cùng quí Chức sắc cao cấp khác soạn thảo Tân Luật theo lịnh dạy của Đức Chí Tôn.

Qua năm sau, tức là năm Đinh Mão (1927), Ngài Ngọc Chưởng Pháp lâm bịnh, Ngài trở về nhà an dưỡng tại làng Trường Bình, quận Cần Giuộc, và sau đó Ngài đăng Tiên vào ngày 14–5–Đinh Mão (dl 13–6–1927), hưởng thọ 71 tuổi.

Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt, Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh, Chánh Phối Sư Thượng Tương Thanh, Phối Sư Thái Ca Thanh, cùng nhiều Chức sắc khác đến thọ tang và phúng điếu.

Bởi cơ Đạo còn sơ khai, đang tạm ở Chùa Từ Lâm Tự (Gó Kén), nên gia đình Ngài Ngọc Chưởng Pháp Trần văn Thụ đưa linh cữu của Ngài an táng nơi quê nhà ở làng Thới Hiệp, cạnh một ngôi chùa cũ của Ngài, nay là Ấp 1 Xã Hiệp Phước, quận Nhà Bè.

Năm 1996 (Bính Tý), Ban Cai Quản Thánh Thất Vĩnh Nguyên Tự đã lấy cốt của Ngài Ngọc Chưởng Pháp và đem cải táng về đất phía sau Vĩnh Nguyên Tự, nằm cạnh ngôi mộ của Ngài Thái Lão Sư Lê Đạo Long.

Di ảnh của Ngài Ngọc Chưởng Pháp được thờ nơi Hậu Điện Vĩnh Nguyên Tự, cùng với di ảnh của Ngài Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn và di ảnh của Ngài Ngọc Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt.

Đức Ngọc Chưởng Pháp Trần văn Thụ thường giáng

cơ nơi đàn cơ tại Vĩnh Nguyên Tự để dạy đạo và xưng danh hiệu là: Thiết Quang Chơn Nhơn.

Trong quyển sách "*ĐẠO NGUYÊN CHÁNH NGHĨA*" do Vĩnh Nguyên Tự in năm 1939, có in hình Đức Ngọc Chưởng Pháp Trần văn Thụ, đề là:

"Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
Ngọc Chưởng Pháp Trần Đạo Minh
Thiết Quang Chơn Nhơn, Ngọc chiếu"

Với 2 câu liễn đặt ở 2 bên ảnh là:

CHƯỞNG khai Nho phái Tam Kỳ Đạo,
PHÁP hóa Thiền Tông Tứ giáo truyền.

Trong quyển sách Đạo Nguyên Chánh Nghĩa, Đức Ngọc Chưởng Pháp có giáng cơ 2 bài, trong đó có một bài kết liễu quyển sách, xin trích ra sau đây một đoạn:

▸ ***Ngọc Thanh Quang (Tân An) đêm 16–4–Kỷ Mão (1939)***

Đại Đạo thứ 14, giờ Hợi.

Bạch Hạc Đồng tử, chào chư Hiền lưỡng ban.

Tiểu Thánh vâng sắc Ngọc Đế, chư Hiền thành tâm tiếp cầu Thiết Quang Chơn Nhơn giáng để ban hành bài Kết liễu của quyển kinh Đạo Nguyên Chánh Nghĩa... .

Vậy chư Hiền thành tâm tiếp kinh. Tiểu Thánh xuất ngoại.

▸ Tiếp điễn:

THI

THIẾT nghĩa trần gian giáng bút thần,
QUANG minh bỉnh chúc vị nhơn quần.
CHƠN tâm nhứt nhựt phong trào niệm,

NHƠN ngã hiệp hòa tự lập thân.

Lão chào chư Hiền lưỡng ban.

Lão thừa sắc Ngọc Hoàng giáng để ban hành bài Kết Liễu:

Ôi! Nhìn đất nước khách anh tài còn thốn thiếu,
Đoái Đạo mầu am hiểu có nào ai?
Muốn lập nên nền tảng Đạo Cao Đài,
Trường hợp tác phải chung vai chiết gánh.
Kìa thế cuộc, nghèo sút giàu, yếu thua mạnh,
Nọ trò đời khôn lấn dại, thế tranh quyền.
Miếng đỉnh chung, mùi phú quí lấp nẻo Thần Tiên,
Nơi Tửu Khí Sắc Tài, chốn cường quyền đoàn dân tộc.

Muốn dẹp những phong trào ác độc,
Mong đem đời trở lại cảnh hòa bình,
Kìa non nước, nọ luật hình, nên cạn nghĩ.
Đoạn Kết Liễu, Lão giải bày cho cạn lý,
Để âu ca ngày Nghiêu Thuấn góc Trời Nam.
Đọc kinh vàng nào sĩ tử chí học ham,
Coi một ít, óc phàm càng sáng suốt.

THI

Kết cuộc kinh vàng rạng khắp nơi,
Liễu toàn Thánh bản để soi đời.
Đạo mầu cứu kẻ tầm nhàn sớm,
Nguyên thỉ dẫn người thoát khổ mơi.
Chánh lý anh hùng không đạp đất,
Nghĩa nhân liệt sĩ chẳng chung Trời.
Thánh tâm kim cổ xem cho tột,
Kinh điển phát ban đổi thế thời.

… … … . .

… … … . .

THĂNG

Ngọc Đầu Sư
NGỌC LỊCH NGUYỆT
(1890–1947)

Ngọc Lịch Nguyệt là Thánh danh của Ngài Lê văn Lịch, khi Đức Chí Tôn phong Ngài làm Đầu Sư phái Ngọc.

Ngài Ngọc Lịch Nguyệt, hiệu là Thạch Ẩn Tử, sanh ngày mùng 1 tháng 9 năm Canh Dần (dl 14–10–1890) tại làng Long An, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn.

Thân sinh của Ngài là Cụ Lê văn Tiếng, tu theo Đạo Minh Sư đến bực Thái Lão Sư, hiệu Lê Đạo Long, là người sáng lập ngôi chùa Vĩnh Nguyên Tự ở Cần Giuộc. Cụ Tiếng tu đắc đạo, sau khi qui liễu, đắc quả Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn. Cụ có lời di chúc:

"*Lập Vĩnh Nguyên Tự để sau nầy có Thập nhị Khai Thiên đến mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.*"

Thân mẫu của Ngài Lê văn Lịch là Cụ Bà Trần thị Đắc, hiền nội của Ngài là Bà Trần thị Khá, con gái của Ngài Trần văn Thụ (Ngọc Chưởng Pháp). Ngài Lê văn Lịch có người con gái là Cô Lê ngọc Trang, Đạo hiệu Bạch Tuyết.

Ngài Lê văn Lịch thọ nhận từ phụ thân bí thuật huyền môn của Đạo Lão (Tiên giáo) và Y thuật. Sau khi nhập môn vào Đạo Cao Đài, Ngài không dùng bí thuật huyền môn nữa, chỉ truyền lại cho con gái Lê ngọc Trang về Y học cổ truyền.

Đầu năm Bính Dần 1926, quí Ngài Cao quỳnh Cư và Phạm công Tắc được lịnh cơ bút dạy xuống Vĩnh Nguyên Tự lập đàn cầu cơ, Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn (Cụ Lê văn Tiếng, thân sinh của Ngài Lê văn Lịch) giáng cơ dạy Ngài Lê văn Lịch, lúc bấy giờ mới tu tới bực Thiên Ân (Minh Sư), phải hiệp với quí Ngài Cư, Tắc để mở Đạo Cao Đài.

Trong thời gian nầy, Ngài Đốc phủ Nguyễn ngọc Tương đang làm Chủ quận Cần Giuộc đã gia nhập Đạo Cao Đài, nên cũng khuyên Ngài Lê văn Lịch nhập môn vào Đạo.

Ngày 13–3–Bính Dần (dl 22–4–1926), Ngài Lê văn Lịch được Đức Chí Tôn giáng cơ phong làm Đầu Sư phái Ngọc, lấy Thánh danh là Ngọc Lịch Nguyệt, cùng một lượt với Ngài Lê văn Trung, Thánh danh là Thượng Trung Nhựt.

Trong TNHT, Đức Chí Tôn có giáng cơ dạy Ngài Ngọc Lịch Nguyệt như sau:

TNHT. I . 14:

"CAO ĐÀI.

Lịch! Con nghe Phật Như Lai nói chưa?

Tam Kỳ Phổ Độ là gì? Là phổ độ lần thứ ba.

Sao gọi là phổ độ? Phổ độ nghĩa là gì?

Phổ là bày ra, độ là cứu chúng sanh.

Muốn trọn hai chữ Phổ độ, phải làm thế nào?

Chúng sanh là gì? Chúng sanh là toàn cả nhơn loại, chớ không phải là lựa chọn một phần người, như ý phàm các con tính rối.

Muốn trọn hai chữ Phổ độ, phải làm thế nào? Thầy hỏi? Phải bày Bửu pháp chớ không đặng giấu nữa. Con phải luyện lại cho thành, nội trong tháng năm nầy về theo Trung đi truyền đạo. Nghe và tuân theo... .

Phải mặc y phục như Trung, mà màu hồng."

TNHT. I. 22:

"Thích Ca Như Lai thị Ngã, dục cứu chúng sanh, tá danh Cao Đài Đại Bồ Tát. Nhữ tri hồ?

Hữu Ngã đồ Thái Đầu Sư tại thử, nhĩ vô thức luyện đạo, Ngã phái Ngọc Đầu Sư chỉ giáo thọ bửu pháp.

Tam thập tứ vị chúng sơn bất tri Chơn lý luyện thành. Ngã vi Chủ khảo giáo hóa. Khả tuân Ngã mạng.

Nhữ đẳng tu thọ pháp, tu thọ pháp. Khâm tai!"

Diễn nôm:

Thích Ca Như Lai là Thầy (Ta), muốn cứu chúng sanh, tá danh Cao Đài Đại Bồ Tát. Con biết không?

Có học trò của Thầy là Thái Đầu Sư tại đây, nó không biết luyện đạo. Thầy phái Ngọc Đầu Sư chỉ giáo thọ bửu pháp.

34 vị tăng không biết Chơn lý luyện thành. Thầy là Chủ khảo giáo hóa. Khá tuân lịnh Thầy.

Các con tu thọ pháp, tu thọ pháp. Kính vậy thay!

Những ngày đầu Khai Đạo, Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt đóng vai trò quan trọng không kém Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt.

Ngài được lịnh Đức Chí Tôn sưu tập 3 bài Kinh Tam giáo trong Kinh Tam Thánh Đại Động để làm Kinh của ĐĐTKPĐ. Ngài cùng với Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt phụng soạn và ban hành quyển "*TỨ THỜI NHỰT TỤNG KINH*", trong đó các bài Kinh Nhựt Tụng của Đạo Cao Đài được viết bằng chữ Nho, chữ Nôm và chữ quốc ngữ, cùng là giải thích ý nghĩa tổng quát của mỗi câu kinh, có phần phụ thêm giải về Nghi tiết phụng thờ của Đạo Cao Đài, in và ban hành vào năm Mậu Thìn (1928).

Khi hai Ông Nguyễn ngọc Tương và Lê bá Trang rút khỏi Tòa Thánh Tây Ninh để về Bến Tre lập Ban Chỉnh Đạo, thì Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt cũng rời Tòa Thánh, trở về về Vĩnh Nguyên Tự tu hành.

Năm 1943, trong công cuộc nhà cầm quyền Pháp khủng bố Đạo Cao Đài, Ngài bị họ bắt đày đi Côn Đảo, đến năm 1945, Ngài mới được trả tự do trở về.

Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt bị sát hại trong cuộc chiến chống Pháp xâm lược của phong trào Việt Minh, Ngài qui liễu tại Chợ Lớn ngày 2–9–Đinh Hợi (dl 15–10–1947) thọ 58 tuổi. Mộ của Ngài đặt tại phần đất phía sau Vĩnh Nguyên Tự, gần mộ của thân phụ Ngài là Cụ Lê văn Tiểng.

Ngài Ngọc Lịch Nguyệt thỉnh thoảng có giáng cơ tại đàn cơ ở Vĩnh Nguyên Tự.

Ngày mùng 7 tháng Giêng năm Ất Tỵ (1965), tại đàn

cơ chùa Vĩnh Nguyên Tự, Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt giáng đàn giảng đạo, xin trích lục ra sau đây:

THI

NGỌC chiếu khai xuân đã vẹn tròn,
LỊCH trình quí giá đáng vàng son.
NGUYỆT lai sẽ rõ cơ mầu nhiệm,
Mừng thấy đệ huynh chí chẳng mòn.

Hỡi chư Hiền đệ, Hiền muội!

THI

Bần đạo thấy khắp trong huynh đệ,
Gối đã dùn, chẳng nệ mỏi xương.
Bạc màu tóc đã điểm sương,
Mà không nệ nhọc trên đường quả công.

Thiệt quí giá phúc hồng hiếm có,
Bước dặm trường đi đó đi đây.
Phổ thông giáo lý Đạo Thầy,
Thiêng liêng nương đó giải bày thiệt hơn.

Dầu nóng bức chẳng sờn cực nhọc,
Dẫu ngày đêm lăn lóc phụng hành.
Hiệp hòa lớn nhỏ em anh,
Rày đây mai đó chẳng canh cải lời.

Bần đạo thấy nghĩ thôi quá tiếc!
Mảnh thân phàm bị diệt tiêu tan.
Lấy đâu làm một con thoàn,
Để cùng huynh đệ một đàng thi đua.

Còn ở tục dễ thừa hành đạo,
Nương cõi đời giả, tạo cái Chân.

Có nhiều phương tiện xa gần,
Để mà khuyến thiện dìu nhân trở về.

Như Bần đạo lỡ bề thoát tục,
Cõi vô hình mấy lúc tiếc thương.
Tùng chung Tiên Phật một đường,
Muốn dìu sanh chúng phải nương cơ huyền.

Vì lẽ đó lời khuyên hơn thiệt,
Để đệ huynh nghiệm biết gần xa.
Rán mà khắc kỷ xông pha,
Rán mà giữ tánh để ra giúp đời.

Đừng bê trễ than ôi uổng bấy!
Đời mỏi mòn chẳng phải còn xa.
Trước tiên gìn giữ chữ hòa,
Tuy rằng số ít mà ra muôn phần.

Đến chùa, Thất, rửa lần tội lỗi,
Nghe kệ kinh tắm gội Linh hồn.
Mau chân mà tiến bước dồn,
Quả đầy công đủ bảo tồn nguyên căn.

THI

Căn lành gìn giữ chớ buông lơi,
Dù mấy năm qua cũng một đời.
Mải miết mặc ăn cùng chỗ ở,
Hơi tàn vạn sự thảy buông trôi.

Thái Đầu Sư
THÁI THƠ THANH
(1873–1950)

Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh, thế danh là Nguyễn ngọc Thơ, tên thật là Nguyễn văn Tơ, sanh năm 1873 tại quận Bãi Xàu tỉnh Sóc Trăng, sau lên Sài gòn lập nghiệp ở Tân Định. Thân sinh là Ông Nguyễn hưng Học, cháu ruột của Trung Quân Nguyễn văn Thiền (kêu bằng Chú ruột), vốn dòng trâm anh thế phiệt, trung hưng công thần.

Thuở thiếu thời, Ngài theo Nho học, sau theo Tây học, rất ái mộ Phật giáo, phụng thờ cha mẹ rất hiếu hạnh. Ngài có làm Thơ Ký tại phòng Phiên dịch được ít lâu, sau nghỉ ở nhà, noi theo nghiệp làm thầy hốt thuốc Bắc của ông thân, rồi ra làm thầy hốt thuốc, lại cũng có phụ dịch nhựt trình cho Nhựt báo tỉnh.

Sau đó, Ngài bước qua đường buôn bán, mở mang trước nhỏ, sau to, trở nên giàu có, mua được một sở Đại Thương Cuộc tại Sàigòn.

Nhà cầm quyền Pháp lúc bấy giờ cử Ngài làm Hội Đồng Thẩm Án tại Tam Tòa Sài gòn, tất cả trước sau được thưởng 7 Huân chương với 2 tấm Kim Khánh, Kim Tiền.

Chánh thất của Ngài là Bà Bùi thị Đông, một phụ nữ khôn khéo bề tề gia nội trợ, thuận tùng theo chồng, tạo lập nhà cửa, phố xá tại Tân Định, sự nghiệp càng ngày càng thạnh lợi, bề thế lớn lao.

Về sau, Ngài được ban cho phẩm Hàm Tri Huyện, nên người đời thường gọi Ngài là Ông Huyện Thơ.

Ông Nguyễn Liên Phong, trong tập Điếu Cổ Hạ Kim Thi Tập, có làm bài thơ khen tặng Ngài Nguyễn ngọc Thơ:

Làm trai chí khí trước sau bền,
Án viện luận bàn hiển họ tên.
Nề nếp ông thân khuôn những tạc,
Phụng thờ từ mẫu thảo tâm đền.
Dựng nền buôn bán ra đồ sộ,
Cậy sức vợ hiền hiệp giúp nên.
Nẻo lợi thâu vào thành nghiệp cả,
Ơn nhờ che chở hộ hai bên.

Con gái của Ngài Nguyễn ngọc Thơ là Nguyễn thị Hương, có chồng là Trương văn Tuấn, chủ nhà in Đức Lưu

Phương ở Tân Định, sanh người con trai là Bác sĩ Trương văn Quýnh. Bà Nguyễn thị Hương cũng theo cha nhập môn vào Đạo Cao Đài, đắc phong phẩm Giáo Hữu ngày 14–Giêng-Đinh Mão (dl 15–2–1927) đàn cơ Phong Thánh Nữ phái kỳ I.

Đầu năm Bính Dần (1926), Ông Phạm tấn Đãi, nhà ở Rạch Kiến, tỉnh Long An, thường chấp bút để học đạo. Ngày nọ, Ông chấp bút thì được lịnh Đức Chí Tôn dạy: "*Con hiệp cùng Trung để đi độ Thơ.*"[1]

Ông Phạm tấn Đãi (sau đắc phong Khai Đạo HTĐ) vâng lịnh Đức Chí Tôn lên Sài gòn, tìm đến nhà Ông Cao quỳnh Cư để hỏi thăm nhà Ông Trung. Bà Cư đáp: "*Ông Trung có ra đây, vừa mới đi lên nhà Ông Thơ.*"

Ông Đãi hỏi thăm địa chỉ của Ông Thơ, liền đi lên Tân Định tìm nhà Ông Thơ, thì gặp Ông Trung tại đó.

Ông Đãi liền trình bày Thánh giáo của Đức Chí Tôn dạy cho hai Ông xem. Ông Thơ xem xong nói: "*Tôi muốn làm sao hai Ông cầu nguyện thế nào cho tôi chấp bút được thì tôi mới tin.*"

Ông Trung liền chịu và bảo Ông Thơ phải trai giới 3 ngày, đồng thời hai Ông Trung và Đãi cũng ở đó hiệp nhau cầu nguyện.

Ông Thơ chấp bút thông công được với các Đấng một cách tốt đẹp, nên Ông bằng lòng theo Đạo. Ông nói với Ông Trung và Ông Đãi làm thế nào để độ cho vợ của Ông là Bà Lâm ngọc Thanh đang ở Vũng Liêm theo Đạo luôn cho thuận chiều xuôi gió một đường.

---

[1] **Trung**: là Ngài Lê văn Trung, sau đắc phong Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, rồi Quyền Giáo Tông. **Thơ** là Ông Huyện Hàm Nguyễn ngọc Thơ, sau đắc phong Thái Đầu Sư.

Ông cầu nguyện, Ơn Trên cho biết hiện giờ nầy Bà Lâm ngọc Thanh đang làm gì ở Vũng Liêm, cho biết từng chi tiết để Ông ghi chép, rồi hôm sau, Ông đánh điện kêu Bà lên Sài gòn. Khi Bà lên tới Sài gòn, Ông hỏi các hoạt động của Bà trong ngày vừa qua thế nào, thì Bà nói đúng như Ơn Trên đã mách bảo, không sai một mảy. Thế là 2 Ông Bà đều tin và theo Đạo.

Hai Ông Bà Thơ bàn tính làm thế nào để độ thầy mình là Hòa Thượng Như Nhãn theo Đạo luôn. Ông Trung và Ông Thơ cậy Ông Đãi ra nhà Ông Cao quỳnh Cư để mời 3 Ông Cư, Tắc, Sang và Đạo hữu đến nhà Ông Thơ để lập đàn cầu cơ. Đàn cơ được kết quả, Đức Chí Tôn thâu phục được Hòa Thượng Như Nhãn.

Tại nhà của Ngài Nguyễn ngọc Thơ ở Tân Định, Đức Chí Tôn cho phép mở một cái Đàn để thâu nhận những người mộ đạo, Ngài Thơ chứng đàn, phò loan là 2 Ngài: Cao quỳnh Cư và Phạm công Tắc.

Ngày 2–7–Bính Dần (dl 9–8–1926), Đức Chí Tôn phong Ngài Thơ làm Phối Sư phái Thái, cầm quyền Thái Chánh Phối Sư, Thánh danh là Thái Thơ Thanh.

Ngày 17–2–Quí Dậu (dl 12–3–1933), Ngài Thái Thơ Thanh được thăng lên Quyền Thái Đầu Sư.

Ngài Nguyễn ngọc Thơ có chấp nối thành vợ chồng với Bà Lâm ngọc Thanh ở Vũng Liêm, tục gọi là Bà Huyện Xây. Hai Ông Bà đều được Đức Chí Tôn độ theo Đạo, và về sau bà Lâm ngọc Thanh đắc phong Nữ Đầu Sư, Thánh danh là Lâm Hương Thanh. (Xem Tiểu sử của Bà nơi phần sau: Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh)

Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh và Bà Lâm Hương Thanh, nhờ giàu có sẵn, và một lòng tin tưởng vào nền Chánh giáo

của Đức Chí Tôn, nên đã đem nhiều tiền bạc ra hiến cho Đạo trong buổi sơ khai để xây dựng nền móng cho Đạo, kể ra như sau:

– Khi Hòa Thượng Như Nhãn hiến chùa Từ Lâm Tự tại Gò Kén (Tây Ninh) cho Đạo Cao Đài làm Thánh Thất để tổ chức Lễ Khai Đạo, Ngài Thái Thơ Thanh xuất tiền ra tu bổ, sơn phết, trang trí lại thành một Thánh Thất Cao Đài, làm đường thông ra quốc lộ cho rộng rãi, cất thêm nhà cho bổn đạo ở làm công quả, vv... Nhờ vậy mới có chỗ rộng rãi tốt đẹp để tổ chức long trọng Đại Lễ Khai Đạo Cao Đài ngày 15–10–Bính Dần (dl 19–11–1926).

– Qua đầu năm 1927, Hòa Thượng Như Nhãn đổi ý, đòi chùa Từ Lâm lại, không hiến cho Đạo Cao Đài nữa, Đức Lý Giáo Tông dạy Ngài Thái Thơ Thanh hiệp cùng chư Chức sắc CTĐ và HTĐ đi coi mua 100 mẫu đất rừng tại làng Long Thành, với giá 25.000 đồng thuở đó để làm nơi xây dựng Tòa Thánh và các cơ quan Trung ương của Đạo, trả chùa Từ Lâm Tự lại cho Hòa Thượng Như Nhãn. Số tiền 25.000 đồng mua đất do Ngài Thái Thơ Thanh và Bà Lâm Hương Thanh xuất ra cho Hội Thánh mượn, sẽ từ từ hoàn lại sau.

– Ngài Thái Thơ Thanh xuất tiền in 10.000 tấm Thánh Tượng Thiên Nhãn Ngũ Chi khổ lớm để phát không cho bổn đạo lập Thiên bàn thờ Đức Chí Tôn tại tư gia.

Riêng phần Ngài Thái Thơ Thanh và Bà Lâm Hương Thanh thì xuất tiền ra khai thác một sở rừng hoang để xây dựng Cực Lạc Cảnh, có ý muốn qui tụ các tăng ni Phật giáo qui hiệp về đây tu hành theo Tân pháp Đạo Cao Đài, nên lập ra nhiều cảnh tượng như: Quan Âm Các, Long Nữ Điện, Tây Vức Trì, đặt tên các con đường là: Phước Đức Cù, Di-Lạc Đạo. Tuy là cảnh tạm nơi cõi trần mà nghe qua như là cảnh Phật nơi cõi CLTG.

Sau đây xin chép lại Sớ văn Phúc trình của Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh và Bà Lâm Hương Thanh (lúc đang cầm quyền Nữ Chánh Phối Sư) dâng lên Hội Thánh và Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
(Đệ lục niên)

Chánh ngoạt, sơ nhị nhựt, Tân Vị, Khâm Thiên Tổng quản Tài Chánh, phụng sắc Chưởng quản tài liệu, Tổng lý Công viện, Lương viện, Hội viện, Nông viện, Phổ Độ viện.

Quyền Thái Đầu Sư Chủ Tọa Hội Thánh, Quản lý tạo tác Tổ đình, Thái Thơ Thanh kỉnh bút,

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đệ lục niên,

Chánh ngoạt, sơ tam nhựt, Tân Vị, Nữ Chánh Phối Sư Hương Thanh đề bút,

Tượng mãn Đại Đạo hoằng khai Tam Kỳ Phổ Độ lưu truyền thiên vạn cổ, bủa khắp Ngũ Châu, thì nền Chơn đạo phải to tát mới ra cảnh tượng thể thống Đạo cả.

Vì vậy mà hai tôi nong nả đêm ngày lo mở mang cuộc Thánh địa, chế ra nền Tây Vức, bởi công trường cực nhọc, trên nhờ sức thiêng liêng Đại Từ Phụ ban bố, mới xui khiến mua thêm được 100 mẫu đất rừng, của tư bổn vợ chồng tôi xuất ra mua, liên tiếp Thánh địa, nối dài ra tới Ngã ba Mít Một (Boulevard d'Anglais), bề mặt tiền trên 2000 mét, giáp ranh Bá Huê Viên, nối liền Động Đình Hồ, 1000 mét Thánh địa nữa, cộng chung là 3000 mét.

Cầu nguyện Đức Chí Tôn ban ơn ngày sau Hội Thánh mở mang 3 phía là Đông, Nam, Bắc, mỗi phía 3000 mét, vuông vức cộng là 12.000 mét vuông, đặng xây vách thành cao lớn giáp 4 phía, dựng nên miền Tây Vức, để hiệu là

THÁI CỰC TOÀN ĐỒ.

Trong chia ra 2 cuộc: Phía Chánh Bắc, xây cửa thành lớn, đắp nổi cao chữ "*ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ*", lộ ra 4 chữ to tát là "*ĐẾ THIÊN THƯỢNG HOÀNG*"; còn phía Chánh Nam, cũng tại cửa thành y kiểu 3 mặt như nhau, đề hiệu là "*ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ*", hiện ra 4 chữ "*ĐẾ THÍCH PHẬT TỔ*"; phía Chánh Tây, tạo một cuộc Ngũ Quang Môn, nghĩa là Đại Thành Môn, có 5 cửa Ngũ Chi Đại Đạo, hiện ra 4 chữ "*THÁI CỰC TOÀN ĐỒ*"; còn Chánh Đông Môn thì cửa thành y kiểu 3 phía đề hiệu là Tây Vức Cảnh.

Trong Thái Cực Toàn Đồ chia ra làm 2 cuộc: Bên phía Bắc là BẠCH NGỌC KINH, tạo tác Tổ Đình, có Bá Huê Viên, Động Đình Hồ, Đức Thế Tôn ngự mở cảnh thoát trần, Đức Di-Lạc giáng thế khai Long Hoa Hội. Hai bên là Rừng Thiên Nhiên, phía sau lập Cửu Viện, Thiên Phong đường, Đầu Sư đường, Chánh Phối Sư đường, Hộ Pháp đường, Thái Y viện, Dưỡng Lão Ấu, Tịnh Thất Sở, và Học đường, Dưỡng đường, với các xưởng Bá công kỹ nghệ.

Còn các con đường: 1) Như Lai Đồ, 2) Di-Lạc Đạo, 3) Phước Đức Cù, 4) Oai Linh Tiên, 5) Bình Đặng Đồ, 6) Sử Quân Tử, 7) Thái Hòa Lộ, 8) Bình Dương Đạo.

Còn bên phía Nam thì tạo CỰC LẠC VÔ VI CẢNH GIỚI là đắp con đường chữ Thập lớn dài từ Nam chí Bắc, từ Đông giáp Tây, gọi là TỨ TƯỢNG ĐỒ biến BÁT QUÁI, chính giữa Ngã Tư biến ra Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Giữa trung tim, un đúc một cảnh Nội Điện Đế Thích, giống in như cuộc cổ tích trên chốn Đế Thiên gần nước Xiêm La vậy.

Phía bên hữu Tây Bắc thì tạo Quan Âm Các, phía bên

tả Tây Bắc thì dựng Long Nữ Điện. Phía bên hữu Đông Bắc thì cất Tòa Kinh Viện 15 căn lầu 3 từng nóc. Phía bên tả Đông Nam thì xây nơi Tô Sơn, trên chót đỉnh có đảnh cốt Đức Thế Tôn nằm qui Niết Bàn, bề dài 12 thước tây, trên đảnh trung có thạch động Phổ Đà Sơn, Đức Từ Hàng Đạo Nhơn thành Phật, ấy là 5 cuộc to lớn.

Còn các cuộc nhỏ khởi tạo trước là: tạo Thất Bửu Tháp, đào Tây Vức Trì, cất Thưởng Liên Đình, tạo Từ Thiền Lâm. Trong cuộc Từ Thiền có 3 con đường cái: 1) Bát Nhã Đạo, 2) Bồ Đề Lộ, 3) Như Ý Cảnh. Lựa những bậc chơn tu trường trai khổ hạnh, từ trung thừa sắp lên mới cho vào trong cuộc Từ Thiền Lâm nầy, vuông vức 500 công.

Ấy là bên hướng Nam. Còn bên hướng Bắc thì Thái Bình Địa, cũng 500 công, cất Chợ Từ Bi, Nhà Thương, Nhà Thí, Nhà Mát, Nhà Nghỉ cho bực tín đồ nhập môn theo Hạ thừa sắp lên thì được phép ở.

Ước mong ngày sau, Hội Thánh mở mang cuộc Thánh Địa nầy cho giáp hết khoảng núi Điện Bà đặng ra vẻ nền Chơn đạo.

Trân trọng một bài kính cáo, nguyện cầu Đạo mạch hoàn toàn lưu truyền, trăm họ trước sau an nhàn.

Thái Thơ Thanh, Lâm Hương Thanh kỉnh đề.

Chuyển đạt Thiên Đình, ngưỡng vọng Đại Từ Phụ Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát chứng chiếu.

Ngu đệ tử phục thủ bá bái.

Đức Chí Tôn giáng cơ dạy Ngài Thái Thơ Thanh:

TNHT. II. 6:

"THƠ, nghe dạy:

Thời kỳ Mạt pháp nầy khiến mới có Tam Kỳ Phổ Độ,

các sự Hữu hình phải hủy phá tiêu diệt.

Thầy đến chuyển Đạo, lập lại Vô Vi, các con coi thử bên nào Chánh lý: Hữu hình thì bị diệt đặng, chớ Vô Vi chẳng thế nào diệt đặng.

Thơ! Thầy đã khiến con đi Đế Thiên Đế Thích đặng xem cho tạng mặt Hữu hình, nội thế gian nầy ngày nay ai cũng nhìn nhận cho là tối đại, mà con đã thấy nó còn bền vững đặng chăng? Lòng đạo đức của con, Thầy thấy rõ, nhưng thời giả dối đã qua, thời kỳ chân thật đã đến, Thầy không muốn cho con hao tài tốn của mà gìn giữ sự giả dối.

Chẳng cần chi con lập Thánh Thất của Thầy và sùng tu Phật tượng chi hết. Con hiểu bổn nguyên Bảo Sanh là bổn nguyên Thánh chất Thầy.

Thầy khuyên con để dạ lo cho nhơn sanh mà thôi, phần hồn về Thầy." ... .

Các Đấng thiêng liêng giao cho Lục Nương DTC giáng cơ trả lời Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh về Tờ Sớ xin làm Cực Lạc Cảnh và Thái Cực Đồ. Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng mở đầu, sau đó nhượng cơ cho Lục Nương.

NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

Mặt nhựt rạng nhờ trời thanh bạch,
Cõi trần may nhờ khách đức dày.
Mùi hương sen Phật đã bay,
Từ bên Đông Á phô bày Tây Âu.

Nước hằng sống rửa bầu thế sự,
Khiến Nguyên Nhân đổi dữ theo lành.
Vạn bang dẹp cuộc chiến tranh,
Lập cơ thoát khổ độ sanh muôn loài.

Kẻ vì mị đoái hoài giả đạo,

Kẻ hay tin quái giáo gây trò.
Nguyên Nhân lỡ bước ai lo,
Đon đường Cực Lạc đưa đò mê tân.

Khá hiểu nghĩa Thiền Lâm cho chóng,
Các Nguyên Nhân trông ngóng bấy lâu.
Biết thân lại đợi ai cầu,

- *Tái cầu,* ***Lục Nương*** *tiếp:*

Cầm gươm thần huệ soi lầu nguyệt quang.

Dục thế tục an nhàn lấy phận,
Cửa Thiên cơ khỏi vấn vương oan.
Để chân vào cõi Niết Bàn,
Thoát vòng luân chuyển may đàng tầm duyên.

Tu đặng phép nhà Thiền ít kẻ,
Những đam mê theo lẽ dối đời.
Sa môn chánh pháp đổi dời,
Con buôn cửa Phạm gạt người thiện tâm.

Khá hiểu nghĩa Thiền Lâm cho rõ,
Các thinh âm chẳng có cửa Không.
Bớt điều sắc tướng hoàn vong,
Bớt điều hồ mị nhọc lòng phạn hương.

Bớt những lẽ người đương mê tín,
Nhập Tịnh gia cậy lịnh Thích Ca.
Bớt điều làm sãi bó ma,
Đưa linh lại mượn có nhà minh sanh.

Bớt những lẽ giựt giành bái phước,
Lấy Vu Lan đặng được ấm no,
Bớt kinh bớt xá dâng thơ,

Mã môn con hát giả đò giải khiên.

Bớt cậy Phật lập quyền Địa Ngục,
Bớt đồ mưu lấy phục Di-Đà.
Bớt phương giải nạn tinh ma,
Lập nên danh phận cho nhà quỉ tăng.

Thái Thơ Thanh,
Anh khá kiếm lời răn của Phật,
Lấy từ bi dìu dắt sa môn.
Phật tăng như xác không hồn,
Lấy câu cứu khổ làm môn độ đời.

Anh khá mở cho rồi Cực Lạc,
Lập đường tu cho các chư sơn.
Tùng theo Tân Pháp Chí Tôn,
Đường tu cửa Phật may hườn như xưa.

EM nói rõ cho vừa ANH hiểu,
Bác Thiền Lâm, tùng kiểu Tam Kỳ.
Phép mầu hai chữ Từ Bi.

THĂNG

Đức Chí Tôn giáng cơ tiết lộ cho biết, nguơn linh của Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh là Đức Từ Hàng Bồ Tát, còn của Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh là Long Nữ, đồ đệ của Đức Quan Âm Bồ Tát, và của Ngài Đầu Sư Thái Nương Tinh là Văn Thù Bồ Tát:

"Thơ, con đừng lo lắng về Chơn Thần con lắm vậy, nghe... Nhiều phen Thầy nghe con vái, nhưng mà ngày giờ chưa đến, nên Thầy chưa nói, ngày nay Thầy tỏ thiệt cho con hiểu: Con là một Chơn Linh cùng Quan Âm Bồ Tát, con đã hiểu rồi, vậy từ đây, phải biết mình trân trọng mà trau

giồi tánh hạnh nghe!

Thầy chẳng nói ra căn cội của Nương[1] (1) e con giận. Vậy Thầy cũng nói luôn thể để anh em nhìn nhau, thương yêu nhau. Nó là Văn Thù Bồ Tát tái thế, nghe à! Nó lập ngôi vị cho con, nó đi một đường với con mà hành đạo cho tới ngày 2 con đến đắc quả đặng trở về cùng Thầy.

Lâm thị Ái Nữ, như lời Thầy nói thì hai con phải thương yêu nhau hơn nữa, hầu sau khỏi thẹn với nhau, nghe con!" (ĐS. II. 177)

Sau đây xin chép lại Bài: Đức Phạm Hộ Pháp xuất vía về Bạch Ngọc Kinh và Cực Lạc Thế Giới, thấy Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh, tức là Chơn linh của Đức Từ Hàng Bồ Tát giáng trần, vào năm Đạo thứ 2, tức là năm Đinh Mão (1927):

"Lúc mở Đạo ở Nam Vang (Tần quốc), Đức Phạm Hộ Pháp xuất Chơn thần về Thiên đình, qua Bạch Ngọc Kinh và CLTG, thấy Cửu phẩm Liên Hoa, nên thuật y câu chuyện lại cho Ngài Thái Thơ Thanh nghe như vầy:

Đương lúc mơ màng, Chơn thần liền xuất đi thấy ngồi trên một cái xe ngựa, day qua thấy cảnh Thất thập nhị Địa, qua đến Tứ Đại Bộ Châu, nhìn thấy Đức Chí Tôn đứng trên Tòa Kim Khuyết, Đức Lý Giáo Tông cũng đứng trên bàn, kế Chức sắc Thiên phong, mấy vị Đạo tâm đứng hầu Ngài.

Chừng sắp trận Đại chiến với Quỉ Vương trên Thiên đình, Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thắng trận, chúng Quỉ đều chạy tan vỡ, rồi kéo nhau qua CLTG, chừng đến cửa Niết Bàn thì thấy Ngài Thái Thơ Thanh cầm bửu kiếm ngồi trên lưng con Kim Mao Hẩu, trấn thủ CLTG.

[1] **Nương**: là tên của Ngài Đầu Sư Thái Nương Tinh.

Chơn linh của Đức Quan Âm Bồ Tát là của Đức Từ Hàng Bồ Tát biến sanh. Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh có Chơn Linh cùng với Quan Âm Bồ Tát, tức là cùng có một gốc là Chơn linh của Đức Từ Hàng Bồ Tát.

Lúc ấy Đức Hộ Pháp hỏi Ngài Thái Thơ Thanh rằng:

– Anh về trên nầy hồi nào vậy?

Ngài Thái Thơ Thanh trả lời:

– Tôi phải về trước để rước chư Hiền hữu.

Đức Phạm Hộ Pháp ngó ra ngoài thấy các vị Đại Đức đứng lao nhao lố nhố, đoàn ba lũ bảy, đến yêu cầu Ngài Thái Thơ Thanh cho họ nhập vào CLTG.

Ngài Thái Thơ Thanh không cho ai vào cửa hết, làm Đức Hộ Pháp động lòng, hỏi rằng:

– Tại sao Anh không cho họ vào?

Ngài Thái Thơ Thanh trả lời:

– Ngài không nhớ hồi đó chúng ta độ họ không đặng sao? Nếu người nào không nhập môn làm môn đệ của Đức Chí Tôn thì không thể gì vào được, vì các đạo giáo đều bị bế, chỉ có Đại Đạo Chánh Truyền dưới quyền của Di-Lạc Vương tận độ, mà điều trọng yếu hơn hết là không có lịnh của Ngọc Hư Cung, tôi đâu dám cho họ vào. Nếu tôi cho họ vào, họ bị cây Giáng Ma Xử của Anh thì Anh nghĩ sao? Không cho họ vào là cứu Linh hồn của họ vì họ có công tu. Nếu cượng lại mà cho vào thì họ sẽ bị lửa Thái Cực trong chữ VẠN đốt cháy ra tro mạt, mình lại có tội nữa mà chớ. Tốt hơn hết là để họ trở lại Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mà đợi thời gian, rồi họ sẽ tái kiếp, sẽ tu, rồi về sau. Hữu duyên mới gặp Tam Kỳ độ.

Đức Phạm Hộ Pháp ngó vào cửa CLTG thấy chữ VẠN quay cuồng trông như cái chong chóng, hào quang chiếu diệu sáng ngời. Không có lịnh cho vào, mà Chơn Linh nào vào gần đó thì bị đốt tiêu ra tro mạt.

Nên thảm thương thay cho các vị Đại Đức đã dày công

tu luyện mà khi về đến cõi Tây phương, chẳng đặng nhập vào cõi CLTG.

Nên họ phát ra nhiều tiếng rên siết rầm rĩ, họ xúm nhau, đoàn năm lũ bảy, kẻ thì tụng kinh, người thì đánh chuông cầu nguyện, kẻ đánh mõ vang dậy.

Phần thì con Kim Mao Hẩu hả miệng nhăn răng le lưỡi rất dữ tợn, nên không vị nào dám đến gần cửa CLTG.

Ấy là đúng theo Thánh giáo của Đức Chí Tôn đã tiên tri hồi mới Khai Đạo năm Bính Dần, các Đạo bị bế lại, thảm thương cho các con, tu có công mà thành chẳng đặng. Nếu không đi vào con đường Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thì không thế gì nhập vào CLTG cho đặng.

Chừng tới giờ Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ kéo cờ về tới cửa CLTG, thì Ngài Thái Thơ Thanh, ngồi trên lưng Kim Mao Hẩu, tay cầm bửu kiếm, chỉ ngay chữ VẠN thì cửa CLTG hóa ra to lớn rộng rãi vì chữ VẠN đã ngừng quay. Đức Hộ Pháp dẫn đầu đi vào trước, kế là những vị Đại Đạo Tam Kỳ và Đức Lý Giáo Tông tiến vào, sau mỗi vị đều có dấu hiệu cờ cùng sắc phục khác nhau.

Lần lượt liên tiếp, Đức Lý Giáo Tông dẫn vào 9 ức nguyên nhân, chừng vào xong, kiểm soát lại, Đức Hộ Pháp nghe trong Niết Bàn hô lớn lên rằng: Còn thiếu một ức nữa.

Đức Hộ Pháp vội vàng muốn trở lại trần gian đặng độ tiếp cho đủ, thì có lịnh của Đức Chí Tôn phán rằng:

– Không hề chi đâu con, Cửu nhị ức Nguyên nhân mới độ về có 9 ức, thì lần lượt sau cũng độ hết đặng.

Chừng nghe xong, Đức Hộ Pháp mới yên lòng.

Nhưng còn nghe văng vẳng bên tai rằng: "*Phương pháp độ rỗi chỉ khuyên lơn các Chơn linh, dầu Nguyên nhân hay Hóa nhân, đoạt được chữ HÒA với chữ NHẪN, mới về cửa*

nầy được. Dầu cho vạn kiếp sanh dày công tu luyện mà còn ganh ghét thì sẽ bị vào tay Chúa Quỉ, không trông mong gì về cùng Thầy được."

Đến đây, Đức Hộ Pháp ghi nhớ tỉ mỉ, để rồi biên chép lại cho các Chức sắc Kim Biên xem và đem về Tòa Thánh Tây Ninh cho Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh biết rõ tự sự.

Đức Ngài dạy sao ra nhiều bổn để lưu truyền đến ngày sau trau thân học Đạo."

Năm 1950, Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh trở về nhà riêng ở Tân Định Sài gòn để dưỡng bịnh. Ngài bị một bọn cướp ăn mặc giả trang là người thân đến thăm, lọt được vào nhà, chúng ám hại Ngài để cướp bóc tiền của và vàng bạc.

Ngài qui vị ngày 21–7–Canh Dần (dl 3–9–1950) hưởng thọ 77 tuổi.

Hội Thánh hay tin, đem Liên đài xuống Sàigòn để tẫn liệm thi thể rồi rước về Tòa Thánh Tây Ninh làm lễ Đạo táng rất long trọng. Liên đài nhập Bửu tháp, xây tại Đông Lang Tòa Thánh, và đem bửu ảnh thờ nơi Báo Ân Từ.

Bài thài hiến lễ Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh:

Tu thân giáo hóa chỉnh đời thanh,
Đồng chúc lê dân hưởng phước lành.
Cõi tục cầu an kinh tụng niệm,
Lời truyền nguyện thấu đến cao xanh.
Mưa nhuần gió thuận Nghiêu Thang tịnh,
Nắng tốt tuyết hòa Thuấn Võ thanh.
Đồng hưởng đời đời câu thạnh trị,
Tiêu diêu khoái lạc chí hùng anh.

Bài thài nầy về sau được Hội Thánh dùng làm bài thài hiến lễ chung trong Lễ cúng kỷ niệm và tế lễ các vị Nam Nữ Đầu Sư quá vãng hằng năm.

Ngày mùng 8–4–Nhâm Dần (dl 5–8–1962), tại Thánh Tịnh Huỳnh quang Sắc ở Bình Đông, Chợ Lớn, Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh có giáng cơ cho bài thi ngụ ý cho biết Ngài trở về cõi thiêng liêng được đắc phong là Từ Hàng Đạo Nhơn.

THI

TỪ bi xây dựng lập ban vui,
HÀN mặc viết tu bước thẳng xuôi.
ĐẠO lý sáng soi dìu khách tục,
NHƠN luân tô điểm tợ hoa tươi.
NGUYỄN gia gội phước gìn nên một,
NGỌC quí đượm màu giữ vẹn mười.
THƠ phú Thần Tiên ngâm hiểu nghĩa,
Giáng khuyên rán học đạo làm người.

Khoán thủ 8 câu thơ trên là: Từ Hàn(g) Đạo Nhơn Nguyễn Ngọc Thơ giáng.

Tiếp theo, ngày 15–9–Nhâm Dần (dl 13–10–1962), cũng tại Thánh Tịnh Huỳnh Quang Sắc, Ngài Thái Thơ Thanh giáng cơ ban cho Kinh Nhạc Đạo Hành Ca, giảng giải về Đạo lý:

"Từ tâm cứu khổ độ quần sanh,
Hàng uyển chỉnh tu tạo sống lành.
Đạo lý gieo truyền gầy hạnh lạc,
Nhơn luân bồi đắp tạc thinh danh.
Nguyễn gia phước huệ nêu màu đẹp,
Ngọc tốt tinh vi rạng sắc thanh.
Thơ viện sáng soi gìn giác thế,
Giáng phân lẽ phải gắng thi hành.

"Đàn nay, Bần đạo thừa vâng sắc lịnh của Đức Chí Tôn

giáng tả Kinh NHẠC ĐẠO HÀNH CA quyển nhứt trên đường khai thông chuyển hóa.

TỰA KINH

NHẠC lòng hòa tấu bản Đường Tu,
ĐẠO đức sáng soi vẹt ngút mù.
HÀNH hóa cảm thông khai mạch sống,
CA ngâm đúng điệu tỉnh phàm phu.

"Nhạc Đạo Hành Ca là những điệu sóng đàn lành mạnh hòa nhịp bản ca đạo đức, là những giọng dịu hiền giác hóa khách trần đi trên khúc quanh mê lộ.

NHẠC ĐẠO hồn quê gọi kêu người lạc lối,
HÀNH CA lý tưởng khai triển bước quang vinh."

Câu đối:

- **NHẠC ĐẠO TAM KỲ GIÁC NGỘ TRẦN MÊ KHAI TÂM CHUYỂN HÓA,**
- **HÀNH CA NHỨT LỘ XIỂN DƯƠNG CHÁNH PHÁP BỈNH TÁNH HỒI NGUYÊN.**

Thượng Đầu Sư
THƯỢNG SÁNG THANH
(1888–1980)

Sau đây xin chép lại nguyên văn Bản Tuyên Dương Công Nghiệp của Ngài Thượng Đầu Sư Thượng Sáng Thanh, do Đại diện của Hội Thánh CTĐ (Ngài Đầu Sư Ngọc Nhượn Thanh) đọc trước Liên đài của Cố Thượng Đầu Sư:

"Nhân danh Ngọc Đầu Sư, Đại diện Hội Thánh ĐĐTKPĐ, tôi xin trân trọng tuyên dương công nghiệp

hành đạo của Ngài Thượng Đầu Sư Thượng Sáng Thanh vừa qui Thiên, hưởng thọ 93 tuổi.

A. Phần lai lịch hành đạo:

Ngài Thượng Đầu Sư Thượng Sáng Thanh, thế danh là Trần ngọc Sáng, sanh năm 1888 tại làng Đông Hòa, tổng Thuận Bình, tỉnh Mỹ Tho, người quốc tịch Việt Nam.

Nhập môn ngày 16 tháng 11 năm Bính Dần (1926) tại chùa Gò Kén,Tây Ninh. Sau ngày nhập môn tùng giáo, Ngài giữ trọn phận sự tín đồ Đại Đạo, xứng đáng là môn đệ yêu dấu của Đấng Chí Tôn.

– Ngày 21–5–Đinh Mão (1927), trong một đàn cơ tại Thánh Thất Hữu Đạo (Mỹ Tho), có Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt chứng đàn, Ngài thọ phong phẩm Giáo Hữu phái Thượng, do Đức Chí Tôn giáng cơ phong Thánh.

– Từ ngày đắc phong vào hàng Thánh Thể, Ngài xả thân hành đạo, tận tụy với nhiệm vụ thiêng liêng của Hội Thánh giao phó trong sứ mạng Thể Thiên hành hóa.

– Năm Đinh Mão (1927), Ngài đắc lịnh hành đạo tại Mỹ Tho, nơi Thánh Thất của Ông Phối Sư Thái Ca Thanh để phổ độ nhơn sanh trong tỉnh.

– Năm Mậu Thìn (1928), đảm nhiệm Đầu Họ Đạo Mỏ Cày, đồng thời đi phổ độ và truyền giáo ở các tỉnh Rạch Giá, Cà Mau, Bạc Liêu, Long Xuyên.

– Năm Kỷ Tỵ (1929), đắc lịnh đi quan sát tình hình Đạo sự ở 5 tỉnh Hậu Giang.

– Năm Canh Ngọ (1930), đảm nhiệm Đầu Tỉnh Đạo Long Xuyên, và mỗi tháng về Tòa Thánh dạy Hạnh Đường 10 ngày, trong suốt gần 2 năm trường.

– Ngày 15–10–Nhâm Thân (1932), Ngài được thăng

phẩm Giáo Sư.

– Năm Quí Dậu (1933), kiêm nhiệm Đầu Tỉnh Đạo Mỹ Tho.

– Năm Giáp Tuất (1934), đảm nhiệm Đầu Tỉnh Đạo Sa Đéc.

– Năm Ất Hợi (1935), đảm nhiệm Khâm Trấn Đạo Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Bà Rịa, Vũng Tàu.

– Năm Kỷ Mão (1939), đảm nhiệm Khâm Trấn Đạo Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre.

– Năm Canh Thìn (1940), đảm nhiệm Khâm Trấn Đạo Chợ Lớn, Gia Định, Tân An,

– Năm Tân Tỵ (1941), về Tòa Thánh hành đạo.

– Năm Quí Mùi (1943), Chánh quyền Pháp bắt đày ra Côn Đảo trong 2 năm, cho đến ngày Đảo Chánh 9–3–1945 mới được trả tự do trở về xứ.

– Năm Bính Tuất (1946), đảm nhiệm Khâm Trấn Đạo Định Tường.

– Năm Đinh Hợi (1947), về Tòa Thánh dạy Hạnh Đường, khóa Huấn Luyện Lễ Sanh.

– Năm Mậu Tý (1948), kiêm nhiệm Quyền Thượng Thống Lại Viện.

– Ngày 7–4–Mậu Tý (1948), Ngài được thăng phẩm Phối Sư.

– Năm Kỷ Sửu (1949), đảm nhiệm Quyền Thượng Chánh Phối Sư.

– Năm Tân Mão (1951), kiêm nhiệm Quyền Thái Chánh Phối Sư.

– Năm Ất Mùi (1955), Ngài được thăng phẩm Thượng Chánh Phối Sư Chánh vị, do Quyền Chí Tôn tại thế phong

thưởng.

– Năm Quí Mão (1963) thăng phẩm Quyền Đầu Sư.

– Năm Giáp Thìn (1964), thăng phẩm Đầu Sư Chánh vị, nhưng phải tạm hành quyền Thượng Chánh Phối Sư.

– Năm Bính Ngọ (1966), Ngài chỉ hành quyền Đầu Sư sau khi có Thánh giáo của Đức Lý Đại Tiên, Nhứt Trấn Oai Nghiêm kiêm Giáo Tông ĐĐTKPĐ giáng cơ phong thưởng vị Phối Sư Thượng Tửng Thanh, lãnh nhiệm vụ Quyền Thượng Chánh Phối Sư.

B. Phần công nghiệp khổ hạnh:

– Năm Tân Mùi (1931), Ngài bị nhà chức trách Pháp bắt giam tại Sa Đéc, giải xuống Vĩnh Long, xét vô tội nên được thả.

– Năm Nhâm Thân (1932), Ngài cùng với Đức Quyền Giáo Tông đi hành đạo tại Chợ Mới Long Xuyên, bị kẻ nghịch đạo vu oan, khiến nhà chức trách bắt Ngài cùng Đức Q. Giáo Tông, giải ra Tòa Long Xuyên xét xử được trắng án.

– Năm Giáp Tuất (1934), Ngài đi dự Lễ Khánh Thành Thánh Thất tại Tân Khánh Tây Sa Đéc, bị vị Chủ Quận Châu Thành Sa Đéc ố đạo, bắt giải ra Tòa Sa Đéc xét xử, được trắng án.

– Năm Quí Mùi (1943), Chánh Phủ Pháp bắt Ngài đày ra Côn Đảo, nơi đây do ân huệ thiêng liêng tiền định, Ngài cảm hóa được dân chúng địa phương nhập môn tùng giáo, mà phần đông là nhân viên chánh quyền buổi ấy, khuyến khích họ tạo dựng được một ngôi Thánh Thất sở tại mà hiện nay di tích Thánh Thất nơi Côn Đảo vẫn còn.

C. Phần công nghiệp ban khen:

– Trong những năm dài hành đạo tại Sa Đéc, Ngài chịu

nhiều cực nhọc và khổ hạnh, vì bị quyền Đời buổi nọ gây khó khăn, tuy nhiên, Ngài vẫn một lòng tận tụy với nhiệm vụ, không một lời than thở, chí nguyện tận trung với Đạo, tận hiếu với Thầy mà thôi.

Cảm đến công khó của Ngài, nên Đức Bát Nương DTC có giáng cơ đề nghị với Ngài Khai Pháp Chơn Quân, lúc ấy đang đảm nhiệm Quyền Ngọc Chánh Phối Sư, cấp Ban Khen cho Ngài về tinh thần phục vụ, có chí đảm đương, gánh chịu sự khó khăn nơi tỉnh Sa Đéc. Hội Thánh có lập Tờ Ban Khen đọc tại Đền Thánh và cũng có lời Ban Khen của Đức Quyền Giáo Tông khi Ngài hành đạo tại Long Xuyên.

– Năm Tân Mão (1951), Ngài Chủ Tọa Đại Hội Nhơn Sanh được Đức Phạm Hộ Pháp gởi văn thư để lời Ban Khen Ngài đã ngoan khéo cầm quyền chủ tọa, đủ trí, vững tâm, nắm oai quyền gìn giữ Chơn pháp của Đạo, nên Đại Hội Nhơn Sanh được kết quả hoàn toàn.

– Năm Tân Mão (1951), Ngài vâng lịnh Hội Thánh đi chứng Lễ An Vị Thánh Thất Bạc Liêu, được Đức Cửu Nương DTC về cơ khen ngợi lập được kỳ công đắc thắng và để lời cám ơn Ngài có chút từ tâm để khêu ngọn đuốc huệ cho nhiều nhân vật đạo đức nơi tỉnh Bạc Liêu theo đường Chánh giáo.

D. Tổng Luận:

Ôn lại quá trình 55 năm hành đạo của Ngài, chúng ta nhận thấy:

– Ngài là một Chức sắc Đại Thiên phong tiền bối đạo hạnh và gương mẫu.

Ngài đã vì chúng sanh, vì Đạo, mà 4 lần lâm vào vòng lao lý. Nhưng không vì khổ hạnh ấy mà Ngài thối bước ngã lòng. Khó nhọc không màng, gian nan chẳng quản, Ngài

để bước ta-bà khắp Lục Tỉnh Nam Kỳ buổi trước để hoằng dương nền Chơn pháp của Đức Chí Tôn theo Thiên ý. Với sứ mạng Thể Thiên hành hóa, Ngài là một trong những sứ giả tiền bối, mang lời châu tiếng ngọc của Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng gieo vào cân não nhơn sanh, để giục thức các bậc nguyên căn hữu phước tỉnh giấc mộng trần, qui tùng Chánh giáo, hầu chung hưởng hồng ân của Đại Từ Phụ trong buổi Chuyển thế khai Nguơn Thánh Đức.

Với đức tánh từ hòa, khiêm nhượng, rộng lượng, khoan hồng, giàu lòng bác ái, Ngài thu phục được nhơn tâm, cảm hóa được lòng người, khiến toàn đạo ai cũng cảm mến, kính yêu.

Đối với bề trên, Ngài một mực kính ngưỡng.

Đối với bạn đạo đồng hành, Ngài trọn tình trọn nghĩa, hữu thủy hữy chung.

Đối với đàn em, Ngài hết dạ thương yêu, đùm bọc và nhất là hết lòng dìu dắt, nâng đỡ, an ủi, vỗ về những đứa em lạc bước.

Toàn đạo thường ca tụng Ngài là:

– Hiện thân của sự thương yêu, từ nhượng.

– Một bậc đại đức chơn tu, mẫu mực hoàn toàn.

Tóm lại, chúng ta thấy cuộc đời hành đạo của Ngài luôn luôn gắn bó với nghiệp Đạo trên 50 năm qua. Với chí hy sinh vì Đời thọ khổ, Ngài đã miệt mài và tận tụy với Thiên trách, cùng gánh vác chia xẻ những nỗi vui buồn vinh nhục với Hội Thánh và toàn Đạo trong những lúc cơ Đạo thăng trầm.

Trên 15 năm cầm quyền Thượng Đầu Sư, thuộc cấp lãnh đạo Hội Thánh CTĐ về mặt hữu vi, Ngài tỏ ra luôn luôn ôn hòa và khéo léo dìu dắt Chức sắc đàn em đi trong khuôn viên luật pháp chơn truyền của Đại Đạo.

Với đức độ từ ái của Ngài, toàn Đạo đều hết lòng chiêm ngưỡng, công nghiệp lớn lao của Ngài sẽ ghi đậm nét son nơi thanh sử muôn đời lưu dấu và ngời sáng ánh huệ quang cho hậu tấn soi chung.

Mấy năm sau nầy, vì niên kỷ quá cao, sức phàm hữu hạn, mặc dù tinh thần Ngài vẫn còn tráng kiện, sáng suốt, song thể xác theo định luật của Tạo đoan phải lần lượt hao mòn, đi đứng khó khăn, yếu ớt, nên Ngài phải trở về tư gia tịnh dưỡng cho con cháu được thỏa niềm hiếu đạo. Mặc dầu Hội Thánh hằng lui tới viếng an và gia đình tận tình lo lắng cho Ngài, nhưng mạng căn và Thiên số đã định, sức khỏe của Ngài kiệt dần, nên ngày mùng 6 tháng Giêng năm Canh Thân, Hội Thánh rước Ngài vào biệt điện Nam Đầu Sư Đường an dưỡng, chờ giờ về Thầy, cho đến lúc 11 giờ 30 phút khuya đêm mùng 8 rạng mùng 9 tháng Giêng năm Canh Thân (1980), Ngài nhẹ nhàng viên tịch, hưởng thọ được 93 tuổi.

Hôm nay, Thiên mạng đã xong, nợ trần giũ sạch, công viên quả mãn, Ngài trở về bái mạng Ngọc Hư. Hội Thánh và toàn đạo ngậm ngùi thương tiếc. Từ đây, Hội Thánh vắng bóng hình một bậc Chức sắc Đại Thiên phong tiền bối lão thành rất dày công cùng Đạo nghiệp."

"Nhưng công nghiệp đặc biệt nhất của Ngài là:

1. Công cuộc truyền giáo Ngoại quốc.

2. Việc phổ độ nhơn sanh ở Côn Đảo, nơi mà Ngài chịu cảnh lưu đày tù tội.

– Về mặt truyền giáo Ngoại quốc, với cương vị Thượng Chánh Phối Sư có trọng trách về phần Ngoại giao, Ngài vâng lịnh Đức Hộ Pháp và Hội Thánh, đi dự Đại Hội Tôn giáo Quốc Tế tại Nhựt Bổn. Nơi đây, Đạo kỳ của Tôn giáo

Cao Đài được phất phơ trên Kỳ đài quốc tế, triết lý và tôn chỉ của Đại Đạo được xương minh mạnh mẽ, chủ thuyết "*Tứ hải giai huynh đệ*" hay là "*Đại đồng huynh đệ*" của Đại Đạo nhận định: "*Bốn biển đều là anh em, tất cả loài người là đồng bào, do một nguồn cội, một gốc thiêng liêng mà ra*", được Đại Hội Tôn giáo Quốc tế chân thành tán dương nhiệt liệt.

Đây là một thắng lợi tinh thần đáng kể của Đạo Cao Đài trên vũ đài quốc tế mà chính Ngài đạt được kỳ công đó.

– Mặt khác, Chánh phủ Pháp bắt Ngài lưu đày ra Côn Đảo, những tưởng nơi đây xa xứ biệt nhà, với cảnh trời nước bao la, núi cao rừng rậm, biển cả mênh mông, hết trông ngày qui hồi cố quốc, và có thể gởi xương nơi đất khách. Nào ngờ đâu, chính nơi đây, do ơn huệ thiêng liêng chan rưới và tiền định, trong lúc tiếp xúc với dân chúng địa phương trong các công tác tù nhân hằng ngày, Ngài cảm hóa được họ nhập môn cầu đạo khá đông đảo, trong đó đa số là nhân viên chánh quyền buổi ấy, khuyến khích họ tạo dựng thành công một ngôi Thánh Thất, mà hiện nay di tích vẫn còn.

Thật là một việc hy hữu, một kết quả hiếm có bất ngờ, ngoài sự ước muốn của Ngài. Âu đó cũng là một diễm phúc mà Ơn Trên đã dành để đặc biệt cho Ngài đó vậy.

(Trích trong bài Điếu Văn của Ngài Ngọc Đầu Sư Ngọc Nhượn Thanh, đọc trước Liên đài trước khi nhập bửu tháp).

Ngài Đầu Sư Thượng Sáng Thanh có làm Tờ Di Ngôn để lại căn dặn các con của Ngài như sau:

"*Từ trước tới giờ, Ba hành đạo không muốn làm hao tổn của Hội Thánh và nhơn sanh, nên chừng nào Ba có về Thiêng liêng thì các con làm y như Má các con buổi trước, nghĩa là: Từ điếu và mọi việc mua sắm quả phẩm cúng tế như bánh trái, rượu, trà, ... làm hao tốn của nhơn sanh, chỉ dùng bông*

hoa tươi một ít để cúng tế mà thôi."

Tờ Di Ngôn nầy được các con của Ngài gởi đến Hội Thánh, và Hội Thánh thông truyền cho Chức sắc, Chức việc và toàn Đạo nên nghiêm chỉnh tuân hành di ngôn đáng kính trên đây và cũng để chư vị ái nữ của Cố Thượng Đầu Sư giữ được trọn lời căn dặn cuối cùng của thân sinh.

Bài Thài hiến lễ Ngài Đầu Sư Thượng Sáng Thanh:

SÁNG đèn cánh bướm phải điêu tàn,
Phải biết gần quan mới hiểu quan.
Thinh thế mượn con tua trả lại,
Thử chơn danh mối đạo tìm đàng.

Bài thi 4 câu trên đây là của Đức Chí Tôn ban cho Ngài Đầu Sư vào năm 1926 (Bính Dần) khi Đức Chí Tôn thâu nhận Ngài làm môn đệ, nay lấy bài thi nầy làm bài thài hiến lễ Ngài trong Tang lễ.

Nữ Đầu Sư
LÂM HƯƠNG THANH
(1874–1937)

Bà Lâm Hương Thanh, thế danh là Lâm ngọc Thanh, sanh năm Giáp Tuất (1874) tại làng Trung Tín, quận Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Thân mẫu là Bà Trần thị Sanh.

Bà Lâm ngọc Thanh là vợ của Ông Huyện Huỳnh ngọc Xây, nên Bà thường được người ta gọi là Bà Huyện Xây, là một nghiệp chủ rất giàu có tại Vũng Liêm. Ông và Bà có

một người con gái tên là Huỳnh thị Hồ.

Sau nầy Ông Huyện Xây chết, Bà gá nghĩa với Ông Huyện Hàm Nguyễn ngọc Thơ, một nghiệp chủ ở Tân Định Sài gòn. Hai Ông Bà đều hâm mộ Phật giáo, nên đều qui y theo Phật giáo, thọ giáo với Hòa Thượng Như Nhãn, trụ trì Chùa Giác Hải ở Phú Lâm, Chợ Lớn.

Bà Lâm ngọc Thanh rất sùng kính Đức Phật Thích Ca, nên kế bên biệt thự của Bà ở Vũng Liêm có lập một ngôi chùa Phật để gia đình Bà cùng với dân chúng xung quanh có nơi chiêm bái.

Bà Lâm ngọc Thanh được Đức Chí Tôn độ, nhập môn vào Đạo Cao Đài ngày mùng 6–6–Bính Dần (dl 16–7–1926).

Bà hiến dâng một phần sản nghiệp vĩ đại của Bà để giúp Đạo trong buổi sơ khai có được phương tiện hoằng hóa mối Đạo Trời. Bà biến ngôi chùa do Bà xây dựng ở bên cạnh nhà thành một Thánh Thất, thờ Đức Chí Tôn, để những người trong vùng đến đó nhập môn cầu Đạo. Ai thiếu kinh để tụng niệm thì Bà in kinh phát cho không, ai thiếu Đạo phục thì Bà giúp đỡ may sắm.

Với tình thầy trò giữa Hòa Thượng Như Nhãn và Ông Bà Nguyễn ngọc Thơ, Hòa Thượng Như Nhãn bằng lòng hiến ngôi chùa Từ Lâm Tự ở Gò Kén Tây Ninh cho Đạo Cao Đài dùng làm Thánh Thất tạm, tổ chức Lễ Khai Đạo, vả lại khi cất ngôi chùa nầy, Ông Bà Thơ đã đóng góp một số tiền lớn.

Trong ngày Đại Lễ Khai Đạo tại Thánh Thất tạm Từ Lâm Tự, ngày 15–10–Bính Dần (dl 19–11–1926), Bà Lâm ngọc Thanh thọ Thiên Ân Nữ Giáo Sư, Thánh danh là Lâm Hương Thanh. (TNHT. II. 13)

Từ ấy, Bà lo phổ độ nhơn sanh khắp các tỉnh, khi khai

đàn, lúc thượng tượng, giảng đạo, đọc Thánh ngôn cho nhơn sanh thấu hiểu Đức Chí Tôn giáng trần lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, là để chấn hưng Phật giáo lại cho hoàn toàn, qui nguyên Tam giáo, phục nhứt Ngũ Chi.

Trong kỳ Phong Thánh Nữ phái lần thứ I ngày 14–1–Đinh Mão (dl 15–2–1927), Đức Chí Tôn thăng Bà lên phẩm Nữ Phối Sư, cầm đầu Nữ phái, và phong người con gái của Bà, Cô Huỳnh thị Hồ, vào phẩm Nữ Giáo Sư, Thánh danh Huỳnh Hương Hồ.

Nhờ có phương tiện xe hơi nhà của Bà giúp cho Đạo nên việc đi lại phổ độ nhơn sanh của quí Chức sắc lúc bấy giờ được mau lẹ dễ dàng.

Khai Đạo tại chùa Gò Kén được 3 tháng thì Hòa Thượng Như Nhãn đổi ý, đòi chùa Từ Lâm Tự lại, không hiến cho Đạo Cao Đài nữa, và bắt buộc Hội Thánh phải dời đi nơi khác hành đạo. Hội Thánh họp lại, lo đi tìm mua đất đặng cất Tòa Thánh.

Theo sự hướng dẫn của Đức Đại Tiên Lý Thái Bạch, Hội Thánh hỏi mua được một miếng đất của Ông Kiểm Lâm người Pháp, tại làng Long Thành tỉnh Tây Ninh. Ông Thái Thơ Thanh và Bà Lâm Hương Thanh cho Hội Thánh mượn số tiền 25.000 đồng để mua đất và khai phá rừng, cất Tòa Thánh tạm bằng cây ván, để dời cơ sở từ chùa Từ Lâm về đất mới.

Bà Lâm Hương Thanh lãnh lịnh của Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, lo việc giao thiệp với Chánh quyền Pháp, xin mở cửa những Thánh Thất nào bị chánh quyền áp chế đóng cửa trước đây. Bà làm đơn cam kết Đạo Cao Đài là Phật giáo chấn hưng, thuần túy tu hành, không làm điều gì sai luật của chánh phủ.

Bà Lâm Hương Thanh và Ngài Thái Thơ Thanh xuất tiền riêng ra mua thêm một miếng đất rừng nữa, từ ngã ba Ao Hồ vào giáp với miếng đất đã mua cất Tòa Thánh, để tạo cảnh Cực Lạc Thế giới, gọi là Cực Lạc Cảnh. (Xem lại Tiểu sử của Ngài Thái Đầu Sư Thái Thơ Thanh)

Ngày mùng 9–3–Kỷ Tỵ (dl 16–4–1929), Bà Lâm Hương Thanh được thăng phẩm Nữ Chánh Phối Sư, chưởng quản các tín đồ Nữ phái.

Năm 1933, Tòa Thánh tạm cất bằng cây ván hư nát nhiều, Hội Thánh bàn tính việc xây cất Tòa Thánh bằng xi măng cốt sắt cho chắc chắn vĩnh viễn, theo họa đồ của Đức lý Giáo Tông chỉ vẽ, tổn phí giai đoạn đầu ước tính 20.000 đồng, mà Đạo lúc ấy còn nghèo, số tín đồ còn ít, nên không đủ tiền mua vật liệu. Ngài Thái Thơ Thanh và Bà giúp Hội Thánh một số tiền lớn để khởi công đào móng xây dựng.

Lúc ấy, nơi Tòa Thánh, các Chức sắc cao cấp trong Hội Thánh bị nội khảo, rồi ngoại khảo, nên việc xây cất Tòa Thánh phải đình trệ hoài, sự tiến triển chẳng có gì đáng kể.

Đến năm 1936, cơn khảo đảo đã lắng yên, Đức Phạm Hộ Pháp cầm quyền Hội Thánh, quyết tâm tiến hành xây dựng Tòa Thánh, bởi vì Tòa Thánh là thể diện của Đạo, nhưng lúc đó, nơi tủ của Hộ Viện cất tiền quỹ của Hội Thánh chỉ có vỏn vẹn 1 đồng rưỡi.

Đức Phạm Hộ Pháp liền đi Vũng Liêm gặp Bà Lâm Hương Thanh để thương lượng và sắp đặt. Bà chỉ cho Đức Hộ Pháp thấy lúa của Bà trong kho còn đầy ắp, chưa bán được vì kinh tế khủng hoảng, giá lúa quá thấp, chỉ có 2 cắc 1 giạ, nên Bà không có sẵn tiền mặt.

Sau đó, Bà vào tủ sắt lấy ra một cái hộp lớn đựng đầy vàng và hột xoàn, cẩm thạch, trao cho Đức Phạm Hộ Pháp.

Bà bảo Đức Phạm Hộ Pháp đem về Sài gòn cầm thế nơi Nhà băng thì đặng lối 100.000 đồng bạc Đông Dương, để lo xây cất Tòa Thánh.

Đức Phạm Hộ Pháp suy nghĩ, mượn thì dễ, mà làm sao Hội Thánh sau nầy có đủ tiền chuộc lại số vàng và hột xoàn nầy để trả lại cho Bà, nên Đức Phạm Hộ Pháp không dám lấy. Bà mới nói với Đức Phạm Hộ Pháp trong tình thân mật như Chị với Em:

– Chị tin Em, Em cứ khởi công làm, làm thì được, từ cái không mà sẽ có tất cả.

Năm Đinh Sửu (1937), Đức Phạm Hộ Pháp cùng Hội Thánh đi Nam Vang lo Đạo sự nơi đó, giao cho Bà ở nhà lo ngoại giao với nhà cầm quyền Pháp ở những nơi nào Đạo bị làm khó dễ. Bà đi hầu Tòa, rồi trở về, kế đó lâm bịnh.

Bà qui vị vào ngày mùng 8 tháng 4 năm Đinh Sửu (dl 17–5–1937) đúng vào ngày Lễ Thánh đản của Đức Phật Thích Ca, tại quê nhà ở Vũng Liêm, hưởng thọ 64 tuổi.

Đức Phạm Hộ Pháp lúc đó đang hành đạo ở Nam Vang, được tin điện, cấp tốc trở về để cùng Hội Thánh lo tang lễ cho Bà.

Một điều huyền diệu là khi Bà Lâm Hương Thanh còn sống thì Ba lo đi ngoại giao với chánh quyền Pháp về việc Đạo, rồi khi thoát xác đăng Tiên, Bà cũng lo y như vậy. Số là Đạo xin phép khai đàn, nhà cầm quyền Pháp lúc đầu thì cho, sau lại cấm. Hội Thánh chưa biết tính sao thì Bà liền giáng cơ nói: Để Bà lo việc đó cho và yêu cầu Hội Thánh cử người đến xin, kỳ sau thì được dễ dàng. Quả đúng y như vậy.

Sau khi Bà qui vị được 17 ngày, đến ngày 25–4–Đinh Sửu (dl 3–6–1937), Bà được Đức Chí Tôn ân tứ lên phẩm Nữ Đầu Sư, vì Bà là người có đại công với Đạo trong buổi

sơ khai và là chị cả của Nữ phái, dìu dẫn đàn em Nữ phái.

Về sau, Hội Thánh đem hài cốt của Bà ở Vũng Liêm về Tòa Thánh, đặt vào Bửu tháp Nữ Đầu Sư, xây ở phía Tây Lang Tòa Thánh, và tượng của Bà được tạc ở mặt tiền Tòa Thánh, phía bên Nữ phái, trên Lôi Âm Cổ Đài, để nhơn sanh chiêm ngưỡng một bậc Chức sắc đại công của Đạo.

Bài thi để làm Bài Thài tế điện Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh:

Đầy giỏ Hoa Lam chất ái tình,
Y theo mặt luật của khuôn linh.
Thử căn linh thể nơi phàm tục,
Mới hưởng hồng ân chốn ngọc đình.
Nam Hải là bờ ao Thất Bửu,
Tây Ninh nền tổ quán Tam Thanh.
Thuyền từ trở lái lìa sông lệ,
Nhớ bạn chơn mây gởi tấc thành.

Tại Đền Thánh, đêm mùng 7 rạng mùng 8 tháng 4 năm Kỷ Sửu (dl 5–5–1949), là ngày Vía Đại Đàn cúng Đức Phật Thích Ca, và cũng là ngày Lễ Kỷ niệm Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh đăng Tiên, Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo nói về nguyên căn của Bà, xin trích ra sau đây:

"Đêm nay là Vía Đức Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni mà cũng là ngày vía Chị Cả của chúng ta là Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh.

Chẳng biết ngẫu nhiên hay là tiền định mà Bà Nữ Đầu Sư qui liễu nhằm ngày Vía Đức Phật Thích Ca. Theo Bần đạo hiểu biết, tưởng những người ái mộ Đạo Phật nồng nàn hơn hết, chúng ta có thế nói rằng: Bà Nữ Đầu Sư cũng là người đứng đầu sổ của thiên hạ vậy.

Trước ngày Đức Chí Tôn mở Đạo, Bà Đầu Sư duy có

biết Đạo Phật mà thôi, chính miệng Bà thuật lại với Bần đạo như vậy. Từ bé, Bà chỉ để tâm ham mộ Đạo Phật. Đức Chí Tôn đứng vào Phật vị, nên Bà thương lắm, thương một cách nồng nàn. Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài, tức nhiên là Đức Chí Tôn mở Phật giáo Chấn hưng đó vậy.

Ngày nay là Lễ của Đức Phật Thích Ca và của Chị chúng ta, chúng ta nên để tâm cầu nguyện Chơn linh của Ngài và của Bà, tức nhiên Long Nữ, cả thảy chúng ta đều biết cái bí mật ấy.

Bà Nữ Đầu Sư, Chơn linh là Long Nữ. Long Nữ là ai? Thật ra, là người hầu của Đức Phật Quan Âm Bồ Tát đó vậy.

Bần đạo hiểu về cái thuyết bí mật của Đức Quan Âm Bồ Tát, đã lãnh trách nhiệm trọng yếu, vâng lịnh Đức Di-Lạc Vương Phật, chưởng quản điều khiển Bát Nhã Thuyền.

Vì cớ cho nên Đức Quan Âm Bồ Tát không thể giáng trần được, chính mình Long Nữ là người hầu của Đức Quan Âm tình nguyện giáng trần đặng hiệp với các Chơn linh khác, các Cung các Điện và Hộ Pháp, đặng mở nền Chánh giáo của Đức Chí Tôn, hầu tạo cơ giải thoát, tận độ vạn linh."

Sau đây, xin chép lại một bài giáng cơ của Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh tại Hộ Pháp Đường, đêm 1–1–1946, phò loan: Khai Đạo và Sĩ Tải Lợi.

"Chào Trí Thanh, cùng mấy em.

LÂM tuyền đã ẩn mấy thu sang,
HƯƠNG đượm nhuần trăng đã lố màn.
THANH thủy châu về hườn kiếm báu,
Để danh đến buổi đất nhà an.

Khai Đạo bạch: ... ...

– Đây hết buổi phong ba, đến hồi an tịnh. Vậy mà không sao. Mình muốn cho yên, trước phải loạn, sau mới yên được.

Muốn nước đang đục lóng trong thì phải quậy trộn cho dữ mới lóng bùn được.

Đạo có khảo mới cao. Chức sắc bị khảo mà chịu nổi mới có giá trị. Học trò chịu khảo thí mới lãnh cấp bằng. Nếu từ chối thì rớt. Thế thường học nhiều đậu ít.

Còn nơi đây là Trường Công Quả, vậy vị nào muốn xứng đáng môn đệ của Đức Chí Tôn thì chẳng bao giờ ngần ngại các việc công quả, cho chung Thánh Thể Đức Chí Tôn, cũng do nơi mấy em đào tạo về mặt ngoại giao.

Vậy có câu:

Ái nhơn, nhơn hành ái chi,
Bất ái nhơn, nhơn hành bất ái chi.
Kỉnh nhơn, nhơn hành kỉnh chi,
Bất kỉnh nhơn, nhơn hành bất kỉnh chi.

Có cảm mới có ứng. Nên hiểu lọc lừa đi cho khéo, đồ cho trúng thời đắc chí sở nguyện.

Tâm vững, cầm lèo lái chạy qua bỉ ngạn. Tuy sóng to gió lớn, lượn sóng xuôi sẽ chạy, miễn rằng ngó phía trước thuyền, tránh cho lẹ những đồ vật ngăn cản.

Sĩ Tải Lợi bạch: ... ...

– Sợ không quen sóng gió, buồn mữa. Nếu có mữa thì uống nước chanh. Mình ăn phủ bì chúng nó mà.

– Em Thái Khý Thanh, nhờ mới để bộ râu nên vuốt râu thả mồi câu chúng nó. Nó mảng nghĩ nhìn bộ râu, quên cả sự nghiệp, đành chịu phọt phe.

Ước mong sao mấy vị trong đám cầm cờ chỉ nẻo Cửu Trùng đồng phun râu, chúng nó mới kinh hãi.

Qua mừng và khen tặng Chú Khách nầy làm gương cho kẻ Việt.

Nam Hải Prasey ấy vẫn gần,
Hai đàng buổi trước lại đồng thân.
Nhớ nhau khuyên nhủ đôi lời tặng,
Cùng bạn khi xưa lúc ở trần.

THĂNG

Nữ Đầu Sư
NGUYỄN HƯƠNG HIẾU
(1887–1971)

BẢN TUYÊN DƯƠNG CÔNG NGHIỆP

Của Nữ Đầu Sư Nguyễn Hương Hiếu, đăng Tiên ngày 11 tháng 5 Nhuần năm Tân Hợi (dl 3–7–1971), do Ngài Hiến Pháp Trương hữu Đức Quyền Chưởng Quản HTĐ đọc tại Đền Thánh vào lúc 9 giờ 26 phút ngày 14–5 nhuần-Tân Hợi.

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT.

Kính thưa Hội Thánh Hiệp Thiên, Cửu Trùng và PT,

Kính thưa chư Chức sắc, Chức việc và toàn đạo Nam Nữ,

Kính thưa quí vị,

Đức Nữ Đầu Sư Nguyễn Hương Hiếu đã qui Thiên ngày 11 tháng 5 Nhuần năm Tân Hợi (dl 3–7–1971) hồi 14 giờ tại Nữ Đầu Sư Đường, Tòa Thánh Tây Ninh, hưởng thọ 85 tuổi, sau một thời gian ngọa bịnh tại bệnh viện Đồn Đất (Grall) Sài gòn.

Trước khi tuyên dương công nghiệp của Đức Bà, tôi xin trân trọng lược thuật Tiểu sử của Đức Bà như sau:

Bà Nguyễn Hương Hiếu sinh năm Đinh Hợi (1886) tại đường Paulbert, Đa kao Sài gòn, con của Cụ Nguyễn văn Niệm và Cụ Bà Trần thị Huệ (đều chết).

Khi mới sanh, Bà Nội muốn tỏ dấu một nhà đạo đức nên thể theo tên của cha là Niệm, đặt tên là Nguyễn thị Hương. Còn Bà Ngoại lại đặt tên là Hiếu. Muốn vừa lòng cả Nội Ngoại đôi bên, nên khi ở bên Nội thì gọi tên Hương, khi về bên Ngoại thì gọi tên là Hiếu.

Thân sinh quê quán tại Cần Thơ, thân mẫu ở miền Gia Định.

Khi Bà vừa lên 7 tuổi, được thân mẫu cho vào học trường Bà Phước (Nhà Trắng) Sài gòn. Đến năm 17 tuổi, thân mẫu cho Bà học Nữ Công, đến năm 21 tuổi thì Bà sánh duyên cùng Ông Cao quỳnh Cư ở làng Hiệp Ninh (Tây Ninh), năm 23 tuổi, Bà hạ sanh được một trai, đặt tên là Cao quỳnh An.

Phần Đạo:

Đến năm Bà 38 tuổi, gặp thời kỳ Đức Chí Tôn đến khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Một sự ngẫu nhiên của cơ huyền

bí mà trước kia 3 Ông: Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh, có tánh cách xây bàn cầu vong để làm thi tiêu khiển, chẳng ngờ Đức Chí Tôn giáng khai cơ mở Đạo tại tư gia của Bà trước tiên, ở đường Bourdais nhà số 134 Sài gòn (hiện giờ là đường Calmette).

Năm 1925, mới khai Đạo chưa có Thánh Thất, nên các Đấng dạy tạm dùng nhà Bà để thờ Đức Chí Tôn và Phật Mẫu đặng có nơi cầu cơ dạy đạo và dìu dắt nhơn sanh trong buổi đầu là năm 1925; đến năm 1926 mới mở Đạo lần tới Tân Kim, Tân Định, Lộc Giang, Thủ Đức, trong buổi chưa có ngọc cơ, còn xây bàn, các Đấng giáng dạy đạo cho Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm, Đức Thượng Sanh thì bàn gõ từ chữ. Đức Thượng Phẩm đọc chữ nào, Bà biên chữ nấy, rồi mới ghép lại cho thành văn.

Vì thế mà lúc còn xây bàn, các Đấng giáng cho một bài thi bát cú hay tứ tuyệt hoặc dạy một việc gì, khi chép xong rồi mới ghép lại một bài thật lâu lắm, mà mỗi đêm mỗi cầu. Buổi ấy, Bà làm Biên Tập Viên (Thơ ký) cho các Đấng, chép thi văn dạy đạo rất cao kỳ mầu nhiệm, ban đêm làm Thơ ký chép Thánh giáo, ban ngày lo nấu ăn tiếp đãi khách thượng, trung, hạ lưu xa gần đến nhập môn.

Trong 2 năm 1925, 1926, chưa có người để chép Thánh giáo, nên Bà được vừa làm Thơ ký cho các Đấng, vừa đón tiếp nhơn sanh từ tháng 6 năm Ất Sửu (1925) đến năm Bính Dần (1926).

Hồi chưa có Tòa Thánh, còn trong buổi phôi thai, mỗi khi khai đàn thượng tượng (thờ Thầy) đều có Bà theo chép Thánh giáo đem về cho Đức Thượng Phẩm. Nên có Thánh giáo "*Thầy kêu: Hiếu, viết rõ con.*" Buổi ấy, Bà quên gia đình và sản nghiệp, chỉ vui say theo đường đạo, do các Đấng thường giáng dạy.

Đến tháng 3 năm Bính Dần (1926), Đức Chí Tôn giáng cơ dạy Bà may Thiên phục cho Ông Thượng Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, kế tiếp may Thiên phục cho Chức sắc HTĐ và CTĐ. HTĐ từ Thập nhị Thời Quân, CTĐ từ phẩm Lễ Sanh trở lên. Bà nhớ lời Đức Chí Tôn dạy: "Hiếu! con lo may Thiên phục cho mấy anh con cho kịp ngày Đại Hội, là ngày Khai Đạo tại Chùa Gò Kén (Từ Lâm Tự) vào ngày 14 tháng 10 năm Bính Dần." (dl 18–11–1926).

Do đàn cơ ngày 24 tháng 10 năm Bính Dần (1926), Đức Chí Tôn giáng dạy Bà Hiếu phải dọn đồ về Tây Ninh để chung lo việc Đạo cùng Cư, Tắc. Phải chịu khổ cực cùng Thầy, vì việc Đạo là trọng. Từ ấy, Bà nghe theo Thánh giáo về hành đạo tại Tây Ninh.

Ngày khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nhằm ngày 14 tháng 10 năm Bính Dần tại Chùa Từ Lâm Tự, Gò Kén, Tây Ninh. Cả thảy Chức sắc Hiệp Thiên, Cửu Trùng đều về Chùa Gò Kén, Bà đồng đi một lượt để làm công quả, ban ngày lo tiếp đãi Chức sắc, bổn đạo và quan khách ngoài đời, vì lúc sơ khai, không có công quả hiến thân, nên Bà lo đi chợ nấu nướng đãi ăn, 5 giờ chiều là lo viết sớ cho Nữ phái nhập môn, dạy 5 câu nguyện cho thuộc, đến giờ Tý tiến dẫn nhập môn vào hầu Đức Lý Giáo Tông. Vì buổi khai Đạo chưa có Đồng nhi, Bà phải làm Đồng nhi đọc kinh cúng Tứ thời, và đọc kinh mỗi khi cầu cơ, suốt 3 tháng, mỗi đêm đều như vậy. Bà còn may Thiên phục cho Chức sắc, Chức việc tại Chùa Gò Kén.

Qua ngày 14 tháng Giêng Đinh Mão (dl 15–2–1927), Bà thọ phong Giáo Sư Nữ phái do đàn cơ Phong Thánh kỳ I.

Đến ngày 20 tháng 2 năm Đinh Mão (dl 23–3–1927), Hội Thánh trả Chùa Gò Kén lại cho Ông Hòa Thượng Giác Hải, thỉnh cốt Đức Phật Thích Ca về đất mới mua là nơi

Tòa Thánh ngày nay. (Buổi ấy gọi là Chùa mới).

Chỗ nầy, trước kia là một khu rừng rậm, chưa có nhà ai cho lắm, chỉ là nơi rừng thiêng nước độc. Khi dọn về đất mới, Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm và công quả phá rừng không có nhà ở, nên tạm dùng cái nhà bò ở để nấu ăn cho công quả phá rừng mỗi ngày, cho đến ngày cất Tòa Thánh tạm xong, mới có Chức sắc tựu về đông đảo, tiếp cất Hậu Điện, Đông Lang, Tây Lang, Trù phòng, vv... Bà chỉ dẫn cho Trù phòng lo đi chợ mua nấu cho công quả ăn.

Năm Mậu Thìn (1928), tạo tác vừa xong, bỗng đâu bão tố bất ngờ, Đức Cao Thượng Phẩm bị bạc đãi xô đuổi, Bà liền trở về Thảo Xá Hiền Cung. Trò đời gẫm lại buồn cười, nhưng xét lại, xưa nay bực Chí Thánh cũng không thoát khỏi tuồng đời khinh bạc.

Đầu năm Kỷ Tỵ (1929), Đức Cao Thượng Phẩm qui Thiên vào lúc 10 giờ ban mai ngày mùng 1 tháng 3 năm Kỷ Tỵ (1929), Bà lo Tuần tự cho Đức Cao Thượng Phẩm xong xuôi rồi, Bà trở lại Tòa Thánh tiếp tục làm công quả nữa.

Năm Canh Ngũ (1930), Bà vâng lịnh Đức Lý Giáo Tông bắt thăm đi hành đạo giữa Bửu điện, Bà bắt trúng thăm đi hành đạo tỉnh SaĐéc, sau được lịnh Hội Thánh cho kiêm luôn tỉnh Thủ Dầu Một. Hành đạo 2 tỉnh được 3 năm (từ năm 1930 đến năm 1933), qua năm 1934 dạy Giáo Nhi một năm.

Năm Ất Hợi (1935), Bà được thăng phẩm Phối Sư, hành đạo tại Tòa Thánh chung với Chức sắc Nữ phái, vừa tiếp tân, vừa dạy may Thiên phục cho Chức sắc Nam Nữ tại Sở may "Linh Đức" đến năm 1941, nền Đạo chinh nghiêng, bị nhà cầm quyền Pháp bắt Chức sắc Đại Thiên Phong đày ra hải ngoại. Tòa Thánh và các Thánh Thất bị đóng cửa. Chức

sắc phẩn nhiều tản lạc, Bà trở về Thảo Xá Hiền Cung.

Năm 1942, xuống Sài gòn hiệp tác Hãng Tàu để chung lo với anh em Chức sắc Nam Nữ về mặt Đạo.

Năm 1946, nền Đạo phục hưng, Chức sắc Nam và Nữ tựu về Tòa Thánh. Hội Thánh phân cắt Cửu Viện Nam Nữ. Bà vâng Sắc Huấn số 30/SH ngày 21–9–Bính Tuất (1946) lãnh chưởng quản 3 Viện: Hòa, Lại, Lễ Nữ phái (còn ở phẩm Phối Sư) cho đến ngày 16–11–Canh Dần (dl 22–12–1950).

Đến năm Mậu Thân (1968), Thánh Lịnh số 01/TL ngày 24–10–Mậu Thân (dl 13–12–1968) thăng phẩm Đầu Sư Chánh vị, Bà cầm quyền chưởng quản CTĐ Nữ phái cho đến ngày nay.

Kính thưa quí vị,

Trên đây là phần Tiểu sử của Đức Bà Hương Hiếu.

Về phần biểu dương công nghiệp của Đức Bà, tôi trích lục sau đây Huấn từ của Đức Thượng Sanh đọc tại Đền Thánh ngày 18 tháng 11 Mậu Thân (1968), nhơn cuộc Lễ Tấn Phong Đức Bà lên phẩm Nữ Đầu Sư chánh vị. Thiết nghĩ bài nầy đầy đủ công nghiệp của Đức Bà, tôi có viết thêm cũng bằng thừa.

"Kính thưa Hội Thánh Lưỡng Đài Hiệp Thiên, Cửu Trùng và Hội Thánh Phước Thiện.

Kính thưa chư Chức sắc Lưỡng phái,

Hôm nay là ngày Lễ Tấn Phong Bà Nữ Đầu Sư Nguyễn Hương Hiếu, thọ Thiên ân Đầu Sư Chánh vị Nữ phái do Thánh giáo của Đức Lý Nhứt Trấn Oai Nghiêm tại Cung Đạo đêm 20 tháng 10 Mậu Thân (dl 9–12–1968).

Lễ lập thệ đã cử hành xong. Từ đây Chức sắc Nữ phái CTĐ đã có vị Đầu Sư cầm quyền điều khiển dìu dắt trên

đường Thánh đức để trau giồi đạo hạnh, lập chí vị tha cho xứng đáng là bậc Nữ Thánh nhơn trong cửa Đại Đạo.

Đức Lý Đại Tiên ban ân huệ cho Bà Nguyễn Hương Hiếu, thật là một sự thăng thưởng công minh và một khích lệ lớn lao cho toàn thể Nữ phái.

Trên đường lập vị, Bà Nguyễn Hương Hiếu là Chức sắc Nữ phái duy nhất đã đạt tới phẩm vị tối cao với một công nghiệp có thể nói là phi thường và một tinh thần phục vụ đáng kính phục.

Bà là một tín đồ Cao Đài trước khi Đạo Cao Đài chính thức ra đời, một Nữ Chức sắc đầu tiên đã có mặt trong đêm 3 Ông: Cư, Tắc, Sang, họp nhau chơi xây bàn và tiếp xúc được với các Chơn Linh cõi Vô hình, tức là đêm 7 tháng 6 năm Ất Sửu (dl 27–7–1925).

Từ đó về sau, đêm nào Bà cũng tiếp tay với 3 vị kể trên để chép thi văn hoặc những câu đàm thoại của các Chơn Linh. Đến sau có các Đấng Thiêng liêng giáng cơ thì Bà lãnh phận sự Thơ ký chép Thánh ngôn và tiếp đãi quí khách trong hàng trí thức tới lui ngày càng nhiều để tìm Đạo hoặc chứng kiến sự mầu nhiệm của cơ bút.

Mỗi đêm Bà phải thức đặng hầu bút trong đàn cơ, xong rồi thì lo lắng bữa ăn giải lao cho 3 vị chủ nhân và quí khách là những bạn thân đến hầu đàn, không quản cực nhọc, không chút than phiền. Nhờ sự giúp sức về tinh thần của Bà mà cuộc chơi xây bàn của 3 Ông: Cư, Tắc, Sang, đã đưa tới giai đoạn sáng lập nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hiện tại trong nước Việt Nam.

Đức Thượng Phẩm nhờ có người bạn đường đồng tâm nhứt trí như Bà mới phấn khởi bỏ cả công danh sự nghiệp lo lập công tạo thành nền tảng của Đạo lúc ban sơ.

Sau ngày Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt gởi Tờ Khai Đạo cho quan Thống Đốc Nam Kỳ, số người nhập môn ngày càng thêm đông, công việc của Bà càng thêm nặng nhọc. Mỗi đêm Bà phải ra công dạy mấy chục Đồng nhi đọc kinh cho đúng theo nhịp và vâng theo lịnh của Đức Chí Tôn, Bà lãnh may Thiên phục cho tất cả Chức sắc Hiệp Thiên và Cửu Trùng cho kịp ngày Khai Đạo tại Chùa Gò Kén.

May Thiên phục cho Chức sắc do theo Thánh giáo chỉ dạy, chẳng phải là một việc dễ dàng mà ai cũng làm được, nhứt là lúc ban sơ không có một kiểu mẫu nào sẵn, nhưng nhờ Bà có khiếu thông minh, nhờ tài Nữ công tinh xảo nên áo mão của phẩm vị nào Bà cũng trù nghĩ may đúng theo Thánh ý của Đức Chí Tôn.

Kế đó, vâng theo Thánh giáo đêm 24 tháng 9 Bính Dần (1926), Bà phế đời cùng Đức Cao Thượng Phẩm về Chùa Từ Lâm Gò Kén, nhằm ngày Rằm tháng 10 Bính Dần, là ngày thiết lễ Khai Đạo và ở luôn nơi đó cho tới hơn 3 tháng sau, Bà cùng Đức Thượng Phẩm lo dời Thánh Thất về đất mới làng Long Thành, Tây Ninh.

Bà góp sức chịu cực khổ lo việc Trù phòng nuôi công quả, tổng số hơn 300 người, do Đức Thượng Phẩm điều khiển công cuộc phá rừng và lập Thánh Thất tạm nơi vùng đất mới, tức là vùng Nội Ô Thánh địa hiện tại.

Đầu tiên, Bà Nguyễn Hương Hiếu thọ phong chức Giáo Sư tại Từ Lâm Tự, Gò Kén, ngày 14–Giêng-Đinh Mão (dl 15–2–1927). Đó là đàn cơ thứ nhứt phong thưởng Nữ phái.

Qua năm Ất Hợi (1935), Bà được thăng phẩm Phối Sư, và đến ngày 16–11–Canh Dần (1950), Bà được thăng phẩm Chánh Phối Sư, chưởng quản Lại Viện, Lễ Viện và Hòa

Viện Nữ phái.

Bà hành quyền Chánh Phối Sư trong 18 năm, cho tới ngày 20–10–Mậu Thân (dl 9–12–1968), Đức Lý Nhứt Trấn Oai Nghiêm ban ân huệ cho Bà lên Nữ Đầu Sư chánh vị.

Một đời tận tụy vì Đạo, vì chúng sanh, hơn 43 năm công nghiệp chịu bao nhiêu gian lao khổ hạnh, chết về mặt đời, sống về mặt Đạo, trải qua nhiều cơn thử thách cay nghiệt, Bà phải nát gan bấm ruột, trong lúc người bạn đường đã qui vị, đứa con trai độc nhất lại từ trần bên Pháp quốc, kế ít lâu Cụ thân mẫu của Bà lại từ giã cõi đời.

Bà chỉ còn một mảnh thân bơ vơ cô độc trong tình cảnh não nùng bi đát, để rồi khi nắng sớm mưa chiều, lúc canh tàn đêm lụn, Bà không thể ngăn được giọt thảm đầm đìa để khóc chồng, khóc con, và khóc mẹ.

Đường tử biệt đã làm cho tan nát cảnh gia đình, tất cả hy vọng đều đổ vỡ thì người trong cuộc còn biết trông cậy vào đâu để sống còn trong những chuỗi ngày sầu thảm.

Nhưng may thay, nhờ Bà đã thâm nhiễm mùi Đạo, tự biết muôn sự ở đời đều là giả cuộc, kiếp phù sinh như cảnh hoa sớm nở tối tàn, nhứt là nhớ lời khuyên nhủ của các vị Tiên Nữ DTC, nên Bà tự an ủi lấp thảm vùi sầu, khuây khỏa với tiếng kệ kinh, lấy chữ vị tha làm mục đích, tận tâm phục vụ, dắt dìu Nữ phái, quyết lòng hiến cả tâm hồn lẫn xác thân cho nền Đại Đạo.

Vì vậy, sự ban thưởng phẩm vị Nữ Đầu Sư cho Bà Nguyễn Hương Hiếu thật là đúng chỗ và xứng đáng.

Kính thưa Hiền Tỷ Đầu Sư,

Hiền Tỷ đã đạt đến cấp bậc tối cao của Nữ phái CTĐ, đó là một vinh hạnh siêu nhiên mà không có một vinh hạnh nào ở cõi trần nầy sánh bằng. Hiền Tỷ có quyền hưởng thụ

và Hiền Tỷ nên vui mừng vì sự ban thưởng cho Hiền Tỷ là một ân huệ thiêng liêng để đền đáp lại 43 năm công nghiệp và một tấm lòng son sắt vì Đạo, thủy chung như nhứt.

Giờ đây đến lúc thi hành sứ mạng. Hễ phẩm vị càng cao thì trách nhiệm càng nặng, phận sự càng khó khăn.

Nếu không lấy Đạo làm trọng, lấy đức làm căn bản, lấy lẽ công làm chuẩn thẳng, lấy cương trực làm đường lối, thì không thể thực hành đúng đắn phận sự.

Phải sợ Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu hơn sợ mích lòng người thì mới hẳn là vô tư, còn vị nể cá nhân hơn tôn trọng Luật Đạo thì chẳng phải là tư cách của người cầm quyền. Vì cán cân công bình một khi đã chênh lệch thì đạo đức không còn tồn tại mà việc làm chỉ là tác động quá tầm thường của kẻ phàm tục.

Hiền Tỷ đã có nhiều kinh nghiệm trong trách vụ điều khiển Nữ phái, tôi tin chắc là Hiền Tỷ có đủ sáng suốt nhận định để nâng cao đời sống tinh thần của Nữ phái và giúp nên cho Đạo trong sứ mạng cao trọng mà Đức Lý Đại Tiên đã giao cho Hiền Tỷ."

(Tới chỗ nầy là dứt phần trích trong Bài Huấn Từ của Đức Thượng Sanh, tuyên dương công nghiệp Bà Nữ Đầu Sư Nguyễn Hương Hiếu, trong buổi lễ Tấn Phong Nữ Đầu Sư tại Tòa Thánh.)

Kính thưa Quí vị,

Trước khi dứt lời, tôi xin thành tâm cầu nguyện Ơn Trên Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu cùng các Đấng Thiêng liêng ban phước lành cho toàn thể Hội Thánh, Chức sắc, Chức việc và toàn đạo Nam Nữ, và xin chơn thành phân ưu cùng tang quyến.

Sau nữa, xin quí vị đồng cùng tôi dành đôi phút để

tưởng niệm công đức của Đức Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu.

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT.

Hiến Pháp, Quyền Chưởng Quản HTĐ

Bài Thài hiến lễ Bà Nữ Đầu Sư Nguyễn Hương Hiếu:

Tu hành gắng chí lập dày công,
Đến buổi chung qui hưởng phước hồng.
Cửa Đạo gay go trường khổ hạnh,
Đường Tiên nhàn rỗi bước thong dong.
Lợi danh ví muốn cho đầy đủ,
Tội lỗi càng thêm nỗi chất chồng.
Cuộc thế chẳng qua trò mộng ảo,
Ngày về nhắm mắt nắm tay không.

Bài thi nầy, Bà Nữ Đầu Sư viết ra lúc còn mạnh khỏe và đang ở phẩm Nữ Chánh Phối Sư, và có đăng trong Quyển Đạo Sử I của Bà. Khi Bà đăng Tiên, Hội Thánh lấy bài thi nầy là Bài Thài hiến lễ.

Đối với nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Bà Nữ Đầu Sư Nguyễn Hương Hiếu là vị Đệ nhị Nữ Đầu Sư, sau Đệ nhứt Nữ Đầu Sư là Bà Lâm Hương Thanh, nhưng thực tế, thì Bà Nguyễn Hương Hiếu là vị Nữ Đầu Sư đầu tiên ngự nơi Nữ Đầu Sư Đường, trực tiếp chưởng quản Hội Thánh Nữ phái CTĐ, bởi vì Bà Lâm Hương Thanh khi qui vị vẫn còn ở phẩm Nữ Chánh Phối Sư, sau đó mới được truy thăng lên phẩm Nữ Đầu Sư.

Vì vậy hình ảnh của Bà Nữ Đầu Sư Nguyễn Hương Hiếu đã in sâu vào tâm khảm của nhiều thế hệ Chức sắc Nữ phái CTĐ.

Bà là Nữ môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn, là Thơ ký duy nhất của Đức Chí Tôn và các Đấng trong thời gian

ban sơ nền Đạo, từng theo quí Ngài: Đức Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh, chép Thánh ngôn Thánh giáo.

Bà và Đức Cao Thượng Phẩm là 2 người đầu tiên vâng lịnh Đức Chí Tôn phế đời hành đạo.

Cuộc đời của Bà, Tiểu sử của Bà gắn liền với 46 năm Lịch sử của Đạo Cao Đài kể từ năm 1925 đến năm 1971, tức là kể từ lúc nền Đạo còn tiềm ẩn, đến lúc sơ khai, rồi phát triển, rồi bị chinh nghiêng do những khủng bố của bạo quyền, đến lúc phát đạt vinh quang.

Bà là một Nữ môn đệ được Đức Chí Tôn yêu ái nhứt. Bà có ghi lại những lời của Đức Chí Tôn ban cho Bà như sau:

"Ở nhà Đức Cao Thượng Phẩm mỗi ngày đêm Đức Chí Tôn giáng dạy Đạo. Lúc nọ, Thầy sai 3 Ông đi trọn một tuần lễ, để tôi ở nhà, nhớ Thầy, buồn quá! Tôi cúng thời chiều, ngước lên Thiên Bàn khóc mà nói rằng: Con biết Thầy có ngự nơi Thiên bàn, nhưng Thầy vắng một tuần rồi, con không thấy lời Thầy dạy, con nhớ quá!

Chiều Chúa nhựt, 3 Ông về, tôi liền thắp đèn nhang cầu Thầy.

Thầy giáng nói với tôi như vầy:

– Hiếu muốn cầu Thầy hơn ai hết.

Trước vốn yêu,
Nay cũng yêu,
Con gái út,
Có bao nhiêu,
Khuyên con lòng vậy mãi,
Cái mến con thương Thầy đều."

Bà Nữ Đầu Sư Nguyễn Hương Hiếu có biên soạn 2 Bộ sách: Nữ Trung Bá Hạnh và Đạo Sử.

- **NỮ TRUNG BÁ HẠNH**: cũng gống như sách Nữ Trung Tùng Phận của Tiên Nương Đoàn thị Điểm, dùng để giáo dục Nữ phái, nhưng Bà viết theo thể văn xuôi, dẫn giải và rập khuôn theo Nho giáo, nên có nhiều điểm còn khó khăn và cầu kỳ đối với phụ nữ thời Tam Kỳ Phổ Độ.
- **ĐẠO SỬ**: gồm 2 quyển I và II:
  - **QUYỂN I**: nói về thời kỳ Xây Bàn năm Ất Sửu 1925.
  - **QUYỂN II**: nói về giai đoạn lịch sử từ 1926 đến 1929.

Hai quyển Sử nầy rất quí báu, và rất được người sau tin cậy, vì nó rất chơn thật, ghi lại rất chính xác ngày tháng năm của các sự kiện quan trọng xảy ra buổi đầu tiên, khởi sự Đức Chí Tôn xây dựng nền Đại Đạo.

Nữ Đầu Sư Hàm Phong
HỒ HƯƠNG LỰ
(1878–1972)

BẢN TUYÊN DƯƠNG CÔNG NGHIỆP

Của Bà Nữ Đầu Sư Hàm Phong Hồ Hương Lự, đăng Tiên ngày 22–11–Nhâm Tý (dl 27–12–1972) tại Nữ Đầu Sư Đường, Tòa Thánh Tây Ninh.

Ngài Hiến Pháp, Quyền Chưởng Quản HTĐ đọc Bản Tuyên Dương Công Nghiệp nầy trước Liên đài đặt tại

Đền Thánh, vào lúc 9 giờ 17 phút ngày 24–11–Nhâm Tý (dl 29–12–1972).

Kính thưa Hội Thánh,

Kính chư Chức sắc Thiên phong, Chức việc và toàn Đạo Nam Nữ,

Kính chư quí Quan Khách,

Nhân danh Quyền Chưởng Quản HTĐ và Thống Quản Nữ phái CTĐ, tôi xin long trọng tuyên dương công trạng của Đức Bà Nữ Đầu Sư Hồ Hương Lự vừa qui Thiên vào ngày 22 tháng 11 Nhâm Tý, hưởng thọ 95 tuổi.

- **Về phần Đời:**

Bà Hồ Hương Lự, tức Hồ thị Lự, sanh ngày 26–6–Mậu Dần (1878) tại Ích Thạnh, tổng Long Vĩnh Hạ (Gia Định), chồng là Ông Cao hoằng Ân, Thẩm Phán đầu tiên tại Việt Nam.

- **Về phần Đạo:**

Đắc phong phẩm Giáo Sư tại Kim Biên ngày Rằm tháng 8 năm Đinh Mão (dl 10–9–1927).

Rằm tháng 10 năm Ất Hợi (dl 10–11–1935), Bà được thăng phẩm Phối Sư.

Công nghiệp:

Năm Kỷ Tỵ (1929), Bà về Tòa Thánh giúp việc nơi Lương Viện.

Qua năm Canh Ngọ (1930), làm Quản lý Sở May và làm công quả nơi Nhà Khách.

Năm Nhâm Thân (1932), lãnh Quản lý Lương Viện, Trù phòng và thay mặt Bà Nữ Chánh Phối Sư tại Tòa Thánh. Sau đó bắt thăm đi hành đạo, làm Đầu Họ Đạo Long Xuyên.

Sau lại không người thế nơi Phòng Trù, nên Đức Quyền

Giáo Tông cho phép Ông Giáo Sư Thượng Sáng Thanh kiêm luôn Nữ phái.

Qua năm Bính Tý (1936), vì bịnh nên phải nghỉ một thời gian, khi bình phục sức khỏe, Bà về giúp việc tại Nhà may Linh Đức.

Sau ngày Đức Phạm Hộ Pháp cùng nhiều Chức sắc phái Nam vắng mặt, Bà vẫn ở tại Tòa Thánh để chung lo Đạo với Hội Thánh.

Trong lúc người Pháp chiếm Tòa Thánh, Nhà may Linh Đức phải dọn về nhà Bà Giáo Sư Hương Nhiều. Sau người Pháp lấy Linh Đức làm trường học thì nhà may phải dọn về tiệm Minh Đức một thời gian rồi giải tán.

Trong lúc Đạo chinh nghiêng, chư Chức sắc cao cấp Nam phái không còn ai ở nơi đây, chỉ còn mấy vị Lễ Sanh Nam Nữ chung lo giúp sức với Bà. Nhà cầm quyền Pháp lại chở hết tài sản của Đạo, chỉ còn lại chút ít đồ của Hội Thánh mà thôi.

Cuối năm Canh Thìn (1940), Bà phải về nhà dưỡng bịnh vì kém sức khỏe, mãi đến tháng 4 năm Ất Dậu (1945), Bà mới trở lại Tòa Thánh tiếp tục việc Đạo.

Lúc lưu lại Sài gòn, Bà ở tại nhà ái nữ của Bà là Cô Cao thị Cường và con trai là Cao hoài Sang (tức Đức Cao Thượng Sanh HTĐ).

Năm Bính Dần (1926), Bà lên Kim Biên trú ngụ tại nhà Trưởng nam của Bà là Cao đức Trọng (tức là Thời Quân Cao Tiếp Đạo HTĐ). Sau đó, Đức Phạm Hộ Pháp lên mở Đạo tại Kim Biên, độ Bà vào Đạo. Năm Ất Mão (1927), Bà trở về Sài gòn.

Bà có 3 người con: 2 Nam và 1 Nữ, đều tu theo Đạo Cao Đài. Con trưởng nam là Thời Quân Cao Tiếp Đạo, thứ nữ

là Giáo Sư Cao Hương Cường, còn quí tử là Đức Thượng Sanh Cao hoài Sang.

Cả nhà Bà đều nêu gương đạo hạnh làm vinh hiển tổ tông. Cái gương cang trực của Bà cũng hiếm có. Bà dám đương đầu với bất cứ ai có manh tâm phản và chống đối Đạo, chẳng hạn như vị Cựu Thủ Tướng Nguyễn Phan Long, có lần lên Tòa Thánh, mặc âu phục vào tọa vị trên ngai tại Cung Đạo. Bà dõng dạc đứng ra phản đối và bắt buộc Ông Long bằng lẽ đạo, phải rời khỏi chỗ tôn thờ.

Về việc Đạo, Bà thường dùng lời ngay lẽ phải đối với tất cả mọi người. Phần đông trong Đạo đều mến phục cái tánh cang trực của Bà. Tánh cang trực ấy, Bà áp dụng để xây dựng, chớ không hề xúc phạm ai. Ấy là sự cẩn ngôn cẩn hạnh đó vậy.

Rất tiếc thay! Bà mất đi là Đạo mất một bậc lão thành đáng thương kính. Từ đây, Bà vắng bóng, bổn đạo không còn được nghe lời cang trực đanh thép của một lão mẫu nữa.

Kính thưa Hội Thánh và chư quí vị,

Nỗi thương tiếc không bút mực nào tả xiết!

Vậy trước khi dứt lời, tôi thành tâm cầu nguyện Ơn Trên ban phước lành cho hương hồn Đức Bà Nữ Đầu Sư Hồ Hương Lự sớm tiêu diêu nơi cõi TLHS, và xin chân thành phân ưu cùng tang quyến.

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Hiến Pháp, Quyền Chưởng Quản HTĐ.

Bà Nữ Đầu Sư Hàm Phong Hồ Hương Lự được đắc phong Nữ Đầu Sư Hàm Phong cùng một lượt với Bà Nữ Đầu Sư Nguyễn Hương Hiếu, do đàn cơ tại Cung Đạo ngày 20–10–Mậu Thân (dl 9–12–1968), Đức Lý Nhứt Trấn Oai

Nghiêm giáng cơ phong thưởng.

Sau đây là trích Bài Ai Điếu của Ngài Đầu Sư Thượng Sáng Thanh, Chưởng quản CTĐ Nam phái, đọc trước Liên Đài của Cố Nữ Đầu Sư Hàm Phong Hồ Hương Lự tại Bửu tháp lúc 10 giờ 30 ngày 26–11–Nhâm Tý.

«Hỡi ôi!
Non Tiên ngút tỏa, biển Thánh mưa tuôn,
Cõi trần sớm hiệp rồi tan,
Kiếp sanh nào khác lá vàng ngày thu.
Đạo Trời vạch áng mây mù,
Vun bồi Tiên vị, công phu rạng ngời.
Hồng quần tích đức chiều mơi,
Nêu gương liệt nữ Việt Thường soi chung.
Tuy Nữ giới, chí Nam nhi khó sánh,
Dù sức hèn, trí quân tử không đương.
Đức chánh chơn, thuật xử thế thuần lương,
Hạnh liêm khiết, ôn hòa đều khắc kỷ.
Trong cửa Đạo, dưới trên đồng kính nể,
Mặc sang hèn, yêu ái cả quần sanh.
Nề nếp Nho phong lễ giáo chặt gìn,
Khuôn viên Đại Đạo, Chơn truyền vẹn giữ.
Hằng ta-bà hóa độ nhơn sanh,
Đem Chánh giáo phổ truyền khắp chốn.

Ôn lại quãng đời hành đạo từ năm Ất Sửu (1925) đến năm Mậu Thân (1968), đắc vị Nữ Đầu Sư Hàm Phong tới giờ, 47 năm trường, trải qua biết bao phen cơ Đạo thăng trầm, cố Hiền Tỷ vẫn một lòng son sắt, trung liệt với Đạo Trời, chẳng quản gian lao, không sờn cay đắng, biết bao khổ hạnh truân chuyên, không bút mực nào tả xiết, nhưng giữ vững đức tin chung lo nghiệp Đạo đến ngày thoát xác, thật

đáng bậc tiền bối khả kính vậy.

Từ đây Tiên tục đôi đường,
Âm Dương cách trở,
Não nùng thay! Toàn đạo thở than,
Thống thiết bấy, tín đồ tang chế.
Chín mươi lăm tuổi, công viên quả mãn,
Bốn mươi bảy năm, cửa Đạo vuông tròn.
Niêm phong Thánh thể, an ngự Liên đài,
Kỵ Long Mã đưa đường về Cực Lạc.
Trên Tiên giới, Hiền Tỷ vui vầy trăng gió,
Dạo khắp cùng cung điện cảnh tiêu dao.
Nguyện Linh hồn an bước Tiên du,
Chầu Đế Khuyết nghìn thu toại hưởng.
Hỡi ôi! Thương thay! Tiếc thay!
Hiển linh xin chứng.

Sau đây là Trích đoạn bài Điếu văn của Hội Thánh Phước Thiện đọc tại Bửu tháp Bà Nữ Đầu Sư Hàm Phong Hồ Hương Lự, ngày 26–11–Nhâm Tý (dl 31–12–1972).

"Trước khi chưa có Đạo Cao Đài, Đức Bà tùng Đạo Minh Sư. Nhờ có căn nguyên, Đức Bà tìm thấy trong kinh điển có để lời tiên tri về sau sẽ có một mối Đạo xuất thế:

CAO như Bắc Khuyết nhơn chiêm ngưỡng,
ĐÀI tại Nam phương Đạo thống truyền.

Nên khi Đức Chí Tôn đến khai nền Đại Đạo, Đức Bà liền nhập môn tùng giáo, không chút ngờ vực, dâng hiến cả mảnh thân cho Đại Từ Phụ và Đại Từ Mẫu, để làm con tế vật phụng sự cho Đạo pháp và nhơn sanh.

Tuy phận liễu bồ nhược chất, nhưng tài đức và đạo hạnh của Đức Bà khó ai sánh kịp.

Lúc còn ở ngoài thế, song thân định bề gia thất, nhưng chẳng may, nửa chừng xuân gãy gánh cang thường, Đức Bà vẹn giữ mối đạo nhơn luân, thủ tiết thờ chồng nuôi con, khổ nỗi vừa quán xuyến gia đình, vừa dưỡng nuôi dạy dỗ đàn con thơ nên người nên đạo, âu đó cũng là một cơ thử thách để cho Đức Bà rạng danh một người hiền phụ và hiền mẫu nơi cõi Á Đông nầy.

Nhờ công ơn của Đức Bà vì nhơn sanh, tạo dựng cho nền Đại Đạo, hai tay rường cột để nâng gánh Đạo Trời, là Cố Cao Tiếp Đạo và Đức Cao Thượng Sanh. Nếu Đức Bà không phải là bậc Thiên tài thì cũng chưa hẳn đủ trí mưu mà thi thố cho đặng.

Lần dở trang sử cũ Trung Hoa, chúng ta thấy đời ca tụng Bà Mạnh Mẫu là mẹ của Thầy Mạnh Tử, khéo nuôi con và khéo dạy con nên bậc Chí Thánh.

Lấy công tâm để luận, đối với Bà Mạnh Mẫu, thì Đức Bà Nữ Đầu Sư đây không thua kém, mà lại có phần hơn. Cũng đồng phương pháp giáo hóa, nhưng Đức Bà đã khéo gầy tạo cho con trở nên Chí Tiên và Chí Phật để phụng sự cho Đạo lẫn Đời. Còn riêng phần Đức Bà đối với Thiên triều của Đức Chí Tôn, trên đường tu học, Bà cũng đạt đến tột phẩm triều nghi của Nữ giới, đâu kém thua gì bực tu mi nam tử.

Hân hạnh thay cho dân tộc Việt Nam! Hữu phước thay cho nòi giống Việt Thường! Đã có bậc anh thư làm rạng vẻ con Lạc cháu Hồng, không thẹn tuổi tên cùng quốc tế.

Một điều đặc biệt chúng ta đáng lưu ý, từ ngày xả thân hành đạo, Đức Bà được Đức Chí Tôn trọng dụng để bảo thủ Chơn truyền, điểm tô nghiệp Đạo. Biết bao lần thuyền Đạo gặp cơn giông tố bão bùng, bên ngoài cường quyền đàn

áp, bên trong nội bộ khảo đảo đủ điều, mỗi phen biến cố, Đức Bà đóng vai trò giúp một cánh tay đắc lực cho Đức Hộ Pháp khử tà diệt mỵ, bảo thủ Chơn truyền.

Ngoài sứ mạng kể trên, còn một điều quan trọng mà ai là tín đồ Đạo Cao Đài cũng phải cúi đầu sùng kính ân nghĩa của Đức Bà. Để chứng minh, chúng tôi xin trích ra một đoạn văn thuyết đạo, chính Đức Phạm Hộ Pháp mô tả.

Đức Ngài nói: "*Bần đạo nhớ khi lên mở Đạo tại Kim Biên năm 1927 đặng truyền giáo. Đức Chí Tôn cho vị Phối Sư Hương Lự của chúng ta được thông công cùng Ngài, nhờ nghe nhờ thấy đặng truyền pháp cho Bần đạo.*"

Quả thế, không ai dám phủ nhận chính nền Đạo Cao Đài ngày nay có đủ Chơn truyền Bí pháp siêu độ chúng sanh, phần lớn là nhờ công ơn của Đức Bà, mà nhơn loại được hưởng diễm phúc hồng ân của Đức Chí Tôn ban bố."

"*Khi nọ, Đức Chí Tôn biểu Bần đạo lại kệ bàn viết có sắp một dãy nhựt trình đặng rút ra 2 tờ, Ngài lại dạy Chị chúng ta là bà Phối Sư Bảy (Hương Lự) đứng bắt ấn, kế Bần đạo trải 2 tờ nhựt trình sau lưng mà Bà Chị vẫn không hay biết. Tới lúc bắt ấn rồi, Bần đạo thưa: Đã trải rồi. Tức thì Bà Chị nhảy ngược lại, đạp trên 2 tờ nhựt trình. Bần đạo không hiểu nghĩa gì. Đức Chí Tôn biểu coi hai chơn có đạp cái gì. Bần đạo coi chơn trước giở lên là hình Tưởng Giới Thạch, đạp ngay trên đầu; còn chơn sau, Bần đạo biểu giở nhón lên, coi thấy hình Roosevelt, Tổng Thống của nước Mỹ, đạp ngay lên ngực và miệng. Đức Chí Tôn nói với Bần đạo rằng: Một ngày kia, Trung Hoa sẽ thờ phụng Đạo đáo để, còn nước Mỹ sẽ lãnh trách nhiệm đi truyền giáo toàn cầu.*" (Trích thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp)

Bà Nữ Đầu Sư Hàm Phong Hồ Hương Lự đăng Tiên

vào lúc 1 giờ 40 phút (rạng sáng) ngày 22–11–Nhâm Tý (dl 27–12–1972).

"Vào lúc 20 giờ 30 đêm 22–11–Nhâm Tý, Hội Thánh thiết một đàn cơ tại Giáo Tông Đường, được Bà Bát Nương DTC giáng cơ cho bài Thài để đồng nhi tế điện Đức Bà Nữ Đầu Sư Hàm Phong Hồ Hương Lự:

Bài Thài:

HƯƠNG thơm ngào ngạt Đạo kỳ ba,
LỰ tỉnh hồng quần Thánh đức ca.
NƯƠNG bóng từ bi dìu chủng tộc,
NƯƠNG cơ thoát tục thức con nhà.

Chúng tôi hầu chuyện cùng Bà Quyền Nữ Chánh Phối Sư Hương Tiếu, được bà kể cho nghe về tánh đức cương nghị và nhất là lòng thương đàn em, không phân giai cấp quí tiện.

Bà nói: Trong một đêm khuya thanh vắng, Đức Bà Nữ Đầu Sư chạnh lòng nhớ đến quí tử là Cố Đức Thượng Sanh Cao hoài Sang, bâng khuâng lo cho đại nghiệp Đạo, Đức Bà tâm sự: "*Chồng chết, con (là Thượng Sanh) vừa mới 9 tuổi, rán nuôi con cho ăn học thành thân, thi đậu, đi làm việc, cũng như Cao Tiếp Đạo, nay bỏ tôi, nó qui hồi Thiên cảnh hết rồi. Còn đứa con gái là Ba Cường, nay đau mai mạnh. Chớ chi Đức Chí Tôn đem tôi về thế cho Thượng Sanh ở lại lo cho nhơn sanh, tôi già rồi, có sống cũng không ích chi cho Đạo.*" (Trích bài Tường Thuật Thánh Tang của Bà Nữ Đầu Sư Hàm Phong Hồ Hương Lự, đăng trong báo Thông Tin số 68 trang 20).

DANH NHÂN
HIỆP THIÊN ĐÀI

ĐỨC HỘ PHÁP
PHẠM CÔNG TẮC
(1890–1959)

Ngài Phạm công Tắc sanh ngày mùng 5 tháng 5 âm lịch năm Canh Dần (dl 21–6–1890) tại làng Bình Lập, bên bờ sông Vàm Cỏ Tây, tỉnh Tân An (nay là tỉnh Long An), nhưng song thân của Ngài quê quán tại làng An Hòa, quận Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Thân phụ của Ngài là Ông Phạm công Thiện và Thân

mẫu là Bà La thị Đường.

Đức Chí Tôn tiết lộ cho biết, Ông Phạm công Thiện là Chơn linh của Ngân Hà Công Bộ nơi Thiên Đình giáng trần.

Ông Phạm công Thiện làm công chức dưới thời Pháp thuộc, khi đổi đến Tân An làm việc thì đem gia đình theo, và ở đó sanh ra Ngài Phạm công Tắc.

Ngài Phạm công Tắc có tất cả 8 anh chị em ruột, mà Ngài là thứ 8, còn một người em gái út thứ 9, như vậy Ngài là Áp Út trong gia đình.

Gia đình Ngài đều theo Đạo Công giáo.

Ông Phạm công Thiện, tuy là một công chức nhưng Ông rất thanh liêm, lòng hâm mộ đạo đức, luôn luôn chủ trương *"Dĩ đức vi trọng"*, nên thường tham gia chống áp bức và bất công một cách tích cực. Do đó, giới đồng liêu không ưa ông, tìm cách đẩy ông đi xa, và cuối cùng ông phải nghỉ việc, đưa gia đình trở về quê quán là làng An Hòa, quận Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, để làm ăn sinh sống.

Năm 1902, Ông Phạm công Thiện mất, lúc đó Ngài Phạm công Tắc mới được 13 tuổi. Thuở nhỏ, Ngài Phạm công Tắc được cha mẹ cho theo học chữ Nho tại trường làng, sau đó mới đổi qua Tây học, và học bậc Trung học tại trường Chasseloup Laubat Sài gòn. Gia đình lúc đó gặp cảnh khó khăn sa sút, nên Ngài rấp tâm học tập để thi đậu ra làm việc kiếm nhiều tiền phụ giúp gia đình.

Năm 1907, Ngài thi đậu bằng Thành Chung.

Trong thời gian đi học, Ngài có tham gia phong trào Đông Du (1904–1907) do Kỳ Ngoại Hầu Cường Để ở Nhựt Bổn lãnh đạo, có 2 nhà cách mạng Phan bội Châu và Phan châu Trinh giúp sức. Ngài Phạm công Tắc có tên trong danh sách các thanh niên đi du học ở Nhựt, chỉ chờ ngày đưa đi.

Nhưng Mật thám Pháp khám phá được phong trào nầy, chúng đến xét nhà Ông Trần chánh Chiếu (Gilbert Chiếu) là người đại diện phong trào Đông Du ở Sài gòn, và xét cơ sở Minh Tân Công Nghệ của Ông Lương khắc Ninh, để tìm danh sách và tổ chức phong trào Đông Du, nhưng Ông Ninh lanh tay thiêu hủy tất cả hồ sơ để phi tang, nên bọn Mật thám Pháp không có bằng cớ để bắt bớ. Tuy nhiên chúng vẫn theo dõi rất gắt gao, nên phong trào Đông Du không thể hoạt động được.

Ngài Phạm công Tắc tạm gác lại mộng Đông Du, quyết định xin đi làm việc để có tiền nuôi mẹ và phụ giúp gia đình. Ngài có thuật lại quãng đời nầy của Ngài trong một bài thuyết đạo:

"Bần đạo hiện ở tại Tây Ninh, thiên hạ còn nhớ, buổi ấy không biết gì hết, duy có biết thương mẹ mà thôi, thêm đứa em gái tới lúc định gả chồng, không còn ở chung nữa.

Lúc ấy Bần đạo đã thi đậu, nên ra làm việc với hãng buôn, ăn lương lớn lắm, mà sợ không biết nuôi mẹ được không, lại bị người anh rể nói: Em làm việc ở hãng buôn không có danh dự gì hết. Nghe lời nên xin vô sở nhà nước, làm việc mỗi tháng lương bảy tám chục đồng, là nhiều lắm, ăn xài không hết, còn dư đôi ba chục bạc để nuôi mẹ."

Do đó, Ngài xin làm việc ở Sở Thương chánh Saigòn.

Năm 21 tuổi, Ngài vâng lịnh mẫu thân lập gia đình với Bà Nguyễn thị Nhiều, sanh đặng 3 người con, nuôi được 2 người con gái là: Cô ba Phạm hồ Cầm và Cô tư Phạm tần Tranh. *(Bà Nguyễn thị Nhiều, thường gọi là Bà Tám, vì Đức Phạm Hộ Pháp thứ 8, sau đắc phong lên tới phẩm Chánh Phối Sư, Thánh danh Hương Nhiều, làm Chưởng quản Phước*

Thiện Nữ phái; Cô tư Phạm tần Tranh, sau cũng được thăng lên phẩm Nữ Phối Sư, Thánh danh Hương Tranh; còn Cô Ba Phạm hồ Cầm thì không có cầu phong hành đạo).

Năm 1912, thân mẫu của Ngài Phạm công Tắc qui liễu, lúc đó Ngài được 22 tuổi. Một nỗi đau đớn vô cùng tận đối với Ngài. Sau nầy, Ngài có thuật lại như sau:

"Năm Bần đạo 22 tuổi, đau đớn biết bao nhiêu, chỉ biết có một điều là lo lập thân danh đặng nuôi mẹ, lập thân danh để bảo trọng anh em, đến chừng thành danh rồi khổ đáo để, cha mẹ đã khuất hết, dầu thương bao nhiêu cũng không còn, lại bị ác nữa là vợ con gia đình sanh để mãi, đâu có lo ngoài được nữa, khởi thống khổ tâm hồn, tới chừng cao sang sung sướng, ngó lụng lại không thấy cha mẹ, vì cha mẹ đã chết hết, thôi mình đeo theo anh em, em chết nữa, lần lượt bao nhiêu người thân ái đều chết hết, bao nhiêu cái thương nồng nàn chỉ để nơi một người anh rể, thương hơn anh ruột nữa; có một người em gái thứ 9, đó là người bạn thân mến trong kiếp sanh của Bần đạo, mà đã qui liễu rồi, tới chừng ấy, tâm hồn ngơ ngẩn, xác thịt bơ thờ, đi ra ngoài đồng ngó ngọn cỏ, con chim, nó cũng nhắc, nghe tiếng hát của mấy em cấy lúa, nghe tiếng hò của người chèo ghe, cũng nhắc tới nỗi đau thương. Từ ngày ấy, không biết buổi nào được vui, chỉ muốn đi tu, muốn tìm cảnh tu, cho đến từng tuổi nầy, đáo để tâm hồn quá lẽ."

Buồn phiền về việc tử biệt sanh ly, Ngài chán nãn sự đời, nên để tâm nghiên cứu Thần Linh Học và tìm cách liên lạc với các vong linh của thế giới vô hình.

Vào lối tháng 6 năm 1925, sau khi luận đàm với các bạn trí thức đương thời, cũng là bạn đờn ca tài tử, có một ông cho biết hiện giờ ở Nam Vang, có nhiều trí thức chơi xây bàn để mời các vong linh người quá vãng về nói chuyện, ông cũng nói rõ là dùng cái bàn 3 chân và cách giao tiếp với vong linh.

Thế là đúng với ý hướng của Ngài, nên Ngài bàn với quí Ông: Cao quỳnh Cư, Cao hoài Sang, hiệp nhau thử thực hành việc xây bàn coi kết quả thế nào.

Vào hạ tuần tháng 7 năm 1925, quí Ông: Cao quỳnh Diêu, Cao quỳnh Cư, Phạm công Tắc, và vài người trong gia đình, tụ lại nhà Ông Cao hoài Sang, thử nghiệm việc Xây bàn. Đêm đầu tiên, Xây bàn không kết quả. Đêm thứ nhì tiếp tục Xây bàn thử nghiệm nữa, thì được kết quả hoàn toàn.

(Trong công cuộc Xây bàn nầy Ông Cao quỳnh Cư đóng vai chủ động. Tiếp theo là thời kỳ Phò Ngọc Cơ tại nhà Ông Cư với Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung cũng tại nhà Ông Cư, rồi Vọng Thiên Cầu Đạo, cũng tại nhà Ông Cư ở 134 đường Bourdais Sài gòn, Ông Cư chủ động và tổ chức tại nhà Ông Cư, cho nên các việc xảy ra trong giai đoạn nầy, xin độc giả xem: I, II, III, trong Tiểu Sử của Đức Thượng Phẩm Cao quỳnh Cư, ở phía sau thì hiểu rõ các việc của 4 Ông: Cư, Tắc, Sang và Diêu.)

1. 1. ĐỨC CHÍ TÔN ĐỘ ÔNG LÊ VĂN TRUNG.

Đầu năm dương lịch, ngày mùng 5–12–Ất Sửu (dl 18–1–1926), Đức Chí Tôn giáng cơ dạy 2 Ông Cao quỳnh Cư và Phạm công Tắc đi vô nhà ông Lê văn Trung, Cựu Nghị viên Hội Đồng Thượng Nghị Viện Đông Dương để Đức Chí Tôn dạy việc.

Hai Ông Cư và Tắc rất lấy làm bỡ ngỡ, vì từ trước đến giờ không quen biết Ông Trung, nhưng Đức Chí Tôn dạy thì phải vâng lời. Hai Ông ôm Ngọc cơ đem theo, rồi đi vào Chợ Lớn, tìm nhà và vào gặp Ông Trung, trình bày đầu đuôi sự việc, Ông Trung rất vui vẻ và hoan nghinh, lật đật sắm sửa thiết đàn cầu Đức Chí Tôn.

Hai Ông Cư và Tắc phò Ngọc cơ, Đức Chí Tôn liền

giáng, dạy Ông Trung lo tu hành.

Đức Chí Tôn lại phân rằng: Ngài đã sai Lý Thái Bạch dìu dắt Ông Trung nơi đàn Chợ Gạo lâu rồi.

Ngài dạy tiếp:

"Trung, nhứt tâm nghe con! Sống cũng nơi Thầy, thành cũng nơi Thầy, mà đọa cũng nơi Thầy. Con lấy sự sáng của con mà suy lấy. (Ông Trung bị lòa 2 mắt, Đức Chí Tôn dùng huyền diệu làm cho 2 mắt của Ông sáng trở lại).

Một Trời một Đất một nhà riêng,
Dạy dỗ nhơn sanh đặng dạ hiền.
Cầm mối Thiên thơ lo cứu chúng,
Đạo người vẹn vẻ mới thành Tiên."

Từ đây, Ông Trung vâng theo Thánh ý, thu xếp việc nhà, một dạ xả thân hành Đạo." (Theo Đại Đạo Căn Nguyên của Ngài Bảo Pháp Nguyễn trung Hậu).

2. 2. ĐỨC CHÍ TÔN KÊU LIÊN HIỆP VỚI ÔNG NGÔ VĂN CHIÊU

Cách ít ngày sau, Đức Chí Tôn giáng cơ dạy quí Ông: Lê văn Trung, Cao quỳnh Cư, Phạm công Tắc, Cao hoài Sang, Nguyễn trung Hậu, Trương hữu Đức, phải hiệp với Ông Đốc Phủ Ngô văn Chiêu mà lo mở Đạo. Đức Chí Tôn còn dặn rằng: Mỗi việc chi đều phải do nơi Ông Chiêu là Anh Cả.

Đêm 30 tháng Chạp năm Ất Sửu (dl 12–2–1926), tức là đêm Giao thừa bước qua mùng 1 Tết Bính Dần, Đức Chí Tôn dạy quí Ông đến thăm từng nhà, thăm mỗi môn đệ (lúc đó có được 13 môn đệ có tên trong Bài Thi tứ tuyệt của Đức Chí Tôn: "Chiêu Kỳ Trung..."), đem Ngọc cơ theo để cầu Thầy. Khi phái đoàn đến nhà Ông Tắc, Đức Chí Tôn giáng cho 4 câu thi, mà sau nầy Đức Phạm Hộ Pháp thuật

lại như sau:

"Bần đạo nhớ lại hồi ban sơ mới Khai Đạo, thật ra Bần đạo không có đức tin gì hết, không có đức tin đến nước Đại Từ Phụ tức cười. Ngài đến nhà Bần đạo cuối năm Ất Sửu, dạy cả mấy anh lớn ngày nay là Chức sắc của Đạo, đi đến mọi nhà, thật ra Đức Chí Tôn đến thăm viếng mọi con cái của Ngài. Bần đạo không có đức tin gì hết, nghe nói Tiên giáng thi, theo nghe thi chơi, làm cho Đại Từ Phụ phải tức cười. Ngài cho bài thi ai nấy cũng tốt, duy có bài thi cho Bần đạo thì rất dị hợm, như vầy:

Ngao ngáo không phân lẽ thiệt không,
Thấy thằng áp út[1] quá buồn lòng.
Muốn giàu Thầy hứa đem cho của,
Cái của cái công phải trả đồng.

Đại Từ Phụ còn thêm hai chữ: Nghe con!"

3. 3. THIÊN PHONG HỘ PHÁP:

☆ Đêm 11 rạng 12 tháng 3 âl năm Bính Dần (dl 22/23–4–1926), tại chùa Vĩnh Nguyên Tự ở Cần Giuộc, Đức Chí Tôn sắp đặt cuộc Thiên phong quí Ngài:

– Lê văn Trung, Thiên phong Đầu Sư Thượng Trung Nhựt.

– Lê văn Lịch, Thiên phong Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt.

– Trục Chơn thần của Ngài Phạm công Tắc.

TNHT. I. 16: "Cư, nghe dặn: Con biểu Tắc tắm rửa sạch sẽ (xông hương cho nó), biểu nó lựa một bộ quần áo tây cho sạch sẽ, ăn mặc như thường, đội nón....

Cười... Đáng lẽ nó phải sắm khôi giáp như hát bội, mà

[1] **Thằng Áp út**: là Đức Chí Tôn gọi Ông Phạm công Tắc, vì Ông là con trai Áp út trong gia đình.

mắc nó nghèo, Thầy không biểu.

Bắt nó lên đứng trên, ngó mặt vô ngay ngôi Giáo Tông, lấy 9 tấc vải điều đắp mặt nó lại.

Lịch viết một lá phù (Giáng Ma Xử) đưa cho nó cầm."

... ...

"*Biểu Tắc leo lên bàn, con chấp bút bằng nhang, đến bàn Ngũ Lôi đặng Thầy triệu nó đến, rồi mới tới trước mặt Tắc, đặng Thầy trục xuất Chơn thần nó ra, nhớ biểu Hậu, Đức, xông hương tay của chúng nó, như em có giựt mình té thì đỡ.*"

☆ Đêm 14 rạng 15 tháng 3 năm Bính Dần (dl 25/26–4–1926), Đức Chí Tôn phong: (TNHT. I. 19)

– Cư, phong vi Tá Cơ Tiên Hạc Đạo Sĩ.

– Tắc, phong vi Hộ Giá Tiên Đồng Tá Cơ Đạo Sĩ.

☆ Ngày 18–5–Bính Dần (dl 27–6–1926), Đức Chí Tôn dạy về Nhạc và Lễ nơi Thánh Thất, có đoạn như sau:

TNHT. I. 25: "*Mấy đứa con là: Nghĩa, Hậu, Đức, Tràng, Cư, Tắc, Sang, đều mặc đồ trắng, hầu theo thứ lớp như vầy: Nghĩa, Đức đứng ngoài, là tại Bàn Thờ Hộ Pháp, rồi Hậu, Tràng đứng cặp kế đó, kế 3 con sau rốt hết: Tắc giữa, Cư mặt, Sang trái.*"

☆ Ngày 16–6–Bính Dần (dl 25–7–1926), Đức Chí Tôn giáng khen Thiên phục của Ngài Phạm công Tắc:

TNHT. I. 32: "*Cười! Tắc, con coi mặc Thiên phục có xấu gì đâu con? Một ngày kia, sắc phục ấy đời sẽ coi quí trọng lắm! Con ôi! Con có biết những điều ấy bao giờ!*"

Qua các phần Thánh giáo của Đức Chí Tôn vừa trình bày trên, trích trong TNHT, chúng ta thấy không có ngày Thiên phong chánh thức cho 3 vị: Phạm công Tắc, Cao quỳnh Cư, Cao hoài Sang vào 3 chức vụ quan trọng nhất

của HTĐ là: Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh, mà chỉ thấy kết quả của việc Thiên phong ấy, như về vị trí đứng hành lễ chầu Đức Chí Tôn, Thiên phục.

Đặc biệt là chỉ có Ngài Phạm công Tắc là được Đức Chí Tôn trục Chơn Thần. Việc trục Chơn Thần nầy là để Đức Chí Tôn làm cho Chơn Thần Ngài Phạm công Tắc được thanh khiết và huyền diệu, để hiệp nhứt với Chơn thần của Ngự Mã Thiên Quân. Cho nên chỉ có Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc là được giáng linh trọn vẹn, còn quí vị khác chỉ là chiết Chơn Linh giáng trần. *(Xem thêm mục 19: Nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp).*

4. 4. PHÒ LOAN PHONG THÁNH:

Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc và Đức Thượng Phẩm Cao quỳnh Cư được Đức Chí Tôn chỉ định làm cặp Phò loan Phong Thánh, để Đức Chí Tôn và Đức Đại Tiên Lý Thái Bạch phong thưởng các phẩm Chức sắc lập thành Hội Thánh.

Nhờ cặp Phò loan Phong Thánh nầy, Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền cho CTĐ Nam phái, rồi giao cho Đức Lý lập Pháp Chánh Truyền cho CTĐ Nữ phái. Kế đó, Đức Chí Tôn lập Tịch Đạo cho Nam phái và cho Nữ phái.

Đức Chí Tôn phong các phẩm Chức sắc CTĐ: Chưởng Pháp 3 vị, Đầu Sư 3 vị, Chánh Phối Sư 3 vị, nhiều vị Phối Sư, Giáo Sư, Giáo Hữu và Lễ Sanh, cả Nam phái và Nữ phái.

Cũng do cặp Phò loan Phong Thánh nầy, Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài, phong Thập nhị Thời Quân, và một vài vị Bảo Quân trong Thập nhị Bảo Quân, cơ quan Hàn Lâm Viện của Đạo Cao Đài.

Như vậy, Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền là để

tạo thành Hiến Pháp, làm căn bản tổ chức Giáo Hội của Đạo Cao Đài.

Nhờ cặp Phò loan Phong Thánh nầy, Đức Chí Tôn giáng dạy Đạo lý, lập thành một hệ thống Giáo lý và Triết lý mới mẻ và đầy đủ, phô diễn được Chơn lý Hằng hữu bất biến của Càn khôn, dung hợp và bao quát được các giáo lý và triết lý của các nền tôn giáo đã có từ trước đến nay.

Khi Đức Cao Thượng Phẩm đăng Tiên ngày 1–3–Kỷ Tỵ (1929), cặp Phò loan Phong Thánh không toàn vẹn nữa. Lúc đó, khi có Phong Thánh hay lập Đạo Nghị Định thì Ngài Tiếp Đạo Cao đức Trọng thay thế Đức Cao Thượng Phẩm, ngồi Phò loan với Đức Phạm Hộ Pháp, nhưng luôn luôn có Đức Cao Thượng Phẩm đến trợ điễn cho Cao Tiếp Đạo nâng loan.

5. 5. LẬP HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO (1927):

Khi Đức Chí Tôn ra lịnh tổ chức Lễ Khai Đạo ngày 15–10–Bính Dần (1926) tại Thánh Thất tạm là Chùa Từ Lâm Tự, Gò Kén Tây Ninh, thì Đức Phạm Hộ Pháp xin tạm nghỉ làm việc 6 tháng ở Sở Thương Chánh Sài gòn, để hợp lực với Hội Thánh lo việc Khai Đạo.

Sau khi mãn phép, Đức Phạm Hộ Pháp bạch hỏi ý kiến của Đức Chí Tôn, có nên xin nghỉ việc luôn để hành đạo hay không, thì Đức Chí Tôn giáng trả lời là chưa phải lúc cần thiết, cứ đi làm việc trở lại, sẽ có chuyện hay.

Thế là Đức Phạm Hộ Pháp trở lại làm việc ở Sở Thương Chánh Sài gòn. Chánh quyền Pháp không muốn để Đức Phạm Hộ Pháp làm việc ở Sài gòn, sợ Ngài hoạt động mạnh mẽ cho Đạo Cao Đài, nên họ đổi Ngài lên làm việc ở Nam Vang, thủ đô nước Cao Miên.

Đức Hộ Pháp lợi dụng hoàn cảnh mới nầy để mở Đạo tại Kim Biên Nam Vang, xây dựng cơ sở Đạo đầu tiên, để dần dần thành lập Hội Thánh Ngoại Giáo tại Nam Vang.

Đức Phạm Hộ Pháp có thuật lại trong bài thuyết đạo:

"*Riêng Bần đạo là công chức, khi vâng lịnh Đức Chí Tôn đến Chùa Gò Kén mở Đạo, Bần đạo có xin phép nghỉ 6 tháng, đến chừng trở lại làm việc, người ta đổi Bần đạo lên Kim Biên. Nơi đó, Bần đạo vừa làm việc vừa lo mở Đạo...*"

Đàn cơ ngày 27–7–1927 (âl 29–6–Đinh Mão) tại Kim Biên, Đức Chí Tôn ân phong các vị sau đây vào hàng Chức sắc:

- **Giáo Hữu**: Thượng Bảy Thanh (Lê văn Bảy).
- **Giáo Hữu**: Thượng Lắm Thanh (Nguyễn văn Lắm).
- **Giáo Hữu**: Ngọc Sự Thanh (Võ văn Sự).
- **Lễ Sanh**: Thượng Chữ Thanh (Đặng trung Chữ).
- **Lễ Sanh**: Thượng Vinh Thanh (Trần quang Vinh).
- **Lễ Sanh**: Thái Của Thanh (Phạm kim Của).
- **Nữ Giáo Hữu**: Hương Phụng (Bà Batrya Trần kim Phụng).
- **Nữ Giáo Hữu**: Hương Huê (Vợ của Ông Lê văn Bảy).
- **Tiếp Đạo HTĐ**: Cao đức Trọng.

Nhờ số Chức sắc đầu tiên nầy, Đức Phạm Hộ Pháp thành lập được CƠ QUAN TRUYỀN GIÁO HẢI NGOẠI, thường gọi là HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO tại Kim Biên Nam Vang, có nhiệm vụ phổ độ nhơn sanh Ngoại quốc tại đây gồm: Việt kiều, Hoa kiều, người Pháp và người Cao Miên.

Giáo Hữu Thượng Bảy Thanh được cử làm Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo.

Hội Thánh Ngoại Giáo được đặt dưới quyền điều khiển

thiêng liêng của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo) với Chức vụ: Chưởng Đạo, do Đức Chí Tôn phong, và dưới sự bảo trợ hữu hình của Đức Phạm Hộ Pháp.

6. 6. LẤY LONG TUYỀN KIẾM (1930):

Nước Tàu có số dân vĩ đại, nhưng lúc nào cũng lo sợ nước VN hùng mạnh. Cho nên các thầy địa lý của Tàu luôn luôn tìm cách ếm vào các cuộc đất tốt có linh khí kết phát nhân tài của VN để VN không sản xuất được người tài giỏi tranh đua với họ. Cũng như khi xưa, sau khi Mã Viện đánh thắng Hai Bà Trưng, ông ta dựng cây cột đồng có ghi hàng chữ: "*Đồng trụ chiết Giao chỉ diệt*" là để ếm vào long mạch kết phát nhân tài của nước ta.

Khoảng năm 1914, bắt đầu cuộc Thế giới Đại chiến lần thứ I, một người Tàu Triều Châu độ 65 tuổi len lỏi qua VN, đến làng Phú Mỹ quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho, dùng cây kiếm báu Long Tuyền, ếm vào đỉnh của hòn núi đất vàng sắp nổi lên, mà sau nầy người Tàu biết là nơi đây, linh khí núi sông sẽ sản xuất nhân tài VN; khi có nhân tài xuất hiện thì cây kiếm báu nầy sẽ giết chết lúc còn trẻ. Đó là lời thuật lại của các bô lão hiểu biết ở vùng nầy.

Khi Đức Chí Tôn chọn Miền Nam VN làm nơi khai sáng mối Đạo của Đức Chí Tôn, thì Đức Chí Tôn ân xá cho dân tộc VN khỏi các tai ách lớn. Do đó, Bát Nương DTC mách cho Đức Phạm Hộ Pháp biết để đi xuống làng Phú Mỹ lấy Long Tuyền Kiếm, phá phép ếm của người Tàu.

Ngày 28–3–Canh Ngọ (dl 26–4–1930), Đức Phạm Hộ Pháp dẫn một phái đoàn gồm có Ông Lê văn Trung (CQPT) và Ông Đinh công Trứ, cùng với một số ít tín đồ vùng đó, từ Thánh Thất Khổ Hiền Trang, đi xuống vào chỗ ếm, có Lỗ Ban Sư chỉ dẫn, đào lấy được Long Tuyền Kiếm, khi lấy

kiếm lên, nước trong long mạch phun ra, Đức Phạm Hộ Pháp liền cho đào một con kinh đi qua chỗ ếm để nước trong long mạch chảy ra hòa vào các con sông, phá hẳn phép ếm độc hại của thầy địa lý người Tàu, mà còn làm cho dân tộc VN hưởng được nhiều phước lộc.

Đức Phạm Hộ Pháp nói: "*Ngày nay là ngày kỷ niệm giống dân Lạc Hồng được hưởng Đạo Trời khai, sẽ gỡ ách cho dân tộc và sẽ cởi ách nô lệ, dòng dõi tổ phụ sẽ phục nghiệp, dân tộc sẽ xuất hiện nhiều nhân tài, phá tan xiềng xích, chẳng còn lệ thuộc một sắc dân nào.*"

7. 7. ĐỨC PHẠM HỘ PHÁP VÀ ĐỨC LÝ GIÁO TÔNG LẬP BÁT ĐẠO NGHỊ ĐỊNH:

– Ngày mùng 3–10–Canh Ngọ (dl 2–11–1930), Đức Lý Giáo Tông giáng cơ yêu cầu Đức Phạm Hộ Pháp hiệp với Ngài lập thành 6 Đạo Nghị Định để chỉnh đốn nền Đạo, phân lập quyền hành giữa các chức vụ lãnh đạo cao cấp của CTĐ và HTĐ.

Trong Đạo Nghị Định thứ nhì, Đức Lý Giáo Tông giao cho Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt quyền Giáo Tông Hữu hình tại thế để điều hành nền Đạo cho được mau lẹ dễ dàng.

– Ngày 16–7–Giáp Tuất (dl 25–8–1934), tức là gần 4 năm sau ngày ban hành 6 Đạo Nghị Định trước, Đức Lý Giáo Tông lại hiệp cùng Đức Phạm Hộ Pháp, lập Đạo Nghị Định thứ 7 và thứ 8, để trị loạn trong nền Đạo, ngăn cấm việc lập Chi phái và không cho các Chi phái về Tòa Thánh phá Đạo.

Nhờ Bát Đạo Nghị Định nầy mà nền Đạo Cao Đài tại Tòa Thánh Tây Ninh dần dần đi vào trật tự, ổn định và phát triển.

8. 8. CHƯỞNG QUẢN NHỊ HỮU HÌNH ĐÀI.

Đức Quyền Giáo Tông qui Thiên ngày 13–10–Giáp Tuất (dl 19–11–1934), có di chúc giao quyền Giáo Tông Hữu hình tại thế cho Đức Phạm Hộ Pháp. Lúc đó có rất nhiều sự kiện rối ren xảy ra trong nền Đạo, bên trong nội bộ của Đạo thì chia rẽ trầm trọng, bên ngoài thì nhà cầm quyền Pháp tìm mọi cách áp đảo.

Hội Thánh gấp rút triệu tập Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh để tìm phương củng cố nền Đạo.

Ngày 6–11–Giáp Tuất (dl 12–12–1934), Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh yêu cầu Đức Phạm Hộ Pháp nắm quyền Chưởng quản CTĐ cho đến ngày có đủ 3 vị Đầu Sư để sớm chỉnh đốn nền Đạo.

Kể từ ngày ấy, Đức Phạm Hộ Pháp nắm quyền Thống nhứt, Chưởng quản Nhị Hữu hình Đài: HTĐ và CTĐ. Nhờ quyền thống nhứt và rộng rãi nầy, Đức Phạm Hộ Pháp lèo lái con thuyền Đạo từ từ qua khỏi cơn sóng gió và phát triển thêm lên vượt bực.

Việc Đức Phạm Hộ Pháp nắm quyền Chưởng quản Nhị Hữu hình Đài là do các Đấng nơi Ngọc Hư Cung ở cõi thiêng liêng quyết định. Hội Thánh và Hội Nhơn Sanh nơi cõi trần là để hợp thức hóa quyết định chuyển pháp của Ngọc Hư Cung mà thôi.

Lục Nương DTC giáng cơ nói về việc nầy như sau:

TNHT. II. 87:

"LỤC NƯƠNG DTC.

Em chào mấy anh. Em đương ở Ngự Quan Cung, Bát Nương đến cho hay rằng mấy anh đương ngưỡng nghĩa, nên vội vã đến hầu.

Khi mới nầy, Em đặng tin lành: Ngọc Hư Cung lo chuyển pháp. Cả Thiên Thơ hủy phá, sửa cải Pháp Chơn truyền. Chư Thần Thánh Tiên Phật vui mừng chẳng xiết, Diêu Trì Từ Mẫu đẹp dạ không cùng, nhưng vì cái mừng ấy mà làm cho Người đổ lụy, ngâm bài thi nầy:

Vú Mẹ chưa lìa đám trẻ con,
Độ sanh chưa rõ phận vuông tròn.
Quyền cao Ngự Mã là vinh bấy,
Phận mỏng Hiệp Thiên biết giữ còn.
Lợt điểm Thánh tâm trần tục khảo,
Vẻ tươi bợn thế nét dò đon.
Thà xưa ví bằng nay gìn vậy,
Lòng Mẹ ngại ngùng, con hỡi con!

Nhị Ca ôi! Bài thi làm cho cả Cung Diêu Trì đều đổ lụy. Mấy anh nên lấy nó làm phép hằng tâm thì bước vinh diệu thiêng liêng không lạc nẻo."

Chú Thích:

- **Ngự Mã**: Ngự Mã Thiên Quân, Chơn Linh của Đức Phạm Hộ Pháp.
- **Hiệp Thiên**: Hiệp Thiên Đài.
- **Nhị Ca**: Lục Nương gọi Đức Phạm Hộ Pháp là Nhị Ca, bắt chước theo Thất Nương.

Trong TNHT, phần Thi Văn, có một bài thi khác, các Đấng cho biết Thiên thơ sửa đổi, bởi vì các Chức sắc lãnh đạo CTĐ không có phương cách trị an trong Đạo, nên phải chuyển qua cho HTĐ cầm quyền điều khiển nền Đạo.

TNHT. II. 124:

Bắt ấn trừ yêu đã tới kỳ,
Ngọc Hư định sửa mối Thiên thi.

Cửu Trùng không kế an thiên hạ,
Phải để Hiệp Thiên đứng trị vì.
Thành pháp dìu đời qua nẻo khổ,
Nên công giúp thế lánh cơn nguy.
Quyền hành từ đấy về tay nắm,
Phải sửa cho nên đáng thế thì.

Ngày 18–10–Ất Hợi (dl 13–11–1935), Đức Lý Giáo Tông có giáng cơ tại Hộ Pháp Đường nói chuyện với Đức Phạm Hộ Pháp, xin trích ra một đoạn:

TNHT. II. 97: "– Cười! Lão chẳng nói rõ, Hiền Hữu cũng thấy hiển nhiên rằng từ thử, thảng Lão có muốn nên cho Đạo đi nữa thì cũng không thi thố chi đặng với một Hội Thánh hữu danh vô thực như vậy có phải? May thay! Thiên thơ do một mặt chẳng chi dời đổi trở ngăn, nên may ra nữa, từ đây Lão có phương cầm quyền trị thế.

Hộ Pháp bạch: – Thiên thơ đã đổi, đệ tử xin giao quyền hành của Quyền Giáo Tông lại cho Ngài đặng Ngài đủ oai cầm Thiên thơ vững chặt.

– Cười! Lão e cho, một là Lão đã cho, không lẽ lấy lại; hai là hành pháp thì dễ, hành hình thì khó, không có nửa quyền trị thế của Lão nơi tay thì Hộ Pháp có thế nào điều hành Hội Thánh cho đặng. Ấy vậy, cứ để y.

Nghe thi nầy và kiếm hiểu:

Bát Nhã từ đây vững lái thuyền,
Tuông pha khổ hải độ nhơn duyên.
Gay chèo thoát khổ đầy linh cảm,
Rạch nước trừ an đủ diệu huyền,
Thổi thẳng cánh buồm thì Lão thủ,
Nâng an lòng bản cậy Thần Tiên.
Phong ba mấy độ đà qua khỏi,

Ném thử Giáng Ma đóng Cửu Tuyền.”

Một bài Thánh giáo khác của Đức Lý Giáo Tông nói thêm về việc: Tại sao Đức Lý Giáo Tông giao quyền Giáo Tông Hữu hình cho Đức Phạm Hộ Pháp nắm giữ:

- PHÒ LOAN: Hộ Pháp–Tiếp Đạo.

  Tòa Thánh, 1–12–Quí Tỵ (dl 5–1–1954).

LÝ GIÁO TÔNG

... ...

– Hiền Hữu có nghĩ tại sao Lão phải dâng quyền Giáo Tông cho Hiền Hữu đặng trọn quyền Chí Tôn Hữu hình tại thế chăng?

Hộ Pháp bạch: – Xin Ngài dạy rõ.

– Thì cũng do lòng từ bi vô tận của Đại Từ Phụ. Người sợ oai của Lão khi cầm quyền thiêng liêng mối Đạo quá chấp nê phàm tánh, không dung thứ tội tình cho con cái của Người, nên giao cho Hiền Hữu là bạn đồng sanh, biết đau đớn, biết khổ cực với mảnh thi phàm, mà rộng dung cho họ. Cười...

– Quyền Chí Tôn trong tay Hiền Hữu thì cứ tự dụng đặng định vị cho Thánh Thể của Người. Lão chẳng nên can thiệp vào đó.

Nầy Hiền Hữu, Lão nói thử, Hiền Hữu nghĩ coi có lẽ nào Lão cầm cơ thăng vị cho những người như: Kiên, Chấn, Thạch, Dược.

Cười... Hiền Hữu tự mình định liệu lấy, nếu cần, phò loan nơi Giáo Tông Đường, Lão sẽ đến bàn luận. Lão xin kiếu.

THĂNG.

9. 9. CẤT TÒA THÁNH VÀ BÁO ÂN TỪ:

Thánh ý của Đức Chí Tôn muốn xây dựng tại Tây Ninh một ngôi Tòa Thánh khang trang để tạo thành khối Đức tin cho toàn tín đồ Đạo Cao Đài. (Thánh ngôn của Đức Chí Tôn: Các con phải chung hiệp nhau mà lo cho hoàn toàn Tòa Thánh, chi chi cũng tại Tây Ninh đây mà thôi).

Đức Lý Giáo Tông muốn xây dựng Tòa Thánh lớn lao thật nguy nga tráng lệ theo kiểu vở của Thiên đình, xứng đáng là Bạch Ngọc Kinh tại thế. Do đó, Đức Lý dạy đi mua đất, định hướng, vẽ kiểu và ra kích thước Tòa Thánh cho Hội Thánh theo đó mà xây dựng.

- Khởi đầu, vào tháng 10 năm Tân Mùi (1931), Ngài Thái Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh lãnh trách nhiệm khởi công cất Tòa Thánh, đào móng, làm Hầm Bát Quái. Sau đó, ngưng lại.

- Kế tiếp Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung, hiệp cùng Bà Nữ Chánh Phối Sư Lâm Hương Thanh tiếp tục công trình xây dựng, nhưng không tiến triển được bao nhiêu.

- Tiếp theo nữa, Ngài Tiếp Thế Lê thế Vĩnh đứng ra vận động tiền bạc mua vật liệu để xây cất, có mướn Bác vật Phan hiếu Kinh làm Cố Vấn, khởi làm lầu HTĐ, đổ được plafond chút ít rồi cũng dừng lại, do nền Đạo lúc bấy giờ chinh nghiêng, nội bộ chia rẽ do chánh quyền Pháp xúi giục.

- Khi Đức Phạm Hộ Pháp nắm quyền Chưởng quản Nhị Hữu hình Đài, Đức Ngài mới trù tính kế hoạch xây cất Tòa Thánh cho đạt kết quả thành công.

Đức Ngài huy động 500 vị hiến thân Phạm Môn làm lực lượng công thợ nồng cốt, để khởi công tiếp tục công trình tạo tác Tòa Thánh, vào ngày 1–11–Bính Tý (dl 14–12–1936).

Đức Ngài lại buộc các công quả công thợ phải lập hồng

thệ: trong suốt thời gian xây cất Tòa Thánh, không được cưới vợ hay lấy chồng, đặng đủ tinh khiết mà tạo tác.

Đức Ngài chỉ thị cho các Châu Đạo và Tộc Đạo bên Hành Chánh và bên Phước Thiện, nổ lực lo tiền bạc, vật liệu và lương thực, gởi liên tục về Tòa Thánh để công cuộc xây dựng được liên tục mau chóng.

Đến ngày 4–6–Tân Tỵ (dl 28–6–1941), sau hơn 4 năm nổ lực làm việc, công việc xây dựng cơ bản đã xong, chỉ còn phần đắp tô, trang trí và sơn phết, thì một biến cố quan trọng xảy ra, chánh quyền Pháp vào Tòa Thánh bắt Đức Phạm Hộ Pháp và một số Chức sắc cao cấp đày đi hải đảo Madagascar, ở Phi Châu, chúng chiếm đóng Tòa Thánh làm chỗ để xe nhà binh, xua đuổi các công thợ và Chức sắc ra khỏi Nội Ô.

Ngày 4–8–Bính Tuất (dl 30–8–1946), tức là hơn 5 năm sau, qua bao nhiêu biến cố chánh trị, Chánh quyền Pháp bị bắt buộc phải đưa Đức Phạm Hộ Pháp trở về Tòa Thánh.

Ngay sau đó, Đức Phạm Hộ Pháp kêu gọi số công quả cất Tòa Thánh khi trước, trở lại tiếp tục công việc, gấp rút sửa chữa những chỗ hư hỏng do bọn lính Pháp gây ra, rồi lo đắp, vẽ, trang trí, cho đến cuối năm âm lịch cho hoàn thành.

Ngày 30 tháng Chạp năm Bính Tuất (dl 21–1–1947), Tòa Thánh được hoàn thành trong nỗi vui mừng của toàn cả Đạo Cao Đài.

Qua ngày mùng 3 Tết, tức là ngày 3–Giêng-Đinh Hợi, (dl 24–1–1947), Tổng Giám Lê văn Bàng, các Phó Tổng Giám, Tá Lý, đại diện các công thợ Nam Nữ xây cất Tòa Thánh làm lễ bàn giao Tòa Thánh cho Hội Thánh.

Ngày mùng 6–Giêng-Đinh Hợi (dl 27–1–1947), tức là 3 ngày sau khi giao lãnh Tòa Thánh, Đức Phạm Hộ Pháp thiết lễ Trấn Thần Tòa Thánh, và ngày mùng 8–Giêng-Đinh

Hợi, làm lễ rước Quả Càn Khôn từ Báo Ân Từ trở về an vị nơi BQĐ Tòa Thánh để khuya hôm đó thiết Đại Lễ cúng Vía Đức Chí Tôn lần đầu tiên tại Tòa Thánh mới vừa xây cất xong.

Lễ Khánh Thành Tòa Thánh, mãi đến năm Ất Mùi, nhận dịp Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn, ngày mùng 9 tháng Giêng năm Ất Mùi (dl 01–02–1955), Đức Phạm Hộ Pháp mới tổ chức Lễ Khánh Thành Tòa Thánh, Báo Ân Từ và các Dinh thự trong Nội Ô. Đây là một cuộc lễ lớn lao và long trọng nhứt của Đạo Cao Đài từ trước tới nay tại Nội Ô Tòa Thánh.

Tòa Thánh là một công trình kiến trúc vĩ đại, tượng trưng Đạo Cao Đài và nền Văn minh Cao Đài, tất cả tín đồ Đạo Cao Đài đều rất hãnh diện, xứng đáng là Bạch Ngọc Kinh tại thế.

Năm 1952, Đức Phạm Hộ Pháp cho xây dựng Báo Ân Từ để tạm làm nơi thờ phượng Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương. Điện Thờ Phật Mẫu thiệt thọ sẽ được xây dựng sau nầy. Đức Phạm Hộ Pháp có dành sẵn một khu đất 4 mẫu ở Ngoại Ô Tòa Thánh, trên đường Bình Dương, tại Xóm Tà Mun, cách Tòa Thánh khoảng 1000 thước, để xây dựng Điện Thờ Phật Mẫu Trung Ương. Kiểu vở và kích thước của Điện Thờ Phật Mẫu Trung Ương sẽ được các Đấng giáng cơ vẽ ra cho biết khi khởi đầu thiết kế xây dựng.

Như vậy, Đức Phạm Hộ Pháp đã xây dựng thành công 2 Đền Thờ:

– Một là Tòa Thánh để thờ Đức Chí Tôn, tức là thờ Đấng Thượng Đế, Ngôi Dương.

– Hai là Báo Ân Từ để thờ Đức Phật Mẫu, tức là thờ Ngôi Âm của CKVT.

Đây là điểm đặc biệt và mới mẻ trong Giáo lý của Đạo Cao Đài, xứng đáng là một nền Tân Tôn giáo, và Đạo Cao Đài sẽ nương theo 2 thế lực mạnh mẽ Dương và Âm ấy của Càn Khôn mà phát triển để cứu độ chúng sanh trong thất ức niên (700.000 năm).

10. 10. LẬP CÁC PHẨM CHỨC SẮC HTĐ DƯỚI THẬP NHỊ THỜI QUÂN*:*

Năm 1935, có nhiều vị Đạo hữu dày công cùng Đạo được đem vào Sổ Cầu Phong dâng lên Đức Lý Giáo Tông. Ngài phê: Để Hiệp Thiên Đài định vị.

Do đó, Đức Phạm Hộ Pháp cầu hỏi Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn.

Đêm 16–2–Ất Hợi (dl 20–3–1935), Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn góp ý cùng Đức Phạm Hộ Pháp, mở rộng trường Công quả bên HTĐ, lập ra 7 phẩm Chức sắc dưới Thập nhị Thời Quân, để làm nhân viên giúp cho chư vị Thời Quân hành quyền Tư Pháp của HTĐ.

7 phẩm Chức sắc đó là:

1– Tiếp Dẫn Đạo Nhơn.

2–Chưởng Ấn.

3– Cải Trạng.

4– Giám Đạo.

5– Thừa Sử.

6– Truyền Trạng.

7– Sĩ Tải.

Dưới phẩm Sĩ Tải, Đức Phạm Hộ Pháp muốn lập thêm một phẩm thứ 8 nữa là Luật Sự, đối phẩm với Chánh Trị Sự của CTĐ, nên Đức Phạm Hộ Pháp ký Sắc Lệnh số 34/SL

ngày 23–5–Bính Tý (dl 11–7–1936) mở khoa thi tuyển chọn những người có khả năng vào phẩm Luật Sự.

11. 10. LẬP PHẠM MÔN VÀ CQPT:

Khởi đầu, Đức Lý Giáo Tông lập Minh Thiện Đàn tại nhà Ông Đinh công Trứ ở làng Phú Mỹ quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho ngày 15–7–Mậu Thìn (dl 29–8–1928).

Sau đó, ngày 25–2–Kỷ Tỵ (dl 4–4–1929), Đức Lý Giáo Tông giao Minh Thiện Đàn cho Đức Phạm Hộ Pháp để Ngài thành lập Phạm Môn, theo tinh thần của 4 Câu thi của Đức Chí Tôn ban cho:

Tỉnh ngộ xá thân tại Phạm Môn,
Khuyến tu hậu nhựt độ sanh hồn.
Vô lao bất phục hồi chơn mạng,
Tỉnh thế kỳ thân đắc chánh tôn.

Các cơ sở Lương điền Công nghệ của Phạm Môn được chánh thức khai mở vào cuối năm Canh Ngọ (1930) tại Tâm Lạch, xã Trường Hòa (Tây Ninh).

Đầu tháng Giêng năm Giáp Tuất (1934), sau khi ăn Tết xong, Đức Phạm Hộ Pháp ra lịnh triệu tập khẩn cấp tất cả các công quả Phạm Môn khỏe mạnh về giữ Tòa Thánh, chống lại lực lượng của Chi phái kéo về dùng bạo lực đánh chiếm Tòa Thánh.

Ngày 20–Giêng-Giáp Tuất (dl 5–3–1934), lực lượng Chi phái kéo về Tòa Thánh rất đông, bị các công quả Phạm Môn chận ngay tại các cổng vào Nội Ô, kiên quyết không cho vào Nội Ô chiếm Tòa Thánh, khiến âm mưu của họ bị hoàn toàn thất bại.

Sau đó, nhà cầm quyền Pháp tìm cách bắt bớ các công quả Phạm Môn, và buộc Hội Thánh đóng cửa các cơ sở của

Phạm Môn.

Năm Mậu Dần (1938), Đức Phạm Hộ Pháp chuyển Phạm Môn thành Cơ Quan Phước Thiện, trực thuộc Chi Đạo HTĐ, dưới quyền đặc biệt của Đức Phạm Hộ Pháp, do Đạo Nghị Định số 48/PT ngày 19–10–Mậu Dần (dl 10–12–1938) của Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp đồng ký tên, qui định 12 phẩm cấp Chức sắc Phước Thiện gọi là Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng, kể ra sau đây:

1– Phật Tử.

2– Tiên Tử.

3– Thánh Nhơn.

4– Hiền Nhơn.

5– Chơn Nhơn.

6– Đạo Nhơn.

7– Chí Thiện

8– Giáo Thiện

9– Hành Thiện

10– Thính Thiện

11– Tân Dân

12–Minh Đức

Phước Thiện là cơ quan bảo tồn sanh chúng trên đường sanh hoạt, nuôi sống thi hài, tức là cơ quan giải khổ cho chúng sanh, tầm phương bảo bọc kẻ tật nguyền, cô độc, dốt nát, ít oi, và giúp tay cho CTĐ tận độ chúng sanh cho tròn trách nhiệm.

12. 12. ĐỒ LƯU HẢI NGOẠI (1941–1946):

Từ năm 1940, đến tháng 5 năm 1941, nhà cầm quyền

Pháp gây ra nhiều hình thức khủng bố các tín đồ và Chức sắc Đạo Cao Đài. Họ ra lịnh đóng cửa toàn bộ các Thánh Thất và các Nhà sở Phước Thiện.

– Ngày 4–6–Tân Tỵ (dl 28–6–1941), lính Mật Thám vào Tòa Thánh bắt Đức Phạm Hộ Pháp.

– Ngày 17–6–TânTỵ (dl 11–7–1941), lính Mật Thám lại vào Tòa Thánh bắt thêm 4 vị Chức sắc nữa là: Phối Sư Ngọc Trọng Thanh, Giáo Sư Thái Gấm Thanh, Giáo Sư Thái Phấn Thanh, Sĩ Tải Đỗ quang Hiển, và đồng thời ở Sài gòn, chúng đến bắt Ngài Khai Pháp Trần duy Nghĩa.

– Ngày mùng 4–6 nhuần-Tân Tỵ (dl 27–7–1941), chánh quyền Pháp đưa Đức Phạm Hộ Pháp và 5 vị Chức sắc lưu đày ở hải đảo Madagascar bên Phi Châu, trên chiếc tàu Compiège.

(Chúng ta lưu ý rằng, trong năm âm lịch Tân Tỵ có 2 tháng 6: một tháng 6 trước và một tháng 6 nhuần. Ngày Đức Phạm Hộ Pháp bị bắt là ngày mùng 4 tháng 6 trước của năm Tân Tỵ; ngày Đức Phạm Hộ Pháp bị đưa đi đày là ngày mùng 4 tháng 6 nhuần năm Tân Tỵ, hai ngày ấy cách nhau 1 tháng).

Trong những năm tháng bị lưu đày khổ sở, Đức Phạm Hộ Pháp luôn luôn được các Đấng thiêng liêng che chở, thoát khỏi được nhiều tai nạn hiểm nghèo, mà người Pháp muốn dùng cách đó để gián tiếp giết chết Đức Phạm Hộ Pháp.

Khi Đức Ngài cầm một que nhỏ và tay kia khỏa cát cho bằng thì liền có một Đấng giáng bút để an ủi, và báo tin cho biết tình hình chuyển biến của thế giới và VN, và cũng có tiên tri như bài thi sau đây của Linh Sơn Thần Nữ núi Bà Đen, vâng lịnh Thất Nương đến thăm Đức Phạm Hộ Pháp:

"Hòn đảo nầy đây trước nhốt tù,
Mà nay làm khám khảo Thầy tu.

Quả như oan nghiệt vay rồi trả,
Thì lũ Tây man Nhựt bổn trừ."

– Ngày 25–7–Bính Tuất (dl 21–8–1946), Đức Phạm Hộ Pháp cùng 3 vị Chức sắc: Khai Pháp Trần duy Nghĩa, Phối Sư Ngọc Trọng Thanh, Giáo Sư Thái Phấn Thanh (còn 2 vị kia là Giáo Sư Thái Gấm Thanh và Sĩ Tải Đỗ quang Hiển đã chết tại đảo, Sĩ Tải Hiển đắc vị Thánh ở Phi Châu) được chánh phủ Pháp đưa về VN trên chiếc tàu buôn tên là Ile de France, cặp bến Vũng Tàu, sau đó Pháp dùng máy bay đưa Đức Phạm Hộ Pháp về Sài gòn.

– Ngày mùng 4–8–Bính Tuất (dl 30–8–1946), Chánh quyền Pháp đưa Đức Phạm Hộ Pháp từ Sài gòn về Tòa Thánh. Hội Thánh và rất đông đảo tín đồ Cao Đài tổ chức lễ Nghinh Tiếp vô cùng trọng thể và cảm động đến rơi lệ.

Tính từ ngày Đức Phạm Hộ Pháp bị bắt 28–6–1941 theo dương lịch, đến ngày Đức Ngài trở về Tòa Thánh 30–8–1946, thì Đức Ngài xa Tổ Đình thời gian 5 năm 2 tháng 2 ngày; còn tính theo ngày âm lịch, từ ngày 4–6–Tân Tỵ đến 4–8–Bính Tuất, thì đúng 5 năm 2 tháng.

13. 13. TÁI THỦ QUYỀN HÀNH, CỦNG CỐ NỀN ĐẠO:

Khi Đức Phạm Hộ Pháp trở về Tòa Thánh thì Đức Ngài gặp phải nhiều việc khó khăn của Đạo mà Đức Ngài phải lo giải quyết gấp như sau đây:

– Sự hiện hữu của Quân đội Cao Đài do Giáo Sư Thượng Vinh Thanh (Trần quang Vinh) thành lập theo sự chỉ đạo của Đức Lý Giáo Tông, trong lúc Đức Ngài bị đồ lưu nơi Hải ngoại.

– Tòa Thánh còn đang dang dở ngổn ngang và hư hỏng vì việc xây dựng bị đình chỉ hơn 5 năm nay.

– Hội Thánh và các cơ quan của Đạo rã rời sau nhiều cuộc đàn áp và khủng bố của bạo quyền.

Đức Ngài không có thời gian để nghỉ ngơi sau những ngày lao khổ, liền bắt tay ngay vào việc huy động trở lại số công quả công thợ xây cất Tòa Thánh trước đây, gấp rút hoàn thành Tòa Thánh, cho có chỗ đẹp đẽ trang nghiêm cúng bái Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng. Sau gần 4 tháng tích cực làm ngày làm đêm của các công thợ, Tòa Thánh được hoàn thành, đắp vẽ đầy đủ, sơn phết trang trí rực rỡ.

Ngày mùng 6 tháng Giêng Tết Đinh Hợi (dl 27–1–1947), Đức Phạm Hộ Pháp làm lễ Trấn Thần Tòa Thánh. Kế đó, sáng ngày mùng 8 tháng Giêng thì rước Quả Càn Khôn từ Báo Ân Từ trở về an vị nơi BQĐ Tòa Thánh, kịp cúng Đại lễ Vía Đức Chí Tôn vào thời Tý.

Mặt khác, Đức Phạm Hộ Pháp lo tổ chức Đại Hội Nhơn Sanh, Đại Hội Phước Thiện để thăng thưởng Chức sắc và Chức việc đã đầy đủ công quả hành đạo, bổ nhiệm các Chức sắc vào các cơ quan từ Trung ương đến địa phương, để củng cố và phát triển nền Đạo.

Ngày 1–12–Bính Tuất, ĐHP khai Đại Hội Nhơn Sanh.

Ngày 15–12–Bính Tuất, ĐHP khai Đại Hội PT.

Ngày 15–10–Đinh Hợi, ĐHP khai Đại Hội Hội Thánh CTĐ.

(Viết tắt: ĐHP: Đức Phạm Hộ Pháp; PT: Phước Thiện.)

Về Quân Đội Cao Đài, Ông Giáo Sư Đại Biểu Trần quang Vinh đã thành lập sẵn rồi, Đức Ngài chỉ thị cho Quân Đội Cao Đài thực thi chủ trương: Bảo Sanh – Nhơn Nghĩa – Đại Đồng, phải là một quân đội nghĩa hiệp và gương mẫu, bảo tồn nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn và các tín đồ.

14. 14. XÂY DỰNG 3 CUNG 3 ĐỘNG:

Đức Phạm Hộ Pháp cho xây dựng 3 Cung 3 Động, để dự bị sau nầy làm Tịnh Thất khi có lịnh Đức Chí Tôn cho phép truyền Bí pháp cho các vị tu chơn luyện Đạo:

- **Trí Huệ Cung** ở trong Thiên Hỷ Động được xây dựng cách Tòa Thánh khoảng 5 cây số, về hướng Đông Nam. Trí Huệ Cung là một tòa nhà vuông vức 3 từng, mỗi bề 12 thước, từng trệt ngầm dưới đất. Nơi đây sẽ được dùng làm Tịnh Thất cho Nữ phái.

- **Trí Giác Cung** ở trong Địa Linh Động, được xây dựng trên đường đi từ Tòa Thánh đến Trí Huệ Cung, cách Tòa Thánh chừng 3 cây số. Trước khi Đức Phạm Hộ Pháp lập thành Trí Giác Cung thì nơi đây là Trường Qui Thiện do Ông Đinh công Trứ và các bạn Đạo hữu trong Minh Thiện Đàn từ Phú Mỹ qui tụ về đây xây dựng làm cơ sở tu hành.

- **Vạn Pháp Cung** ở trong Nhơn Hòa Động, sẽ được xây dựng tại Sở Sơn Đình, chân núi Điện Bà, về phía Bắc Tòa Thánh, cách Tòa Thánh chừng 10 cây số. Vạn Pháp Cung dùng làm Tịnh Thất cho Nam phái.

Chờ đến ngày giờ Đức Chí Tôn định, 3 Cung nầy là 3 Tịnh Thất tiếp nhận các bực tu Thượng thừa đã có đủ Tam lập, vào đây thọ Tâm pháp bí truyền để luyện đạo thành Tiên Phật tại thế.

Khi Đức Phạm Hộ Pháp trấn pháp Long Tu Phiến và Cây Kim Tiên nơi Thiên Hỷ Động Trí Huệ Cung, Đức Ngài có nói: "*Ngày nay là ngày vui mừng của Bần đạo hơn hết, là Bần đạo còn sức khỏe đầy đủ, cầm Bí pháp của Đức Chí Tôn đã giao phó, ấy là phận sự đặc biệt của Bần đạo vậy.*"

15. 15. CẤT CHỢ LONG HOA VÀ MỞ MANG VÙNG THÁNH ĐỊA.

Kể từ năm 1947 trở về sau, chiến tranh giành độc lập giữa quân đội Việt Minh và quân đội Pháp lan rộng khắp nơi, khiến cho các tín đồ Cao Đài từ khắp các nơi đổ dồn về vùng Thánh địa lập nghiệp càng lúc càng đông. Do đó, Đức Phạm Hộ Pháp cho xây dựng Chợ Long Hoa, có nhà lồng chợ 4 cánh hình chữ Thập, chung quanh Chợ có 8 cửa, hướng ra 8 con đường, với ý nghĩa là: Lưỡng Nghi, Tứ Tượng, Bát Quái, theo Vũ Trụ quan của Đạo Cao Đài. Cho nên Đức Phạm Hộ Pháp cho đây là cái Chợ Chuyển Thế.

Ngày 5–6–Tân Mão (dl 8–7–1951), Đức Phạm Hộ Pháp trấn Thần và ban Phép lành Chợ Long Hoa, có nói rằng:

"Càng ngày nhơn sanh qui tụ càng đông, vì thế nguồn sanh sống càng bị bóp nghẹt, nên Bần đạo cho lập gắp cái Chợ nầy để tạo lại nguồn sanh sống dễ dàng cho nhơn sanh.

Ngày giờ nầy, tuy là nhìn thấy cái Chợ thô sơ, nhưng rồi đây nó sẽ bành trướng rộng rãi hơn, long trọng hơn, mà chắc chắn con cái Đức Chí Tôn không bao giờ ngờ như thế, nhưng Bần đạo dám quả quyết nó phải có và nhứt định có, vì là cái Chợ Chuyển thế và huyền diệu thiêng liêng của Đức Chí Tôn đã định vậy."

Để mở mang vùng Thánh địa cho có qui củ, Đức Phạm Hộ Pháp thiết lập Phòng Kinh Lý Họa Đồ, phóng các con đường thẳng tắp thẳng góc nhau như trong bàn cờ, phân đất ra thành từng lô để cấp phát cho bổn đạo từ các nơi về đây lập nghiệp, định nơi cất Trường học, Nhà Thương (Bệnh viện), Chợ búa, Sân máy bay, Nghĩa địa, vv...

Đức Ngài khuyến khích bổn đạo khai phá đất rừng thành ruộng rẫy, tạo lương thực cho vùng Thánh địa được sung túc. Đức Ngài còn buộc các con em nhà đạo phải đến

trường do Đạo mở ra để học chữ nghĩa.

Dần dần vùng Thánh địa mở mang rộng đến hơn 200 cây số vuông, bao bọc luôn cả Núi Điện Bà.

16. 16. ĐỨC PHẠM HỘ PHÁP VÀ ĐỨC LÝ GIÁO TÔNG LẬP BAN THẾ ĐẠO.

Ngày 3–12–Quí Tỵ (dl 7–1–1954), trong một đàn cơ tại Giáo Tông Đường, Phò loan: Hộ Pháp – Tiếp Đạo, Đức Lý Giáo Tông giáng cơ hiệp cùng Đức Phạm Hộ Pháp lập Ban Thế Đạo với 4 phẩm Chức sắc:

"Khi hôm qua, đã có luận về Thế Đạo, nên căn dặn Phò loan đặng Lão giải nghĩa điều ấy.

– Hộ Pháp đã hiểu tổ chức của Hội Thánh Thiên Chúa giáo, có Chức sắc Thế Đạo, pháp văn gọi rằng: Dignitaires laiques. Hiền Hữu đã có phong phẩm HIỀN TÀI, sao không thêm 3 phẩm trên nữa cho đủ như của họ.

Hộ Pháp bạch: – Xin Ngài chỉ rõ.

– Thêm vào 3 phẩm Thế Đạo nầy: QUỐC SĨ, ĐẠI PHU, PHU TỬ."

Bản Qui Điều của Ban Thế Đạo mãi đến khi Đức Phạm Hộ Pháp qui Thiên rồi mới được Hội Thánh HTĐ soạn thảo, dâng lên Đức Phạm Hộ Pháp, và ngày 9–2– Ất Tỵ (dl 11–3–1965), Đức Ngài giáng cơ chấp thuận. Đức Thượng Sanh lúc đó cầm quyền Chưởng quản HTĐ ban hành ngày 28–2–Ất Tỵ (dl 30–3–1965).

Đàn cơ tại Giáo Tông Đường, đêm 4–7–Kỷ Dậu (dl 16–8–1969), Phò loan: Hiến Pháp – Khai Đạo, Đức Phạm Hộ Pháp giáng cơ nói về Ban Thế Đạo:

"Đức Lý Đại Tiên có thảo luận với Bần đạo về việc tuyển Chức sắc cao cấp CTĐ thì nên tìm kiếm nhân tài trong hoặc

ngoài Ban Thế Đạo, sẵn lòng tình nguyện hiến thân phục vụ cho Đạo, thì các bạn nên mời về tham khảo ý kiến, nếu được thì Đức Lý đặc cách ân phong quyền tước để phụng sự có hiệu lực hơn. Các bạn đồng ý chăng?"

17. 17. ĐỨC PHẠM HỘ PHÁP LƯU VONG SANG CAO MIÊN.

Sau Hiệp Định Genève ngày 20–7–1954, nước VN bị phân chia thành 2 miền Nam, Bắc, lấy sông Bến Hải làm ranh giới. Miền Bắc chịu ảnh hưởng của khối thế lực Cộng Sản, Miền Nam chịu ảnh hưởng của khối thế lực Tư bản.

Đức Phạm Hộ Pháp thấy rõ sẽ có cuộc nội chiến tương tàn tương sát giữa 2 Miền Nam Bắc, nên Đức Ngài đưa ra chánh sách Hòa bình Chung sống, hòa giải 2 Miền, thống nhứt với nhau bằng thương thuyết tương nhượng, nhưng không được chánh phủ 2 Miền ủng hộ, nhứt là Ngô đình Diệm ở miền Nam dựa thế lực của nước Mỹ nhứt định đánh Cộng Sản. Do đó, Ngô đình Diệm tìm mọi cách khủng bố Đức Phạm Hộ Pháp và trấn áp Đạo Cao Đài.

Đức Ngài bị cầm lỏng trong Hộ Pháp Đường suốt 4 tháng rưỡi, nhận thấy không có cách nào khác hơn được nữa, nên Đức Ngài quyết định lưu vong sang thủ đô Nam Vang của nước Cao Miên.

Đúng 3 giờ sáng ngày mùng 5–Giêng-Bính Thân (dl 16–2–1956), Đức Phạm Hộ Pháp cùng vài vị Chức sắc thân cận, lên xe hơi đi lên Nam Vang theo ngã Gò Dầu. Tuy Đức Ngài bị canh chừng nghiêm nhặt, lính tráng của phe Ngô đình Diệm đứng gác đầy đường, nhưng nhờ huyền diệu thiêng liêng che chở, xe hơi của Đức Ngài chạy đi không ai hay biết, tới chừng chúng phát giác được thì xe của Đức Ngài đã qua khỏi biên giới VN và đã đến đất Cao Miên.

Đức Ngài xin Hoàng Thân Sihanouk cho tị nạn tại Cao Miên, và xin ở tại Thánh Thất Kim Biên, Nam Vang.

18. 18. ĐỨC PHẠM HỘ PHÁP QUI THIÊN.

Trong thời gian lưu vong tại Nam Vang, Đức Phạm Hộ Pháp cố gắng vận động thực hiện Chánh sách Hòa bình Chung sống của Đức Ngài, nhưng lãnh đạo của mỗi Miền VN đều có đường lối và tham vọng riêng, nên tiếng kêu của Đức Ngài không được hưởng ứng.

Đức Ngài vì tuổi già sức yếu, quá lao tâm lao lực với nền Đạo, lại bị đày đọa quá khổ cực trong hơn 5 năm đồ lưu nơi hải đảo, ngày nay lại mang tâm bịnh nơi lòng, Đức Ngài cảm thấy giờ qui Thiên sắp tới, nên Đức Ngài làm một văn thư thỉnh cầu gởi Hoàng Thân Sihanouk, cho Đức Ngài tạm gởi thi hài nơi đất Miên dưới sự bảo vệ của Hoàng gia Miên, đồng thời, Đức Ngài cho gọi các Chức sắc và bổn đạo tới bên giường bịnh để Đức Ngài di chúc:

"*Bần đạo qui Thiên, tạm gởi thể xác nơi đất Cao Miên một thời gian. Ngày nào nước nhà độc lập thống nhất hoặc thực hiện đúng theo đường lối Hòa bình Trung lập, sẽ di Liên Đài về Tòa Thánh Tây Ninh.*"

Ngày mùng 10–4–Kỷ Hợi (dl 17–5–1959), lúc 13 giờ 30 phút, Đức Phạm Hộ Pháp thoát xác qui Thiên, để lại bao mối tiếc thương trong lòng người tín đồ Cao Đài, trước một bậc vĩ nhân đã hiến trọn đời mình khai sáng và xây dựng nền Chơn giáo của Đức Chí Tôn.

Đức Ngài hưởng thọ được 70 tuổi. Thể xác được liệm vào Liên Đài, nhập Bửu tháp tạm, xây ngay phía sau Thánh Thất Kim Biên, Nam vang.

Kể từ ngày Đức Ngài lưu vong sang Cao Miên, ngày 5–

Giêng–Bính Thân (dl 16–2–1956), cho đến ngày Đức Ngài qui Thiên, 10–4–Kỷ Hợi (dl 17–5–1959), Đức Ngài ở nơi đất cao Miên được 3 năm 3 tháng.

Đêm mùng 10–4–Kỷ Hợi, lúc 10 giờ 45, Ngài Bảo Đạo Hồ tấn Khoa và Sĩ Tải Bùi quang Cao phò loan, Đức Phạm Hộ Pháp giáng cơ, dặn dò công việc tế lễ và cho bài thi tạm làm bài Thài hiến lễ:

Ba năm xa cách để chờ may,
Vạn sự do Thiên đã sắp bày.
Chí muốn cao bay trong một kiếp,
Giờ đây nhờ cậy các anh tài.
Đã đành danh phận còn xa thẳm,
Nhưng đứng mày râu chẳng mảy may.
Một kiếp vì đời tua gắng trả,
Cho rồi nợ thế khỏi ai hoài.

Đêm 13–4–Kỷ Hợi, Ngài Hồ Bảo Đạo và Sĩ Tải Cao phò loan, Đức Phạm Hộ Pháp giáng cơ cho bài Thài khác, thay bài Thài trước, dùng hiến lễ Đức Ngài mãi về sau nầy:

Trót đã ba năm ở xứ người,
Đem thân đổi lấy phút vui tươi.
Ngờ đâu vạn sự do Thiên định,
Tuổi đã bảy mươi cũng đủ rồi.
Nhớ tiếc sức phàm thừa chống chỏi,
Buồn nhìn cội Đạo luống chơi vơi.
Rồi đây ai đến cầm Chơn pháp,
Tô điểm non sông, Đạo lẫn Đời.

Ngay sau khi Đức Phạm Hộ Pháp qui Thiên, ở bên nước Pháp, Nữ Đồng Tử Sarah Barthel tại thủ đô Paris, đã nghe được tiếng nói từ cõi thiêng liêng về sự liễu đạo của vị Giáo Chủ Đạo Cao Đài. Bà ghi lại trong Bài Chứng Nghiệm,

đăng trên báo Le Lien des Cercles d'Etudes số 4 tháng 5–6 năm 1959, xuất bản tại Paris, được dịch ra sau đây:

SỰ QUI THIÊN của VỊ GIÁO CHỦ HOÀN CẦU Của ĐẠO CAO ĐÀI: HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC

Để liên hiệp tất cả đệ tử Thần Linh Thế giới,

Chúng ta hãy than khóc, nhưng vẫn hy vọng!

Hỡi các đệ tử Thần Linh Tây phương! Đối với anh chị em ta bên phương Đông và Viễn Đông, chúng ta có bổn phận là hiệp tinh thần trong việc hợp tác huynh đệ để tìm biết về Vô hình.

Một tiếng nói trên không trung nói với tôi:

"Sở dĩ đạo đức đưa tới một đời sống hạnh phúc là vì đạo đức là một tình thương yêu cao cả và tình yêu nầy chỉ là một với tình yêu cả nhơn loại lẫn vũ trụ.

Tiếng nói ấy là tiếng nói nào mà nó thoát ra ngoài vật thể và nó ở ngàn chỗ trên thế giới địa hoàn để cho tâm hồn yên lặng và mở rộng đều có thể nghe được, dầu họ ở phương Đông cũng như phương Tây, hoặc ở phương Bắc, cũng như phương Nam, họ chờ đợi tiếp nhận những lời Thánh giáo giống nhau, trạng tỏ rõ sự thỏa hiệp của tâm hồn.

Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc vừa qui Thiên ngày 17–5–1959 hồi 13 giờ 30 phút (giờ Cao Miên) tại Chùa Tual Svay Prey, ở hộ đệ ngũ thuộc Châu thành Nam Vang...

Đúng giờ đã định, những vị Thiên Thần cầm cây tàn vàng tới đón rước Ngài, và các Hung Thần bị xua đuổi ra xa tít, họp thành một lằn đen xa thẳm, như đóng khung không hẹn mà nên cho một cảnh giới thiên nhiên càng mở rộng thêm mãi.

Những Đấng đã liễu đạo, lớp mặc Thiên phục đỏ, lớp

Thiên phục xanh dương, lớp nữa Thiên phục vàng, và cũng còn hàng ngàn mặc Thiên phục trắng.

Những vị Thiên phong sắc phục trắng nói rằng: Tiết độ là mối tình thương yêu làm chúng ta gìn giữ trong sạch những gì mà chúng ta yêu mến.

Những vị Thiên phong sắc phục xanh dương nói: Thận trọng là mối tình thương yêu, phân biệt điều gì đưa đẩy chúng ta đến chỗ thiện và điều gì có thể lôi kéo chúng ta đi xa chỗ thiện.

Những vị Thiên phong sắc phục vàng lúc bấy giờ nói: Công bình là tình thương yêu đặt chúng ta vào con đường phục vụ cho tình bác ái.

Sau chót, những vị Thiên phong sắc phục đỏ cũng tuyên bố: Dũng lực là tình thương yêu giúp ta đảm nhiệm mọi khó khăn cho cái gì chúng ta yêu mến.

Bốn lớp người nói xong thì tiếng nói của Đấng Thượng Đế, tiếng nói ở trong Tâm của mỗi người, dầu ở Thiên giới hoặc Địa giới, hay ở Trung giới, tiếng nói ấy đã phán:

"*Trong 4 màu hiệp lại thành một, con đã xuống thế, hạ mình một cách cao cả, làm một vị Giáo chủ tốt. Hộ Pháp Phạm công Tắc, con hãy trở về trong lòng TA và góp giữ phần trong lời Thánh Huấn của TA, tiếng nói của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế.*"

Ngày 17–5–1959, hồi 7 giờ, trong toàn Địa giới, Trung giới, yên tịnh hay phiêu lãng, tất cả những người Nam Nữ trong Đại Cơ quan Đồng tử đều được nhìn thấy và nghe rõ tất cả những sự việc mà tôi ghi chép y như trên.

Nữ Đồng tử Sarah Barthel
20 đường Alibert, Paris X ème

(Trích trong quyển Hình ảnh Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc qui Thiên do soạn giả Nguyễn văn Hảo xuất bản năm 1967)

Tổng kết:

Tiểu sử của Đức Phạm Hộ Pháp gần như là lịch sử của Đạo Cao Đài trong 31 năm đầu tiên, kể từ lúc sơ khởi nền Đạo năm 1925 cho đến năm 1956 khi Đức Phạm Hộ Pháp, rời khỏi Tòa Thánh, lưu vong sang Cao Miên.

Đức Ngài là một trong những môn đệ yêu ái nhứt đầu tiên của Đức Chí Tôn, lại là người trẻ tuổi được Đức Chí Tôn đặt vào phẩm vị cao quí nhứt của HTĐ, 37 tuổi đắc phong Hộ Pháp, và kể từ năm đó, Đức Ngài xả thân hành đạo cho đến ngày sức mỏn hơi tàn, trở về thiêng liêng vị.

Cho nên công nghiệp của Đức Ngài đối với Đạo Cao Đài vĩ đại nhứt so việc tất cả các Chức sắc cao cấp cầm quyền điều khiển nền Đạo thuở ban đầu.

Trong Nội Ô Tòa Thánh, cũng như trong khắp Châu Thành Thánh địa Tây Ninh, từ những Đền thờ đến các Dinh thự, từ những con đường lớn nhỏ đến các cây cầu, từ những ngôi chợ đến các khu nhà ở trật tự khang trang, từ những ngôi trường dạy trẻ em nhà đạo cho đến các Y viện, Dưỡng Lão, Cô nhi Viện, vv... đâu đâu cũng đều thấy có những dấu tích nhắc nhở công nghiệp vĩ đại của Đức Ngài.

Thể xác của Đức Ngài tuy đã mất, hình bóng của Đức Ngài tuy đã khuất, nhưng trong lòng của mỗi tín đồ Cao Đài trong nhiều thế hệ vẫn ghi khắc hình ảnh sống động của Đức Ngài. Đức Ngài là bậc vĩ nhân của Đạo Cao Đài, và cũng sẽ như Đức Chúa Jésus hay Đức Phật Thích Ca, Ngài sẽ là vĩ nhân của toàn thể nhơn loại.

19. 19. NGUYÊN CĂN CỦA Đ. PHẠM HỘ PHÁP.

• Theo tài liệu của Thừa Sử Phạm ngọc Trấn viết lưu lại, Đức Phạm Hộ Pháp có kể cho Ông nghe, thuở nhỏ, Đức Ngài có lần nằm mê xuất Chơn thần về Bạch Ngọc Kinh nơi cõi thiêng liêng gặp Đức Chí Tôn.

"Thuở nhỏ, Đức Hộ Pháp còn đi học, có một lần nằm mê luôn 2 ngày. Lúc xuất Thần ra đi, Ngài có một người Em thiêng liêng vâng lịnh Đức Chí Tôn xuống rước Ngài về. Ngài cùng đi với người Em đến cửa Bạch Ngọc Kinh thì thấy 8 con gì như con chó xù, to lớn mạnh mẽ coi đáng ghê sợ, có con nằm đưa bàn chơn trước ra ngang ngửa giữ cửa, người Em bước lên trên chơn nó thì nó nâng lên đưa vào cửa, còn Ngài thì sợ, đứng lại. Người Em ngó ngoái lại thấy sao Ngài không vào, nên cười và nói: Anh cứ vào, Anh đi không bao lâu mà lạ, rồi Ngài liền bước lên trên chơn con chó xù đó thì nó cũng đưa Ngài vào trong cửa Bạch Ngọc Kinh.

Người Em nói: Anh chờ một chút, Em vào bạch với Đức Chí Tôn. Ngài ngồi xem cung điện rất nguy nga tráng lệ, thấy toàn bằng trân châu báu ngọc, dưới lót bằng hào quang sáng đẹp vô cùng.

Chờ hồi lâu, Ngài kêu lớn lên thì người Em chạy ra nói: Anh đừng sợ, chờ tôi một chút.

Bỗng thấy Chí Tôn phán rằng: Con có đói không?

Ngài đáp: Thưa Thầy con đói.

Đức Chí Tôn biểu người Em Ngài đem ra 3 cái bánh ếch trần. Ngài ăn 2 cái thì vừa no, còn cái thứ ba Ngài nghẹn, nuốt không vô, Ngài muốn liệng nhưng vì sợ lấm cung điện, Ngài ráng nuốt cho được nhưng ngán lắm.

Đức Chí Tôn hỏi: Con còn đói không?

Ngài bạch: Con no lắm rồi.

Đức Chí Tôn hỏi: Con có khát nước không?

Ngài đáp: Bạch Thầy con khát.

Đức Chí Tôn dạy đem một tô nước trong thật đầy. Ngài uống ngon lắm. Khi uống vào, Ngài thấy nhẹ nhàng lại như cũ.

Đức Chí Tôn bảo người Em Ngài đưa Ngài trở về.

Trước khi ra về, Ngài bạch: Thưa Thầy, cho con xin một con chó xù đem về giữ nhà.

Đức Chí Tôn bảo: Con về trước đi, Thầy sẽ cho nó xuống sau."

• Ngày 15–8–Bính Thân (dl 19–9–1956), tại Báo Ân đường Kim Biên, Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ (Trạng Trình Nguyễn bỉnh Khiêm, Sư Phó Bạch vân Động nơi cõi thiêng liêng) giáng cơ, Phò loan: Đức Phạm Hộ Pháp và Hồ Bảo Đạo, nói với Đức Phạm Hộ Pháp: (Đức Thanh Sơn tự xưng là Bần tăng, gọi Đức Phạm Hộ Pháp là Thiên Tôn)

"Nhiều điều Thiên Tôn hỏi thì Bần tăng khó trả lời đặng, duy Nguyệt Tâm (Chơn Nhơn) đảm đương Thiên vụ, người hiểu biết rõ hơn Bần tăng, vậy Thiên Tôn nên hỏi nơi người. Chỉ có bài thi của Bần tăng có hơi huyền bí tiên tri, nên Bần tăng có thể giải đáp.

Thiên Tôn nhớ lại khi lập thành Phong Thần Bảng, những người đứng vào hàng Thất Thánh là ai? Hộ Pháp đáp: Lý Thiên Vương, Kim Tra, Mộc Tra, Na Tra, Vi Hộ, Dương Tiễn, Lôi Chấn Tử.

– Phải, thì trước đầu kiếp vào nhà họ **Vi**, còn nay vào nhà họ **Phạm**. Điều đó có chi khó hiểu mà phỏng đoán. Tiên tri của Bần tăng đã nhiều và chỉ rõ VN xuất Thánh thì

đã hẳn rồi, còn cho không rõ rệt, hơn nữa lại còn một điều trọng hệ hơn là Di- Lạc giáng linh thì Thiên Tôn đã thấy rằng tiên tri vốn không sai sót đủ điều."

• Ngày 15–3–Bính Dần, Đức Chí Tôn phong Ngài Phạm công Tắc là: **Hộ giá** Tiên Đồng Tá cơ Đạo Sĩ. (có chữ Hộ giá, nghĩa là hộ vệ Đức Chí Tôn khi xuất hành).

• Đức Lý Giáo Tông thố lộ về nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp và quyền năng của Ngài trong bài thi khoán thủ dưới đây;

1. **Hộ** giá Chí Tôn trước đến giờ,
2. **Pháp** luân thường chuyển máy Thiên thơ.
3. **Chưởng** quyền Cực Lạc phân ngôi vị,
4. **Quản** suất Càn khôn định cõi bờ.
5. **Nhị** kiếp Tây Âu cầm máy Tạo,
6. **Hữu** duyên Đông Á nắm Thiên thơ.
7. **Hình** hài Thánh Thể chừ nên tướng,
8. **Đài** trọng hồng ân gắng cậy nhờ.

(Khoán thủ: **Hộ Pháp Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài**)

GHI CHÚ:

- *Câu 1:* cho biết Đức Ngài là Ngự Mã Thiên Quân hộ giá Đức Chí Tôn từ trước đến nay.
- *Câu 2:* cho biết Đức Ngài nắm về Pháp, xoay chuyển cơ Trời theo Thiên thơ đã định.
- *Câu 3:* Đức Ngài nắm quyền phân định ngôi vị nơi cõi CLTG. (Chính Đức Ngài được Đức Chí Tôn sai đi mở cửa CLTG bằng bửu pháp Giáng Ma Xử cho các Chơn Linh đạo đức nhập vào CLTG).

- *Câu 4:* Đức Ngài sẽ thay mặt Đức Chí Tôn cầm quyền cai trị CKTG. Câu nầy kết hợp với bài Kinh Đại Tường cho chúng ta biết rằng, Đức Hộ Pháp sẽ giáng trần là Đức Di-Lạc Vương Phật, thay mặt Đức Chí Tôn cai trị CKTG.
- *Câu 5:* cho biết kiếp giáng sanh xuống trần lần thứ nhì là Đức Chúa Jésus, mở Đạo Thiên Chúa ở Do Thái rồi truyền qua Âu Châu, cứu độ các sắc dân Âu Châu.
- *Câu 6:* Kiếp nầy Ngài giáng sanh xuống nước VN làm Hộ Pháp chưởng quản HTĐ, nắm giữ Thiên điều.
- *Câu 7:* Nhờ Ngài mà hình thể của Đức Chí Tôn tại thế (tức là Hội Thánh CTĐ) được nên hình tướng.
- *Câu 8:* Phẩm vị của Ngài rất cao trọng, nhơn sanh gắng cậy nhờ hồng ân của Ngài.

Chúng ta với trí não phàm phu thô thiển, không thể hiểu rõ huyền diệu của Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng, nhưng qua các tài liệu vừa nêu trên, chúng ta có thể nêu lên một thuyết về Nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp:

Nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp là: **Ngự Mã Thiên Quân, Hộ Giá Đức Chí Tôn.**

– Kiếp giáng trần thứ nhứt là Vi Hộ, với bửu pháp là Giáng Ma Xử, một trong Thất Thánh vào thời Phong Thần. (Thời Phong Thần, cuối Nhà Thương, khởi đầu Nhà Châu, trước kỷ nguyên Tây lịch chừng 1100 năm). Vi Hộ sau khi giúp mở ra nhà Châu xong thì trở về núi tu luyện, đắc quả Phật Hộ Pháp, gọi là Phật Vi Hộ Pháp.

– Kiếp giáng trần lần thứ nhì là Đức Chúa Jésus mở Đạo Thánh Thiên Chúa giáo bên Âu Châu.

– Kiếp giáng trần thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc.

– Đức Ngài sẽ giáng sanh xuống trần lần nữa là Đức Di-Lạc Vương Phật, làm Giáo Chủ Hội Long Hoa, mở ra đời Thượng Nguơn Thánh đức.

Thượng pho tượng của Đức Phạm Hộ Pháp lên Ngai Thất Đầu Xà

Vào ngày 15–12–Quí Mão (dl 29–1–1964), Hội Thánh tổ chức một buổi lễ long trọng thượng pho tượng Đức Phạm Hộ Pháp lên Ngai Thất đầu Xà tại HTĐ Tòa Thánh.

Đây là nguyện vọng của Hội Thánh và toàn đạo khắp nơi, mong ước đã lâu nhưng vì thời cuộc, đành phải nén sự đau buồn từ mấy năm qua.

Hôm nay, pho tượng Đức Hộ Pháp sắp thượng lên Ngai Thất đầu Xà, toàn Đạo tưng bừng hân hoan biết bao! (Trích trong Đại Đạo Nguyệt san số 1 trang 32).

20. 20. KINH SÁCH VÀ THI VĂN:

Đức Phạm Hộ Pháp lấy bút hiệu là Ái Dân, có trước tác 2 quyển sách: 1 quyển Phương Tu Đại Đạo gồm 2 tập và 1 quyển Thiên Thai Kiến Diện.

– Quyển Phương Tu Đại Đạo, viết theo thể thơ đặc biệt, mỗi câu có từ 7 đến 8 chữ hoặc 9 chữ, khi dùng cước vận, khi dùng yêu vận, trường thiên, nội dung dạy về phần Nhơn Đạo cho các tín đồ Nam Nữ.

Xin trích ra đây một đoạn ngắn tượng trưng:

PHẬN LÀM CHA

Cha mẹ rủi sanh con hung bạo,
Tội dưỡng nhi bất giáo đã đành.
Với hình hài mình đã sanh thành,
Thì chữ Đạo chữ Tình cân đúng giá.

Cơ chuyển thế nơi tay đã quả,
Thay mặt cho Tạo Hóa dựng đời.
Vật tối linh thiên hạ là người,
Cha mẹ vốn là Trời phần xác thịt.
Phận nuôi dưỡng tuy vân cần ích,
Phải dạy răn kẻo nghịch lòng Trời.
Đã lập Đời ắt phải dạy Đời,
Đừng dưỡng ác hại người mang nghiệp chướng.
... ...

– Quyển *Thiên Thai Kiến Diện,* gồm 77 bài thơ Thất ngôn Đường luật, thuật lại những điều mà Đức Ngài thấy tận mắt khi xuất Chơn thần lên viếng cảnh Thiên Thai nơi cõi TL. Xin chép ra sau đây bài thi số 1 mở đầu:

1. Ngoài áng Đào Nguyên sấn bước vào,
Thiên Thai Tiên cảnh trước cao cao.
Mây lành phủ động ra khuôn cửa,
Tòng rậm bao quanh giống mặt rào.
Hạc đạo đón đưa bay xạo xự,
Nai tăng tiếp rước chạy lao xao.
Lừng trời lửng đửng ngàn muôn kẻ,
Cười nói mừng vui đến miệng chào.

Đức Phạm Hộ Pháp thường xuyên thuyết đạo trong mỗi kỳ đàn cúng, suốt mười mấy năm, kể từ năm 1946, năm Đức Ngài hồi loan từ Mã đảo (đảo Madagascar ở Phi Châu), cho đến khi Đức Ngài qui Thiên.

Đức Phạm Hộ Pháp muốn "*Cậy phương thuyết giáo vẽ thành Kinh Chơn*" (KNH)

Những bài thuyết đạo nầy được Ban Tốc Ký ghi chép lại, tập hợp theo từng năm, và theo từng đề tài, tạo thành được 8 quyển Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, in được 4 cuốn, còn

4 cuốn chưa in. Hai quyển có đề tài đặc biệt là:

– Bí Pháp.

– Con đường Thiêng liêng Hằng sống.

Đây là những tài liệu rất quí báu cho người học Đạo và nghiên cứu về Giáo lý và Triết lý của Đạo Cao Đài.

Đức Phạm Hộ Pháp cũng rất sính thơ. Đức Ngài làm rất nhiều bài thơ đường luật, xướng họa cùng các thi hữu nơi HTĐ và các Đấng Nữ Tiên DTC.

Xin chép ra sau đây vài bài tượng trưng:

Đức Hộ Pháp họa vận trả lời Bát Nương:

Hành tàng hư thiệt tại Cha Trời,
Đông Mậu năm hồ hỏa khắp nơi.
Châu ngũ khí hòa tan ác nghiệt,
Thất sơn dấy động Thất sơn dời.
Thế tiêu xuân Kỷ Long Hoa trổ,
Thưởng phạt cuối cùng Thánh đức thôi.
Long Mã ban vương tiêu trận kỵ,
Cù phi hải sụp lý thay Trời.

Bắc Du cảm tác

Non nước hồn thiêng đã tỉnh dần,
Xuân Thu xưa nay đổi Thu Xuân.
Nam phong đỡ vững xa thơ Hán,
Bắc tục xô nghiêng đảnh nghiệp Tần.
Bác ái là để thi tiến hóa,
Nghĩa nhân ấy mục định duy tân.
Thiên thời Địa lợi đôi điều sẵn,
Chỉ thiếu hòa Nhân để hợp quần.

ĐỨC THƯỢNG PHẨM
CAO QUỲNH CƯ
(1888–1929)

Ngài Cao quỳnh Cư, hiệu là Bội Ngọc, sanh năm Mậu Tý (1888) tại làng Hiệp Ninh, tổng Hàm Ninh Thượng, tỉnh Tây Ninh.

Thân phụ của Ngài là Ông Cao quỳnh Tuân, làm Cai Tổng Hàm Ninh Thượng. Ông Cao quỳnh Tuân mất lúc Ngài Cao quỳnh Cư được 10 tuổi. Đức Chí Tôn cho biết, Ông Cao quỳnh Tuân là Xuất Bộ Tinh Quân ở Thượng giới giáng trần.

Thân mẫu của Ngài Cư là Bà Trần thị Huệ (đắc phong Nữ Giáo Sư ngày 14–Giêng-Đinh Mão, dl 15–2–1927, do Đức Chí Tôn ân phong trong kỳ Phong Thánh Nữ phái lần thứ I)

Bào huynh của Ngài Cư là Ông Cao quỳnh Diêu (Ông Diêu thứ ba, Ông Cư thứ tư trong gia đình). Ông Cao quỳnh Diêu về sau đắc phong Tiếp Lễ Nhạc Quân năm 1927, và Bảo Văn Pháp Quân năm 1929. *(Xem Tiểu sử của Ông Cao quỳnh Diêu trong Phần thứ ba: Danh Nhân Thập nhị Bảo Quân).*

Năm 1907, Ngài Cao quỳnh Cư lập gia đình với Cô Nguyễn thị Hiếu ở Sài gòn (sau đắc phong Nữ Giáo Sư trong kỳ Phong Thánh Nữ phái lần thứ I, và sau cùng đắc phong Nữ Đầu Sư năm 1968). *(Xem Tiểu sử: Nữ Đầou Sư Nguyễn Hương Hiếu, trong Phần thứ nhứt: Danh Nhân CTĐ).*

Người con trai duy nhứt của Ngài Cư và Bà Hiếu là Cao quỳnh An, đi du học bên Pháp và mất ở bên đó.

Năm 1915, Ngài Cao quỳnh Cư làm Thơ ký tại Sở Hỏa Xa Sài gòn, sau được lên ngạch Còm-mi, ngụ tại nhà số 134 đường Bourdais, nay là đường Calmette Quận I Sài gòn.

1. I. THỜI KỲ XÂY BÀN:

Vào hạ tuần tháng 7 năm 1925, nhằm tối Thứ sáu ngày 24–7–1925 (âl 4–6–Ất Sửu), quí Ông Cao quỳnh Diêu, Cao quỳnh Cư, Phạm công Tắc, Cao hoài Sang, cùng một vài người nữa trong gia đình, tổ chức xây bàn theo cách thức của Thần Linh Học Tây phương, tại nhà Ông Sang, ở dãy phố hàng dừa, bây giờ là đường Cống Quỳnh, gần Chợ Thái Bình, Sài gòn. Buổi xây bàn đầu tiên không đạt kết quả.

Đêm sau, quí Ông hẹn nhau, xây bàn thử lại lần nữa. Quí Ông đốt nhang khấn vái, rồi ngồi quanh một cái bàn tròn 3 chưn, đặt nơi hàng ba trước nhà, 2 bàn tay của mỗi

người đều úp lên mặt bàn, ngồi lắng lặng định thần một lát thì cái bàn dao động, chưn bàn nhịp nhẹ xuống nền gạch phát ra tiếng. Các Ông biết là có vong linh nhập bàn.

Để có thể nói chuyện với vong linh, Ông Cư lên tiếng:

– Xin khoan đi, để cho tôi nói ít lời. Bây giờ chưa có cách chi để hiểu nhau, duy có gõ 2 tiếng là ừ, chịu, có, phải; còn gõ 1 tiếng là không, chẳng phải.

Vong linh liền làm chưn bàn nhịp xuống gạch 2 tiếng, tỏ ý chịu. Đọan Ông Cư nói tiếp:

– Ta hiểu theo đây thì có thể nói chuyện được với nhau tiện hơn. Nếu tôi hỏi chi, vong linh muốn trả lời, cứ theo thứ tự vần quốc ngữ mà gõ, mỗi chữ mỗi gõ, đến chữ nào dùng thì ngưng lại, nghĩa là lấy chữ chót, rồi bắt đầu trở lại mà gõ chữ khác, xong rồi sẽ ráp lại mà đọc, giống như đánh giây thép vậy.

Vong linh liền gõ 2 tiếng: Ừ, chịu.

Qui ước với nhau xong rồi, Ông Cư liền đọc theo vần quốc ngữ: a ă â b c d đ e ê g h i k l, tới chữ L thì bàn dứt gõ, nghĩa là lấy chữ L.

Ông Cư bắt đầu đọc vần trở lại: a ă â b c d đ e ê g h i k l m n o ô ơ p q r s t u ư, tới chữ Ư thì bàn dứt gõ, nghĩa là lấy chư Ư.

Cứ thế tiếp tục, cuối cùng Ông Cư ráp lại được 3 chữ: LƯỢNG CAO QUỲNH.

Ai nấy đều rất vui mừng vì thấy có kết quả.

Ông Cư hỏi: – Như có phải là Cao quỳnh Lượng thì chắc biết tên những người ngồi đây. Vậy cứ gõ tên từng người xem có trúng không?

Ông Cư bắt đầu đọc: a ă â b c d đ e ê g h i k l ..... và bàn

tiếp tục gõ. Lần nầy thì việc làm có vẻ như quen dần, việc ráp chữ có phần nhanh hơn. Khi ráp xong các chữ thì đúng là tên của những người đang ngồi xây bàn. Cả thảy đều vui mừng cười rộ lên, còn cái bàn thì dỡ hỏng lên một chưn lắc qua lắc lại, dường như cũng vui cười theo vậy.

Khi đó Ông Cao quỳnh Diêu biết chắc là Cao quỳnh Lượng, con trai của Ông đã chết cách đây mấy năm, nên lên tiếng hỏi rằng:

– Con có hầu Ông Nội không?

Bàn gõ trả lời: – Có.

– Mời Ông Nội đến đây tiện không?

Bàn gõ trả lời: – Đặng.

Sau đó thì cái bàn dỡ lên rồi để xuống luôn, không còn dao động như trước nữa. Quí Ông biết là vong linh đã xuất ra, nên buông tay ra nghỉ xả hơi.

Trước một việc lạ lùng và linh hiển như thế, quí Ông bàn tán dữ lắm mà chưa ra lẽ. Kế thấy nghỉ được nửa giờ rồi, quí Ông trở lại ngồi xây bàn như lúc nảy.

Tịnh thần một lát thì bàn dao động, bắt đầu gõ. Ông Cư ráp lại thì được chữ: CAO QUỲNH TUÂN. Đó là thân sinh của 2 Ông: Diêu và Cư. Ông Cư nói:

– Vì buổi Thầy quá vãng, anh em con vẫn còn nhỏ dại, cho đến nỗi anh cả con đã trọng mà còn không nhớ đặng hình ảnh của Thầy, huống chi là con còn nhỏ quá, duy buổi lớn khôn nghe người truyền ngôn lại cái hạnh đức của Thầy mà thôi. Nếu có thể tiện, xin Thầy dùng dịp nầy cho anh em con một bài thi tự thuật hầu để roi truyền ngày sau cho con cháu thờ làm kỷ niệm.

Vong linh Ông Cao quỳnh Tuân liền gõ bàn, cho bài thi:

Ly trần tuổi đã quá năm mươi,
Mi mới vừa lên ước đặng mười.
Tổng mến lời khuyên bền mộ chép,
Tình thương căn dặn gắng tâm đời.
Bên màn đòi lúc trêu hồn phách,
Cõi thọ nhiều phen được thảnh thơi.
Xét nỗi vợ hiền còn lụm cụm,
Gặp nhau nhắn nhủ một đôi lời.

Thầy xin kiếu.

Khi bàn gõ xong chữ "kiếu "thì bàn dỡ lên rồi để xuống nhẹ hều, không còn dao động nữa. Vong linh đã xuất.

Đó là buổi xây bàn có kết quả đầu tiên. *(Viết theo Đại Đạo Truy Nguyên của Huệ Chương).*

Qua buổi xây bàn có kết quả lần đầu tiên, các Ông suy nghĩ nhiều lắm, nhưng chưa giải đáp được, chỉ biết chắc chắn rằng có sự hiện hữu của các vong linh nơi cõi vô hình.

Cả ngày hôm sau là Chúa nhựt, nghỉ làm ở Sở, các Ông vẫn bàn tán mãi, đến khi mệt nằm ngủ vùi. Lật bật đến gần tối, quí Ông lo tắm rửa và cơm nước, xong cùng tựu lại nhà Ông Cao hoài Sang để tiếp tục xây bàn nữa.

Đêm nay, quí Ông sửa soạn trang nghiêm hơn đêm qua nhiều lắm. Đến 9 giờ tối, quí Ông đem bàn ra, đốt nhang khấn vái. Xong rồi thì vào ngồi quanh chiếc bàn.

Ngồi tịnh thần một lát thì bàn dao động nhẹ nhàng, khoan thai, gõ bàn xưng danh là Đoàn ngọc Quế, con gái, rồi Cô cho một bài thi Tự Thuật:

THÁC VÌ TÌNH

Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai,
Mạng bạc còn xuân uổng sắc tài.

Những ngỡ trao duyên vào ngọc các,
Nào dè phủi nợ xuống tuyền đài.
Dưỡng sanh cam lỗi tình sông núi,
Tơ tóc thôi rồi nghĩa trúc mai.
Dồn dập tương tư quần một gánh,
Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai.

ĐOÀN NGỌC QUẾ

Bài thi nầy rất hay, làm cho quí Ông thích thú, mỗi người làm thi họa lại, khiến cho quí Ông mê mẩn việc xây bàn. Ban ngày thì đi làm, mong cho tới tối đặng họp nhau lại xây bàn. Sau đó, có Ông thân sinh của Ông Cao hoài Sang về nhập bàn, rồi có Ông Ách Đồng về. (Ông Ách Đồng là anh ruột của Ngài Phạm công Tắc).

Vào tối thứ bảy ngày 8–8–1925 (âl 19–6–Ất Sửu), 3 Ông Cư, Tắc, Sang hiệp nhau xây bàn, Ông Diêu bận việc nên vắng mặt. Cô Đoàn ngọc Quế giáng bàn, nói chuyện một hồi, rồi 3 Ông xin kết nghĩa anh em với Cô.

Cô bằng lòng, gọi:

- Ông Cao quỳnh Cư là Trưởng Ca (Anh cả),
- Ông Phạm công Tắc là Nhị Ca (Anh hai),
- Ông Cao hoài Sang là Tam Ca (Anh ba),
- Phần Cô là Tứ Muội (Em gái thứ tư).

Rồi Cô chỉ rõ mồ mả của Cô ở trong nghĩa trang Bà Lớn tại Ngã Bảy (Bà Lớn là Bà Tổng Đốc Phương, đó là Bà Ngoại của Cô).

Cô tên thật là Vương thị Lễ, còn tên Đoàn ngọc Quế là tá danh, là con gái của Ông Đốc phủ Vương quan Trân, Cô kêu Ông Vương quan Kỳ bằng Chú ruột. Cô là Nữ Tiên Thất Nương ở Cung Diêu Trì. Cô có nhiệm vụ dùng văn

chương thi phú dẫn dắt quí Ông vào đường đạo đức. *"Chiêu tập hồn thi bước Đạo dìu"*.

Quí Ông mê say việc xây bàn để tìm hiểu về thế giới Vô hình. Đêm nào cũng thức xây bàn đến khuya, sáng lại đi làm việc ở Sở cho đến chiều mà không cảm thấy mệt mỏi.

Rất nhiều Đấng Vô hình giáng bàn cho thi, để lần lần dẫn dắt quí Ông vào đường Đạo.

Ngoài Cô Vương thị Lễ (Thất Nương), còn có: Cô Hớn Liên Bạch (Bát Nương), Cô Lục Nương, Thi sĩ Huỳnh Thiên Kiều hiệu là Quí Cao, Đức Nhàn Âm Đạo Trưởng, Thanh Sơn Đạo sĩ (Trạng Trình Nguyễn bỉnh Khiêm), Đại Tiên Lê văn Duyệt, vv... .

Quí Ông xây bàn lúc nầy phân làm 2 nhóm nhỏ: Ông Diêu và Ông Sang xây bàn mỗi đêm tại nhà Ông Sang ở phố hàng dừa; Ông Cư và Ông Tắc thì xây bàn tại nhà Ông Cư ở đường Bourdais.

2. II. ĐẤNG AĂÂ:

Đấng A ĂÂ đến với nhóm Xây Bàn lần đầu tiên vào hạ tuần tháng 7 năm Ất Sửu (1925). Ba Ông: Cư, Tắc, Sang, thỉnh bàn ra tính xây bàn để cầu Cô Đoàn ngọc Quế về làm thi. Ba Ông vừa đặt tay lên bàn thì có một Đấng giáng bàn, cho bài thi:

Ớt cay, cay ớt, gẫm mà cay,
Muối mặn ba năm muối mặn dai.
Túng lúi đi chơi nên tấp lại,
Ăn bòn chẳng chịu tấp theo ai.

Ông Cư thấy bài thi có ý rất lạ, liền hỏi tên họ là gì, thì vị giáng bàn xưng là AĂÂ. Ông Cư hỏi Ông AĂÂ bao nhiêu tuổi? Ông AĂÂ gõ bàn trả lời đếm hoài tới mấy trăm

cái mà bàn vẫn tiếp tục gõ. Ông Cư nói chắc là Ông AĂÂ nầy lớn tuổi lắm và không dám hỏi nữa.

Kể từ buổi đó, Đấng AĂÂ thường nhập bàn giảng dạy cho 3 Ông biết nhiều điều rất thâm thúy. Những điều gì quá khó khăn mà không ai giải thích nổi thì 3 Ông cầu Ông AĂÂ về thì Ông AĂÂ giáng bàn giải thích rất rõ ràng, khiến mọi người đều kính phục.

Một hôm, Ông AĂÂ giáng bàn, Ngài nói rằng:

"Nếu muốn cho Bần đạo đến thường thì 3 vị nạp mấy lời yêu cầu sau đây của Bần đạo:

– Một là đừng kiếm biết Bần đạo là ai.

– Hai là đừng hỏi đến quốc sự.

– Ba là đừng hỏi việc Thiên cơ."

Cả 3 Ông: Cư, Tắc, Sang đều ưng thuận. Kể từ đó, 3 Ông thường cầu Đấng AĂÂ về để học hỏi về thi văn.

Mấy hôm sau nữa, Đấng AĂÂ giáng bàn nói với 3 Ông rằng: *"Nếu muốn cho Ta tận tâm truyền dạy Đạo lý thì hết thảy phải kỉnh Ta làm Thầy, cho tiện bề đối đãi."*

Ba Ông mừng lắm, liền vâng chịu, và bắt đầu thọ giáo học Đạo cùng Đấng AĂÂ.

Và kể từ đây, Đấng AĂÂ giáng bàn, xưng mình là Thầy và gọi 3 Ông là môn đệ.

3. III. THỜI KỲ PHÒ NGỌC CƠ:

– Hội Yến Diêu Trì Cung.

– Vọng Thiên cầu Đạo.

Đến thượng tuần tháng 8 âm lịch, 3 Ông Cư, Tắc, Sang, được Thất Nương tiết lộ cho biết chút ít về Diêu Trì Cung nơi cõi Thiêng liêng: Trên hết có Cửu Thiên Nương

Nương cai quản, dưới có Cửu vị Tiên Nương mà Cô đứng hàng thứ 7 gọi là Thất Nương, Hớn Liên Bạch đứng hàng thứ 8 gọi là Bát Nương, ...

Ba Ông xin Cô cho biết cách cầu Đức Cửu Thiên Nương Nương. Thất Nương bảo 3 Ông phải trai giới 3 ngày và tìm cho đặng Ngọc cơ thì cầu Lịnh Bà mới được.

Quí Ông không hiểu Ngọc cơ là gì. Cô mới mô tả Ngọc cơ, giải rõ căn cội buổi xưa lấy hình dạng của sao Bắc Đẩu mà tạo thành, lại dạy cách phò cơ. Thất Nương cũng dặn mỗi người phải làm sẵn một bài thi đón mừng Nương Nương, dự bị sẵn đó. Cô cũng chỉ dẫn cách sắp đặt bàn ghế, giữ trang nghiêm tinh khiết để cầu Cửu Thiên Nương Nương giáng phàm mới đặng.

Ba Ông không biết tìm mượn Ngọc cơ ở đâu. Như có linh tính xúi giục, Ông Cư qua nhà người bạn láng giềng là Ông Phán Tý chơi và luôn tiện hỏi thăm thì Ông Tý liền cho biết, Ông có một cây Ngọc cơ, và đang cho Ông Âu Kích ở Chùa Minh Lý mượn, Ông hứa đi lấy về cho Ông Cư mượn.

Ba Ông rất mừng rỡ vì đã có được Ngọc cơ rồi, bây giờ lo ăn chay 3 ngày đặng cầu Nương Nương.

Đêm đó, Đấng AĂÂ giáng bàn, bảo 3 Ông nhơn dịp nầy, làm một cái tiệc chay để đãi Cửu Thiên Nương và Cửu Vị Tiên Nương nơi Diêu Trì Cung.

Đêm 14 tháng 8 âm lịch, tất cả đều đủ mặt tại nhà của Ông Cư, số 134 đường Bourdais, Sài gòn.

Ông Cư đặt một bàn dài ở giữa nhà, trải náp đẹp, có rải bông lá, chung quanh đặt 10 cái ghế, cái ghế ở đầu bàn phía trong thì lớn nhất, dành cho Cửu Thiên Nương Nương, còn 9 cái ghế kia nhỏ hơn dành cho 9 vị Tiên Cô. Trên bàn, trước mỗi cái ghế, đặt 1 cái ly, một tách trà, 1 cái chén với

muỗng đũa, làm như là đãi tiệc người hữu hình vậy. Còn giữa bàn dài thì chưng trái cây và bông hoa tươi tốt, trông vào rất lịch sự.

Ông Cư dặn người nhà là Ông không tiếp khách tối nay, và từ chập tối đã đốt trầm xông thơm nơi bàn tiệc.

Đến giờ Tý, 3 Ông mặc quần áo chỉnh tề, đốt nhang đèn lên, đồng quì lạy khấn vái. Xong đem Ngọc cơ ra cầu.

Thật quả có Lịnh Cửu Thiên Nương Nương đến giáng cơ, và Cửu vị Tiên Nương cũng giáng cơ đầy đủ chào mừng 3 Ông. Thất Nương kêu 3 Ông đờn và ngâm bài thi của mình đặng hiến lễ Nương Nương. Nương Nương và 9 Cô đồng an vị mà nghe.

Chừng nhập tiệc, Thất Nương mời 3 Ông ngồi vào bàn cho vui. Ba Ông sợ thất lễ không dám ngồi, nhưng Thất Nương ép buộc, khó chối từ, nên mới đặt thêm 3 cái ghế ở phía sau, 3 Ông xá rồi ngồi xuống. Bà Hiếu (hiền nội của Ông Cư), rót rượu (rượu Champagne) lần lượt vào 10 cái ly, và gắp đồ ăn chay đặt vào chén cho mỗi vị, tựa như đãi người thật vậy. Sau cùng thì rót nước trà vào 10 cái tách trên bàn.

Nửa giờ sau, chừng như mãn tiệc, hai Ông Cư và Tắc phò Ngọc cơ tái cầu. Lịnh Nương Nương và 9 Cô để lời cảm tạ và hứa đã: "*Từ đây có Ngọc cơ rồi thì tiện cho DTC đến dạy việc.*"

Kế đó, mỗi vị viết cho 4 câu thi, Đức Cửu Thiên Nương Nương (Đức Phật Mẫu) cho trước, rồi lần lượt Nhứt Nương, Nhị Nương, vv..., cuối cùng là Cửu Nương. Các bài thi nầy, về sau được dùng làm Bài Thài hiến lễ Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương trong Lễ Hội Yến DTC tại Báo Ân Từ vào ngày Rằm Trung Thu hằng năm.

Đầu tháng 9 năm Ất Sửu (1925), Đấng AĂÂ giáng cơ

nói với 3 Ông Cư, Tắc, Sang như sau (để thử lòng 3 Ông):

"*Tôi nói lộ Thiên cơ nên bị Ngọc Hư Cung bắt tội, xin tam vị Đạo hữu cầu Ngọc Hư tha tội tôi, nếu không thì tôi sẽ bị phạt.*"

Ba Ông rất lo lắng, liền lập bàn hương án cầu DTC vào ngày 3–9–Ất Sửu (dl 20–10–1925), Ông Cư có đặt một bài thi để đọc trước hương án cầu xin Cửu Thiên Nương Nương tha tội cho Ông AĂÂ:

Vái van xin quí Cửu Thiên Nương,
Tâu với Ngọc Hư tỏ ngọn nguồn.
Vì nghĩa ĂA mang trọng tội,
Nghĩ tình đồng đạo để tình thương.

Đó là Đấng AĂÂ thử xem 3 Ông có thương AĂÂ thiệt tình không, để dự bị việc **Vọng Thiên Cầu Đạo**.

Ngày 27–10–Ất Sửu (dl 12–12–1925), Đức Cửu Thiên Nương Nương giáng cơ dạy rằng: *"Ngày mùng 1 nầy, tam vị Đạo hữu Vọng Thiên Cầu Đạo."* (Ấy là ngày mùng 1–11–Ất Sửu, dl 16–12–1925).

Đức Bà Cửu Thiên viết xong lịnh đó thì thăng ngay.

Ba Ông Cư, Tắc, Sang không biết Vọng Thiên Cầu Đạo là làm sao, chờ đợi đêm sau, cầu hỏi Thất Nương. Thất Nương đáp: Không phải phận sự của Em, xin hỏi Ông AĂÂ.

Tối hôm sau nữa, có các Đấng khác giáng, 3 Ông cũng đem việc Vọng Thiên Cầu Đạo ra hỏi, các Đấng ấy cũng đáp y như Thất Nương.

Tối 30–10–Ất Sửu, 3 Ông cầu Đấng AĂÂ thì Ngài giáng cơ dạy rằng:

"Ngày mùng 1 tháng 11 âm lịch nầy, tam vị phải Vọng Thiên Cầu Đạo, tắm gội cho tinh khiết, ra quì giữa Trời, mỗi

vị cầm 9 cây nhang mà vái rằng: Ba tôi là Cao quỳnh Cư, Phạm công Tắc và Cao hoài Sang, vọng bái Cao Đài Thượng Đế, ban ơn đủ phước lành cho 3 tôi cải tà qui chánh."

Ba Ông không hiểu Cao Đài Thượng Đế là ai, nhưng lịnh trên đã dạy thì cứ thi hành. Thế là đêm mùng 1–11–Ất Mão (dl 16–12–1925), 3 Ông lập bàn hương án ở ngoài sân trước nhà Ông Cư, 3 người mặc áo dài khăn đóng nghiêm trang, quì chung quanh bàn, cầm 9 cây nhang cầu nguyện y như lịnh dạy, đến khi gần tàn hết 9 cây nhang mới thôi.

Xong rồi, 3 Ông đem Ngọc cơ ra cầu. Đấng Cao Đài Thượng Đế giáng cho bài thi chữ Nho rất khó hiểu.

Khi Đấng Cao Đài Thượng Đế thăng rồi, 3 Ông liền cầu Đấng AĂÂ giải nghĩa dùm.

Đấng AĂÂ giáng, giải nghĩa xong rồi thì cho bài thi:

Cứ níu theo phan Đức Thượng Hoàng,
Tự nhiên tu tánh đặng bình an.
Nguyệt hoa căn tội tua xa lánh,
Vịn lấy nhành dương hưởng đạo nhàn.

Mãi đến đêm Noel (24–12–1925), Thất Nương giáng cơ truyền phải chỉnh đàn cho nghiêm hầu tiếp giá.

Nghe vậy, 3 Ông Cư, Tắc, Sang, nửa mừng nửa sợ, lật đật sắm đủ hương đăng hoa trà tửu quả, chỉnh đàn thật nghiêm tịnh, (tại nhà của Ông Cư) đốt nhang khấn vái, rồi 2 Ông Cư, Tắc ngồi phò Ngọc cơ.

Đấng giáng cơ viết như vầy:

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ viết CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG.

Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên.

Đạo mầu rưới khắp nơi trần thế,
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.

Đêm nay, 24 Décembre, phải vui mừng vì là ngày của Ta xuống trần dạy Đạo bên Thái Tây. Ta rất vui lòng mà đặng thấy chư đệ tử kính mến Ta như vậy.

Nhà nầy sẽ đầy ơn Ta. Giờ ngày gần đến, đợi lịnh nơi Ta. Ta sẽ làm cho thấy huyền diệu đặng kính mến Ta hơn nữa.

Đấng Thượng Đế còn phán rằng:

"*Bấy lâu Thầy vẫn tá danh AĂÂ là cốt để dìu dắt các con vào đường đạo đức, hầu chẳng bao lâu đây, các con phải ra giúp Thầy mà Khai Đạo.*

Các con có thấy Thầy khiêm nhượng là dường nào chưa?

Các con nên bắt chước Thầy trong mảy mún thì mới xứng đáng là người đạo đức."

(Trích trong Đại Đạo Căn Nguyên của Ngài Nguyễn Bảo Pháp)

Ngày 31–12–1925(âl 16–11–Ất Sửu), Đấng AĂÂ giáng:

"AĂÂ,

Ba con thương Thầy lắm há?

Con có thấy đặng sự hạ mình của AĂÂ thế nào chưa?

Con có thấu đáo cái quyền năng của Thầy chưa?

Người quyền thế lớn nhứt như vậy có thể hạ mình bằng AĂÂ chăng?

AĂÂ là Thầy.

Thầy đến con thế ấy, con thương Thầy không?"

4. IV. THỌ PHONG THƯỢNG PHẨM:

Đầu năm 1926, ngày 2–1–1926 (âl 18–11–Ất Sửu), Đức

Chí Tôn Thượng Đế bắt đầu dạy Đạo cho 3 Ông.

Ngày 27–1–1926 (âl 14–12–Ất Sửu), Khai Đàn tại nhà Ông Cao quỳnh Cư, Đức Chí Tôn giáng cho thi:

Đã để vào tòa một sắc hoa,
Từ đây đàn nội tỷ như nhà.
Trung thành một dạ thờ Cao Sắc,
Sống có Ta, thác cũng có Ta.
Đài sen vui nhánh trổ thêm Hoa,
Một Đạo như con ở một nhà.
Hiếu nghĩa tương lai sau tựu hội,
Chủ trung Từ Phụ vốn là Ta .

Đêm 30 tháng Chạp năm Ất Sửu (dl 12–2–1926), Đức Chí Tôn giáng tại nhà Ông Cư:

Sắp út thương hơn cũng thế thường,
Cái yêu cái dạy mới là thương.
Thương không nghiêm trị là thương dối,
Dối dạ vì chưng yếu dạ thương.

Cư, Tắc, Sang! Trong năm mới nầy, Thầy trông mong 3 con thấu rõ đạo đức hơn nữa, gắng chí nghe!"

Ngày 14/15–3–Bính Dần (dl 25/26–4–1926), Đức Chí Tôn phong Ngài Cao quỳnh Cư là Tá Cơ Tiên Hạc Đạo Sĩ.

Ngày 18–5–Bính Dần (dl 27–6–1926), Đức Chí Tôn dạy cách tổ chức Lễ cúng Đại Đàn, xếp đặt vị trí đứng cho 3 Ngài: Phạm công Tắc, Cao quỳnh Cư, Cao hoài Sang. Tuy Đức Chí Tôn không nói phong chức, nhưng với việc sắp đặt 3 vị trí nầy, Đức Chí Tôn đã phong 3 Ông vào 3 chức vụ: Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh của HTĐ.

Nhưng theo bài Bia kỷ niệm Đức Cao sĩ Thượng Phẩm của Hội Thánh, thì ngày 15–10–Bính Dần, Đức Chí Tôn

chánh thức phong Ngài Cao quỳnh Cư chức Thượng Phẩm HTĐ.

Ấy là ngày mà 3 vị: Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh, mặc đại phục đứng chầu lễ Đức Chí Tôn lần đầu tiên tại Thánh Thất Từ Lâm Tự, khởi đầu kỷ nguyên ĐĐTKPĐ.

5. V. MUA ĐẤT CẤT TÒA THÁNH:

Sau ngày Đại Lễ Khai Đạo tổ chức tại chùa Từ Lâm Tự ở Gò Kén Tây Ninh, chủ chùa là Hòa Thượng Như Nhãn đòi chùa lại, Hội Thánh buộc phải trả chùa và dời đi nơi khác. Đức Lý Giáo Tông giáng cơ dạy Hội Thánh đi mua đất ở làng Long Thành (Tây Ninh) để cất Tòa Thánh, không mua đất ở vùng khác được vì Thánh ý của Đức Chí Tôn là: **Chi chi cũng tại Tây Ninh đây mà thôi**. Trong khi Hội Thánh đi tìm đất, Đức Cao Thượng Phẩm thấy một miếng đất rừng đề tên chủ nhân là Cao văn Điện, ông nầy là bạn của Ngài, nên Ngài tìm đến Ông Điện nhờ chỉ dẫn để mua miếng đất rừng của Ông Aspar người Pháp, làm Kiểm Lâm, ở kế bên miếng đất của Ông Điện, đúng theo ý Đức Lý Giáo Tông hướng dẫn, dùng làm Thánh địa, cất Tòa Thánh và các cơ quan Trung ương của Đạo, tạo thành khu Nội Ô ngày nay.

Trong công cuộc phá rừng khai hoang để cất Tòa Thánh tạm và các cơ quan, Đức Cao Thượng Phẩm là người đứng đầu công trong Hội Thánh.

Bà Nữ Đầu Sư Nguyễn Hương Hiếu thuật lại giai đoạn nầy trong quyển Đạo Sử I của Bà, chép ra như sau:

"Khi phá đám rừng nầy thì đàn Thổ (người Cao Miên từ Soài Riêng xuống làm công quả) xuống cả ngàn người để phá rừng, làm cho Ông Chánh Tham Biện người Pháp (Tỉnh trưởng Tây Ninh thời ấy) nghi ngờ, mời Đức Cao

Thượng Phẩm ra Tòa Bố. Ông hỏi Đức Cao Thượng Phẩm làm cái gì mà đông đảo như vậy?

Đức Cao Thượng Phẩm trả lời: Tôi mua miếng đất đó đặng trồng cao su.

Ông Tham Biện hỏi: Trồng mấy mẫu?

Đức Cao Thượng Phẩm trả lời: Tôi trồng hết sở đất của tôi mua, phá tới đâu tôi trồng tới đó.

Nên ngày nay, trong Nội Ô có cây cao su là do nơi đó.

Khổ tâm hơn hết là Đức Cao Thượng Phẩm bị người Pháp cật vấn đủ điều, cho đến nỗi tới giờ cúng cũng không vô Chánh điện được, buộc phải rào song ly lại.

Trong Chánh điện chỉ có một mình Ông Lễ Sanh Thượng Xường Thanh cúng mà thôi, còn ở ngoài thì vài ba ông thợ mộc quì trên dăm bào lạy vô Bửu điện, vì lúc nầy, Chánh phủ Pháp nghi ngờ bắt Đạo và bó buộc không cho tụ họp đông đảo, như vậy mà Ông Tham Biện người Pháp còn mời Đức Thượng Phẩm ra Toà Bố ngày một.

Giai đoạn di cốt Phật Tổ (từ Chùa Gò Kén về Tòa Thánh):

Cốt Phật Tổ nặng quá, bởi con ngựa Kiền Trắc của Đức Phật Tổ cỡi lớn và dài, nên Đức Cao Thượng Phẩm phải kết 2 cái xe bò lại để thỉnh cốt Phật lên.

Trong lúc sửa soạn thỉnh cốt Phật thì Ông Chánh Tham Biện người Pháp cho một toán lính mặc đồ thâm, núp dưới đường mương ngoài lộ, chong súng lên đặng bắn Đức Cao Thượng Phẩm, tới chừng thấy rõ là thỉnh cốt Phật, mới rút lui. Hội Thánh từ từ di cốt Phật về đất mới mua.

Đức Cao Thượng Phẩm đứng trên xe bò vịn cốt Phật Tổ, thấy nghiêng bên nào thì hô lên để sửa lại cho ngay, đi

từ 6 giờ chiều tới 2 giờ khuya mới đến Thánh địa (ngay cửa Hòa Viện, tức là cửa số 1 bây giờ).

Trước cửa Hòa Viện có cây vên vên, đến đây di cốt Phật Tổ vào không được vì bị một cái đường mương lớn quá. Đức Cao Thượng Phẩm phải lập kế, kiếm ván đặng lót cho xe vô mới được. Khi xe qua đường mương rồi thì tạm để cốt Phật nơi đây, vì Đức Cao Thượng Phẩm mệt đuối, nhào xuống đống lá khô trong rừng nằm nghỉ, tất cả Chức sắc cũng nằm xuống đó nghỉ theo.

Xin nhắc lại, khi mua đất nầy thì chưa tạo được cái nhà nào hết, chỉ có cái nhà bò của Ông Aspar bán đất để lại (dãy nhà chỗ Chợ Từ Bi, gần nhà Đức Quyền Giáo Tông bây giờ), nhờ đó mà tạm dùng nhà bò nầy để làm Trù phòng cho công quả ăn phá rừng. Nên khi Đức Cao Thượng Phẩm thỉnh cốt Phật về tới đây mệt lả thì Bà Chánh Phối Sư Hương Hiếu đã chuẩn bị nấu cháo sẵn rồi, Nữ phái khiêng cháo và nước qua cụm rừng để ăn cho đỡ dạ.

Nền Phật Tổ đã được Đức Cao Thượng Phẩm an vị giữa hai cụm rừng, gần cây Ba nhánh.

Lúc bấy giờ, Đạo phải trải qua nhiều lối chông gai, nhiều đường khổ hạnh, nhưng người chủ trương việc Đạo, nhứt là Ông Cao quỳnh Cư đem hết dạ nhiệt thành, hết bầu tâm huyết mà sắp đặt trật tự bên trong và chống trả với phản động lực bên ngoài (thời Pháp thuộc).

Đức Cao Thượng Phẩm vâng lịnh Đức Chí Tôn phá rừng xong, xây cất Tòa Thánh tạm, Hậu Điện, Đông Lang, Tây Lang, Trường học, Trù phòng, đều bằng tranh và đào giếng (mà hiện giờ còn di tích là mấy cái giếng gần Tòa Nội Chánh đó)."

6. VI. THẢO XÁ HIỀN CUNG.

"Thảm thay! Trời đương thanh, biển đương lặng, gió đương êm, bỗng đâu đất bằng sóng dậy, nước lã khuấy nên hồ, đem đến gieo ác cảm cho Đức Cao Thượng Phẩm làm cho Đức Ngài phải về Thảo Xá Hiền Cung.

Đức Ngài quá buồn, vì khi vâng lịnh Đức Chí Tôn về Tây Ninh mở Đạo, Ngài phải bỏ sở làm, chưa hưu trí, con còn đang du học tại Paris.

Nhớ lại lúc bỏ sở làm thì anh em bạn nói rằng: "*Thầy Tư! Sao thầy quá tin dị đoan, con còn đang học bên Pháp mà thầy đi như vậy thì việc học của con phải dở dang sao?*"

Nhưng Ngài nhứt quyết nghe lời Đức Chí Tôn dạy mà thôi, nên Ngài thu xếp gia đình, bỏ sở làm, về Tây Ninh lo Đạo, chịu biết bao cảnh gian nguy, vì chỗ nầy khi xưa, đầy những bụi cây thú dữ, phải ăn vạc nằm sương, mới tạo thành Tòa Thánh tạm và xây cất đủ mọi nơi thành khoảnh, thì lại bị thiên hạ đuổi đi."

"Tạo đâu đó xong xuôi, rồi Đức Cao Thượng Phẩm bị một trận khảo đảo khá dữ dội là: Có một nhóm người thiếu thương yêu (nhóm Ông Tư Mắt) gieo ác cảm, hội nhau dưới Thủ Đức, nước lã khuấy nên hồ, họ đồng lòng về Tòa Thánh đuổi Đức Cao Thượng Phẩm, kỳ 24 giờ phải ra khỏi Tòa Thánh, nếu không thì bắt cột trong rừng bắn.

Làm Đạo lúc phôi thai, rất khổ sở trăm bề, có kẻ nghịch rình mò, âm mưu với nhau hợp lại, xúi giục gây rối làm loạn. Họ đồng lòng với nhau đuổi hai vợ chồng thầy Tư (tức Cư và Hiếu) ra khỏi Tòa Thánh.

Buồn cười... Tuồng đời lạnh nhạt. Thôi! Họ dữ quá!

Chúng tôi về Thảo Xá Hiền Cung, là nơi căn cội mà

Chí Tôn dạy cất trước, nên Thảo Xá Hiền Cung là gốc."

(Trích ĐS. I. 125)

"Ngài về Thảo Xá, vì buồn rầu, vì xấu hổ với anh em bạn, mặt mũi nào trở về sở làm được nữa, thế nên Ngài thất chí, ước nguyện của Ngài không thành.

Vì khi ra đi, Ngài quyết chí đem thân nầy làm con tế vật cho Đức Chí Tôn sai khiến, nhưng cơ đời rất nên cay nghiệt, xảy đến nhiều nỗi tang thương cho gia đình Ngài.

Ngài quá đau khổ, có làm bài thi **Tự Thán** như vầy:

THI:

Công trình gầy dựng Thất Tây Ninh,
Bằng địa sóng xao khiến rập rình.
Tà mị phàm rung rinh chất Thánh,
Mùa màng sâu phá hoại hồn kinh.
Xưa Tòa Thánh dập dìu lai vãng,
Nay Bửu đình hiu quạnh lụy nhìn.
Thương Đạo mến Thầy xin sớm liệu,
Cộng tâm chung trí chớ hàm thinh.

Thất Nương DTC giáng cơ cho Đức Cao Thượng Phẩm bài thi dưới đây để an ủi:

THI:

Nghĩ giận mà ra bắt nực cười,
Nhờ ai an vị lại an nơi.
Trăm năm chưa giữ bền thân sống,
Một kiếp đã gây lắm tội đời.
Phẩm Phật ngôi Tiên ai dẫn nẻo?
Ngai Thần vị Thánh kẻ toan dời.
Nhắn lời nói với phường đen bạc,

Đến cửa thiêng liêng ngó mặt Trời!"

Thất Nương giáng cơ ban cho đôi liễn Thảo Xá Hiền Cung ngày 12–6–Mậu Thìn (dl 28–7–1928):

- **THẢO XÁ TÙY NHƠN, NGU MUỘI BẨN CÙNG NGHINH NHẬP THẤT,**
- **HIỀN CUNG TRẠCH KHÁCH, THÔNG MINH PHÚ QUÍ CẤM LAI MÔN.**

7. VII. ĐỨC CAO THƯỢNG PHẨM ĐĂNG TIÊN

Đức Cao Thượng Phẩm, từ ngày về Thảo Xá Hiền Cung thì lâm bệnh nặng, thân thể hao mòn, sắc diện âu sầu buồn bã. Ngài bị tâm bịnh vì thất chí, lương y khó phương điều trị cho lành mạnh.

Đức Chí Tôn dạy Hội Thánh cất Tịnh Thất trong Nội Ô để rước Đức Cao Thượng Phẩm nhập tịnh.

"Ngày 15–10–Mậu Thìn (1928), 7 giờ sáng, một đoàn xe hơi Chức sắc Đại Thiên phong Hiệp Thiên, Cửu Trùng, đến Thảo Xá Hiền Cung rước Đức Cao Thượng Phẩm, thì Ngài vui lòng lên xe về Tòa Thánh, nhập Tịnh Thất. Hội Thánh có chọn Chức sắc phụng sự mọi việc thường thức cho Ngài. Đức Cao Thượng Phẩm nhập Tịnh Thất một thời gian, bịnh tình cũng chưa thuyên giảm, hằng ngày kém ăn mất ngủ, thân thể xem gầy còm.

Ngày 26–12–Mậu Thìn (1928) (gần Tết), Ngài tỏ với người bạn thân là Bà Giáo Sư Hương Hiếu, lo sắp đặt 6 giờ chiều trở về Thảo Xá. Ngài không cho Chức sắc hay trước.

6 giờ chiều, Giáo Hữu Thượng Trí Thanh kêu một cỗ xe ngựa, lót nệm để Ngài nằm, đi theo hộ vệ chỉ có người bạn thân của Ngài và Giáo Hữu Trí, đưa Ngài về Thảo Xá.

7 giờ rưỡi tới nơi, đỡ vào phòng nghỉ ngơi, xem được khỏe như lúc lên xe. Từ đây ở yên nơi Thảo Xá." (ĐS. I. 65)

Đức Cao Thượng Phẩm đăng Tiên:

"Ngày 1–3–Kỷ Tỵ (dl 10–4–1929), 11 giờ trưa, Đức Cao Thượng Phẩm cho mời Đức Phạm Hộ Pháp cùng Ông Bảo Văn Pháp Quân, Bà Giáo Sư Hương Hiếu, Giáo Hữu Thượng Trí Thanh, Giáo Hữu Thượng Kỳ Thanh, Lễ Sanh Thượng Nguơn Thanh.

*Đức Cao Thượng Phẩm nhìn Đức Phạm Hộ Pháp trối rằng: "**Nay Qua về chầu Đức Chí Tôn, Em ở lại hiệp với Chức sắc chung lo nền Đạo của Thầy cho được vẹn toàn mọi sự. Anh dầu có nhắm mắt thì sự mất cũng như còn.**"*

Nói rồi tuôn hai hàng nước mắt. Kế day qua nói với người bạn thân của Ngài, căn dặn để trọn tâm lo tròn phận sự.

Nói dứt lời thì Ngài xuất linh hồn êm ái, gương mặt cũng như người đương ngủ. Có một điều phi thường là lời trối Ngài nói có hàng có chấm, cũng như lúc mạnh khỏe. Cả Chức sắc có mặt đều cảm động ngậm ngùi thương tiếc.

Khi Ngài dứt hơi thì đỡ ngồi dậy, thúc xác ngồi kiết tường, trước mặt lập bàn hương án có chưng hoa quả trà rượu.

Đức Phạm Hộ Pháp ra kiểu cho thợ mộc đóng Liên Đài hình bát quái.

Thời Tý, 12 giờ đại liệm, rồi thành phục tế lễ theo nghi tiết. Hội Thánh thông tri cho toàn Đạo các tỉnh đều hay, đặng hành lễ cầu nguyện cho Đức Cao Thượng Phẩm được tiêu diêu nơi miền Tiên cảnh.

Quàn tại Thảo Xà Hiền Cung 3 ngày, Chức sắc và Đạo hữu Nam Nữ điếu tế rất đông.

Chức sắc HTĐ cầu cơ bút, Đức Cao Thượng Phẩm giáng cơ tỏ vẻ vui mừng được về bái mạng Đức Chí Tôn cùng Đức Phật Mẫu nơi Bạch Ngọc Kinh và DTC. Hai Đấng đều ban ân công nghiệp buổi Khai Đạo làm tròn sứ mạng.

Ngài cho tiếp một bài thi tứ tuyệt:

CAO thanh miệng thế mặc chê khen,
THƯỢNG trí màng chi tiếng thấp hèn.
PHẨM cũ ngôi xưa dầu rõ giá,
Từ bi tập tánh được thường quen.

Ngài tỏ vẻ vui mừng nay đã thoát khỏi biển trần về cảnh Thiêng liêng Hằng Sống." (ĐS. I. 67)

"Sau đây, Đức Cao Thượng Phẩm có giáng cho 2 bài thi khi di Liên Đài ra Bửu tháp:

Xủ áo trần hoàn đã rảnh tay,
Thung dung nhờ núp bóng Cao Đài.
Rừng tòng Nhựt rọi khi mờ tỏ,
Sớm lạc Trăng lồng kẻ tỉnh say.
Phi thị mặc đời nơi quán tục,
An nhàn rảnh dạ khách Thiên Thai.
Ngậm cười nêu quạt chờ sanh chúng,
Biển khổ ngày qua đếm một ngày.

Ngảnh lại mà đau cảnh đoạn tràng,
Cõi Thiên mừng đặng dứt dây oan.
Nợ trần đã phủi, lòng son sắt,
Ngôi vị nay vinh, nghĩa đá vàng.
Cổi tấm chơn thành lòa Nhựt Nguyệt,
Phơi gan chí sĩ nhuộm giang san.
Bốn mươi hai tuổi sanh chưa phỉ,
Để mắt xanh coi nước khải hoàn."

Bài thi (Ngảnh lại mà đau...) được dùng làm Bài Thài hiến lễ Đức Cao Thượng Phẩm.

Ngày 7–3–Kỷ Tỵ (dl 16–4–1929), giờ Tý tại Tòa Thánh Tây Ninh, tức là sau khi Đức Cao Thượng Phẩm đăng Tiên 6 ngày, Đức Chí Tôn giáng cơ như sau:

"Thầy đã nói rõ rằng: Thượng Phẩm phải về Thầy trước các con, nhưng mà hại thay! Vì biếng nhác, các con không đọc Thánh ngôn của Thầy mà kiếm hiểu.

Tắc! Con có nhớ Thầy nói với các con rằng: Đạo vốn vô vi, nếu Thượng Phẩm không trở lại Thiêng liêng chi vị, thì ai đem các chơn hồn các con vào cửa Thiên giùm đó con, lại nữa các con vốn là kẻ dẫn đường cho cả chúng sanh, thay mặt Thầy nơi thế nầy về phần Đời, còn phần Đạo cũng có đôi đứa con mới đặng cho. Cười...

Con đừng phiền hà trách mấy anh con, nhứt là đừng nói rằng: Chúng nó giết Thượng Phẩm nghe, vì Thiên cơ đã định, các con có biết chi mà hờn trách lẫn nhau.

Thơ! Con phải xây cái Tháp của Thượng Phẩm phía trước cây Ba nhánh, phải day mặt về Đông, giống như ngó vào Điện mà hầu Thầy vậy, song 3 từng phải lợp ngói như nóc chùa của Đường nhơn vậy nghe!

Đừng làm cái Tháp như của Bảo Đạo, vì hai đứa phẩm vị khác nhau, chung quanh bát quái, phải làm như hình có cột, tại chính giữa Tháp phải có lỗ cho Nhựt quang giọi vào tới Liên Đài." (ĐS. I. 76)

Theo lời Đức Phạm Hộ Pháp, Đức Cao Thượng Phẩm là Chơn Linh của Hớn Chung Ly giáng trần. Hớn Chung Ly tức là Chung Ly Quyền thời nhà Hớn (Hán) bên Tàu, là một vị Đại Tiên trong Bát Tiên, đứng dưới Lý Thiết Quả, lãnh lịnh Đức Chí Tôn giáng trần làm tướng soái cho Đức Chí Tôn khai Đạo, có phận sự xây dựng nền Đạo lúc sơ khai.

Vua Hớn Võ Đế bên Tàu cũng do Chơn Linh Đại Tiên Hớn Chung Ly đầu kiếp, cho nên Hớn Võ Đế và Đức Cao Thượng Phẩm, chỉ là 2 kiếp giáng trần của Đại Tiên Hớn Chung Ly.

Do đó, nơi Báo Ân Từ, khi Đức Phạm Hộ Pháp tạc tượng Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương giáng trần chứng lễ Khánh thọ của Hớn Võ Đế, thay vì tạc tượng Hớn Võ Đế thì Đức Ngài cho tạc tượng Đức Cao Thượng Phẩm thay vào.

Đức Cao Thượng Phẩm hợp với Đức Phạm Hộ Pháp thành cặp Phò loan Phong Thánh để lập Hội Thánh, và lập Pháp Chánh Truyền làm Hiến Pháp của Đạo.

Đức Cao Thượng Phẩm rất thường giáng cơ góp ý kiến với Đức Phạm Hộ Pháp để điều hành nền Đạo.

Ngoài ra, Đức Cao Thượng Phẩm cũng thường giáng cơ dạy Đạo, Ngài cùng với Bát Nương giáng cơ dạy về Luật Tam Thể, tạo thành một tập sách quí báu cho người tín đồ cần học Đạo.

ĐỨC THƯỢNG SANH
CAO HOÀI SANG
(1901–1971)

Ngài Cao hoài Sang sanh ngày 29–7–Tân Sửu (dl 11–9–1901) tại làng Thái Bình tỉnh Tây Ninh.

Thân phụ là Ông Cao hoài Ân (trong quyển Đại Đạo Truy Nguyên của Huệ Chương chép là: Cao hoằng Ân), thuở sanh tiền làm việc tại Tòa Án, là vị Thẩm Phán Việt Nam đầu tiên. Chức sắc tiền bối cho biết, Ông Cao hoài Ân là

Chơn Linh của Xuyên Quan Tư Bộ ở Thiên đình giáng trần.

Thân mẫu là Bà Hồ thị Lự (đắc phong Nữ Giáo Sư tại Kim Biên năm 1927, thăng Phối Sư năm 1935, thăng Nữ Đầu Sư ngày 9–12–1968).

Ông Bà Cụ Cao hoài Ân có tất cả 3 người con:

- Con thứ hai là Ngài Cao đức Trọng, Thiên phong Tiếp Đạo HTĐ.
- Con thứ ba là Cô Cao thị Cường, Thiên phong Nữ Giáo Sư CTĐ.
- Con thứ tư là Ngài Cao hoài Sang, Thiên phong Thượng Sanh HTĐ.

Năm 1925, thời kỳ còn xây bàn, Ông Cao hoài Ân có lần nhập bàn cho thi. Chỗ nầy, ông Huệ Chương có thuật lại trong quyển Đại Đạo Truy Nguyên, trang 13 như sau:

"Hằng đêm hằng có chư vị đến, mấy ổng thử cũng hết sách, mà cũng nhờ vậy mới phục đặng lòng của mỗi người. Như có một buổi, anh Cao hoài Sang buồn, đề một bài thi Tự Thuật, có ý than thân trách phận, sao lăn lóc với tình đời, tuy tuổi chưa bao nhiêu mà đã mòn mỏi. Ảnh đem ra nhà cho ông thân tôi coi (Ông thân của Huệ Chương là Ngài Cao quỳnh Diêu), và cũng muốn để cho mấy ổng họa lại chơi cho vui. Nói chuyện với nhau rồi lẩn quẩn cũng cầu chư vị nữa.

Vào ngồi (xây bàn) trong 5 phút đồng hồ, thì có ông thân của ảnh là Bác Cao hoằng Ân giáng đến.

Thuở Bác còn sanh tiền, Bác làm việc Tòa Án, lại cũng có đổi đi vùng miệt Tây Ninh, Bạc Liêu và nhiều chỗ khác nữa, rốt sau về Sài gòn, rồi mới quá vãng, tôi tưởng nhiều người biết Bác lắm.

Khi ấy, chú tư tôi (Cao quỳnh Cư) thưa với Bác rằng:

– Sẵn dịp Anh về đây, nhằm lúc Sang làm một bài thi Tự Thán, cậy mấy anh em tôi họa, vậy Anh họa chơi luôn thể.

Ông thân tôi lại nói:

– Anh cứ việc đề thi, dạy nó thế nào thì Anh định lấy, nhưng theo vận Từ Thứ mà lâu nay làng thi chịu phục là: voi, mòi, còi, roi, thoi, mà làm.

Dứt lời, Bác Cao hoằng Ân tiếp liền, chẳng đợi phút nào cả, bài thi như vầy:

Thuyền khơi gió ngược khá nương voi,
Vận thới hầu nên đã thấy mòi.
Vườn cúc hôm nay muôn cụm nở,
Rừng tòng buổi trước một cây còi.
Hồng nương dặm gió chi sờn cánh,
Ngựa ruổi đường hòe há nhọc roi.
Nín nẩm chờ qua cơn bĩ cực,
Thìn lòng chúng có lượng đôi thoi.”

Ngài Cao hoài Sang, thuở nhỏ học trường Sư Phạm, thi đậu bằng Thành Chung, rồi ra làm việc ở Sở Thương Chánh Sài gòn, lần lần được thăng lên ngạch Tham Tá.

Ngài lập gia đình với Bà Võ thị Giáo, sanh đặng 9 người con, gồm 5 trai và 4 gái.

Việc xây bàn thử nghiệm tiếp xúc với các vong linh, lần đầu tiên thực hiện tại nhà Ngài Cao hoài Sang, ở phố hàng dừa, gần chợ Thái Bình, Sài gòn. Đó là đêm Thứ sáu, ngày 4–6–Ất Sửu (dl 24–7–1925), với 4 Ông: Cao quỳnh Diêu, Cao quỳnh Cư, Phạm công Tắc và Cao hoài Sang. Buổi xây bàn đầu tiên nầy không có kết quả.

Đêm Thứ bảy hôm sau, quí Ông cũng tụ họp nhau tại nhà Ngài Cao hoài Sang để thử xây bàn lần nữa, và lần nầy thì thành công, tiếp xúc được vong linh Cao quỳnh Lượng

(con trai của Ngài Cao quỳnh Diêu) đã chết cách đó mấy năm, và sau đó được tiếp xúc với vong linh Ngài Cao quỳnh Tuân, thân phụ của 2 ông Diêu và Cư.

(Trong công cuộc Xây bàn nầy, Ông Cư đóng vai chủ động. Tiếp theo là thời kỳ phò Ngọc cơ tại nhà Ông Cư, với Lễ Hội Yến DTC cũng tại nhà Ông Cư, rồi Vọng Thiên Cầu Đạo, cũng tại nhà Ông Cư ở số 134 đường Bourdais Sài gòn, Ông Cư đều chủ động và tổ chức tại nhà của ông, cho nên các việc xảy ra trong giai đoạn nầy, xin độc giả xem: I, II, III, trong Tiểu sử của Đức Thượng Phẩm Cao quỳnh Cư, sẽ hiểu rõ các việc của 4 Ông: Cư, Tắc, Sang và Diêu.)

Ngày 15–10–Bính Dần (1926), Đức Chí Tôn phong Ngài Cao hoài Sang vào chức Thượng Sanh, chưởng quản Chi Thế HTĐ.

Sau ngày Khai Đạo tại chùa Từ Lâm Tự, Gò Kén, Tây Ninh, Đức Cao Thượng Sanh trở về Sài gòn, chỉ lên xuống Tây Ninh để cùng với Đức Phạm Hộ Pháp, Đức Cao Thượng Phẩm lo việc đạo, chớ Ngài chưa hoàn toàn phế đời hành đạo như Đức Cao Thượng Phẩm.

"Mãi đến năm 1956 (Bính Thân), Đức Phạm Hộ Pháp bị một nhóm phản đồ về Tòa Thánh phản loạn, Đức Phạm Hộ Pháp phải ra đi Campuchea.

Đức Phạm Hộ Pháp vắng mặt, không người lèo lái con thuyền đạo, nên Hội Thánh yêu cầu Đức Cao Thượng Sanh về Tòa Thánh cầm giềng mối Đạo, do Vi Bằng ngày 10–3–Đinh Dậu (dl 9–4–1957).

Ngài triệu tập phiên họp Hội Thánh HTĐ ở Sài gòn, tại nhà Ông Hiến Thế, có Ông Bảo Sanh Quân tham dự, vào ngày 15–4–Đinh Dậu (dl 14–5–1957), Ngài và chư vị Thời Quân đồng quyết định về Tòa Thánh cầm giềng mối Đạo.

Khi ấy, Ngô đình Diệm nhã ý muốn cho một phái đoàn đưa Đức Ngài về Tòa Thánh, nhưng Đức Ngài từ khước. Hội Thánh định rước Đức Ngài bằng một nghi lễ vô cùng long trọng, nhưng Đức Ngài cũng từ khước luôn.

Kể từ đây, Đức Ngài phế đời hành đạo.

Từ ngày về Tòa Thánh làm đạo tính đến ngày qui Thiên là 14 năm thiếu 20 ngày.

Con thuyền Đạo đương hồi sóng gió của bạo quyền, nhơn tâm xao động, Đức Ngài là người trầm tỉnh, liêm khiết. Nhờ đức tánh trầm tỉnh tùy thời của Ngài trấn an được nhơn tâm và uyển chuyển tùy cơ bảo thủ nghiệp Đạo, mỗi mỗi đều cân nhắc lợi hại, nên hư. Với sức thanh liêm đã tiềm ẩn trong con người phi thường ấy, đã làm cho danh Đạo khỏi hoen ố, mà trái lại còn được đời kính nể là khác.

Thời kỳ Đức Ngài cầm quyền đã kiến thiết Nhà Hội Thánh Ngoại Giáo, tức là Nhà Hội Vạn Linh bây giờ, làm vòng rào và các cửa Nội Ô, xây dựng được Văn phòng Cơ quan Phát Thanh Phổ Thông Giáo Lý, Văn phòng Ban Thế Đạo, Bắc Tông Đạo, Đường Nhơn, Tần Nhơn, Đầu Sư Đường, Văn phòng Ban Chấp Hành Đại Đạo Thanh Niên Hội Trung Ương, Học đường Bộ Nhạc, xây cửa Chánh Môn, cùng mở Đại Lộ Chánh Môn; ngoài ra Đức Ngài còn đôn đốc kiến thiết dãy lầu Đạo Đức Học đường, Trường Lê văn Trung, và hiện đang xúc tiến việc xây cất Đại Học Đường của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Lại nữa, Đức Ngài là một Nhạc Sư vào hàng Hậu Tổ, nên Đức Ngài quyết tâm chấn chỉnh Bộ Nhạc theo Thánh ý của Đức Chí Tôn và lời ủy thác của Đức Phạm Hộ Pháp. Huấn luyện các Nhạc sĩ nơi **Cơ quan Phát Thanh về Cổ Nhạc** để bảo tồn quốc hồn quốc túy, viết bài Giáo lý, sáng

tác văn nghệ khuyến tu, chấn chỉnh văn đàn thi thơ."

"*Tuổi già sức yếu, việc Đạo lại quá đa đoan, nên Đức Ngài khởi chứng mất ngủ, lần sang bịnh thận tiểu máu, rồi biến đến bịnh áp huyết cao, nhưng nhờ sức chạy chữa tận tình, nên Đức Ngài dần dần bình phục.*"

"Ngày 21–3–Tân Hợi (dl 16–4–1971), trước khi về Sài gòn dưỡng bịnh, Đức Ngài đi thăm các vị yếu nhân trong Đạo lần cuối cùng.

Đức Ngài nói với Ngài Khai Đạo: "*Anh không đi Pháp là Thiên ý, để Anh ở nhà lo công việc cho tôi.*"

(Trích trong bài Lược sử Đức Thượng Sanh Cao hoài Sang, đăng trong báo Thông Tin số 29 trang 7, 8, 9, 10)

Đức Thượng Sanh ngọa bịnh và đăng Tiên tại tư gia, số nhà 36/24 đường Cô Giang, Sài gòn, lúc 17 giờ ngày 26–3–Tân Hợi (dl 21–4–1971), hưởng thọ 71 tuổi.

Hiền nội của Đức Thượng Sanh cho biết như sau:

"*Buổi trưa ngày 26–3–Tân Hợi, Bà cho Đức Thượng Sanh dùng nửa chén cháo. Đức Ngài bảo rằng mệt, cần nằm nghỉ. Đức Ngài mới lên lầu, kéo ghế bố xếp nằm nghỉ mệt. Bà vẫn thường ở sát bên cạnh để săn sóc Đức Ngài. Khi thấy Đức Ngài nằm nghỉ, không có gì đáng ngại, Bà liền xuống lầu có chút việc, và khi trở lên thì đã thấy Đức Ngài tịch. Bà cho biết, Đức Ngài tịch lúc 17 giờ ngày 26–3 Tân Hợi. Không có lời Di ngôn.*"

Thánh hài của Đức Ngài được Truyền Trạng Lê quang Tấn và trưởng nam của Đức Ngài là Cao hoài Hà chở bằng xe du lịch từ Sài gòn về Giáo Tông Đường vào lúc 19 giờ 40 phút, và liền theo đó, tin Đức Ngài đăng Tiên được truyền ra một cách nhanh chóng.

Đàn cơ tại Cung Đạo Đền Thánh hồi 20 giờ 20 phút

đêm 27–3–Tân Hợi (dl 22–4–1971), Phò loan: Hiến Pháp – Khai Đạo, Hầu đàn: Quí vị Thời Quân, quí vị Đầu Sư Nam Nữ, Chức sắc HTĐ, CTĐ và PT.

Đức Cao Thượng Sanh giáng cơ, và bài giáng cơ của Ngài chép ra sau đây:

THƯỢNG SANH

Chào mừng chư Chức sắc Thiên phong, chư Đạo hữu Nam Nữ.

Bần đạo lấy làm vui sướng được thoát nơi trần lụy. Cái kiếp phù sanh của con người chỉ có giải thoát được là quí hơn hết.

Hôm nay, Bần đạo đến để thỏa mãn sự yêu cầu của quí vị. Bần đạo không có điều gì hay hơn là bài thi đã cho lúc Bần đạo tái thủ phận sự, nhưng xin sửa lại 2 câu đầu như vầy:

Từ lúc đưa tay nắm Đạo quyền,
Nguyện đem thi thố tấm trung kiên.

Kỳ dư đều để y như cũ.

Bần đạo còn rất nhiều Đạo sự không tiện ở lâu. Xin kiếu.

THĂNG

Bài Thài:

Từ lúc đưa tay nắm Đạo quyền,
Nguyện đem thi thố tấm trung kiên.
Độ đời quyết lánh vòng danh lợi,
Trau chí tìm noi bậc Thánh Hiền.
Từ ái làm nền an thổ võ,
Đức ân dụng phép tạo nhơn duyên.
Những mong huệ trạch trên nhuần gội,
Sứ mạng làm xong giữ trọn nguyền.

THƯỢNG SANH

Ông Cao hoài Hà là con trưởng nam của Đức Thượng Sanh, có nhắc lại lời dạy của Đức Thượng Sanh khi còn tại tiền, và xem đây là lời Di ngôn của Đức Ngài:

"Đạo cũng đã trưởng thành, có Pháp Chánh Truyền, Giáo pháp, Đạo luật. Hãy sống trong sạch để làm gương cho mọi người. Hãy tùng lịnh Hội Thánh. Sống Đạo và sống trong sạch mới không phụ thuộc vào ai. Hãy thương yêu nhau, đừng vì lẽ gì mà chia rẽ, hiềm ghét. Rồi đây, Đức Chí Tôn sẽ qui các Chi phái về một gốc."

Thuở trước, Đức Phạm Hộ Pháp cho biết nguơn linh của Đức Thượng Sanh Cao hoài Sang là Đại Tiên Lữ đồng Tân, một trong Bát Tiên, giáng trần cùng Đức Cao Thượng Phẩm, hiệp với Đức Phạm Hộ Pháp để làm tướng soái cho Đức Chí Tôn khai Đạo.

Sau đây là Bản Tuyên Dương công nghiệp hành đạo của Đức Cao Thượng Sanh:

BẢN TUYÊN DƯƠNG CÔNG NGHIỆP
ĐỨC THƯỢNG SANH
CHƯỞNG QUẢN HỘI THÁNH HTĐ

Của Ngài Hiến Pháp đọc tại Đền Thánh
Ngày 4–4–Tân Hợi.

Kính thưa Hội Thánh Hiệp Thiên, Cửu Trùng và PT,

Kính chư Chức sắc, Chức việc và toàn đạo Nam Nữ.

Đức Thượng Sanh Cao hoài Sang, Chưởng quản Hội Thánh HTĐ, Tòa Thánh Tây Ninh, đã qui Thiên hồi 17 giờ ngày 26–3–Tân Hợi (dl 21–4–1971) hưởng thọ 71 tuổi.

Tin buồn nầy làm chấn động cả các giới trong toàn quốc nói chung và toàn Đạo Cao Đài nói riêng.

Thánh thể của Ngài đang quàn tại Tòa Thánh Tây Ninh,

chờ đến ngày mùng 6–4–Tân Hợi, nhằm 30–4–1971 sẽ cung nghinh Liên Đài kỵ Long mã di chuyển theo lộ trình trong châu vi Tòa Thánh, và sau khi đại diện các Hội Thánh đọc ai điếu xong, lễ cung nghinh Liên Đài nhập Bửu Tháp sẽ cử hành y theo chương trình của Hội Thánh đã lập, mà toàn Đạo đều hiểu biết.

Nhơn cuộc lễ nầy, tôi xin tuyên dương công nghiệp của Đức Ngài về cả 2 phương diện Đạo lẫn Đời.

- **Về mặt Đời:**

Ông Cao hoài Sang (tên họ của Đức Ngài) sanh ngày 11–9–1901 (Tân Sửu) tại Thái Bình (Tây Ninh), con của Ông Cao hoài Ân, giúp việc Tòa Án, và Bà Hồ thị Lự. Khi trưởng thành và thi đậu bằng Thành Chung trường Trung học Chasseloup Laubat, ông vào giúp việc Sở Thương Chánh Sài gòn cho đến khi gặp Đạo.

Nói đến Ông, ai ai trong giới công chức và đồng bào tại thủ đô đều hiểu rõ thanh danh của Ông là một công chức đúng mực thanh liêm.

Là một chí sĩ thương dân yêu nước, Ông thường giao du cùng các bạn đồng chí khác như 2 Ông Cao quỳnh Cư và Phạm công Tắc, chẳng hạn. Cả 3 Ông lại là nhạc sĩ lừng danh trong giới âm nhạc tại thủ đô Sài gòn. Hai Ông Cư và Sang được coi là bậc thầy trong giới nầy, sau khi Ông Cư đăng Tiên rồi, thì Ông Sang được coi như "*Hậu Tổ*". Ban Âm nhạc của Đạo Cao Đài đã nhờ Ngài chấn chỉnh rành mạch thêm, nhứt là trong điệu cổ nhạc, vì Đức Ngài là nhà điêu luyện rành nghề. Mất Đức Ngài, giới âm nhạc trong toàn quốc nói chung và trong Đạo Cao Đài nói riêng, đã mất một nhạc sư cự phách, đáng tiếc thay!

- **Về mặt Đạo:**

Đến năm Ất Sửu (1925) là lúc phong trào xây bàn hay "*Sai ma*" cũng vậy, đang thạnh hành tại thủ đô Sài gòn, Ông hiệp cùng 2 Ông Cao quỳnh Cư và Phạm công Tắc, mỗi đêm đến chơi tại nhà Ông Cao quỳnh Cư, tức Cao Thượng Phẩm, để thỏa mãn tánh háo kỳ của mình bằng cách xây bàn để tiếp xúc với những người khuất mặt ở thế giới bên kia (Hồn linh).

Một hôm nọ, vào lúc tháng 7 năm 1925, Ông Cao quỳnh Cư đến nhà Ông Cao hoài Sang chơi, lại gặp Ông Phạm công Tắc cũng ở gần nhà Ông Sang, ba Ông hiệp nhau xây bàn chơi.

Bất ngờ cuộc chơi nầy hướng dẫn 3 Ông đến chỗ lập được kỳ công trong việc khai sáng Đạo Trời, tức là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà chúng ta đang sùng bái đây.

Đêm 24 tháng Chạp 1925, nhơn dịp lễ Giáng Sinh, tại nhà Ông Cao quỳnh Cư, có mặt cả 3 Ông dự, Đức Chí Tôn giáng với danh hiệu AĂÂ cho một bài thi như vầy:

Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên.
Đạo mầu rưới khắp nơi trần thế,
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.

Đức Chí Tôn dạy thêm:

"*Đêm nay phải vui mừng vì chính ngày nầy, Ta xuống trần dạy đạo bên Thái Tây (Europe). Ta rất vui lòng mà thấy đệ tử kính mến Ta như vậy. Nhà nầy sẽ đầy ơn Ta. Giờ ngày gần đến, đợi lịnh nơi Ta. Ta sẽ làm cho thấy huyền diệu đặng kính mến Ta hơn nữa.*"

Sau đó ít lâu, Đức Chí Tôn cho bài thi sau nầy, lấy tên những người có mặt tại đàn cơ, trong đó có tên Ông Sang (tức Đức Thượng Sanh):

CHIÊU KỲ TRUNG độ dẫn HOÀI sanh,
BẢN đạo khai SANG QUÍ GIẢNG thành.
HẬU ĐỨC TẮC CƯ Thiên Địa cảnh,
Huờn minh mân đáo thủ đài danh.

12 chữ lớn trong 3 câu trên là tên của 12 môn đệ đầu tiên của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Sở dĩ phải xen đoạn Đạo sử nầy vào cuộc đời của Đức Thượng Sanh là vì Ông còn đang giúp việc trong công sở nhà nước Pháp, mà Ông vẫn nghe theo tiếng gọi thiêng liêng, cứ mỗi đêm hiệp cùng các bạn đạo đi chấp cơ truyền bá đạo Trời ở khắp nơi, mặc dù nhà cầm quyền Pháp rất để ý đến Đạo Cao Đài lúc sơ khởi.

Chúng ta nên nhớ rằng, Đức Thượng Sanh là một tay chấp cơ truyền đạo, cũng như Đức Hộ Pháp và Đức Thượng Phẩm, luôn cả 3 Ông đồng tâm hiệp lực nhau để phổ độ chúng sanh trong toàn quốc.

Trong Tờ Khai Đạo cùng chánh quyền Pháp năm 1926, Đức Ngài cũng ký tên với 28 người khác để thay mặt cho 247 người Đạo hữu có tên trong tịch Đạo, do Ông Cựu Thượng Nghị viên Lê văn Trung đứng đầu Tờ Khai Đạo, Ông nầy sau đắc phong Quyền Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Ông nầy cũng do Đức Phạm Hộ Pháp, Đức Cao Thượng Phẩm và Đức Cao Thượng Sanh dẫn độ.

Nhờ sự hướng đạo đắc lực của Ông Thượng Nghị viên với sự cộng tác của 3 vị kể trên mà cơ phổ độ phát triển mau lẹ, kỳ công nầy, một phần lớn nhờ Đức Thượng Sanh hy sinh đời công chức mình để đi phổ độ các nơi trong toàn quốc.

Cơ phổ độ Lục Tỉnh phân ra như sau:

1. Ông Cao quỳnh Cư và Phạm công Tắc, phò loan phổ độ các tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng,

Bạc Liêu, Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên, Rạch Giá.

2. Ông Nguyễn trung Hậu và Trương hữu Đức, phò loan phổ độ các tỉnh Chợ Lớn, Gò Công, Tân An, Mỹ Tho, Bến Tre.
3. Ông Cao quỳnh Diêu và Cao hoài Sang, phò loan phổ độ các tỉnh Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Gia Định, Biên Hoà, Bà Rịa, Sađéc.

Ngoài công việc phò loan phổ độ các tỉnh kể trên, Đức Thượng Sanh còn tùy lúc rảnh ban đêm lên Gò Kén, chùa Từ Lâm, để hiệp cùng Đức Hộ Pháp và Đức Thượng Phẩm để chấp cơ phổ độ, và đồng thời chung lo Đại lễ Khai Đạo tại Thánh Thất Từ Lâm Tự, sau nầy được dời về làng Long Thành, tức Tòa Thánh hiện giờ.

Ngày 15–10–Bính Dần, Ông Cao hoài Sang đắc phong Thượng Sanh một lượt với Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc và Đức Thượng Phẩm Cao quỳnh Cư.

Đêm 14 rạng 15 tháng 3 năm Bính Dần (1926), sau khi lập Pháp Chánh Truyền HTĐ, Đức Chí Tôn giáng dạy như vầy:

"***HTĐ là nơi Thầy ngự, cầm quyền thiêng liêng mối Đạo, hễ Đạo còn thì HTĐ còn.***"

"*Thầy đã nói Ngũ Chi Đại Đạo qui phàm là vì khi trước Thầy giao Chánh giáo cho tay phàm, càng ngày càng xa Thánh giáo mà lập ra Phàm giáo, nên Thầy nhứt định đến chính mình Thầy đặng dạy dỗ các con mà thôi, chớ không chịu giao Chánh giáo cho tay phàm nữa.*"

"*Lại nữa, HTĐ là nơi Giáo Tông thông công cùng Tam thập lục Thiên, Tam thiên Thế giới, Lục thập thất Địa cầu, Thập Điện Diêm Cung mà cầu siêu cho cả nhơn loại.*"

"*Thầy đã nói sở dụng thiêng liêng, Thầy cũng nên nói sở dụng phàm trần của nó nữa.*

HTĐ dưới quyền Hộ Pháp chưởng quản, tả có Thượng Sanh, hữu có Thượng Phẩm. Thầy lại chọn Thập nhị Thời Quân, chia ra làm 3: Phần của Hộ Pháp chưởng quản là Chi Pháp: Lo bảo vệ Luật Đời và Luật Đạo, chẳng ai qua luật mà HTĐ chẳng biết.

Thượng Phẩm thì quyền về phần Đạo: Lo về phần Đạo nơi Tịnh Thất, mấy Thánh Thất đều xem sóc chư môn đệ Thầy, bênh vực chẳng cho ai phạm luật đến khổ khắc cho đặng.

Thượng Sanh thì chưởng quản Chi Thế, lo về phần Đời.

Thầy khuyên các con lấy tánh vô tư mà hành đạo.

Thầy cho các con biết trước rằng, ***hễ trọng quyền thì ắt trọng phạt.***"

Từ đây, về mặt hữu hình, 3 vị Chưởng quản tối cao của Hội Thánh HTĐ không còn nữa, sau khi Đức Thượng Sanh qui Thiên, và Đạo Cao Đài mất thêm một bực vĩ nhân nữa.

Từ khi trở về tái thủ phận sự nơi Tòa Thánh, Đức Thượng Sanh tìm đủ mọi phương pháp để đem lại sự điều hòa trong cửa Đạo cho toàn Đạo được hưởng thái bình hạnh phúc.

Những tưởng Đức Ngài đến với sứ mạng thiêng liêng để hoàn thành cơ nghiệp Đạo, thì chắc là Đức Ngài phải được sống lâu với bổn đạo để bảo tồn nghiệp Đạo đến cùng.

Nào ngờ đâu! Ta muốn vậy mà Trời chưa cho vậy.

Than Ôi! Thiên số nan đào! Tuy sự mất còn là định mệnh, nhưng đối với kiếp sanh của con người sao khỏi đau lòng lúc tử biệt sanh ly.

Kính thưa quí vị,

Chúng ta đã từng khóc nhiều cho số kiếp ngắn ngủi của nhiều bậc tiền bối chúng ta. Tuy nhiên, chúng ta cứ khóc đi

cho đến cạn khô giọt lệ, rồi cũng phải nghĩ lại Đạo nghiệp nước nhà mà tự trấn tỉnh lấy tâm hồn, để tìm phương bảo tồn đại nghiệp Đạo và tiếp tục sứ mạng thiêng liêng của chúng ta, vì sứ mạng ấy, dầu lớn dầu nhỏ, dầu quan trọng hay không, cũng là sứ mạng do Đức Chí Tôn cùng các Đấng thiêng liêng giao phó cho chúng ta, phải tùy khả năng mình mà làm cho hoàn thành.

Đã đành rằng chúng ta phải thương tiếc một Đấng lãnh đạo anh minh như Đức Thượng Sanh, nhưng thương tiếc bao nhiêu thì phải noi gương Đức Ngài bấy nhiêu để gặt hái một phần công quả nào hữu ích cho Đạo, và cho chúng sanh nhờ.

Đó là đền đáp công ơn của bậc tiền bối chúng ta đã dày công xây dựng, lưu lại một sự nghiệp vĩ đại cho chúng ta thừa hưởng, chớ không lẽ ngồi khóc hoài để nhìn sự sụp đổ trước mặt chúng ta sao?

Vậy chúng ta hãy đứng lên và đồng tâm hiệp lực tiếp tục xây đắp nền Đạo cao thêm mãi để khỏi phụ ơn của tiền nhân chúng ta.

Trước khi dứt lời, tôi xin thành tâm cầu nguyện Ơn Trên ban phước lành cho toàn thể quí vị và quí quyến. Tôi xin nghiêng mình trước liên đài của Đức Thượng Sanh và thành tâm cầu nguyện cho anh linh của Đức Ngài được cao thăng, sau nữa chơn thành phân ưu cùng tang quyến.

Nay kính,

Hiến Pháp HTĐ.

Đức Thượng Sanh Cao hoài Sang, ngoài thiên tài về âm nhạc cổ truyền, Ngài còn là một nhà thơ lỗi lạc với bút hiệu Thanh Thủy lúc đầu, sau lấy thêm bút hiệu là Huệ Giác.

Theo lời Ngài Bảo Sanh Quân Lê văn Hoạch, bút hiệu

Thanh Thủy có ý nghĩa do 2 câu đối của Đức Thái Thượng ban cho:(?)

THANH bạch vẹn lòng vì Trời mở Đạo vững phong cương,

Chánh trực gìn tâm cải thế dìu nhân lòa bích THỦY.

"Mừng nay Thanh Thủy giải dây oan,
Đường Đạo từ đây bước vững vàng.
Tình ái nhành dương đem rưới tắt,
Nắm tay dìu lại cõi Tiên bang."

BÁT NƯƠNG

Thi văn của Đức Thượng Sanh sáng tác rất nhiều, nếu thu thập đầy đủ có cả mấy trăm bài. Sau đây, xin chép một vài bài thi tiêu biểu:

TỨC SỰ

Lui tới kinh thành lối ngựa xe,
Đỉnh chung xạo xự ngán như chè.
Giọng kình tỉnh thế lay hồn bướm,
Tiếng quốc gào hôm động giấc hòe.
Chẳng thích buộc ràng nơi gác tía,
Chỉn ham thong thả chốn rừng tre.
Chí mong lánh khỏi vòng nhân sự,
Muôn dặm đường Tiên chấp cánh sè.

KHUYẾN TU

Trước làm Tiên Phật phải làm người,
Muốn đặng làm người chẳng phải chơi.
Bác ái ví chưa tròn bước đạo,
Từ bi đâu vẹn chí thương đời.
Mùi trần dầu thoát bao vòng lụy,
Bể khổ còn qua mấy dặm khơi.

Trau rạng lòng son sanh chúng độ,
Thênh thang nương bóng ngọn đèn Trời.

HUỆ GIÁC TỰ THUẬT

Tuổng đời nhàm trải vẻ đai cân,
Tòng bá chọn nơi Đạo gội nhuần.
Hẩm hút muối dưa an phận khó,
Thung dung ngày tháng đắp nền nhân.
Nương thuyền độ khách qua bờ giác,
Luyện tánh tầm chơn dứt mộng trần.
Gắng khổ quyết tâm lo giải khổ,
May duyên kịp buổi hưởng hồng ân.

1958
Cao Thượng Sanh
HUỆ GIÁC

BẢO PHÁP
NGUYỄN TRUNG HẬU
(1892–1961)

Ngài Nguyễn trung Hậu, tên thật là Nguyễn văn Hậu, bút hiệu Thuần Đức, sanh ngày 5–3–Nhâm Thìn (dl 1–4–1892) tại làng Bình Hòa, tỉnh Gia Định.

Thân phụ là Cụ Nguyễn phục Lễ, tức là Cụ Nguyễn văn Nhiêu, bút hiệu Tiết Văn, Đông Y Sĩ, làm 4 khóa Hội Đồng Địa Hạt làng An Thịt (Gia Định) và Thân mẫu là Cụ

Bà Lê thị Cơ, người gốc Bình Định.

Hiền nội của Ngài Nguyễn trung Hậu là Bà Diệp thị Nguy, sanh ngày 24–11–Canh Tý (dl 14–1–1901), từ trần ngày 10–12–Nhâm Thìn (dl 24–1–1953).

Ông Bà sanh đặng 8 người con, gồm 5 trai 3 gái, đều là người học thức, noi theo chí hướng của phụ thân, chung lo phục vụ cho Đạo, và đều đắc phong phẩm Hiền Tài Ban Thế Đạo, Tòa Thánh Tây Ninh.

Thuở thiếu thời, Ngài Nguyễn trung Hậu theo Tây học, nhưng Ngài cũng tự học Hán văn. Năm 1911, Ngài tốt nghiệp Trường Sư Phạm Gia Định (École Normale de Gia Định) và được bổ làm giáo viên tại một trường Tiểu học ở đường Tabert thời đó, sau trường nầy bị bãi bỏ, mới về dạy tại trường Tiểu học ở đường Richaud.

Năm 1919, Ngài làm Thơ Ký cho Ông Giám Đốc các trường Tiểu Học Sài gòn.

Năm 1922 thì xin nghỉ làm Thư Ký, để làm Giám Đốc Tư Thục Internat de Dakao ở đường D'Ariès, nay là đường Huỳnh khương Ninh.

Đến năm 1926, Ngài Nguyễn trung Hậu giao trường lại cho Ông Huỳnh khương Ninh, rồi gia nhập Đạo Cao Đài.

Những năm sau đó, Ngài làm giáo sư dạy Pháp văn cho các trường Hưng Việt, Nguyễn anh Bổn, Nguyễn Du.

Ngài có viết cho các báo thời đó là: Đuốc Nhà Nam, Hoàn Cầu, Tân Văn, và sau đó làm chủ bút Tạp chí LA REVUE CAODAISTE, để truyền bá Đạo Cao Đài cho người Pháp.

Ngài Nguyễn trung Hậu có khiếu làm thi. Ngay từ thuở thanh niên, Ngài thường xướng họa với các thi sĩ trong Ngưu Giang Thi Xã vào các năm 1918–1920, bút hiệu Thuần Đức

đã có tiếng tăm từ những năm đó.

Tháng Giêng năm 1926, Ngài Nguyễn trung Hậu nghe đồn quí Ngài: Cao quỳnh Cư, Phạm công Tắc, Cao hoài Sang, xây bàn thỉnh Tiên cho thi hay lắm, thì Ngài rất để ý. Bữa nọ, Ngài đến nhà Ngài Cao quỳnh Cư hầu đàn xem thử lời đồn thiệt hay giả.

Cho thi mấy người hầu đàn trước rồi, tới phiên Ngài Nguyễn trung Hậu, Đấng AĂÂ gõ bàn cho Ngài 4 câu thi:

THUẦN văn chất ĐỨC tài cao,
Tên tuổi làng thơ đã đứng vào.
Non nước muốn nêu danh tuấn kiệt,
Đến hồi búa Việt giục cờ Mao.

Ở trong đàn nầy, không ai biết cái bút hiệu Thuần Đức của Ngài, thế mà Đấng AĂÂ biết, nên khi cho xong bài thi, Ngài Nguyễn trung Hậu mới chịu phục, và sau đó nhập môn vào Đạo Cao Đài và trở thành một trong 12 môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn.

Đêm 30 tháng Chạp năm Ất Sửu, là đêm giao thừa bước qua năm Bính Dần, Đức Chí Tôn biểu các môn đệ lập thành phái đoàn đi viếng thăm từng nhà môn đệ, đem Ngọc cơ theo cầu Thầy. Khi đến nhà Ngài Nguyễn trung Hậu, Đức Chí Tôn giáng cho 4 câu thi:

THUẦN phong mỹ tục giáo nhơn sanh,
ĐỨC hóa thường lao mạc vị danh.
HẬU thế lưu truyền gia pháp quí,
GIÁO dân bất lậu, tán thời manh.

Thời gian sau, Đức Chí Tôn cũng có cho Ngài Nguyễn trung Hậu bài thi 4 câu nữa:

Đã có căn phần dựa cảnh Tiên,
Bước đời chớ quản bậc sang hèn.

Mưa mai nắng xế chờ qua khỏi,
Đêm tối lần ra gặp ánh đèn.

Ngày 15–3–Bính Dần (dl 26–4–1926), Đức Chí Tôn phong Ngài Nguyễn trung Hậu cùng với Ngài Trương hữu Đức làm Tiên Đạo Phò Cơ Đạo Sĩ. Hai Ngài trở thành cặp phò loan cầm cơ cho các Đấng thiêng liêng phổ độ nhơn sanh các tỉnh: Chợ Lớn, Gò Công, Tân An, Mỹ Tho, Bến Tre.

Ngày 12–1–Đinh Mão (dl 13–2–1927), Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền HTĐ, Đức Chí Tôn phong Ngài Nguyễn trung Hậu vào phẩm Bảo Pháp HTĐ.

Lúc bấy giờ, Ngài cũng như chư vị Thời Quân HTĐ khác đều là công chức hay tư chức, nên sau khi mãn giờ làm việc ở cơ quan thì mới đi phò loan cho nhơn sanh nhập môn cầu đạo, có khi chấp cơ suốt đêm, sáng lại đi làm việc luôn. Nhờ các Đấng hộ trì, nên tuy vất vả nhưng các Ngài không biết mệt nhọc và ốm đau.

Ngày mùng 7–3–Quí Dậu (dl 1–4–1933), Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung cùng với Đức Phạm Hộ Pháp ra Châu Tri số 1, cử 3 vị Thời Quân HTĐ tạm qua cầm quyền Chưởng Pháp bên CTĐ: Ngài Bảo Pháp Nguyễn trung Hậu đảm nhiệm Quyền Thái Chưởng Pháp.

Khi Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung qui Thiên năm 1934, Ngài Bảo Pháp trở về HTĐ. Sau đó, Ngài bị bịnh hoạn liên miên, nên xin phép lui về tư gia dưỡng bịnh ở đường Ngô tùng Châu Gia Định.

Ngày mùng 5–Giêng-Bính Thân (dl 16–2–1956), Đức Phạm Hộ Pháp bị Chánh quyền Ngô đình Diệm bó buộc nên phải đi lánh nạn, lưu vong sang Cao Miên.

Lúc bấy giờ nền Đạo tại TTTN thiếu người gánh vác. Hội Thánh yêu cầu Đức Thượng Sanh lên Tòa Thánh nắm

quyền điều hành nền Đạo. Đức Thượng Sanh họp cùng chư vị Thời Quân HTĐ, trong đó có Ngài Bảo Pháp, đồng ý trở về Tòa Thánh, trấn an bổn đạo, và đứng ra gánh vác nền Đạo.

Ngày 15–4–Đinh Dậu (dl 14–5–1957), Ngài Bảo Pháp được Hội Thánh cử làm Giám Đốc Hạnh Đường, huấn luyện Chức sắc hai phẩm Lễ Sanh và Giáo Hữu, cho có đủ trình độ về đạo đức và giáo lý để bổ đi hành đạo các địa phương.

Ngài Bảo Pháp có cảm tác bài thi để kỷ niệm:

CẢM TÁC

Hội Thánh giao cai quản Hạnh đường,
Ân cần lo lập kỷ trần cương.
Giúp người tâm chí hành Thiên mạng,
Tuyển bực nhân hiền trấn tứ phương.
Học hỏi khép vào khuôn Đạo lý,
Lọc lừa mở rộng cửa khoa trường.
Góp phần xây dựng trong muôn một,
Khó vẫn không nao, nhọc chả màng.

Cũng trong thời gian nầy, Ngài tái lập Đạo Đức Văn Đàn, mà trước đây Ngài Cao Tiếp Đạo đã lập ra vào năm 1950, để khuếch trương thi văn Đại Đạo, được nhiều người hưởng ứng và có tiếng vang tốt mãi đến ngày nay.

Ngài Bảo Pháp Nguyễn trung Hậu có viết và xuất bản nhiều sách Đạo, giải thích và truyền bá Giáo lý của Đạo Cao Đài, kể ra sau đây:

1. Luận Đạo Vấn Đáp (1927)
2. Tiên Thiên Tiểu Học (1927)
3. Bài Thuyết Đạo.
4. Châu Thân Giải.
5. Ăn Chay.

6. Đức Tin.
7. Chơn Lý (1928)
8. Đại Đạo Căn Nguyên (1930)
9. Thiên Đạo (1955), viết chung với Phan trường Mạnh.
10. Luân Hồi Quả Báo (1956) viết chung với Ngài Khai Đạo Phạm tấn Đãi.

Ngài Bảo Pháp Nguyễn trung Hậu đã viết và xuất bản nhiều đầu sách nhứt về Đạo Cao Đài trong số các Chức sắc Đại Thiên Phong của Đạo Cao Đài.

Về việc viết sách phổ truyền Giáo lý Đạo Cao Đài, Ngài Bảo Pháp lo ngại có điều sai sót không tránh khỏi, nên Ngài cầu hỏi Đức Chí Tôn, thì Đức Chí Tôn giáng cơ trả lời như sau: (Phò loan: Bảo Pháp – Hiến Pháp) [tháng 5–1927]

"*Hậu! Sách con làm ra đều có giá trị, là nhờ Thầy giáng tâm con.*

Con sợ sai lầm cũng phải, nhưng về sự sai siển, dầu bậc Thánh xưa làm sách cũng còn nhiều chỗ khuyết điểm.

Vậy con cứ an lòng mà làm ích thêm nữa. Thầy hằng ở bên con mà dìu dắt cho trí hóa rộng thêm, nghe con!"

Năm 1928, Ngài Bảo Pháp cũng có hỏi Đức Chí Tôn về việc viết sách Đạo, Đức Chí Tôn đáp:

"*– Hay đó con! Con cứ lần lần đến đâu thì có giá trị đến đó, tùy theo trình độ học cứu mà tấn hóa, nghe!*"

Sau khi Ngài Bảo Pháp đăng Tiên, người con trưởng nam của Ngài là Hiền Tài Nguyễn trung Ngôn, đại diện gia đình của Ngài Bảo Pháp, viết văn thư đề ngày 26–7–1973 (âl 27–6–Quí Sửu), hiến dâng cho Hội Thánh bản quyền tất cả sách của Ngài Bảo Pháp viết ra kể trên để Hội Thánh tùy nghi ấn hành phổ biến, và được Hội Thánh chấp nhận

ngày 7–8–1973.

Ngoài việc làm thi và viết sách Đạo, Ngài Bảo Pháp còn có thiên tài đặc biệt viết các câu liễn đối. Tuy Ngài tự học chữ Nho, nhưng nhờ sự thông minh lỗi lạc của bậc nguyên căn, khiến các cụ đồ Nho và người Tàu phải chịu khâm phục.

Ngài Hiến Pháp Trương hữu Đức có thuật lại: *"Tôi còn nhớ lúc nọ, Đức Lý Đại Tiên giáng cơ khen tặng và nói rằng:* ***Ai muốn xin liễn thì xin nơi Hậu.***"

Ngài Bảo Pháp đã viết đôi liễn cho Thuyền Bát Nhã:

- **VẠN SỰ VIẾT VÔ, NHỤC THỂ *KÝ QUI TAM XÍCH THỔ,***
- **THIÊN NIÊN TỰ HỮU, LINH HỒN *TRỰC ĐÁO CỬU TRÙNG THIÊN.***

Nghĩa là:

– Muôn việc đều không, xác thịt gởi trả lại 3 tấc đất,

– Ngàn năm tự có, linh hồn đi thẳng lên 9 từng Trời.

Hai câu liễn nầy rất hay, đối rất chỉnh, nhưng khi dâng lên Đức Lý Giáo Tông thì Đức Lý chỉnh lại khúc sau, lại càng tuyệt diệu hơn nữa:

- **VẠN SỰ VIẾT VÔ, NHỤC THỂ *THỔ SANH HOÀN TẠI THỔ,***
- **THIÊN NIÊN TỰ HỮU, LINH HỒN *THIÊN TỨ PHẢN HỒI THIÊN.***

Nghĩa là:

– Muôn việc đều không, xác thịt đất sanh hoàn lại đất,

– Ngàn năm tự có, linh hồn Trời ban trở về Trời.

Trong gia đình, Ngài Bảo Pháp Nguyễn trung Hậu là người con hiếu thảo. Nhờ công quả của Ngài lập được trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà thân mẫu của Ngài được siêu thăng và tăng cao phẩm vị nơi cõi Thiêng liêng Hằng sống, đúng với 2 câu kinh trong bài Kinh Tụng Cha Mẹ qui liễu:

Thong dong cõi thọ nương hồn,
Chờ con lập đức giúp huờn ngôi xưa.

Thân mẫu của Ngài Bảo Pháp được Đức Chí Tôn cho phép giáng cơ bày tỏ với Ngài như sau:

Ngày 19–2–1929.

- PHÒ LOAN: Bảo Pháp – Khai Pháp.

"Mẹ mừng con, Mẹ cám ơn con đó.

Con đâu rõ đặng ngày nay Mẹ nhờ công con mà đặng thăng cấp. Nay Mẹ đặng vào ***Đông Đại Bộ Châu.*** *Ấy cũng nhờ ơn của Đức Chí Tôn rất thương mà cho Mẹ vào phẩm ấy.*

Mẹ chẳng biết lấy chi mà thông công cho 2 con và các cháu, nên mới dụng huyền diệu mà Mẹ đã cầu xin Chí Tôn ban cho Mẹ đặng cho con cùng cháu hay rằng, Đức Chí Tôn đã giữ lời hứa cùng con. Nay Mẹ đến khuyên hai con khá lo sao cho tròn phận sự, ngày thêm vun đắp nền Đạo đặng báo đáp Ơn Trên đã hết lòng vì cả nhà ta. Nếu con có lòng ấy thì Mẹ rất vui lòng đó, con hiểu . .

Mẹ rất vui thấy lòng con, nên Mẹ mới xin phép Chí Tôn đến đây tỏ ít lời cho con hiểu. Vậy con khá an lòng mà lo Đạo, chớ nên vì việc nhỏ mà nao chí nghe!

Tôi chào nhị vị Thánh (Nói với ông Khai Pháp Trần duy Nghĩa và Bác vật Lưu văn Lang). Tôi chẳng biết lấy chi cám cảnh cho bằng dùng vài lời nhắc đây: Xin nhị vị khá hết lòng lo hiệp tác mà nâng cao địa vị mình càng ngày cho tột phẩm.

Tôi đây chẳng chi xứng phận mà cũng nhờ ơn Chí Tôn thương tưởng thay. Ấy cũng nhờ sức con mới đặng vậy, không thì biết sao mà kể xiết.

Ấy đó, công của nhị vị càng dầy thì Chí Tôn càng yêu dấu. Xin khá để hết tâm chí mà hành phận sự. Ấy là lời tôi xin nhị vị khá để ý.

(Hỏi về việc ông thân của tôi)

– Mẹ không dám nói. Thôi Mẹ lui."

Vào cuối năm 1958, do tuổi già sức yếu, lại bị bịnh áp huyết cao, Ngài Bảo Pháp phải xin phép trở về dưỡng bịnh tại tư gia ở đường Ngô tùng Châu, Gia Định.

Nhưng Thiên số định kỳ, Ngài đăng Tiên tại tư gia lúc 16 giờ 50 phút ngày 7–9–Tân Sửu (dl 16–10–1961), hưởng thọ 70 tuổi. Hội Thánh có đến cử hành tang lễ trong 5 ngày và tạm an táng nơi nghĩa trang gia đình của Ông Bảy Bích tại Cây Quéo, Gia Định.

Ngài có cho Bài Thài tế lễ Ngài:

Nhà Phật hôm nay giữ Đạo mầu,
Phiền ba ngảnh lại có vui đâu.
Tẻ đường phi thị, noi đường tịnh,
Tìm cửa từ bi, lánh cửa hầu.
Xác thịt trải qua miền gió bụi,
Nắm xương nhờ gởi bóng tang du.
Lửa lòng vụt tắt từ đây vẫn,
Giọt nước nhành dương gội tấm sầu.

13 năm sau, vào giữa năm Giáp Dần (1974), (theo lời thuật lại của Hiền Tài Nguyễn trung Nhơn, thứ nam của Ngài Bảo Pháp), thì Ngài Bảo Pháp ứng mộng cho các con của Ngài, bảo lên xin với Hội Thánh cải táng cho Ngài về Thánh địa Tây Ninh nội trong năm nay (1974).

Do đó, các con của Ngài dâng tờ lên Ngài Hiến Pháp, lúc đó đang cầm quyền Chưởng quản HTĐ, và được Ngài Hiến Pháp chấp thuận.

Ngày 4–9–Giáp Dần (dl 17–10–1974), Ngài Hiến Pháp Trương hữu Đức, Quyền Chưởng quản HTĐ đích thân ra lịnh tổ chức lễ cải táng.

Ban Nhà Thuyền Trung Ương do Giáo Sư Thái Hồ

Thanh hướng dẫn đến phần mộ, đưa quan tài lên khỏi huyệt và mở ra. Điều đặc biệt làm mọi người ngạc nhiên là thi hài của Ngài Bảo Pháp vẫn còn nguyên vẹn như lúc mới thoát xác, sau 13 năm mà không bị tan rửa như các thi hài khác, lại không khô cứng, nên chỉ cần dùng rượu trắng thoa bóp thì có thể sửa đổi tay chân, đặt thi hài từ tư thế nằm trở thành tư thế ngồi kiết già, tay bắt Ấn Tý, để liệm vào liên đài một cách dễ dàng.

Liên đài được quàn lại tư gia một đêm để tế điện, hôm sau, Hội Thánh rước liên đài kỵ long mã đi về Tòa Thánh Tây Ninh, tới nơi vào chiều ngày mùng 6–9–Giáp Dần, và được đặt nơi Báo Ân Từ.

Hội Thánh thiết lễ tế điện và cầu siêu.

Ngày mùng 7–9–Giáp Dần, liên đài kỵ long mã đến Đền Thánh, thỉnh bửu ảnh vào kỉnh lễ Đức Chí Tôn, và sau đó, liên đài kỵ long mã đi ra đất Ao Hồ nhập bửu tháp.

Về nguyên căn của Ngài Bảo Pháp Nguyễn trung Hậu, Ngài có ghi lại như sau:

"Ngày mùng 3–7–Đinh Mão (dl 31–7–1927), nguyên Đức Chí Tôn có cho biết tiền thân của Hậu là Xích Tinh Tử và của Đức là Từ Hàng Đạo Nhơn, may được Quỉ Cốc Đại Tiên giáng đàn, chúng tôi xin Ngài cho mỗi đứa một bài thi .

Bài thi cho Hậu (Bảo Pháp Nguyễn trung Hậu):

Đỏ đỏ một vùng ấy Hỏa tinh,
Nhà Châu tên tuổi đã rành rành.
Tam Kỳ tái thế an thiên hạ,
Hậu nhựt thành công hậu hứng tình,

Bài thi cho Đức (Hiến Pháp Trương hữu Đức):

Thập nhị Tiên gia nhứt tánh Từ,
Hàng phong vương mãn thọ hàn thư.

Trung niên thế cuộc tao vân mộng,
Quản thị Càn Khôn thủ Phật thư.

(Theo Truyện Phong Thần, Đức Nguơn Thủy Thiên Tôn, Giáo Chủ Xiển Giáo, có 12 người học trò giỏi, trong đó có: Xích Tinh Tử, và Từ Hàng Đạo Nhơn.

12 vị học trò nầy được lịnh của Đức Nguơn Thủy xuống trần giúp Khương Thượng Tử Nha đánh các Tiên Triệt giáo, học trò của Đức Thông Thiên Giáo Chủ, đang ủng hộ Vua Trụ. Phía các Tiên Xiển Giáo đánh phép thắng các Tiên Triệt Giáo, giúp Khương Thượng tiêu diệt Vua Trụ, mở ra nhà Châu, với vua Châu Võ Vương. Xong các Tiên đều trở về núi tiếp tục tu luyện.

Nay đến thời Tam Kỳ Phổ Độ, các Tiên tình nguyện giáng trần làm tướng soái cho Đức Chí Tôn khai Đạo.)

THI VĂN CỦA NGÀI BẢO PHÁP

Ngài Bảo Pháp Nguyễn trung Hậu là một thi sĩ nổi danh trên Thi đàn với bút hiệu là Thuần Đức. Ngài làm rất nhiều thơ đường luật, xin trích ra sau đây vài bài tượng trưng:

BÀI THƠ CHỮ BẦN

Vùng vẫy khó toan với chữ bần,
Khuấy chơi chi cứ quẩn bên chân.
Chỉn buồn bảng lảng tình bè bạn,
Đâu quản đeo đai mối nợ nần.
Rượu sớm mượn mùi khuây thế sự,
Thi chiều lựa vận ngóng tao nhân.
Tuồng đời ấm lạnh qua rồi chán,
Ướm mượn nhành dương quét bụi trần.

(HẬU)

DƯỚI CHƠN THẦY

Vì thương sanh chúng độ kỳ ba,
Ba nhánh Thầy đem lại một nhà.
Nhà có chơn sư bền mối Đạo,
Đạo không căn bản lạc đường tà.
Tà quyền khéo giở trò minh chánh,
Chánh pháp đem mưu cuộc hiệp hòa.
Hòa cả tinh thần hòa tín ngưỡng,
Ngưỡng mong Thầy mở Hội Long Hoa.

(1927)

VỀ TÒA THÁNH HÀNH ĐẠO

Tuổi già gặp buổi Đạo chinh nghiêng,
Đành phải ra tay chống đỡ thuyền.
Cỡi sóng quyết sang miền tịnh độ,
Thuận buồm nhờ núp bóng Cao Thiên.
Trên đường độ chúng vui đoàn kết,
Trong việc tu thân học Thánh Hiền.
Còn chút hơi tàn còn nhiệm vụ,
Còn lo phổ cập mối Chơn truyền.

(6–7–1957)

HIẾN PHÁP
TRƯƠNG HỮU ĐỨC
(1890–1976)

Ngày 20–5–Tân Hợi (dl 12–6–1971), Ngài Hiến Pháp Trương hữu Đức có tự viết Tiểu sử của Ngài, xin chép y theo nguyên văn như sau đây:

"Trương hữu Đức, sanh ngày mùng 2 tháng 2 năm Canh Dần (1890) (trên giấy tờ sanh năm 1892), con Ông Trương văn Tựu (chết) Cựu Cai Tổng Cầu An Thượng, làng Hiệp Hòa (Chợ Lớn), Giáo Sư phái Ngọc và Bà Lê thị Nhụy tức

Sót (chết).

(Hiền nội của Ngài Trương hữu Đức là Bà Nguyễn thị Sanh, nhập môn vào Đạo Cao Đài rất sớm, được Đức Chí Tôn phong phẩm Nữ Lễ Sanh, do kỳ Phong Thánh Nữ phái lần thứ nhứt ngày 14–Giêng–Đinh Mão, dl 15–2–1927).

Nhập môn vào Đạo Cao Đài từ năm Ất Sửu (1925) lúc mới còn xây bàn, vì lúc ban sơ, những người theo đạo đều do lịnh Đức Chí Tôn chỉ định, nên không có Sớ Cầu Đạo.

Trong số 12 môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn nêu tên trên bài thi tứ tuyệt trong quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển thứ I có tên ĐỨC (sau thọ phong Hiến Pháp HTĐ), hiệp với Ông HẬU thành cặp phò loan truyền Đạo, Ông Hậu sau thọ phong Bảo Pháp HTĐ.

Trong lúc các Ông Cao quỳnh Cư, Phạm công Tắc và Cao hoài Sang bày cuộc xây bàn thì Đức còn hoài nghi cho rằng mấy bạn ấy giả ngộ chơi nên không tin; về nhà, Đức đem bàn ra, đặt tay lên xây thử để xin thi, tức thì có vong linh người anh nhập, nhưng thay vì cho thi, lại cho 2 vị thuốc. Đức uống thuốc ấy lành bịnh hậu trên 20 năm.

Qua bữa kế đó, vào lúc đúng ngọ, trong khi thanh tịnh, Đức bắt chước Ông Tắc, chấp bút một mình và cầu nguyện xin thi. Có vị Minh Nghĩa Tiên Ông giáng bút cho bài thi như sau:

Minh Đức mừng nay đã gặp Thầy,
Chẳng còn ao ước cái không hay.
Mừng cầu Âu Á càng thêm mặt,
Mừng nậu côn đồ đã chịu chay.

Đức chỉ xin được một bài thi đó thôi, sau chấp bút hoài cũng không được. Từ đó, Đức hết lòng tin tưởng, ăn chay luôn, phụng thờ Đức Cao Đài và hiệp cùng các đồng đạo

đi phổ độ các nơi.

Cặp cơ Hậu – Đức có nhiệm vụ chấp cơ truyền Đạo, mà mỗi đêm thứ bảy phải chấp cơ tại Thánh Thất Cầu Kho (Thánh Thất tạm nơi nhà Ông Đốc Bản) để cho thiện nam tín nữ đến hầu đàn cầu Đạo. Đồng thời mỗi đêm khác đều đi phổ độ các nơi thôn quê sau khi mãn giờ làm việc, vì lúc ấy, Ông Hậu làm Đốc học trường tư thục, còn Đức thì làm công chức cho chánh phủ Pháp. Lắm khi phải đi suốt đêm, sáng về điểm tâm rồi đi làm việc luôn, nhưng vì sự tin tưởng nên không biết nhọc. Có nhiều đêm, Đức phải đi lên Gò Kén (Tây Ninh) để chấp cơ tại đó cho nhơn sanh nhập môn cầu Đạo.

Lúc Đạo mới mở, Đức Chí Tôn chẳng những giáng cơ độ rỗi nhơn sanh mà còn ban điển lành cho các đồng tử để chữa bịnh cho bổn Đạo. Vì vậy mà Đức chữa lành nhiều bịnh tê thủng, dịch tả, và câm, vv... Việc chữa bịnh có được kết quả như vậy là nhờ điển lành của Đức Chí Tôn ban cho, chớ mấy vị đồng tử đâu có phải là người chữa bịnh.

Sự huyền diệu lạ lùng ấy làm cho đức tin của mọi người được tăng gia. Nhưng chẳng bao lâu, khi Đạo lập thành rồi, thì việc chữa bịnh bằng nhơn điển phải ngưng một lượt với cơ bút, vì e có sự lạm dụng.

Khi thọ phong chánh thức vào hàng Thập nhị Thời Quân HTĐ với chức Hiến Pháp Chơn Quân, Đức thường lên xuống Tòa Thánh Tây Ninh để hành đạo trong lúc rảnh rang, vì Đức vẫn còn giúp việc cho Chánh phủ Pháp, tùng sự tại Sở Hỏa Xa Sài gòn.

Sau, Đức được Ông Chánh Sở Mật Thám Nam Kỳ là Ông Nadau mời đến để giao chức vụ Thông dịch viên Sở ấy. Trước khi nhận lời, Đức có cầu cơ thỉnh giáo Đức Chí Tôn,

vì lúc bình thường, Đức không thích giúp việc cho Sở ấy, là Sở không có cảm tình đối với dân chúng. Đức Chí Tôn dạy Đức nên qua giúp việc cho Sở ấy vì sẽ có cơ hội giúp Đạo. Quả thật như lời Đức Chí Tôn nói, chẳng bao lâu Ông Cao quỳnh Cư (tức Cao Thượng Phẩm), có ra bản "*PHỔ CÁO CHÚNG SANH*" để truyền bá Đạo Cao Đài, trên bìa Bản Phổ Cáo ấy có tựa đề "*Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*". Lần đầu tiên Bản Phổ Cáo ấy không có kèm thêm chữ Hán, nhưng lần sau, Ông Cư có thêm mấy chữ Hán. Để tượng trưng Tam giáo qui nguyên, ngoài bìa Phổ Cáo Chúng Sanh có vẽ hình 3 vị Giáo chủ là Đức Thích Ca, Đức Lão Tử, và Đức Khổng Tử.

Bản Phổ Cáo Chúng Sanh in lần đầu được gởi ra Nha Tổng Giám Đốc Mật Thám Hà Nội để dịch ra Pháp văn. Nhưng người thông dịch viên ngoài ấy lại dịch câu tựa: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Đạo lớn cứu vớt 3 Kỳ.

Lúc đó là lúc nhà cầm quyền Pháp để ý theo dõi hành vi Đạo Cao Đài rất gắt, nên Hà Nội gởi bài dịch văn ấy vào Nam hỏi Ông Chánh Sở Mật Thám Nadau, có phải Đạo Cao Đài làm chánh trị không, để họ giải tán.

Nhằm lúc ấy, Ông Nadau tin dùng Đức, nên Ông mới đến hỏi bài dịch văn ấy có đúng nghĩa không? Đức trả lời rằng: Không đúng, vì nguyên văn câu ấy có nghĩa là Đại Đạo mở lần thứ 3 để độ rỗi, chớ không phải cứu vớt 3 Kỳ (trong Liên bang Pháp là Nam kỳ, Trung kỳ và Bắc kỳ). Để trưng bằng cớ cụ thể, Đức đem trao cho Ông Nadau Bản Phổ Cáo Chúng Sanh có in chữ Hán. Ông liền phúc trình ra Hà Nội giải thích rõ việc ấy. Nhờ đó mà Đạo khỏi bị giải tán và người Đạo cũng đỡ khổ. Đó là bằng chứng Đức cứu Đạo.

Còn nhiều việc khác nữa, nhưng không đáng kể.

Qua năm 1945, Pháp bị Nhựt bổn đảo chánh tại Đông Dương, Đức tản cư về thôn quê, nhưng ở đâu cũng không yên, Đức liền về Tòa Thánh, ở được một hôm thì Pháp đổ bộ, bắn chết một Đạo hữu ở Rừng Thiên nhiên (Tòa Thánh). Tính không êm, Đức liền rời khỏi Tòa Thánh, băng rừng đi bộ từ Tây Ninh về Lộc Giang (Chợ Lớn). Lúc đó dẫu có tiền cũng không có xe đi.

Tản cư ở Lộc Giang được một thời gian, Đức trở lại quê nhà ở Hiệp Hòa (Chợ Lớn), nhưng sau lại tản cư xuống chùa Minh Đức nơi Đền Thờ Phật Mẫu tại cầu Băng Ky Gò Vấp, do Ông Sĩ Tải Nguyễn văn Thiệt làm chủ, lúc ấy cùng ở chung với mấy Ông: Bảo Pháp, Bảo Thế, Khai Đạo, cũng đồng cảnh huống.

Cũng trong năm 1945, bị bom Nguyên tử, Nhựt đầu hàng Đồng Minh, Pháp trở lại Đông Dương và chiến đấu với Việt Minh. Pháp kêu gọi công chức hồi cư để hiệp tác, Đức còn do dự mấy tháng.

Đến năm 1946, mới chịu trở lại vì hoàn cảnh bắt buộc.

Đến năm Nhâm Thìn (1952), được giấy hồi hưu, Đức trở về Hiệp Hòa ở chung với người em ruột trong một ngôi nhà tranh rách nát. Nhờ vậy mà tránh khỏi Việt Minh và quân đội Pháp khủng bố. Quân đội nầy chỉ khủng bố những nhà tốt mà thôi. Đức cũng muốn về Tòa Thánh làm Đạo nhưng vì lúc ấy, Đạo còn dùng rất nhiều quân đội nên không về vì tình trạng không hạp.

Mãi đến hạ tuần tháng 8 năm Ất Mùi (1955), quân đội Cao Đài, một phần tự giải ngũ, một phần gia nhập vào quân đội quốc gia, còn Đức Phạm Hộ Pháp thì bị cấm phòng tại Hộ Pháp Đường, Đức mới về Tòa Thánh để quan sát tình hình và hiệp với các Chức sắc khác để lo gỡ rối cho Đạo.

Nói đến đây, Đức không quên ghi ơn 2 Ông bạn HTĐ là Bảo Thế và Tiếp Pháp, có lòng đến tận nhà ở Hiệp Hòa, khuyên Đức về hợp tác hành đạo. Vì vậy mà Đức mới thanh toán hết gia nghiệp mới gầy dựng được chút ít, chí quyết phế đời hành đạo, mong cứu vãn tình thế, vì lúc ấy là lúc hỗn loạn. Có nhiều Chức sắc và Đạo hữu bị giam cầm do Ban Thanh Trừng điều khiển.

Năm Bính Thân (1956), Đức cùng Hội Thánh ký kết Thỏa Ước với Chánh phủ Cộng Hòa, cam kết không làm chánh trị. (Thỏa Ước Bính Thân 1956, Xem nơi Tiểu sử của Ngài Bảo Thế Lê thiện Phước).

Đồng thời Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc đang lưu vong tại Nam Vang, lại phát động Phong trào Chung sống Hòa bình, và chỉ định Đức làm đại diện cho Người nơi Tòa Thánh. Vì lẽ đó mà Đức bị tình nghi và bị cắm cư trú 2 năm tại Sài gòn, mặc dù Đức không thọ lãnh chức Trưởng Ban Miền Nam Phong trào Chung sống Hòa bình do Đức Phạm Hộ Pháp bổ nhiệm, nghĩ vì đã ký Thỏa Ước Bính Thân, thì cố nhiên phải tôn trọng chữ ký của mình.

Mãn 2 năm cư trú, Đức trở về nhà với gia đình để dưỡng sức vì tuổi cao kỷ trưởng. Tuy nhiên, đối với sự thành bại của Đạo, không thể ngồi ngó cho đành.

Vậy nên vào lúc tháng 9 năm Nhâm Dần (1962), Đức trở về Tòa Thánh tái thủ phận sự tại HTĐ với nhiệm vụ: Tuyển soạn Thánh Ngôn và viết Đạo Sử.

Chí nguyện làm tròn phận sự, rồi có nhắm mắt theo Thầy cũng ngậm cười nơi cõi Thiêng liêng Hằng sống.

Từ ấy, Đức cộng tác với Đức Thượng Sanh.

Ngoài nhiệm vụ kể trên, còn kiêm nhiệm thêm Bộ Pháp Chánh, Ban Kiểm Duyệt, Ban Đạo Sử và Thơ viện cho đến

ngày nay.

Đắc phong Quyền Chưởng quản HTĐ và cuộc lễ Tấn Phong được tổ chức ngày Chúa Nhật 21–5–Tân Hợi (dl 13–6–1971) tại Tòa Thánh Tây Ninh, có mời Chánh quyền, các đoàn thể và các tôn giáo bạn đến dự."

Tòa Thánh, ngày 20 tháng 5 Tân Hợi. – (dl 12–6–1971)
HIẾN PHÁP HTĐ:
Trương hữu Đức.

Sau ngày Đức Thượng Sanh đăng Tiên (26–3–Tân Hợi, dl 21–4–1971), Hội Thánh HTĐ họp phiên Đại Hội vào ngày 24–4–Tân Hợi (dl 18–5–1971) để công cử vị cầm quyền Chưởng quản HTĐ, thì toàn Hội đồng thanh cử Ngài Hiến Pháp Trương hữu Đức lên đảm nhận trọng trách ấy. Vi Bằng công cử được dâng lên quyền thiêng liêng, Đức Phạm Hộ Pháp giáng cơ chấp nhận và phê chuẩn, do đàn cơ tại Cung Đạo Tòa Thánh ngày 6–5–Tân Hợi (dl 29–5–1971).

Tháng 4 năm Quí Sửu (1973), trong đàn cơ tại Cung Đạo Tòa Thánh, Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp đồng ý thăng nhiệm cho Ngài Hiến Pháp Trương hữu Đức lên Chưởng quản HTĐ, để đủ quyền năng thực hành trọng trách bảo thủ Luật pháp Chơn truyền hầu phát triển nền Đạo.

Từ ngày lãnh trọng trách Chưởng quản HTĐ, Ngài Hiến Pháp rất lo âu và tận tụy với nhiệm vụ, nên thường hay bịnh hoạn, mỗi lúc mỗi nhiều hơn.

Ngài đăng Tiên lúc 20 giờ 15 phút ngày 15–12–Ất Mão (dl 15–1–1976), hưởng thọ 87 tuổi.

Trong Bài Điếu văn của Ngài Bảo Đạo Hồ tấn Khoa, đọc trước liên đài của Ngài Hiến Pháp, trước khi nhập bửu tháp, có một đoạn quan trọng, xin trích ra sau đây:

"Nhớ buổi xưa, lúc cơ Đạo chinh nghiêng, Đức Phạm Hộ Pháp đang bị bao vây trong Hộ Pháp Đường, cả Chức sắc lưỡng phái lưỡng Đài đang hoang mang, nhơn tâm bất nhứt, tâm lý bất đồng, sống trong hoàn cảnh hồi hộp lo âu sợ sệt, đột nhiên thấy Anh (Hiến Pháp) đơn độc xách gói về TòaThánh.

Anh Bảo Thế và các Anh khác hỏi Anh về Tòa Thánh làm gì trong lúc khó khăn rối rắm như vầy?

Khi ấy, lần đầu tiên Em đặng gặp Anh và cũng lần đầu tiên Em nghe Anh thốt ra một câu trả lời bất hủ, mà Em vẫn còn ghi mãi trong ký ức, lấy làm gương sáng cho bước hành đạo, và hôm nay, Em xin phép nhắc lại cho toàn thể các bạn Đạo hiện diện nơi đây đặng biết và ghi nhớ để làm phương châm hành đạo.

Anh nói rằng: "*Sách xưa có dạy:* ***Gia bần tri hiếu tử, Quốc loạn thức trung thần.*** *Trong Đạo cũng vậy, lúc cơ Đạo thạnh hành, ai cũng làm đặng. Hôm nay gặp buổi chinh nghiêng, nền Đại Đạo đang cơn bối rối, Đức nầy mới xin về để cùng chia sớt phần nào cảnh lo âu khó nhọc với Anh Em.*"

Lời nói bất hủ nầy cho ta thấy tinh thần hy sinh phục vụ của Anh cao cả là dường nào và có mãnh lực nhắc cho chúng ta cả thảy nhớ câu Minh Thệ: ***Hiệp đồng chư môn đệ.....***, để mỗi khi cơ Đạo gặp cảnh khó khăn, thì chúng ta phải nhứt tâm nhứt trí siết chặt hàng ngũ, trụ vững đức tin, chia đau sớt khổ với nhau, để cùng phục vụ cho Đạo pháp và cho nhơn sanh, chớ không lý do gì lánh né phận sự, để miệng thế bia danh muôn thuở."

Đầu năm 1975, trong lúc nội chiến giữa quân đội quốc gia và quân đội cộng sản xảy ra rất ác liệt trong toàn Miền Nam VN, Ngài Hiến Pháp Trương hữu Đức, với tư cách là

Chưởng quản HTĐ, lãnh đạo tối cao của Đạo Cao Đài, có gởi một bức Thông Điệp kêu gọi Hòa bình đến các Chánh phủ liên hệ trong cuộc chiến và yêu cầu đặt vùng Thánh Địa Tòa Thánh Tây Ninh ra ngoài vòng chiến tranh.

Sau đây là Nguyên văn Thông Điệp Hòa bình nầy:

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Ngũ thập niên)

TÒA THÁNH TÂY NINH

CHƯỞNG QUẢN HIỆP THIÊN ĐÀI

THÔNG ĐIỆP
Của Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh
Về Hòa Bình Việt Nam

Kính gởi:

- Các Chánh phủ liên hệ trong cuộc chiến tại VN.
- Ông Tổng Thơ Ký Liên Hiệp Quốc.
- Ông Chủ Tịch Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc.
- Ông Chủ Tịch Ủy Ban Kiểm Soát Quốc Tế Đình chiến tại VN.
- Chánh Phủ các quốc gia trong Liên Hiệp Quốc.
- Các nhà Lãnh đạo Tôn giáo.

Nghĩ vì Hiệp Định Paris ngày 27–1–1973 qui định cuộc đình chiến ở VN là một niềm hy vọng lớn lao cho toàn cả dân VN đã quá đau khổ vì nạn chiến tranh, nay mong được thấy Hòa bình lập lại.

Nhưng ngược lại, hai năm qua mà cuộc chiến tranh vẫn tiếp diễn ngày càng ác liệt, gây không biết bao nhiêu cảnh máu đổ thịt rơi, cửa nhà tan nát, mỗi ngày hy sinh cả ngàn thanh niên ưu tú của dân tộc, làm cho mọi người phải đau

lòng thất vọng.

Trước cảnh tang thương tang tóc của dân lành, Hội Thánh và toàn thể tín hữu Cao Đài luôn luôn giữ vững tôn chỉ cộng yêu hòa ái của một nền tôn giáo đại đồng và trung thành với đường lối Hòa bình Chung sống của Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc chủ trương để hòa giải dân tộc.

Nên thiết tha kêu gọi quí Lãnh tụ các bên lâm chiến:

1) Xin mở lòng thương xót đồng bào ruột thịt của chúng ta quá đau khổ vì chiến tranh, sớm bình tỉnh ngồi lại để tự giải quyết vấn đề nội bộ giữa người Việt với nhau trong tình huynh đệ, tương thân tương ái, tương nhượng, hầu chấm dứt nạn chiến tranh tàn khốc. Đặng như vậy, cả 40 triệu đồng bào VN sẽ ghi ơn quí vị và thế hệ mai sau sẽ ghi một điểm son vào trang lịch sử hiện tại cho quí vị.

2) Xin lưu tâm đến Tổ Đình Tòa Thánh Tây Ninh và cả vùng Thánh địa gồm 19 Phận đạo là nơi tôn nghiêm sùng bái của toàn thể tín hữu Cao Đài và cũng là nơi gần nửa triệu dân lành chỉ biết tu hiền, sống đông đúc nơi đây được đôi bên đặt ngoài vòng chiến, để tránh khích động đến lòng tín ngưỡng của mấy triệu tín hữu trong toàn quốc.

3) Nếu muốn dùng một nơi nào trong vùng Thánh địa Tây Ninh để làm địa điểm của 2 bên và Ủy Hội Quốc Tế làm nơi hòa đàm trong quốc nội thì chúng tôi có thể sẵn sàng chấp thuận. Trong khi chờ đợi giải quyết vấn đề Hòa bình VN, trật tự an ninh nơi đây sẽ tạm thời do Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc đảm nhiệm.

Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chúng tôi cũng thiết tha kêu gọi các cường quốc trong 2 khối và tất cả các quốc gia Hội Viên Liên Hiệp Quốc, cùng toàn thể nhân dân yêu chuộng Hòa bình trên thế giới chứng nhận và ủng

hộ lời kêu gọi nầy.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, ngày 04–12–Giáp Dần.
(dl 15–1–1975)
TM. Hội Thánh ĐĐTKPĐ
Chưởng Quản HTĐ
Hiến Pháp
TRƯƠNG HỮU ĐỨC
(ấn ký)

Bài Thài hiến lễ Ngài Hiến Pháp Trương hữu Đức:

HỮU ĐỨC mừng nay đã gặp Thầy,
Chẳng còn mong ước cái không hay.
Mừng nay gặp Đạo lòng mong muốn,
Chí quyết cùng nhau để hiệp vầy.

Nguyên Đức Chí Tôn cho biết nguyên căn của Ngài Hiến Pháp Trương hữu Đức là Từ Hàng Đạo Nhơn và Ngài Bảo Pháp Nguyễn trung Hậu là Xích Tinh Tử. Quỉ Cốc Đại Tiên có giáng cơ cho mỗi Ngài một Bài thi. (Xin độc giả xem lại Tiểu Sử của Ngài Bảo Pháp Nguyễn trung Hậu).

Ngài Hiến Pháp Trương hữu Đức có bút hiệu là Thân Dân, có làm khá nhiều bài thi đường luật, xin trích ra đây vài bài tượng trưng:

ĐẠO ĐỜI TƯƠNG ĐẮC

Đạo Đời tương đắc cứ như nhiên,
Đời Đạo đôi bên nắm vững quyền.
Đạo đắc nhơn tâm, Đời đắc sách,
Đời do dân ý, Đạo dân quyền.
Ái hòa Đạo dụng làm căn bản,
Nhân nghĩa Đời toan giúp phổ truyền.
Đời Đạo tương liên gieo Thánh đức,
Nhơn sanh an hưởng cảnh Thần Tiên.

Ba đào sóng bủa bởi thuyền to,
Lèo lái kiên gan vững phận trò.
Nẻo tắt đường quanh bền sức chống,
Sông sâu biển thẳm gắng công dò.
Lướt dòng cậy có nhiều thần lực,
Quá hải nương nhờ bóng tự do.
Bến tục thuyền từ dìu độ chúng,
Đưa vào nguồn sống khỏi tò mò.

THÂN DÂN

Họa nguyên vận 2 bài thi
Ngư và Tiều của Ông Huệ Giác:

Nghinh ngang mặt nước một con thuyền,
Cái thú ngư ông ấy thú Tiên.
Bủa lưới bao trùm gồm bốn biển,
Giăng câu định hướng nắm ba giềng.
Ở trần không nhiễm mùi trần tục,
Xử trí yên vui cảnh trí riêng.
Trời Đất rộng thinh dành một cõi,
Thú nhàn quyết tránh lợi danh quyền.

Nào phải nông gia sợ mất mùa,
Tiều phu nghề ấy khỏi nài mua.
Rừng tòng phủi sạch điều hơn thiệt,
Rìu búa chi màng cảnh được thua.
Trối kệ những ai ham đổi mới,
Thìn lòng riêng tớ giữ nghề xưa.
Chim trời cá nước ai ngăn đón,
Danh lợi đâu cần nhọc trí đua.

HIẾN PHÁP Trương hữu Đức
Biệt hiệu Thân Dân.

KHAI PHÁP
TRẦN DUY NGHĨA
(1888–1954)

Ngài Trần duy Nghĩa, sanh năm Mậu Tý (1888) tại làng Thành Phô, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Thân phụ là Ông Trần duy Quyền và Thân mẫu là Bà Đặng thị Lâu, đều ở Gò Công.

Hiền nội của Ngài Trần duy Nghĩa là Bà Hồng thị Đỏ (Cô ruột của Cựu Đại Tá Hồng Sơn Đông). Hai Ông Bà

chỉ sanh được một người con trai, đặt tên là Tháp, nhưng chẳng may mất sớm lúc mười mấy tuổi. Hai Ông Bà không sanh con thêm, nên xin 2 người con gái để làm con nuôi:

- Một người tên Nguyễn thị Lụa, là cháu ruột kêu bằng Dì của Bà Hồng thị Đỏ.
- Một người tên là Trần thị Huê, là cháu ruột của Ngài Trần duy Nghĩa.

Ngài Trần duy Nghĩa làm công chức Sở Hỏa Xa thời Pháp thuộc.

Năm Bính Dần (1926), Đức Phạm Hộ Pháp vâng lịnh Đức Chí Tôn đi xuống Gò Công gọi Ngài Trần duy Nghĩa. Vì Ngài là một nguyên nhân giáng phàm có nhiệm vụ tiền định, nên Ngài liền vâng chịu đi theo Đức Phạm Hộ Pháp, nhập môn làm môn đệ của Đức Chí Tôn, và kể từ đó, Ngài luôn luôn theo sát Đức Phạm Hộ Pháp để hành đạo.

Ngài Trần duy Nghĩa được Thiên phong Khai Pháp, cùng một lượt với chư vị Thời Quân khác khi Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền HTĐ ngày 12–Giêng-Đinh Mão (dl 13–2–1927).

Ngài hợp cùng Ngài Tiếp Pháp Trương văn Tràng thành cặp Phò loan truyền đạo lúc ban sơ, và sau đó trở thành cặp Phò loan chuyên về Bí Pháp.

Ngày 11–2–1933 (âl 17–Giêng-Quí Dậu), Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung hiệp cùng với Đức Phạm Hộ Pháp đồng ký tên ra một Thông Tri thăng phẩm Quyền Đầu Sư cho 3 vị Chánh Phối Sư là: Thái Thơ Thanh, Thượng Tương Thanh, Ngọc Trang Thanh.

Như vậy, 3 phẩm Chánh Phối Sư bị khuyết, nên tạm cử 3 vị Thời Quân HTĐ qua CTĐ đảm nhiệm 3 chức vụ kể trên.

Thông Tri ấy có đoạn như sau:

"Việc giao quyền hành Chánh Phối Sư cho 3 Chức sắc HTĐ là việc của Hội Thánh mới định hôm kỳ nhóm ngày mùng 9 tháng Giêng rồi đây, nhằm bữa 4–3–1933.

Ba Chức sắc ấy là:

- *Khai Thế Thái văn Thâu, lãnh phận sự Thượng Chánh Phối Sư.*
- *Khai Pháp Trần duy Nghĩa, lãnh phận sự Ngọc Chánh Phối Sư.*
- *Khai Đạo Phạm tấn Đãi, lãnh phận sự Thái Chánh Phối Sư."*

Đạo Nghị Định của Đức Phạm Hộ Pháp số 56 ngày 23–9–Ất Hợi (dl 20–10–1935), Ngài Khai Pháp Trần duy Nghĩa trở về HTĐ.

Đạo Nghị Định của Đức Phạm Hộ Pháp số 46 ngày 21–8–Bính Tý (dl 6–10–1936), Ngài Khai Pháp được giao nhiệm vụ Thẩm Án Tòa Đạo, và tạm quyền Chưởng quản Cơ Quan Phước Thiện cho tới ngày có một vị Thời Quân Chi Đạo thay thế.

Ngày 17–6–Tân Tỵ (dl 11–7–1941), lính Mật Thám Pháp vào Tòa Thánh bắt 4 vị Chức sắc: Phối Sư Ngọc Trọng Thanh, Giáo Sư Thái Gấm Thanh, Giáo Sư Thái Phấn Thanh, và Sĩ Tải Đỗ quang Hiển, đồng thời ở Sài gòn, chúng đến bắt Ngài Khai Pháp tại tư gia của Ngài. Lúc đó, Đức Phạm Hộ Pháp đã bị chúng bắt trước đó gần nửa tháng, tức là ngày 4–6–Tân Tỵ (dl 28–6–1941).

Ngày 4–6 nhuần-Tân Tỵ (dl 27–7–1941), Chánh quyền Pháp đưa Đức Phạm Hộ Pháp, Ngài Khai Pháp và 4 vị Chức sắc lưu đày ở hải đảo Madagascar (Mã đảo) bên Phi Châu, trên chiếc tàu Compiège.

Trong thời gian bị lưu đày nơi Mã đảo, Ngài Khai Pháp

và Sĩ Tải Đỗ quang Hiển luôn luôn kề cận bên Đức Phạm Hộ Pháp để giúp đỡ và cùng chia xẻ những nỗi đau buồn khổ cực. Sĩ Tải Đỗ quang Hiển và Giáo Sư Thái Gấm Thanh đã chết tại đảo, và Sĩ Tải Đỗ quang Hiển đắc Thánh vị.

Ngày 25–7–Bính Tuất (dl 21–8–1946), Đức Phạm Hộ Pháp, Ngài Khai Pháp và 2 vị Chức sắc còn lại là Phối Sư Ngọc Trọng Thanh và Giáo Sư Thái Phấn Thanh, sau hơn 5 năm bị lưu đày, được Chánh quyền Pháp đưa trở về VN trả tự do, đi trên chiếc tàu Ile de France, cặp bến Vũng Tàu.

Ngày mùng 4–8–Bính Tuất (dl 30–8–1946), Chánh quyền Pháp đưa Đức Phạm Hộ Pháp, Ngài Khai Pháp, Phối Sư Ngọc Trọng Thanh và Giáo Sư Thái Phấn Thanh từ Sài gòn về Tòa Thánh. Hội Thánh và rất đông đảo tín đồ tổ chức Lễ Nghinh Tiếp vô cùng long trọng và cảm động.

Ngài Khai Pháp Trần duy Nghĩa tiếp tục hành đạo sát cánh Đức Phạm Hộ Pháp, được Đức Phạm Hộ Pháp giao cho nhiệm vụ Chưởng quản Bộ Pháp Chánh, và Ngài ở nhiệm vụ nầy cho đến lúc đăng Tiên.

Ngài Khai Pháp Trần duy Nghĩa đăng Tiên lúc 5 giờ sáng ngày 22–Giêng-Giáp Ngọ (dl 24–2–1954) tại Văn phòng HTĐ Tòa Thánh, hưởng thọ 67 tuổi.

Sau khi đăng Tiên, Ngài giáng cơ cho Bài Thài hiến lễ Ngài:

Đã chán công danh dưới phép người,
Đem thân cửa Phạm để nên nơi.
Lóng chuông Bạch Ngọc hồi hồn tục,
Nghe trống Lôi Âm tỉnh mộng đời.
Nắm pháp thiêng liêng dìu Thánh vị,
Cầm cân công lý giữ ngôi Trời.
Dầu chưa trọn nghĩa Thiên Thơ định,

Giác ngộ vui theo cũng kịp thời.

Khai Pháp Chơn Quân

Ngày 28–Giêng-Giáp Ngọ (dl 2–3–1954), trong buổi Lễ Di Liên đài của Ngài Khai Pháp nhập bửu tháp. Đức Hộ Pháp có phát biểu để tưởng niệm và cũng để tuyên dương công nghiệp của Ngài Khai Pháp, xin trích ra một đoạn sau đây:

"Đức Khai Pháp Chơn Quân, cả toàn Thánh Thể và con cái Đức Chí Tôn đều hiểu là ai?

Trong 12 vị Chơn Quân của 12 con Giáp là cơ huyền bí tạo CKVT thế nào, có lẽ cả tinh thần của toàn thể con cái Đức Chí Tôn hiểu thấu.

Bần đạo lại thêm một điều trọng hệ hơn hết, người không phải xa lạ với nhơn loại nơi mặt Địa cầu nầy, người đã cùng làm bạn với nhơn loại và chịu khổ cùng nhơn loại. Ngài là một bậc yếu nhân đã giúp Đức Chí Tôn tạo dựng một nền văn minh hiện tại.

Bần đạo nói quả quyết rằng: Ngài là một vị yếu nhân đã cầm quyền về tinh thần của nền văn minh.

Ngài tái kiếp, sứ mạng của Ngài là không chi khác hơn là làm thế nào cho nền văn minh ấy chung hiệp các nền văn minh tối cổ trên mặt Địa cầu nầy, làm cho thiên hạ thống nhứt về tâm hồn, thống nhứt về đạo đức... .

Thật sự hôm nay, Đức Khai Pháp Chơn Quân đã hưởng trọn hạnh phúc mà Bần đạo đã tỏ ra khi nảy đó, cái hạnh phúc chơn thật của Ngài hôm nay được hưởng, trái lụng lại, chúng ta buồn thảm chia ly về phần xác, mà Bần đạo lấy làm hân hạnh vui hứng thấy Ngài đã đoạt Đạo. Đức Khai Pháp Chơn Quân đã đoạt đạo tại thế nầy đó vậy.

Bần đạo làm chứng cho toàn thể con cái Đức Chí Tôn điều ấy."

Theo lời Đức Phạm Hộ Pháp, chúng ta hiểu rằng, Ngài Trần duy Nghĩa là Thánh Pierre (Phê-rô) chiết Chơn Linh giáng phàm để làm tướng soái cho Đức Chí Tôn khai Đạo.

Thánh Pierre là một trong số 12 môn đồ của Đức Chúa Jésus, là người mà Đức Chúa Jésus tin cậy, đặt nền tảng của Hội Thánh truyền giáo của Ngài.

Ông Chơn Nhơn Phạm duy Hoai có thuật chuyện Ngài Khai Pháp như sau:

*"Một hôm nọ, Đức Phạm Hộ Pháp lập đàn, có các vị Chức sắc Thiên phong dự chứng. Đức Phạm Hộ Pháp cầm cây Kim Tiên đưa ra bên trên và trước mặt Ngài Khai Pháp đang quì. Đức Phạm Hộ Pháp nói: "**Nầy Pierre, ngày trước ngươi đã chối ta 3 lần, lần nầy ta tha cho đó.**" Đoạn Ngài Khai Pháp lạy. Đàn mãn."*

Theo Đạo Sử của Bà Nữ Đầu Sư Nguyễn Hương Hiếu, quyển I trang 35, Thánh Pierre có giáng cơ cho 4 câu thi:

SAINT PIERRE

Thiên Đàng giữ cửa góc Trời Tây,
Truyền đạo cho dân biết mặt Thầy.
Cứu chuộc đã gần đôi ngàn tuổi,
Cao Đài phú thác dắt dìu bầy.

31 Décembre 1925.

Trong dịp Lễ Đại Tường của Ngài Khai Pháp Trần duy Nghĩa, tại Bửu tháp, Đức Phạm Hộ Pháp nhắc lại công nghiệp khổ hạnh của Ngài Trần Khai Pháp như sau:

"Thưa cùng chư Viên quan, chư Chức sắc, cùng mấy em Nam Nữ,

Hôm nay là ngày Lễ Đại Tường của Đức Khai Pháp Chơn Quân, Bần đạo không cần minh tả, tưởng toàn thể

con cái Đức Chí Tôn mến tiếc Ngài là một vị Chơn linh nguyên nhân của Đức Chí Tôn đã định.

Nhắc lại công nghiệp của Ngài, Bần đạo cảm giác vô cùng. Sự cảm giác của Bần đạo đối với Ngài, không giờ phút nào Bần đạo quên được cái công cực khổ đáo để của Ngài đối với Bần đạo. Bần đạo chắc chắn rằng, trong Chức sắc HTĐ, Bần đạo chỉ nhờ Đức Khai Pháp nhiều hơn hết. Đó là bằng chứng hiển nhiên.

Ngày nay, Ngài đã qui Thiên, thì nền Đạo đã bớt hết một cánh tay gánh vác sự nghiệp thiêng liêng vĩ đại của Đức Chí Tôn tại mặt thế nầy.

Bần đạo thấy cái sống ở đời của Đức Trần Khai Pháp trong buổi sanh tiền chưa có hưởng hạnh phúc hay thú vị gì cả. Sự nghiệp giàu sang, vinh hiển cũng không màng, chỉ nguyện đem cái xác thân nầy hiến trọn vẹn nơi cửa Đạo.

Đức Chí Tôn đã lựa sắm hồi nào mà chính mình Đức Chí Tôn lựa sắm thật là xứng đáng.

Trong buổi đầu, Đức Chí Tôn dạy:

"*Con muốn ra gánh vác sự nghiệp thiêng liêng, lập nền Quốc Đạo, trước hết con phải lập Pháp cho xong thì Đạo mới vững bền được.*"

Buổi nọ, Bần đạo để trọn vẹn cho Đức Chí Tôn lựa, chớ không phải phàm lựa.

Khi được cơ bút dạy đi tìm Khai Pháp tại tỉnh Gò Công, Bần đạo chưa từng đến, mà cũng không làm bạn với một người nào nơi tỉnh ấy, nhưng cũng vâng lịnh đến tìm, hỏi thăm, thì đã trúng ngay nhà Ông Trần duy Nghĩa.

Vừa gặp người đứng trước thềm nhà, hỏi thăm thì người nói: "*Tôi là Trần duy Nghĩa*". Nói rồi, mời Bần đạo vào nhà.

Bần đạo không ngần ngại và để đức tin nơi quyền thiêng liêng, bèn tả hết công việc, thì Ngài hứa tình nguyện. Một điều là hủy cái đời giàu sang vinh hiển để nạp mình vào nơi cửa Đạo.

Bần đạo chưa tin, còn hồ nghi bị chúng gạt. Khi về đến Sài gòn, Ngài chỉ xách theo một gói đồ trên tay và không trở về gia đình lần nào.

Bần đạo đưa bài Thánh giáo của Đức Chí Tôn bảo đi tìm Ngài, thì Ngài nói với Bần đạo 2 câu làm cho Bần đạo kính phục và cảm tưởng mãi nơi tâm, biết rằng ông nầy có thể chung sức với mình gánh vác nổi sự nghiệp của Đức Chí Tôn giao phó.

Ngài nói rằng: "*Tôi tưởng dòng dõi dân tộc VN bốn ngàn năm đã chết, nào dè ngày nay Đức Chí Tôn định lập Quốc Đạo, thì chắc chắn rằng, đất nước VN sẽ sống lại được mà cứu Tổ quốc và giống nòi VN cởi ách nô lệ giữa thời Pháp thuộc bạo hành.*"

Kể từ đó, Ngài vẫn cương quyết lo giúp Bần đạo với một sự kính nể đáo để, không giờ phút nào Ngài xa Bần đạo. Không nhắc đến thì thôi, mà nhắc đến làm cho giọt lệ của Bần đạo tuôn chảy không ngừng.

Chẳng phải riêng Bần đạo mất một người ân trọng nghĩa thâm, mà toàn Đạo Nam Nữ thảy đều mất một người bạn yêu mến thiêng liêng đó vậy.

Nhớ lại lúc chánh quyền Pháp đày ra hải đảo Madagascar, trong đó có nhiều Chức sắc Thiên phong cùng chung chịu ảnh hưởng, Bần đạo chỉ thấy một Đức Ngài và em Thánh Hiển hết lòng phụng sự Bần đạo, còn bao nhiêu vì quyền lợi mà xua đuổi hành phạt Bần đạo đáo để. Có người dựa quyền lợi theo thuyết Cộng sản, dùng sức mạnh trở lại khổ

khắc Bần đạo mà chưa vừa lòng. Họ còn xúi giục chánh quyền đày Bần đạo lên nguồn cao nước độc để giết Bần đạo một cách gián tiếp. Nếu chẳng nhờ quyền năng thiêng liêng giúp sức thì Bần đạo không thể trở về Tổ quốc Thánh địa nước VN ngày nay.

Tội nghiệp em Thánh Hiển với Ngài Khai Pháp, thấy vậy cũng xin đi theo, đã bị chúng đuổi đánh, cũng tính kế đi theo nuôi dưỡng Bần đạo cho được.

Thánh Hiển, vì đi theo Bần đạo uống nước độc mà bỏ mình nơi rừng sâu núi thẳm, chỉ còn Bần đạo và Ngài.

Ngài ôm Bần đạo mà khóc, chỉ van vái một điều là cầu xin Đức Chí Tôn đem về đất Thánh cỏi xác mà thôi. Thật quả nhiên như lời nguyện không sai.

Khi trở về Thánh địa, Bần đạo gượng làm vui, chớ kỳ thật riêng Ngài Khai Pháp và Bần đạo, không giờ phút nào quên cảnh tù đày lao khổ. Bần đạo thấy con cái Đức Chí Tôn rất chú ý về việc đó, nhưng Bần đạo ôm lòng nín chịu, căn dặn Ngài không thốt ra lời nói gì cả. Bần đạo sợ nói ra đây, gây oán chuốt hờn thêm cho Đạo. Nếu Bần đạo nói ra, chắc không bút mực nào tả hết, lại gây thêm xung đột.

Kể từ ngày về Thánh địa, Ngài Khai Pháp thường than thở với Bần đạo, vì sợ e gây cảnh nồi da xáo thịt, bên ngoài thì Pháp, bên trong thì VN, ở giữa thì Quân đội Cao Đài. Ai vui hưởng, chớ riêng Ngài không có ngày nào không lo sợ, sợ đổ máu giết chóc lẫn nhau, lần đến tương tàn cốt nhục của nòi giống VN ta nữa mà chớ.

Sau ngày Trung Tá Trấn (Truyền Trạng Phạm ngọc Trấn) Thánh Vệ Trưởng bị quân đội Thành ám sát, Ngài thường đến Trí Huệ Cung ôm Bần đạo vào lòng, khóc và than rằng: "*Thầy ôi! Cái sợ của tôi ngày nay đã đến rồi. Tôi*

hằng than thở với Thầy từ nơi hải đảo, là nơi chúng đày khổ thân, Thầy trò mình tưởng về đất Thánh địa được yên vui, nào dè có quân đội, cho nên mới ra nỗi nầy,"

Than rồi khóc, rồi Ngài vịn níu lấy Bần đạo mà nói:

– "*Thầy ôi! Vì lời khuyên xưa kia, Thầy trò mình mới về dìu dắt con cái Đức Chí Tôn mà họ đâu thấu đáo tâm trạng, nay Trấn đã chết rồi thì tôi thấy còn nhiều thảm họa dẫy đầy, tự gây phản bội mà làm ly tán, thì bầy con dại của Đức Chí Tôn phải sống nơi nào cho an phận.*

Thưa Thầy! Thà Thầy trò mình ở lại vùi thân nơi chốn tù đày hải đảo rừng xanh nước độc, còn thú vị hơn về đây thấy cảnh đổ máu không lịch sử, dòng dõi chủng tộc VN phải ly tán, tiền đồ Tổ quốc không dựng lại, mà nhơn loại phải chịu cảnh sắp điêu tàn, nền Đạo chinh nghiêng bởi cảnh đó."

Nghe qua những tiếng nói thảm thiết, làm cho giọt lệ Bần đạo đã chảy theo không ngừng, nhưng Bần đạo cố gượng cho khuây khỏa. Hồi nghĩ lại, Bần đạo gượng làm vui, mượn cớ cho Ngài bớt buồn rầu đau thảm.

"*Không anh à! Mấy em nó vì đầu óc thanh niên, không phải như mấy anh lão thành vậy đâu. Vì máu nóng còn đua tài, chác lợi, quyền trọng tham danh, chớ buộc cả thảy như quí anh sao được."*

Bần đạo thấy Ngài buồn, kiếm chước cho vui đỡ, và lần lượt kiến tạo Trí Giác Cung, đặng khuyên Ngài vào ở đó cho yên tịnh, cho bớt thấy cảnh thảm họa trêu diễn trước mắt hằng ngày."

Trong thời gian Ngài Khai Pháp Trần duy Nghĩa cầm quyền Chưởng quản Bộ Pháp Chánh, Ngài có biên soạn những bài giảng về Chánh Trị Đạo để dạy Hạnh đường, sau cùng Ngài tập hợp các bài giảng ấy, lập thành quyển

sách tựa đề: "*CHÁNH TRỊ ĐẠO*", giải thích rõ ràng nền Chánh Trị Đạo của Đạo Cao Đài, để người đời khỏi lầm tưởng Đạo Cao Đài là một tổ chức chánh trị, như các đảng phái chánh trị ngoài đời.

Danh từ PHÁP CHÁNH cũng do Ngài Khai Pháp đặt ra để thay thế danh từ Tòa Đạo đã dùng khi trước.

Quyển sách nầy gồm 5 Phần chính:

- **Phần I nói về nền tảng Chánh Trị Đạo của Đạo Cao Đài gồm 4 cơ quan:**
  - Hành Chánh, thuộc CTĐ.
  - Phổ Tế, thuộc CTĐ.
  - Pháp Chánh, thuộc HTĐ.
  - Phước Thiện, thuộc HTĐ.
- **Phần II nói về Quyền Lập Pháp của Đạo thuộc về 3 hội:** Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh, Thượng Hội.
- Phần III nói về Quyền Hành Pháp, thuộc về CTĐ.
- Phần IV nói về Quyền Tư Pháp, thuộc về HTĐ.
- Phần V, so sánh Chánh Trị Đạo và Chánh Trị Đời.

Sau đây, xin chép lại một bài giáng cơ của Ngài Trần Khai Pháp, nói chuyện cùng Ngài Bảo Thế Lê thiện Phước.

- PHÒ LOAN: Giám Đạo Nguyễn văn Hợi, Thừa Sử Nguyễn văn Kiết
- HẦU ĐÀN: Chư Chức sắc HTĐ.

Đàn cơ đêm mùng 2–12–Giáp Thìn, (dl 4–1–1965)

Tại Giáo Tông Đường, hồi 8 giờ 40.

KHAI PHÁP

Chào Hiền huynh Bảo Thế và các em.

Tiện đây, Bần tăng đàm đạo cùng Bảo Thế.

Ngày Bần tăng về Chí Tôn mới rõ quyền năng Thiên Triều vô biên. Chính Bần tăng rón rén bước vào Bạch Ngọc Kinh, phải nhờ Chơn Linh VI HỘ dẫn tấn. Từ đây mới biết Chí Tôn phần nào và được thấu đáo nhiệm vụ của Thời Quân, chẳng những nơi thế gian nầy mà còn nơi cõi Thiên nữa. Như thế mới khiếp sợ với trách vụ mình.

Nếu quí bạn được thấy thì tưởng không còn muốn ở cõi trần nữa làm gì. Vậy Bần tăng ước mong quí bạn Thời Quân tìm cách dòm về hướng Chí Tôn để rộng quyền làm tròn Thiên Soái mạng.

Hổm rày, Đức Phạm Hộ Pháp Chưởng quản HTĐ có nhóm Hội Thánh HTĐ nhiều lần để quyết định tương lai của nền Chánh giáo. Vì thế mà Bần tăng được chỉ định gần gũi Hiền huynh để ủng hộ và trao lời của Đức Phạm Hộ Pháp dạy.

Hiền huynh nhớ Đạo Cao Đài có Chánh Trị Đạo, thì tưởng cũng không đụng chạm ai, Đời họ lo lấy, Đạo mình mình trị, trong vòng tự do tín ngưỡng, miễn đừng lấn quyền Đời thì thôi.

Hộ Pháp có than lúc nầy không người kế chí, nhưng Đức Ngài còn tin nơi Hiền huynh, nên chính Đức Ngài dục tấn Hiền huynh về. Khi còn ở Đô thành, có lẽ Hiền huynh còn nhớ Ngài kêu hôm nào đó. Hiền huynh cứ tiến tới nhiệm vụ của Đức Phạm Hộ Pháp đã giao, tức bên cạnh có Đức Ngài và chư Thời Quân ám trợ, đừng lo ma hồn quỉ xác gì nữa, bất quá chúng nó thêm công quả để Hiền huynh đạt đạo cho mau vậy thôi. Hiền huynh vững đức tin, cuộc thế đã đến kỳ kết thúc, nên Thần Tiên đã lâm phàm, đồng ngưỡng về Cao Đài Thánh địa, là Tòa Bạch Ngọc Kinh tại thế.

Buổi Phật Di-Lạc Vương trị vì thiên hạ, cứ tiến tới có

ngày vui sắp đến.

Bần tăng tưởng Hiền huynh đã từng gần Đức Phạm Hộ Pháp thì cũng còn nhớ cách phục nhơn tâm và thâu thiên hạ là dường nào rồi. Nhờ tâm đức ấy mà Ngài lập đại công, thì Hiền huynh nên đồ theo đường lối ấy thì ắt thành công trong sứ mạng đó.

À! Chỉnh giùm chỗ luyện Tam Bửu: Tay trái bắt Ấn Tý cầm chén bông, còn tay mặt bắt Ấn Hộ Pháp để lên trên chén. Hôm nọ viết sai.

Xin chào Hiền huynh. Để kỳ tới sẽ tái ngộ.

THĂNG.

TIẾP PHÁP
TRƯƠNG VĂN TRÀNG
(1893–1965)

Ngài Hiến Pháp Trương hữu Đức tuyên đọc Tiểu sử của Ngài Tiếp Pháp Trương văn Tràng, xem đây là Bản Tuyên Dương Công Nghiệp trong ngày Lễ Di Liên đài nhập Bửu tháp nơi đất Ao Hồ.

Sau đây, xin chép lại nguyên văn Bản Tiểu sử nầy:

"Ông Trương văn Tràng, sanh ngày 25–10–Quí Tỵ (1893) tại làng Bình Thạnh tỉnh Biên Hòa. Thân phụ là Trương

văn Tịch và thân mẫu là Trần thị Lịnh.

Vốn sanh trưởng trong gia đình nề nếp Nho phong truyền thống từ mấy đời trước, nên khi lớn lên, phụ mẫu cho theo người cậu ruột học Hán tự.

Kịp đến nền văn hóa nước nhà bước sang giai đoạn tiến triển, hầu hết mọi người dân VN đều hưởng ứng nhiệt liệt, phụ mẫu Ông liền cho tùng học Việt Pháp ngữ tại trường Tổng, kế tiếp trường Tỉnh.

Sau khi tốt nghiệp ra trường, phụ mẫu định bề gia thất và cũng bắt đầu từ đó, Ông nhận làm việc tại Sở Hỏa Xa Đông Dương (Sài gòn).

Tuy sự sanh hoạt cũng gặp nhiều điều trở ngại, nhưng nhờ lòng kiên nhẫn và chí hy sinh, nên lúc nào cũng cố gắng phát triển khả năng để phục vụ sở hành theo phương châm Nho giáo, nhứt là tinh thần Đại Học, Trung Dung "*Kính sự như tín*", nghĩa là làm việc phải hết sức chăm chỉ thận trọng.

Nhờ sự tận tâm phục vụ, nên về sau được liệt vào hàng Thông Phán nhứt hạng rồi hồi hưu, và trước khi đăng Tiên, Ông vẫn còn hưởng hưu bổng.

- THỜI KỲ NGỘ ĐẠO:

Vào năm 1925, tại nhà Đức Thượng Phẩm Cao quỳnh Cư ở Sài gòn, mỗi đêm đều có Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc và Đức Thượng Sanh Cao hoài Sang đến dùng phương pháp xây bàn để cầu các Đấng Vô hình xin thi phú và tiêu khiển thời gian, lạc đạo thanh nhàn.

Thời kỳ nầy, Ông không dự được thường xuyên, vì bận làm việc ở Sở Hỏa Xa và theo học hàm thụ "*École par correspondance de Paris*" ở Pháp .

Thời kỳ thọ giáo:

Phong trào xây bàn để cầu các Đấng cho thi phú tại Sài gòn được Đức Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh và mấy vị Thời Quân lúc đầu xúc tiến có phần kết quả khả quan. Lúc nầy lại được các Đấng chỉ dạy thêm phương pháp Cầu Cơ, tiện dịp tiếp các Đấng, và cũng vì thế nên nhận thấy nguyện vọng được thỏa mãn, những vị nói trên lại càng hăng hái theo đuổi.

Nhân một đêm nọ, đến nhà Ông Khai Pháp Trần duy Nghĩa thì gặp Hộ Pháp và Thượng Phẩm đang phò cơ cầu các Đấng. Vì lòng ngưỡng mộ từ lâu, nên gặp dịp, ông vào quì lạy và hầu đàn, thì được Đức Chí Tôn kêu tên dạy rằng: "*Con hãy sửa soạn đi theo mấy anh con mà hành đạo.*"

Khi bãi đàn, hỏi ra mới biết Đức Chí Tôn chính là Thượng Đế giáng cơ lập Đạo tại nước VN.

Từ đó, lòng đạo đức phát khởi một cách hăng hái. Sau thời gian ngắn, Ông sửa soạn đi hành đạo, được Ơn Trên chỉ định cùng với Ông Khai Pháp là một cặp phò cơ truyền đạo.

Về sau, bước đường hành đạo rày đây mai đó, nhưng vẫn một lòng tín ngưỡng, lo xúc tiến việc làm để tròn sứ mạng Ơn Trên giao phó. Mãi đến năm Đinh Mão (1927), Đức Chí Tôn mới cấm cơ Phổ độ.

- THỜI KỲ ĐẮC PHONG:

Ngày 13–2–1927, được đắc phong chức Tiếp Pháp tại Chùa Gò Kén Tây Ninh. Mặc dầu đã theo các bậc đàn anh hành đạo từ năm 1926, nhưng chưa trọn phế đời hành đạo.

Tuy Ông phải làm việc để lo sinh kế gia đình, dưỡng dục con thơ vì người bạn trăm năm của Ông đã mất, nhưng bao giờ lòng cũng hoài bão sứ mạng thiêng liêng, luôn luôn lưu tâm về nghiệp Đạo.

Nhờ vậy, thời gian nầy Ông trở về xứ sở tại Cây Đào

thuộc tỉnh Biên Hòa, xin người dì một sở đất và kêu gọi Đạo hữu địa phương hưởng ứng chung hiệp xây cất một ngôi Thánh Thất. Hiện nay Hội Thánh làm chủ Thánh Thất nầy và càng ngày nơi đây bổn đạo càng đông.

- THỜI KỲ PHẾ ĐỜI HÀNH ĐẠO:

Năm 1949, khi lo bề Nhơn đạo xong, Ông được rảnh rang thế sự, liền về Tòa Thánh Tây Ninh xin lãnh phận sự hành đạo, lúc bấy giờ Đức Phạm Hộ Pháp cầm quyền Chưởng quản Nhị Hữu hình Đài, Đức Ngài giao cho làm Bí Thơ. Mãi đến năm 1951, kiêm thêm phận sự giúp Ngài Khai Pháp điều khiển Bộ Pháp Chánh.

Năm 1954, Ngài Khai Pháp liễu đạo, Ông lên cầm quyền Chưởng quản Bộ Pháp Chánh.

Đến năm 1956, Đức Phạm Hộ Pháp xuất ngoại, nền Đạo bất an, nên Ông trở về nhà tạm nghỉ ít tháng. Qua tháng 4 năm 1957, ông trở lại tái thủ phận sự cầm quyền Chưởng quản cơ quan Pháp luật của Đạo.

Trên bước đường hành đạo qua bao lúc thăng trầm, truân chuyên thân phận, nhưng lúc nào Ông cũng cố gắng đem hết khả năng phục vụ nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn.

Ngoài thì giờ phụng sự nền Đạo, lo việc chúng sanh, còn thêm cố gắng học nhiều kinh điển, áp dụng sở hành theo lối chơn tu, lại cũng vì phận sự kẻ tu hành, tự giác giác tha, nên Ông đem hết khả năng viết được vài quyển sách:

– Quyển **Giáo Lý Đại Đạo**, xuất bản năm 1950, đã được Đức Phạm Hộ Pháp khen tặng và cả Hội Thánh đồng ý.

Sau thời gian ấy, Ông cố gắng sưu tầm học hỏi, khảo cứu kinh sách thêm, rồi nhuận sắc quyển Giáo Lý Đại Đạo, được toàn cả Hội Thánh công nhận và cho tái bản năm 1959.

– Vì cuộc đời hy sinh cho Đạo, phụng sự chúng sanh,

nên chẳng quản tiếng đời miệng thế gièm pha, lúc nào cũng cố gắng tu học liên tục, biên khảo thêm quyển **Trên đường Tấn hóa**, và được Đức Thượng Sanh nhìn nhận sự bổ ích cho nền Đạo và cho phép xuất bản năm 1963.

THI RẰNG:

Cõi trần thui thủi tháng cùng năm,
Tu niệm đòi phen nhỏ lệ dầm.
Chi quản thế tình đời khinh thị,
Nào mơ cõi tục cảnh thăng trầm.
Con đường Đại Đạo miên trường tiến,
Cái nẻo Thần Tiên vĩnh cửu thâm.
Giấc mộng trần ai trong cõi tạm,
Việc đời muôn sự nỗi niềm cam.

Xin nói rõ thêm: Trong mấy năm đầu hành đạo, từ năm 1928 về sau, vừa làm việc vừa làm đồng tử cho Đức Chí Tôn truyền Đạo. Người Pháp có theo dõi hành động của Ông, nhưng không tìm thấy dấu vết gì có tánh cách chánh trị cả.

Xuyên qua các thành tích trên đây, Tiếp Pháp Chơn Quân Trương văn Tràng trọn đời thanh bần hành đạo, không tham gia chánh trị, dốc lòng tu học để rồi đem cái kết quả của mình gieo rắc cho nhơn sanh chung hưởng, bằng cớ là soạn quyển **Giáo Lý Đại Đạo** được tái bản 4 lần, và mỗi lần tái bản được soạn giả nhuận sắc thêm, và cùng soạn luôn quyển **Trên Đường Tấn Hóa**, hai tác phẩm nầy được sự ủng hộ của Hội Thánh và toàn đạo, ngoài ra các nhà trí thức như Cụ Nguyễn đăng Thục, Khoa Trưởng Đại học Văn Khoa Sài gòn, cũng có cho lời tựa.

Đến đây, chúng tôi xin tóm tắt ghi lại những lời tựa để nhận chân giá trị của tác phẩm:

- LỜI PHÊ CỦA ĐỨC HỘ PHÁP:

"Quyển sách sơ lược, tuy vẫn chưa đem trọn hình ảnh Chơn pháp, nhưng đã giảng giải đủ mọi phương tu niệm.

Vậy nó sẽ giúp ích cho học giả sưu tầm Chơn lý đặng bước vào Bí pháp Chơn truyền. Ấy là chìa khóa mở cửa Hữu hình thông qua thế giới huyền linh vô tả.

Xin để lời cùng cả tín đồ và Chức sắc nên đọc và đào luyện tinh thần hầu mai hậu hưởng phần siêu thoát.

Cho phép in và ấn tống."

2 Juin 1948
HỘ PHÁP (ấn ký)

- ĐỨC THƯỢNG SANH TẶNG QUYỂN GIÁO LÝ:

Giáo Lý Đạo Trời thất ức niên,
Trương Quân biên soạn để lưu truyền.
Tồn tâm chỉ rõ đường mê giác,
Dưỡng tánh phân rành nẻo tục Tiên.

- LỜI TỰA CỦA NGÀI BẢO THẾ TRONG LÚC CẦM QUYỀN ĐẦU SƯ CTĐ:

"Huynh Tiếp Pháp Trương văn Tràng đã dày công soạn quyển Giáo Lý nầy cốt yếu giúp cho các bạn tu sĩ khỏi lầm lạc trên đường học đạo.

Sách nầy đáng truyền bá các nơi, dầu nơi gia đình đạo giáo hay gia đình bàng quan, đều nên đọc nó, bất luận là lúc nào trong đời mình, sẽ thấy nó là nguồn an ủi để sửa mình khi lâm vấp tội tình, hoặc nó sẽ là kim chỉ Nam để vạch lối cho hành giả, đem cái Ta giả hiệp trở về cái chơn thật bổn ngã."

30–9–1959
BẢO THẾ
(ấn ký)

- LỜI TỰA CỦA CỤ NGUYỄN ĐĂNG THỤC, KHOA TRƯỞNG ĐẠI HỌC VĂN KHOA SÀI GÒN (TÁI BẢN LẦN THỨ 4):

"Cũng vì mục đích giác mê mà Cụ Tiếp Pháp Trương văn Tràng đã cố công soạn ra sách Đại Đạo Tam Kỳ Giáo Lý nầy rất công phu, có mạch lạc thứ tự giản dị, lại thâm thúy, hơn nữa tất cả giá trị không ở chương trình nghiên cứu mà còn là kinh nghiệm bản thân tu luyện suốt một đời của tác giả, thực đáng là những bài học đạo đức sống, linh động cho kẻ học đạo vậy... ."

5–9–1964
NGUYỄN ĐĂNG THỤC (ký)

- ĐỨC THƯỢNG SANH TẶNG QUYỂN TRÊN ĐƯỜNG TẤN HOÁ:

Trên Đường Tấn Hóa bút Trương Quân,
Rừng Đạo thêm hoa thật đáng mầng.
Trau hạnh giúp người vun thiện quả,
Tu tâm dìu khách thoát mê tân.
Rọi đường chơn lý, khêu đèn huệ,
Nâng bước quần sanh tỉnh mộng trần.
Tam giáo sưu tầm rành luận thuyết,
Công phu quí trọng sánh ngàn cân.

24–4–1963
THƯỢNG SANH
(ấn ký)

- LỜI PHI LỘ CỦA NGÀI BẢO THẾ LÊ THIỆN PHƯỚC:

"Đạo huynh Tiếp Pháp Trương văn Tràng góp nhặt tài liệu tinh hoa Tam giáo, soạn thành quyển "Trên Đường Tấn Hóa" giải rành phương châm Nhập thế và Xuất thế. Cả hai phương châm đều thích hợp với sở cầu của các giới trong đại chúng, từ bậc ưu thời mẫn thế, bậc tu sĩ phế đời, đến bậc thường nhơn, không giới nào đọc sách nầy mà không thỏa chí vui lòng.

Quyển Trên Đường Tấn Hóa sẽ góp thêm một bửu vật cho kho tàng của tôn giáo."

27–3–1963
BẢO THẾ
(ấn ký)

- LỜI TÁN THƯỞNG CỦA NGÀI HIẾN PHÁP TRƯƠNG HỮU ĐỨC:

"*Trong lúc Đạo Cao Đài đang thiếu sách phổ thông, quyển sách nầy ra đời rất cần ích, cũng như bất luận sách nào thuộc loại khảo sát về Đạo lý, hà huống tác giả là một Chức sắc cao cấp trong Đạo thì giá trị của tác phẩm ấy xứng đáng là dường nào.*"

HIẾN PHÁP
(ấn ký)

- LỜI GIỚI THIỆU CỦA CỤ NGUYỄN ĐĂNG THỤC, KHOA TRƯỞNG ĐẠI HỌC VĂN KHOA SÀI GÒN: (6–12–1962)

"*Để trình bày cái Triết lý Tam giáo, ấy là cơ sở của Đạo Cao Đài thì không ai đủ tư cách hơn là một nhà Tiếp Pháp đã đem đời sống cống hiến cho Đạo, cố thực hiện Giáo lý của Khổng Tử: Triêu văn Đạo, tịch tử khả hỷ.*"

Qua cuối mùa thu năm Giáp Thìn (1964), Tiếp Pháp Trương văn Tràng ngọa bịnh, điều trị tại nhà thương Phạm hữu Chương Chợ Lớn, kế dời qua nhà thương Grall (Đồn Đất) Sài gòn, và bịnh càng ngày càng gia tăng mãnh liệt, có thể đi đến tuyệt vọng, nên Ông xin Hội Thánh cầu một đàn cơ để hỏi các Đấng Thiêng liêng xin thuốc chữa bịnh. Hội Thánh chấp thuận, tức thì thiết một đàn cơ tại Giáo Tông Đường.

Ngài Khai Pháp Trần duy Nghĩa giáng cơ dạy Hội Thánh xuống nhà thương Grall rước Ông về Tòa Thánh Tây Ninh, để thi hành đúng theo lời dạy ấy nhằm ngày 4–11–1964.

Sau 7 ngày cầu nguyện và uống thuốc Đông y, ông lấy lại sự bình phục sức khỏe.

Cũng xin nhắc lại là Ngài Khai Pháp Chơn Quân Trần duy Nghĩa và Tiếp Pháp Trương văn Tràng là cặp phò cơ phổ độ từ buổi Khai Đạo, Ngài Khai Pháp đã liễu đạo mà lúc nào Ngài cũng giúp đỡ dìu dắt bạn đồng môn còn tại thế.

Sau khi bình phục sức khỏe, Tiếp Pháp có cảm tác 2 bài thi sau đây để tỏ lòng tin tưởng huyền năng Thiêng liêng và tri ân Hội Thánh:

I

Đường đời khúc khuỷu biết đâu lường,
Trên có Quỳnh Nương hết dạ thương.
Khai Pháp Chơn Quân truyền diệu lý,
Quần Tiên rưới phước hộ thiên lương.

(11–1–1965)

II

Trời chiều bảng lảng bóng thiều quang,
Tiếng trống thu không giục khách nhàn.
Đoái lại chúng sanh thiên vạn ức,
Vẫn còn bận bịu với thời gian.

(21–1–1965)

Đây là huyền diệu thiêng liêng tuyệt đối dành cho người có lòng tín ngưỡng chơn thành mới có thể thụ hưởng được mà thôi.

Cho hay, thế kỷ 20, khoa học thực nghiệm cực thạnh, phát minh cơ khí cực kỳ tinh xảo, nhưng Đạo Cao Đài lại dùng một lòng tín ngưỡng và luôn luôn cầu Trời khẩn Phật phổ hóa tâm linh cho vạn chúng trên đường sanh sống theo Đức Thượng Đế.

Ngài Tiếp Pháp được phục hồi sức khỏe từ đầu tháng chạp năm Giáp Thìn (1964) đến Rằm tháng Giêng năm Ất

Tỵ (1965) mặc dầu Ơn Trên đã dùng huyền diệu thiêng liêng cứu độ một phần nào, nhưng cũng không thể cải được Thiên số, thế nên đến ngày giờ đã định thì phải qui Thiên.

Này Rằm tháng Giêng năm Ất Tỵ (dl 16–2–1965), lối 5 giờ chiều, Ngài Tiếp Pháp đã thoát ly trần tục. (thọ 73 tuổi)

Trước khi từ trần, Ngài có cho biết là ngày ấy Ngài sẽ về chầu Đức Chí Tôn, và từ mấy tháng trước, Ngài đã chuẩn bị sẵn sàng một liên đài để gởi xác thân của Ngài vào đó.

Kính thưa quí vị,

Ngài Tiếp Pháp mất là Đạo mất một tay rường cột, một vị Chức sắc cao cấp có công xây dựng từ buổi sơ khai.

Đây là một cái tang chung của Đạo vậy.

Trước khi dứt lời, tôi xin thay mặt Chức sắc HTĐ, nghiêng mình trước liên đài của Ngài Tiếp Pháp Chơn Quân và cầu nguyện vong linh Ngài chứng chiếu lòng thành của chúng tôi và chúng tôi cũng thành tâm khẩn cầu Đức Từ Phụ, Đức Từ Mẫu, cùng các Đấng thiêng liêng ban điển lành cho hương hồn của Ngài được tiêu diêu nơi cõi Thiêng liêng Hằng sống. Sau nữa, chúng tôi xin phân ưu cùng tang quyến.

Kính cẩn chào quí vị.

HIẾN PHÁP
Trương hữu Đức

Đêm 16–Giêng-Ất Tỵ (dl 17–2–1965), hồi 9 giờ đêm, Ngài Tiếp Pháp Trương văn Tràng giáng cơ cho 4 câu thi để làm bài Thài hiến lễ Ngài:

BÀI THÀI:
TIẾP điển Trời ban độ chúng sanh,
PHÁP luân thường chuyển rạng Thiên đình.
CHƠN như đắc vị nhàn Tiên cảnh,

QUÂN Thánh Thần minh kiến Đạo thành.

Qua Bài Thài nầy, chúng ta thấy rõ Ngài Tiếp Pháp Trương văn Tràng đã đắc đạo và đoạt được Tiên vị nơi cõi Thiêng liêng Hằng sống.

Tóm lại:

Trong 40 năm hành đạo, Ngài Tiếp Pháp Trương văn Tràng đã lãnh nhiều trọng trách:

- Phò loan cùng Ngài Khai Pháp Trần duy Nghĩa để Đức Chí Tôn cùng các Đẳng thiêng liêng giáng cơ phổ độ nhơn sanh.
- Bí Thư Văn phòng Đức Phạm Hộ Pháp.
- Chưởng Quản Bộ Pháp Chánh.
- Thống Quản Nữ phái CTĐ.
- Cố Vấn Đại Đạo Nguyệt San.

Ngài Tiếp Pháp biên soạn được 2 quyển sách:

- Giáo Lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
- Trên Đường Tấn Hóa.

Đây là một thiện chí, một bằng chứng của Ngài thể hiện tình cảm yêu ái nhơn sanh, không nệ thân già khó nhọc, lăn mình trên đường nghĩa vụ phụng sự nhơn sanh cho đến phút sống cuối cùng.

Xin mượn lời của Đức Thượng Sanh Cao hoài Sang trong bài Ai Điếu đọc trước liên đài của Ngài Tiếp Pháp để làm phần kết:

"Chẳng có lời nào xác đáng để tỏ hết nỗi tiếc thương của chúng tôi đối với một bạn đồng môn mà cả đời hành đạo chỉ biết tận tụy với nhiệm vụ. Không hay phô trương, không màng quyền lợi, sống trong cảnh vật chất với món tiền hưu bổng, Ngài Tiếp Pháp đã tượng trưng cho một tâm hồn cao siêu của

nhà hiền triết.

Tánh tình hòa nhã, lời nói khiêm cung, giàu chẳng bợ, khó chẳng khinh, thương kẻ bần hàn, giúp người cô quả.

Suốt 30 năm lăn lóc quan trường, vì bản tánh thanh cao mà đến ngày hồi hưu, Ngài cũng chỉ còn lại 2 bàn tay trắng với một chồng sách triết học và đạo lý mà Ngài vẫn thường dùng làm món ăn tinh thần trên bước đường hành đạo.

Nói đến công trình của Ngài đối với Đạo thì chẳng khác chi thân tằm, cứ mãi rút ruột nhả tơ để trả ơn dâu cho đến ngày kiệt sức."

"Khi về Tòa Thánh đảm nhiệm phận sự chánh thức, dưới quyền của Đức Phạm Hộ Pháp thì Ngài đã tỏ ra xứng đáng một tướng soái của Đức Chí Tôn trong mọi phương diện. Ngoài nhiệm vụ đã được giao phó, trong lúc rảnh rang thì Ngài cặm cụi đem hết trí óc não cân để sáng tác những sách Đạo với mục đích là giúp Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu am hiểu Giáo lý Đại Đạo và các tôn giáo cõi Á Đông."

"Toàn đạo đã đặng thừa hưởng cái công nghiệp phi thường của bạn, và tên tuổi bạn vẫn còn mãi trên những quyển sách lưu lại ngàn đời cho đàn em trong cửa Đạo.

Rồi đây, nhờ nơi huyền diệu cơ bút, chúng tôi có thể gặp lại bạn trong lời nói câu văn, để thố lộ tâm tình cũng như lúc trước, thế thì đối với bạn, sự mất cũng như còn, chết mà vẫn sống."

Ngài Tiếp Pháp rất ít làm thơ. Theo tài liệu trong quyển "*Văn tịch pháp Nhơn luân chi đạo*" của Ngài Bảo Đạo Hồ tấn Khoa, Ngài Tiếp Pháp có bút hiệu là Huyền QuangTử.

CẢM XUÂN GIÁP NGỌ (1954)

Đầu cành oanh hót mách Tân Xuân,

Đoái lại trăm hoa sắc sảo mừng.
Mỉm miệng đào thơ cười cợt gió,
Nghiêng mình liễu yếu đón chào Trăng.
Non Thần hạc múa Nghê Thường khúc,
Nước trí thi ngâm điệu thoát trần.
Cảnh vật nương mình sang Giáp Ngũ,
Riêng ta hồn xác sạch lâng lâng.

HUYỀN QUANG TỬ

Họa vận bài thi của Đức Thượng Sanh ngày 12–6–Đinh Dậu (dl 29–6–1957):

Gót trần thoăn thoắt bước đường nghiêng,
Muốn đến bên kia phải cậy thuyền.
Lèo lái tay gìn tuôn nhược thủy,
Kệ kinh miệng niệm thấu Trùng Thiên.
Chí tâm dắt chúng qui đường chánh,
Lòng vẫn noi gương tạo đức hiền.
Đồng Đạo nhắc nhau câu phổ độ,
Cầu cho bá tánh đắc Chơn truyền.

TIẾP PHÁP

BẢO ĐẠO
CA MINH CHƯƠNG
(1850–1927)

Trong số Thập nhị Thời Quân, Ngài Ca Minh Chương lớn tuổi hơn hết, và đăng Tiên sớm hơn tất cả.

Ngài họ Ca, tên Chương, sanh năm Canh Tuất (1850) tại ấp Thanh Ba, làng Mỹ Lộc Tây, tổng Phước Điền Trung, quận Cần Giuộc, trong một gia đình thấm nhuần Nho giáo. (Ngài Ca minh Chương cùng quê với Đức Quyền

Giáo Tông).

Ngài được dân chúng làng Mỹ Lộc cử lên làm chức Hương Bộ trong làng. Sau một thời gian Ngài chán nãn việc làng xã, nên xin nghỉ và đi dạy học.

Hiền nội của Ngài Ca minh Chương là Bà Phạm thị Kế (1860–1933), Ông Bà sanh được một người con gái đặt tên Ca thị Thế (1884–1956).

Đầu năm 1926, ngày 3–4–1926 (âl 21–2–Bính Dần), Đức Chí Tôn giáng tại Vĩnh Nguyên Tự ban cho Ngài 4 câu thi và thâu nhận Ngài vào hàng môn đệ:

Thế thượng hề vô bá tuế nhân,
Thất tuần dĩ định vấn Thời Quân.
Ưu tư mạc vọng thường vô lộ,
Nghiệp trái tùy căn định số phần.
Hứa Ca minh Chương.

Khoảng tháng 5 năm Bính Dần (1926), Đức Chí Tôn cho lập 6 đàn cơ để phổ độ nhơn sanh, trong đó có một đàn cơ lập tại nhà Ông Cựu Hội Đồng Địa Hạt Nguyễn văn Lai ở Tân Kim quận Cần Giuộc, quan Phủ Nguyễn ngọc Tương và Ngài Lê văn Lịch thay phiên chứng đàn, hai Ngài Ca minh Chương và Phạm văn Tươi phò loan, để dân chúng đến hầu đàn, nhập môn cầu Đạo.

Ngày Khai Đạo tại chùa Gò Kén, 14–10–Bính Dần (dl 18–11–1926), Đức Chí Tôn lập tịch Đạo Nữ phái, có phong cho Cô Ca thị Thế vào chức Phó Giáo Sư, lấy Thiên ân là Hương Thế. Cũng trong đàn cơ nầy, Đức Chí Tôn phong Bà Lâm ngọc Thanh là Nữ Giáo Sư, Thánh danh Hương Thanh. (TNHT. II. 13) [Trong bài Thánh Ngôn nầy, Đức Chí Tôn gọi Ca thị Thế là Ca thị]

Khi Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền HTĐ, ngày

12–1–Đinh Mão (dl 13–2–1927), Đức Chí Tôn phong Ngài Ca minh Chương chức Bảo Đạo, nên người ta thường gọi Ngài là Ca Bảo Đạo.

Đức Chí Tôn có khai khiếu cho Ngài Ca minh Chương, để Ngài ngồi phò loan cùng Ngài Hiến Đạo Phạm văn Tươi, lập thành cặp Phò loan truyền đạo trong buổi sơ khai.

Đức Chí Tôn giáng cơ cho Ngài Ca Bảo Đạo bài thi để an ủi cho hoàn cảnh gia đình bi thảm của Ngài:

Thấy con gia đạo tợ tơ cuồn,
Chạnh đến lòng Thầy dạ ướm tuôn.
Ngặt nỗi vợ nhà đau dã dượi,
Khật khùng con trẻ nói luông tuồng.
Khiến nên mai đảnh khơi màu trắng,
Cho đến tòng lâm trổ sắc buồn.
Công quả đã đành công quả đủ,
Nay đem ba kiếp dập dồn luôn.

Qua bài Thánh Ngôn trên, Đức Chí Tôn cho biết: Đức Chí Tôn cho Ngài Ca Bảo Đạo nhồi quả 3 kiếp nhập lại trả trong một kiếp nầy: Ngài bị bịnh, vợ cũng bị bịnh, con bị điên khùng. Nay phải rán chịu đựng để trả trong một kiếp nầy cho sạch nợ tiền khiên thì mới có thể trở về thiêng liêng vị.

Ngài Ca Bảo Đạo chỉ hành quyền Bảo Đạo được một thời gian ngắn sau ngày Thiên phong thì Ngài đăng Tiên, trở về thiêng liêng vị, ngày 19–10–Đinh Mão (dl 13–11–1927), hưởng thọ 78 tuổi.

Lễ An táng của Ngài được tổ chức rất trọng thể tại quê nhà của Ngài, và bửu tháp được xây cất tại đây. (Sau nầy Hội Thánh mới lấy cốt, cải táng, đưa về nhập Bửu tháp tại phần đất dành riêng để xây tháp cho Thập nhị Thời Quân, ở Ngã Ba Ao Hồ, Châu Thành Thánh địa, Tây Ninh)

Bài Thài tế lễ Ngài Ca Bảo Đạo:

Thủ phận rước hồn kíp phục hồi,
Gạn công tính quả định theo ngôi.
Sạch trong tâm tánh lo trau trước,
Cân tạo công bằng chẳng để lơi.

Bảo Đạo Chơn Quân.

Ngài Ca Bảo Đạo có giáng cơ cho bài thi:

Từ đây ra khỏi chốn nhơn gian,
Thủy tú sơn tinh thích chí nhàn.
Vì bởi lục căn lòng chẳng bợn,
Cho nên mới đặng nhập Tiên bang.

Qua bài thi nầy, chúng ta nhận thấy rõ, Ngài Bảo Đạo Ca minh Chương đã đắc Tiên vị nơi cõi Thiêng liêng.

Ngay sau khi Ngài Ca Bảo Đạo đăng Tiên, Đức Chí Tôn giáng cơ ban cho bài Thánh ngôn dạy như sau:

"*Thầy, Các con.*

Đại lụy! Cái thảm trạng chia lìa ngày nay có thể làm cho các con vì đau đớn mà biết thương yêu nhau chăng?

Thảm! Từ thử có một mình Bảo Đạo là niên cao kỷ trưởng hơn các con hết, mà buộc Thầy phải đem về thì tưởng các con đủ biết mình là côi cút về đường Đời không ai đủ trí thức hoàn toàn mà bịnh vực các con nữa, thì mới biết lập mình có đủ khôn ngoan tài tình đạo đức thì địa vị các con mới trở nên cao đặng.

Thầy đôi phen phải buộc lòng lấy hình phạt mà làm ra phần thưởng, các con đã hiểu Đạo đặng chút ít, Thầy tưởng chẳng cần phải cạn lời, Thầy khuyên các con lấy "CHƯƠNG" làm dây thân ái mà buộc nhau, mới đặng hòa nhã nơi HTĐ.

Thầy cho phép các con làm lễ táng cho nó long trọng, hầu nêu gương cho hậu tấn.

TẮC! Phải biểu CƯ xuống cho kịp đặng làm lễ y như lời Thầy dạy đám táng của THỤ, nhớ đừng bỏ nữa nghe!

Thầy cũng nhắc lại với con rằng: Đủ 3 năm phải thiêu hài cốt, lên tượng đặng đem nó vào Bát Quái Đài nghe!

Nơi mộ nó phải để quan tài khỏi mặt đất 1 tấc mà đắp xây tháp y như lời Thầy đã dặn. Trên mặt tháp để chữ vàng: "BẢO ĐẠO CHƠN QUÂN" nhớ à!"

(ĐS. II. 314)

▸ GHI CHÚ:

CHƯƠNG: Ngài Bảo Đạo Ca minh Chương.

TẮC: Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc.

CƯ: Đức Thượng Phẩm Cao quỳnh Cư.

THỤ: Đức Ngọc Chưởng Pháp Trần văn Thụ.

Sau đây là Bài Điếu Văn của Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung điếu Bảo Đạo Ca minh Chương qui vị ngày 19–10–Đinh Mão (1927):

Chư Hiền Hữu, Hiền Tỷ, Hiền muội,

Từ ngày Khai Đạo, lần nầy là lần thứ ba, tôi vì phận sự nên phải dự vào việc tống chung 3 vị Đại Đức trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ: Năm Dần Ông Thượng Tương Thanh, Thượng Chưởng Pháp ly trần ngày mồng 5 tháng 1 mãn phục; năm nay tháng 3 Đức Nho Tông Chưởng Pháp Trần Đại nhơn liễu đạo. (Ngọc Chưởng Pháp Ngọc Thụ Thanh)

Ấy là 2 vị Đại Đức bên CTĐ, ngày nay Ông Ca Minh Chương thọ Thiên ân Bảo Đạo HTĐ qui Thánh.

Theo thế tình, tôi cũng rơi lụy mà tỏ lòng bi ai nơi mộ phần chưa ráo đây. Con người thây phàm xác thịt ai tránh khỏi sự yêu thương, tình chồng vợ đầu ấp tay gối, khó giàu

có nhau, cang thường nghĩa trọng, cha con hui hút sớm trưa, công sanh thành dưỡng dục bằng non biển; người đồng đạo tất con một CHA, tâm hiệp ý hòa, chia vui sớt nhọc, ngảnh lại mấy năm tình ấy rồi xem cảnh hôm nay, người qui Thánh nương bóng Đức Cao Đài, kẻ còn lao nhao lố nhố nơi bể khổ sông mê. Ôi! Gặp cuộc phân ly như thế, không ngăn giọt lụy cảnh sầu bi nầy làm cho ruột thắt gan bào.

Anh Bảo Đạo ôi! Thương vì nhớ mấy lúc cùng nhau hội hiệp, khi thi phú, lúc cờ bàn nơi Tòa Thánh. Nhớ đến tiếng cợt tiếng cười, thương vì nghĩa, rồi đây xác phàm của anh phải ở đồng trống sương gieo, thương vì thế, vì bình bồng, có ai giữ mồ trăm năm, lâu rồi cũng là mồ hoang cỏ loáng, thương nỗi vợ yếu trông chồng nhìn cảnh sầu khuya với ngọn đèn leo lét, thương cuộc con ngây, bặt vắng lời châu ngọc của cha hiền đức, nhìn nơi đây đồng không mông quạnh, nhớ tới xác phàm anh ở chỗ như thế thì khó lấp cơn sầu, mà nghĩ cho kỹ thì Chơn linh vẫn còn, vì anh hữu duyên nên gặp Đạo Trời, rộng mở Tam Kỳ Phổ Độ.

Mấy năm dư, anh đã mượn nâu sồng lánh tục, anh vui cùng sanh chúng. Nay hồn lìa khỏi xác, vẹt ngút mây xanh trông vào Cực Lạc an nhàn, non chiều hạc gáy, động tối qui chầu, nghĩ đến đó lấp đặng mạch sầu. Nên tôi mới tỏ ít câu sau đây nhắc công nghiệp của anh đối cùng xã hội.

Tôi xin nhắc một ít công lao của Bảo Đạo trong đường Đời và trong Tam Kỳ Phổ Độ.

Nguyên anh là người nhao rún ở ấp Thanh Ba làng Mỹ Lộc Tây, tổng Phước Điền Trung, huyện Phước Lộc. Hồi anh còn thiếu niên, gặp nhiều bậc Nho văn Hiền triết, cư trú trong huyện Phước Lộc, như Ông Đồ Chiểu, Ông Cống Quỳnh, vv...

Ông Ca minh Chương cũng là chí Thánh, lúc làm Giáo huấn là lo Nhơn đạo, mà người cũng gần lo Thiên đạo. Anh trường chay giữ giới thọ giáo đạo Minh Sư, có câu kinh: "*Bá niên vạn kiếp nan tao ngộ*", trăm năm muôn kiếp khó mà gặp mối Đạo khai. Ông Ca minh Chương hữu duyên hữu phần, nên gặp lúc Trời khai Long Hoa Tam Hội.

Tôi xin nhắc lại, năm Bính Dần, Hội Thượng nguơn, tôi cùng 2 Em: Cư, Tắc, thọ Thánh chỉ đi phổ độ tại huyện Phước Lộc nầy, khi ấy Ông Ca minh Chương đã có hầu đàn nghe lời châu ngọc của Đấng Đại Từ Bi. Người hữu duyên mau hiểu lời Thánh giáo, nên người liền nhập môn cầu Đạo. Qua hạ tuần tháng 2 năm đó, 3 Anh Em tôi thọ Thánh chỉ xuống Vĩnh Nguyên Tự ở 10 ngày học đạo, khi đó Ông Ca minh Chương cũng theo xuống Vĩnh Nguyên Tự.

Có một bữa, Đại Từ Phụ khai khiếu cho Ông Ca minh Chương.

Hồi mới khai khiếu, 3 Anh Em tôi ngơ ngơ ngáo ngáo không hiểu chi hết, tưởng là Đạo hữu Chương niên cao kỷ trưởng mắt mờ nên Đại Từ Phụ khai khiếu cho sáng láng, ngõ hầu khi nào Đại Từ Phụ giáng cơ viết Hán tự thì Đạo hữu Chương coi đọc cho dễ, té ra không phải vậy, mình bàn theo trí phàm, thiệt rất lạc lầm.

Đức Chí Tôn khai khiếu cho Ông Chương là để cho người làm phò loan đặng đi phổ độ. Không bao lâu sau, người cùng Đạo hữu Phạm văn Tươi, là 2 Chức sắc HTĐ phò loan đặng phổ độ nhiều nơi. Lúc ấy, Ông Bảo Đạo sức kém lực suy mà nhờ huyền diệu thiêng liêng bảo hộ nên người lập được công quả.

Nhớ lúc Ông dầm mưa trải nắng, thiệp hải đăng sơn, sức tuy yếu mà chí chẳng sờn, không kém gì Huỳnh Trung

buổi trước, nghĩ mấy hồi ma khảo, người vô tâm ngăn phá Đạo Trời mà anh cũng thìn một dạ, thiệt chí hào kiệt, trí tri dễ núng, khiến lụy anh hùng đây. Trước nhờ Đấng Chí Tôn dìu hồn anh đem về cõi thọ.

Ông Bảo Đạo, lúc gần qui vị, Linh quang anh thiệt tinh tấn, nhớ đến mấy lời châu ngọc anh than cùng tôi, thiệt ruột dường dao cắt. Anh nhắc những ân anh thọ nọ Bác tôi, khi anh lo việc hương đảng, anh khiêm từ đến đổi cung tụng, những việc phải của tôi đối đãi với anh khi anh làm Giáo Thọ, ấy là nhơn nghĩa anh giữ vẹn, thiệt là anh chí Thánh đó. Anh than cùng tôi, anh buồn lo vì nhiều kẻ tính riêng, người toan tự lập, còn phận anh thì thủy chung như nhứt, cứ do Tòa Thánh.

Nay anh về Tiên cảnh, xin cũng chung lo giúp Đạo đặng tâm hòa như một, xin anh chứng lòng thảo của mấy em.

Hôm nay làm lễ tiễn hành, đưa linh hồn anh về Cực Lạc, an nhàn Bồng Lai.

Huy lụy

THƯỢNG ĐẦU SƯ

Thượng Trung Nhựt

Sau đây là Bài Văn Tế của Đức Phạm Hộ Pháp đọc tại Bửu tháp của Ngài Bảo Đạo Ca minh Chương (nơi sanh quán):

"Ôi!

Cấp Cô Độc vườn thiền quạnh quẽ,
Hội Thanh Vương chợ thế dìu hiu.
Dấu xe lìa nước Lỗ đóng rong rêu,
Bầu rượu lạt nhà Nam đầy bụi đất.
Cuộc đời giống huỳnh lương một giấc,
Mà kiếp phù sinh là phướn chiêu Tiên,

Cõi trần là khổ hải muôn phiền,
Song cơ thoát tục là thuyền Bát Nhã.
Thất tuần thọ, đời cho rằng lạ,
Ngoài phong vân chưa phải sống bao lăm?
Tam bửu linh Đạo dạy không lầm,
Trong võ trụ, cầu nhàn âu mấy kẻ?
Nhớ Linh xưa,
Tánh hạnh hiền lương, ngôn từ nhỏ nhẹ,
Trên lớn thương yêu, dưới bé kỉnh nhường,
Nét gia phong cửa Khổng để nêu gương,
Phương hóa chúng, học đường ra huấn giáo.
Công xã hội, công trình ngồi chép Đạo,
Kế hoằng dân, nghĩ đến lắm công lao.
Vẻ quan viên tuy chẳng áo cẩm bào,
Bề đạo đức đáng vào Tòa Bát Quái.
Hỡi ôi! Vợ già yếu, gái thời ngây dại,
Nối lửa hương, ngó lại vắng người.
Theo linh xa một gái chơi vơi,
Phò giá triệu bóng trời không kẻ đậy.
Kìa gia tộc ruột rà còn đấy,
Sao Anh không ngồi dậy nói đôi điều?
Để đau thương cho kẻ mến người yêu,
Nhìn niếp tử chín chiều ruột héo.
Từ đây phủi cuộc trần lạnh lẽo,
Phận phàm Tiên hai nẻo khác đường,
Để các em nuốt thảm ngậm thương,
Tình bậu bạn một trường đành cách biệt.
Hay Anh tránh tình đời xảo quyệt,
Nhắm mắt không muốn biết lòng phàm.
Hay Anh xem thế sự đã nhàm,

Đi cho rảnh tiếng tham chung đỉnh.
Hay không thắng đặng đời, Anh phải nhịn,
Về cõi Tiên toan tính phép chiêu hồn.
Hay sợ đời lắm sự dại khôn,
Về cõi thọ bảo tồn câu chánh lý.
Tuy đã biết tử qui sanh ký,
Câu biệt ly ai nghĩ cũng đau lòng,
Chữ đồng môn tình lại mặn nồng,
Ai gan sắt dạ đồng không đổ lụy.
Trước linh cữu, các em cùng chị,
Cúi đưa Anh an nghỉ giấc ngàn thu.
Nguyện hương hồn bền giữ căn tu,
Miền Cực Lạc ngao du nơi đất Thánh.
Chung rượu lạt, lòng thành xin kính,
Dâng đưa Anh đặng tỏ chút tình.
Hồn linh xin chứng,
Phục vi Thượng hưởng.

PHẠM HỘ PHÁP

Thuở sinh tiền, Ngài Ca Bảo Đạo rất ít làm thơ.

Sau đây, chúng tôi sưu tập được một bài thơ đường luật của Ngài, họa vận bài thơ "CHỮ BẦN "của Ngài Thuần Đức Bảo Pháp Nguyễn trung Hậu, Ngài đề bên dưới bài thơ của Ngài là: Giáo Chương, tức là thầy giáo Ca minh Chương.

Chi bận trần gian nẻo phú bần,
Dốc tìm đường cả đẩy đưa chân.
Kinh luân chí dễ an thân phận,
Hổ hải tình mong lánh nợ nần.
Vui lại ngổn ngang dòng nước trí,
Buồn về lẩn bẩn khóm non nhân.

Huỳnh Đình mấy cuốn hằng ngâm đọc,
Ngỏ họa thân sau khỏi bợn trần.

GIÁO CHƯƠNG

Tại Minh Thiện Đàn ở Phú Mỹ, Mỹ Tho, Ngài Bảo Đạo Ca minh Chương giáng đàn ngày 25–7–1929, cho 4 câu thi khuyến tu, khoán thủ "*Bảo Đạo Chơn Quân*":

BẢO người ở thế gắng công tu,
ĐẠO đức cao thâm vẹt ngút mù.
CHƠN chất thành tâm thì biện bạch,
QUÂN năng ưu Đạo lập công phu.

THĂNG

Tại Tòa Thánh, ngày 9–10–Kỷ Sửu (dl 28–11–1949), Ngài Ca Bảo Đạo giáng cơ, xin chép ra sau đây:

BẢO ĐẠO CHƠN QUÂN

Mừng mấy em văn thần võ sĩ của Chí Tôn,

Hèn lâu, Qua mới gặp đặng mấy em, vì Qua mắc lo với Đức Cao Thượng Phẩm cho cơ Đạo đặng mau chóng để làm gương cho mặt thế ngày nay, cho toàn cả nhơn sanh đặng biết nhiệm mầu huyền vi của Đức Chí Tôn và cả chư Thần Thánh Tiên Phật. Nay đã đến thời kỳ năm Châu đặng hiểu biết mối Đạo Trời. Vậy mấy em ráng lo sao cho tròn phận sự một người con hiếu của Chí Tôn.

Từ tạo Thiên lập Địa tới giờ, biết bao Thần Thánh Tiên Phật thọ lịnh Ngọc Hư xuống trần dạy Đạo, nhưng vì vật dục sở tế, khí bẩm sở câu, làm cho cả con cái Chí Tôn đều bị nhiễm trần mà không đặng hồi cựu vị.

Nay các em đã lãnh lịnh Ngọc Hư mà nỡ để cho sanh linh chịu hồi chìm đắm hay sao? Mấy em nên cầm cờ Đạo đi khắp mọi nơi, rồi làm như quan Phương Bá nhà Châu để

dựng nền nhơn nghĩa cho đời rõ thấu.

Có vậy, nhơn sanh hiểu đặng rồi mới nạp mình vào cửa Thánh. Bằng chẳng vậy thì nhơn sanh lầm đường lạc nẻo rất nhiều, lại uổng một kiếp sanh đã gặp kỳ khai Đạo, đến lúc lâm chung, hồn ra khỏi xác rồi mới biết tự hối ăn năn mà phải chịu luật Thiên điều trừng trị... Biết bao phen mới trở về cùng Đức Chí Tôn đặng.

Thôi Qua mừng chung mấy em.

THĂNG.

Ngày 9–Giêng-Giáp Ngọ (dl 11–2–1954), tại Cung Đạo Tòa Thánh, Ngài Bảo Đạo Ca minh Chương giáng cơ xin với Đức Phạm Hộ Pháp trao quyền Bảo Đạo tại thế cho Ông Hồ tấn Khoa để HTĐ có đủ chư vị Thời Quân làm việc.

Bài giáng cơ nầy, chép ra như sau:

CA MINH CHƯƠNG

Chào Hộ Pháp Thiên Tôn, cùng chư vị Thời Quân HTĐ.

Cùng các bạn,

Thưa Đại huynh Hộ Pháp Thiên Tôn,

Đệ xin giao nơi tay Ngài ủy quyền Bảo Đạo đặng Ngài ban lại cho bạn Hồ tấn Khoa và lập Thánh lịnh.

Bổn Quân Bảo Đạo Ca minh Chương tuân mạng lịnh của Chí Tôn và quyền Ngọc Hư phê chuẩn, giao chức tước quyền hành Bảo Đạo cho Hồ tấn Khoa thi hành nơi thế về hữu vi nhi trị, còn phần thiêng liêng về phần Bổn Quân nắm giữ.

Hồ Hiền hữu! Bổn Quân lấy làm hữu hạnh đặng hiểu Hiền hữu kế nghiệp thì chỉ mong một điều trọng hệ hơn

hết là trách vụ khó khăn cực nhọc ấy, Hiền hữu cáng đáng kham tất.

Vậy Hiền hữu nên nhớ rằng, nghiệp thiêng liêng hằng tồn tại mãi, còn quán tục là thừa.

Hiền hữu nên nhớ mãi lời ký thác của Bổn Quân hầu ngày sau vui gặp nhau nơi cõi Thiêng liêng Hằng sống.

Bổn Quân xin nhượng cơ cho Cao Thượng Phẩm.

THĂNG.

▸ Tiếp điễn:

CAO THƯỢNG PHẨM

Chào Hộ Pháp và Các bạn.

Hộ Pháp làm ơn trấn thần Thiên phục và ban Phép Giải Thể cho Hồ Bảo Đạo. Còn Khai Pháp lập Minh Thệ cho người, có Bần tăng chứng giám.

THĂNG .

Nơi Châu Thành Thánh địa Tây Ninh, Hội Thánh có đặt tên một con đường lớn, chạy cặp theo hàng rào Nội Ô, thẳng xuống Chợ Long Hoa, là đường Ca Bảo Đạo để kỷ niệm công đức của một Chức sắc Đại Thiên Phong tiền bối.

HIẾN ĐẠO
PHẠM VĂN TƯƠI
(1897–1976)

Ngài Phạm văn Tươi, sanh ngày 17–1–1897 (âl 15–12–Bính Thân) tại quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn thời bấy giờ.

Thuở thiếu thời, Ngài theo Tây học, sau khi đậu bằng Tiểu Học Pháp, Ngài thi đậu vào trường Sư Phạm (École Normale) thời đó, tốt nghiệp rồi được bổ về dạy học tại trường Tiểu học Cần Giuộc, sau đó lên làm Hiệu Trưởng

trường nầy. Về sau, Ngài được đổi về Sài gòn dạy tại trường Pétrus Trương vĩnh Ký.

Hiền nội của Ngài là Bà Nguyễn thị Quận, sanh năm 1899 tại làng Long Phụng, quận Cần Giuộc. Hai Ông Bà có được 7 người con, chỉ có 1 con trai, thứ tư tên là Phạm duy Ninh, sanh năm 1925 và mất ngày 16–6–1990 tại Cần Giuộc.

Ngài Phạm văn Tươi nhập môn vào Đạo Cao Đài năm 1926, và đắc phong vào phẩm Hiến Đạo HTĐ ngày 12–1–Đinh Mão (dl 13–2–1927) khi Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền HTĐ.

Đầu năm 1926, Đức Chí Tôn mở rộng cơ phổ độ tại Sài gòn, Chợ Lớn, Gia Định, nên cho thiết lập 6 Đàn lệ để nhơn sanh nhập môn cầu Đạo, trong đó, Đàn ở Tân Kim (Cần Giuộc) thiết lập tại nhà Ông Cựu Hội Đồng Địa Hạt Nguyễn văn Lai.

Tại đàn nầy, quan Phủ Nguyễn ngọc Tương và Ngài Lê văn Lịch luân phiên chứng đàn, hai Ông Ca minh Chương và Phạm văn Tươi làm phò loan; còn việc sắp đặt thờ cúng có quí Ông Lê văn Tiếp, Nguyễn văn Nhơn, Phạm văn Tỷ và Võ văn Kỉnh.

Ngày 4–3–1933 (âl 9–2–Quí Dậu), Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung và Đức Phạm Hộ Pháp ra Đạo Nghị Định giao cho Ngài Thời Quân Hiến Đạo làm Quyền Chưởng Pháp CTĐ trong lúc CTĐ đang khuyết Chức sắc ở phẩm vị nầy.

Cuối năm Bính Tuất (1946), Đức Phạm Hộ Pháp thành lập Hội Thánh Phước Thiện, có bổ nhiệm Ngài Hiến Đạo Phạm văn Tươi làm Thống Quản Cơ Quan Phước Thiện.

Qua đầu năm 1947, Tết Đinh Hợi, Ngài trở về quê nhà ở Cần Giuộc, rồi vì thời cuộc nên Ngài bị kẹt luôn không

trở lên Tòa Thánh hành đạo được.

Năm Kỷ Dậu (1969), Ngài Hiến Đạo Phạm văn Tươi được giao nhiệm vụ Phó Thống Quản Hội Thánh Phước Thiện Nan Nữ, theo Thánh Lịnh số 20/TLngày 3–7–Kỷ Dậu (dl15–8–1969) của Đức Thượng Sanh Cao hoài Sang, Chưởng quản Hiệp Thiên Đài.

Năm Tân Hợi (1971), Ngài Hiến Pháp Trương hữu Đức lên nắm Quyền Chưởng quản HTĐ, có ký Thánh Lịnh số 02/TL ngày 26–5–Tân Hợi (dl 18–6–1971), bổ nhiệm Ngài Hiến Đạo Phạm văn Tươi vào các chức vụ sau đây:

- Thống quản Phước Thiện Nam Nữ.
- Thống quản các cơ quan Tang Tế Sự, Nhạc, Lễ, Giáo Nhi, Đồng Nhi, Ban Tổng Trạo và Ban Thuyền Bát Nhã.
- Thống Quản Trí Huệ Cung.
- Trưởng Ban Cứu Thương và Ban Phòng Hỏa.

Ngài Hiến Đạo Phạm văn Tươi lãnh nhiệm vụ hành đạo theo Thánh Lịnh kể trên từ ngày 26–5–Tân Hợi (1971) cho đến ngày Liễu Đạo.

Ngài Hiến Đạo Phạm văn Tươi đăng Tiên tại tư gia ở địa chỉ số 21 đường Lý Nam Đế, Quận 5, Sài gòn, vào lúc 23 giờ đêm mùng 8–4 âl-Bính Thìn (dl 6–5–1976) (nhằm ngày vía Đức Phật Thích Ca và Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh), hưởng thọ 80 tuổi.

Ngài di chúc cho con cái an táng Ngài tại quê nhà ở xã Qui Đức, quận Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Vì tình hình Đạo Sự năm 1976 có nhiều khó khăn, nên Hội Thánh cũng tuân theo di chúc của Ngài Hiến Đạo. Hội Thánh cử Ngài Bảo Đạo Hồ tấn Khoa thay mặt Hội Thánh xuống tới gia đình của Ngài Hiến Đạo, đọc bài Điếu

văn tuyên dương công nghiệp của Ngài đối với Đạo và chia buồn cùng tang quyến.

Sau đây xin chép nguyên văn Bài Điếu văn nầy: (Tài liệu của Cải Trạng Lê minh Khuyên)

Điếu Văn của Bảo Đạo Hồ tấn Khoa, Quyền Chưởng quản HTĐ đọc trước phần mộ Cố Hiến Đạo Chơn Quân Phạm văn Tươi, Thống Quản Hội Thánh Phước Thiện, ngày 11–4–Bính Thìn (dl 9–5–1976):

Kính Chư Chức sắc, Chức việc, Hiệp Thiên, Cửu Trùng, Phước Thiện, và chư Tín hữu Nam Nữ,

Kính Quí Đại diện Chánh quyền Địa phương,

Kính Quí tang gia bửu quyến,

Kính Thân bằng cố hữu,

Kính Quí vị,

Trước cảnh đau khổ của toàn Đạo trong thời gian có mấy tháng, phải chịu đến 3 cái đại tang trong hàng Thập nhị Thời Quân, trước là 2 Anh lớn Hiến Pháp và Khai Đạo, và hiện nay lại đến phiên Anh lớn Hiến Đạo Chơn Quân, thì không có người Đạo nào khỏi ngậm ngùi mến tiếc.

Lẽ ra Hội Thánh phải rước Thánh hài của Anh lớn Hiến Đạo về Tòa Thánh hành lễ theo hàng Thập nhị Thời Quân để tri ân một vị Chức sắc Đại Thiên phong có công lớn góp sức xây dựng nền Đại Đạo buổi sơ khai.

Nhưng với đức độ khiêm tốn và vì không muốn làm cực khổ và tốn hao cho Hội Thánh trong lúc Đạo đang gặp cảnh khó khăn. Anh đã di chúc xin để cho gia đình hành lễ đơn giản nơi quê nhà, nên Hội Thánh không thể làm trái ý muốn cuối cùng của người quá cố.

Vì vậy mà hôm nay, tôi xin thay mặt toàn Hội Thánh

Hiệp Thiên, Cửu Trùng, Phước Thiện Nam Nữ cùng với một phái đoàn đại diện Hội Thánh tiễn đưa Anh lớn đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Đứng trước Thánh hài của Anh lớn, tôi xin nghiêng mình kính lễ, trước để tỏ lòng tri ân của toàn Đạo đối với một bậc tiền bối đã dày công gầy dựng nền Đại Đạo và cũng để lời chơn thành phân ưu cùng tang quyến.

Nhớ buổi xưa, với tài năng học lực của Anh lớn lúc thi đỗ ra trường, Anh có thể như bao nhiêu bạn khác, chọn một ngành nào đó có quyền thế hay lợi lộc nhiều, nhưng Anh lại chọn vào Ty Giáo Huấn là một ngành mà buổi đó tâm lý quần chúng thường coi rẻ và gán cho danh từ là nghề gõ đầu trẻ. Nhưng với một tinh thần cao thượng, một đức độ khó bì, một tấm lòng vị tha yêu ái đoàn hậu tấn, nên Anh đem hết kiếp sanh để đào tạo cho xứ sở đất nước những thanh niên ưu tú, trong số đó có nhiều vị đã từng tranh đấu giải ách nộ lệ cho dân tộc, xây dựng một nước VN độc lập, dân chủ, hòa bình và thống nhứt, và hiện nay đang lo kiến thiết tổ quốc được vinh quang và giàu mạnh.

Đang lúc Anh đang âm thầm làm một sứ mạng cao cả mà buổi ấy không ai nghĩ đến, thì vào năm 1926–1927, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát đến mở đạo ở VN thì do đại căn mà Anh được Đức Chí Tôn chọn đi phò loan chung với Cụ Ca minh Chương, sau đắc phong Bảo Đạo và với Anh lớn Phạm tấn Đãi, sau đắc phong Khai Đạo để phổ độ chúng sanh.

Nhận thấy huyền diệu thiêng liêng và đặc biệt tánh cách dân tộc và tinh thần hy sinh phục vụ nhơn sanh của nền Đại Đạo rất hạp với tánh đức yêu đời, yêu nòi giống của Anh, nên Anh cùng với các bậc tiền bối khác, không nại gian lao

khổ cực, ngày đi dạy học, tối lại thức sáng đêm đi khắp nơi phò loan phổ độ nhơn sanh. Chỗ xa thì đi xe, còn chỗ gần thì đi xe đạp hoặc đi bộ, hễ hết giờ làm việc thì lo ăn cơm gấp rút, rồi lo sửa sang nang thác lên đường cho đến sáng ngày hôm sau mới về nhà, tắm rửa xong, lại đến trường dạy học, như vậy năm nầy tháng nọ không bao giờ sờn lòng nãn chí.

Công đức đó không sao tả xiết và từ nay cho đến ngày sau, những ai núp bóng mát cửa từ bi của nền Đại Đạo, không bao giờ quên công to đó đặng.

Đến khi tuổi quá 70, lẽ ra Anh được an nghỉ tuổi già, nhưng Anh lại về Tòa Thánh góp phần gánh vác nghiệp Đạo với nhiệm vụ Thống Quản Phước Thiện và cơ quan Tang tế Sự, đồng thời điều hành 3 Cung: Trí Huệ, Trí Giác, và Vạn Pháp.

Những tưởng còn góp sức già đỡ nâng nghiệp Đạo trong cơn thử thách nầy, nào ngờ cơ thể suy kiệt lần đưa đến chứng bịnh nan y, mặc dầu chạy chữa đủ phương, Anh phải theo 2 Anh Hiến Pháp và Khai Đạo, về chầu Đức Đại Từ Phụ và Đại Từ Mẫu, bỏ lại đàn em bơ vơ như gà mất mẹ, lưu lại biết bao mến tiếc của toàn đạo và nhớ thương của gia đình.

Vẫn biết theo thế thường, có chi đau buồn hơn cảnh tử biệt sinh ly, nhưng đối với Anh thì đã làm tròn Thiên chức, công viên quả mãn, đắc vị thiêng liêng, thì chúng ta cũng tự an ủi rằng được một người Anh xứng đáng.

Một lần nữa, tôi xin thành thật chia buồn cùng tang quyến và thành tâm cầu nguyện xin Đức Chí Tôn và các Đấng ban ơn lành cho Anh đặng cao thăng Thiên vị, thường giáng Chơn linh hộ trì đàn em hành đạo cho vuông tròn.

Xin Anh hiển linh chứng chiếu tấm lòng thành của tất cả đàn em đang ngưỡng mộ.

Bảo Đạo Hồ tấn Khoa

Ngài Hiến Đạo Phạm văn Tươi có lưu lại tập sách mỏng tựa đề "*TIẾNG GỌI*" do Ông Giáo Hữu Thượng Tư Thanh, Tổng Quản Văn phòng Hiến Đạo, cùng các nhân viên trực thuộc tạo thành, bằng cách gom góp các bài giảng đạo, các bài diễn văn và huấn từ của Ngài trong suốt 3 năm từ 1970 đến 1972.

Ngài Hiến Đạo Phạm văn Tươi có bút hiệu là Lạc Nhân, nhưng Ngài rất ít làm thơ. Chúng tôi sưu tập được một bài thơ đường luật của Ngài, họa vận bài thơ Xuân Tân Hợi của Hội Thánh CTĐ:

Đất nước Xuân về mấy độ qua,
Toàn dân trông ngóng cảnh bình hòa.
Ruộng dâu hóa bể đầy kinh ngạc,
Dòng nước chưa thanh chảy bến hà.
Thương kẻ tuổi xanh còn nặng nợ,
Xót vì nhiệm vụ phải ly gia.
Ước mong đến buổi hòa ngưng chiến,
Cho vợ gặp chồng, con gặp cha.

HIẾN ĐẠO

(Xuân Tân Hợi 1971)

Trong dịp Lễ Khánh Thành Thánh Thất Cần Giuộc ngày 21–2–Nhâm Tý (dl 4–4–1972), Ngài Hiến Đạo Phạm văn Tươi, thay mặt Hội Thánh HTĐ đến dự lễ, có đọc một bài diễn văn, trong đó nhắc lại lúc Đạo Cao Đài mới mở tại Cần Giuộc, trích ra sau đây:

"*Hồi ức lại hơn 45 năm về trước, lúc Đạo mới phôi thai, cố Tri Phủ Nguyễn ngọc Tương, lúc bấy giờ làm Quận Trưởng Quận Cần Giuộc, là người có trọng trách truyền đạo nơi đây.*

Ông Phạm tấn Đãi, Ông Trương thế Ngộ và tôi được Đức Chí Tôn thâu nhận làm môn đệ, để hiệp cùng Ông Nguyễn

ngọc Tương phổ thông Chơn Đạo.

Kế đến Ông Ca minh Chương, cựu giáo chức, cũng được đứng vào hàng ngũ chúng tôi.

Chính nơi đây, Đạo được khai mở trước nhứt và thâu nhận một số tín đồ đông nhứt.

Chúng tôi là những trong giáo giới, ban ngày thì đi dạy học, ban đêm mới rảnh việc, cùng đi với Ông Nguyễn ngọc Tương khai đàn thượng tượng, thâu nhận tín đồ. Suốt một năm trường, đêm nào cũng như đêm nấy, chẳng quản gió sương, bùn lầy nước lội, gai gốc cũng qua, chúng tôi từ xã ấp nầy sang xã ấp kia, một niềm tin tưởng mãnh liệt, nghe theo tiếng gọi thiêng liêng, khuyên nhủ đồng bào theo đường Chánh giáo, mở rộng Đạo Trời.

Âu cũng là cơ duyên hiếm có giúp chúng tôi lập được công quả và sớm lập vị mình.

Ngày qua tháng lại, Đạo dần dần mở rộng như vết dầu loang, từ quận Cần Giuộc đến Rạch Kiến, Rạch Đào, Rạch Núi, Gò Đen, Cần Đước trong tỉnh Chợ Lớn, rồi tràn qua tỉnh Gò Công, Mỹ Tho, Bến Tre.

Lẽ cố nhiên chánh quyền Pháp không muốn Đạo được bành trướng mau chóng với một số tín đồ quá đông, bèn đặt kế hoạch bài trừ. Một mặt phân tán mấy người có nhiệm vụ trọng yếu trong Đạo, một mặt khủng bố tín đồ, làm khó dễ trăm bề, hăm he dọa nạt đến điều.

Chúng tôi vốn là công chức, cùng chung số phận với Ông Quận trưởng Nguyễn ngọc Tương, bị đổi đi xa, một người một nơi, cách trở gia đình.

Âu cũng là cái may cho Đạo, hột giống Đạo được đem rải trên đất mới. Thế là Đạo được mở rộng châu vi hoạt động. Thiệt là "tình cờ chẳng hẹn mà nên".

Rồi bắt đầu từ đó, Đạo càng ngày càng tiến mãi, mặc dầu gặp nhiều khó khăn trở ngại cũng vượt qua khỏi, là do tinh thần nhẫn nại và lòng hy sinh vô bờ bến của phần nhiều chư Đạo hữu.

Trải bao nhiêu năm biến chuyển thăng trầm, Đạo được tô điểm mang sắc thái ngày hôm nay, ấy cũng nhờ các vị tiền bối đã dày công xây dựng nghiệp Đạo.

Nói đến tiền bối, ở đây chúng tôi không khỏi bồi hồi nhắc đến Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt, nơi chôn nhao cắt rún của Đức Ngài cách đây cũng không xa. Đức Ngài buổi sanh tiền, sau khi được Đức Chí Tôn nhận làm môn đệ, một lòng tin tưởng nơi Đấng Đại Từ Phụ, tận tụy hành Đạo, đi khắp đó đây gieo hột giống lành, chịu trăm đắng ngàn cay, nhiều điều hổ nhục, mang tiếng thị phi, người đời mai mỉa. Chúng tôi còn nhớ hình bóng Đức Ngài, mặc dầu tuổi cao, cũng có lúc cùng chúng tôi, cùng lặn lội bùn lầy, cùng vày đạp chông gai, để đến tận một nơi xa trong làng mạc, thiết lễ lập đàn cho thiện nam tín nữ cầu Đạo. Thiệt là một bực Đại Đức có công to trong nền Đạo.

Còn 2 vị nữa, đối với chúng tôi, trước là bạn thâm giao, sau là người đồng Đạo: Cố Quận Trưởng Nguyễn ngọc Tương thọ Thiên ân Quyền Thượng Đầu Sư, là một trong những người rường cột của Đạo lúc ban sơ; thứ đến là Cố Giáo viên Ca minh Chương, tức Bảo Đạo HTĐ, là người có công buổi đầu trong Đạo. Nay gặp dịp may, chúng tôi trở về cảnh cũ, chạnh nhớ đến người xưa, tình đồng Đạo, nghĩa kim bằng, vắng bóng cố nhân, lòng nào mà chẳng não lòng."

KHAI ĐẠO
PHẠM TẤN ĐÃI
(1901–1976)

Tiểu sử của Ngài Khai Đạo Phạm tấn Đãi được Ngài Bảo Đạo Hồ tấn Khoa viết rất rõ trong Bản Tuyên Dương Công Nghiệp, xin chép nguyên văn ra sau đây:

BẢN TUYÊN DƯƠNG CÔNG NGHIỆP

Hiền Huynh KHAI ĐẠO,
Quyền Chưởng quản HTĐ,

Tòa Thánh Tây Ninh

Kính Hội Thánh Hiệp Thiên, Cửu Trùng và Phước Thiện.

Kính Chư Chức sắc Thiên phong, Chức việc và toàn Đạo Nam Nữ,

Kính Quí vị,

Hiền huynh KHAI ĐẠO CHƠN QUÂN PHẠM TẤN ĐÃI, Quyền Chưởng quản HTĐ đã qui Thiên lúc 21 giờ 10 ngày 19–2–Bính Thìn (dl 19–3–1976), hưởng thọ 76 tuổi.

Tin đột ngột nầy làm sửng sờ toàn thể Hội Thánh và bổn đạo vì buổi sáng cùng ngày, Người vẫn còn ngồi trong thành phần Chủ Tọa Đoàn phiên họp Hội Thánh Lưỡng Đài tại Giáo Tông Đường, và sau buổi họp, Người chỉ mệt xoàng, rồi đến chiều là trút hơi thở cuối cùng, nhẹ tách ra đi về chầu Ngọc Hư phục lịnh.

Nhơn danh Hội Thánh HTĐ, tôi xin trân trọng tuyên dương công nghiệp của Hiền huynh Thời Quân Khai Đạo về hai mặt Đạo lẫn Đời như sau:

Hiền huynh Phạn tấn Đãi, tộc danh là Thuộc, và Đạo hiệu là Trí Thanh, sanh ngày 28–7–Tân Sửu (dl 10–9–1901) tại làng Mỹ Lệ, quận Cần Đước, tỉnh Chợ Lớn.

Thân phụ của Người là Ông Phạm thành Thiệt, được Thiên phong Giáo Hữu, sau khi nhập môn cầu Đạo, thăng lần đến phẩm Phối Sư Phái Thượng.

Thân mẫu là Bà Nguyễn thị Ruộng, cũng được thọ Thiên ân Giáo Hữu, quê quán ở Chợ Trạm làng Mỹ Lệ.

Thuở thiếu thời, Người đã theo học các trường: Chợ Trạm, Trường Cần Giuộc, Trường Richaud, Trường Xã

Tây Chợ Lớn, Trường Trung học Chasseloup Laubat, và Trường Trung học Nguyễn Xích Hồng.

Vì lẽ nội tổ không khứng cho con cháu mình làm việc cho Chánh phủ Pháp, nên sau khi ra trường, Người chỉ giúp việc cho người chú bà con có nhà máy xay lúa ở Bình Đông Chợ Lớn.

Năm 1920, ông chú qua đời, Người nghỉ việc và xin phép nội tổ đi dạy học. Được chấp thuận, Người mới xin vào ngạch Giáo viên, được bổ dạy ở trường Phú Lâm (Chợ Lớn).

Năm 1921, đổi về dạy tại Cần Giuộc.

Năm 1923, sang dạy ở Rạch Kiến. Lúc ấy nhằm năm bắt thăm đi lính, Người bị trúng thăm số 1. Để muốn khỏi đi lính, Người phải làm tờ giao kèo tình nguyện hành nghề Giáo viên trong 10 năm mới đặng miễn dịch.

Thời gian dạy học, vì có tánh cương trực, không bợ đỡ, nên bị nhà cầm quyền đổi đi nhiều chỗ, không ở nơi nào dạy học được trên 3 năm, và rốt cuộc bị đưa về dạy ở vùng xa xôi Đức Hòa.

Trong lúc ấy, Người thường có đi dự nhiều cuộc hội họp diễn thuyết của các đoàn thể xã hội, đặng quen biết với các Ông Phạm văn Tươi Đốc học, Ông Nguyễn ngọc Tương Chủ Quận Cần Giuộc, vv...

Vào ngày thứ bảy, 19–12–1925 (âl 4–11–Ất Sửu), Người được Ông Phủ Tương mời đến dự Lễ Khai Đàn, có rất đông viên chức đến dự. Đêm ấy, Đức Chí Tôn giáng dạy cho mỗi người một bài thi 4 câu, và riêng Người thì Đức Chí Tôn cho 4 câu thi như sau:

THI:

Dằn lòng len lỏi hãy qui y,

Nay gặp Ta đây đã đến kỳ.
Oanh liệt hồng trần e phải khổ,
Tầm đường đạo đức tránh đường nguy.

Và đúng một tuần sau, thứ bảy, ngày 26–12–1925 (âl 11–11–Ất Sửu), các Ông ấy đến tư gia của Người để Khai đàn thượng tượng cầu các Đấng.

Đêm ấy, Đức Chí Tôn giáng dạy Đạo và thâu nhận nhập môn, có cho Người một bài thi:

THI:

Nên gầy đạo đức đặng hồi nguyên,
Un đúc trẻ thơ sửa tánh hiền.
Nương bút Thiên cơ lo độ chúng,
Dìu người gắng sức đến rừng thiền.

Và ngày ấy là ngày Người nhập môn cầu Đạo.

Sau ngày nhập môn, Người cùng Ông Đốc học Tươi tập cầm cơ hằng tháng mới viết ra chữ và thi phú.

Ngày Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền HTĐ, 12–Giêng-Đinh Mão (dl 13–2–1927), Đức Chí Tôn phong Ngài Phạm tấn Đãi chức Khai Đạo HTĐ.

Từ ngày ấy, Người cùng Ông Đốc học Phạm văn Tươi đắc phong Hiến Đạo HTĐ, cầm cơ cho các Đấng thâu nhận nhơn sanh nhập môn vào Đạo, trong những ngày nghỉ làm việc ở nhà trường: Thứ năm, Chúa nhựt và dịp bãi trường, có sự chứng đàn của Ông Thượng Chánh Phối Sư Thượng Tương Thanh, Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt, cùng nhiều Chức sắc khác.

Ngày 11–2–1933 (âl 17–Giêng–Quí Dậu), Đức Quyền Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp đồng ký tên ra Thông Tri thăng phẩm Quyền Đầu Sư cho 3 vị Chánh Phối Sư: Thái

Thơ Thanh, Thượng Tương Thanh và Ngọc Trang Thanh.

Như vậy 3 phẩm Chánh Phối Sư bị khuyết, nên tạm cử 3 vị Thời Quân HTĐ vào hàng Khai qua CTĐ nắm quyền 3 Chánh Phối Sư (viết tắt CPS):

"Việc giao quyền hành Chánh Phối Sư cho 3 Chức sắc HTĐ là việc mà Hội Thánh mới định hôm kỳ nhóm ngày mùng 9 tháng Giêng, nhằm 4–3–1933. Ba Chức sắc ấy là:

– Khai Thế Thái văn Thâu, lãnh phận sự Thượng CPS.

– Khai Pháp Trần duy Nghĩa, lãnh phận sự Ngọc CPS.

– Khai Đạo Phạm tấn Đãi, lãnh phận sự Thái CPS."

Thời gian ấy, nhà cầm quyền Pháp làm khó khăn đối với Đạo, nhưng Người vẫn vừa dạy học theo khế ước, vừa lặn lội về Tòa Thánh hành đạo trong những ngày nghỉ lễ, cho đến năm 1936.

Ngày 5–4–1945, sau khi Pháp bị Nhựt bổn đạo chánh, Người về ở luôn Tòa Thánh hành đạo, qui tụ chư Chức sắc lo sửa chữa các dinh thự bị hư sập.

Cuối năm 1945, Nhựt bổn đầu hàng Đồng Minh, Pháp trở lại VN, đem quâm chiếm Tây Ninh. Ngài Khai Đạo hiệp cùng Ông Phối Sư Thái Khý Thanh, người gốc Đường nhơn, lo bảo thủ Tòa Thánh khỏi sự chiếm đóng của Pháp.

Tháng 8 năm Bính Tuất (1946), Đức Phạm Hộ Pháp hồi loan. Đức Ngài liền ra Thánh lịnh số 3/TL ngày 17–9–1946 (âl 22–8–Bính Tuất), giao trách vụ Quyền Ngọc Chánh Phối Sư cho Người và kiêm luôn Thống Quản Cơ Quan PT.

– Thánh lịnh số 10/TL ngày 4–10–1946 (âl 10–9–Bính Tuất) giao nhiệm vụ giao tiếp với nhà cầm quyền Pháp.

– Năm 1949, Thánh lịnh số 17/TL ngày 11–11–1949 (âl 21–9–Kỷ Sửu), giao trả quyền Ngọc Chánh Phối Sư lại

cho CTĐ và trở về HTĐ lãnh nhiệm vụ Giám Đốc Hạnh Đường, hiệp cùng 4 vị Thời Quân khác lo phần đào luyện Chức sắc.

– Năm 1952, Thánh Lịnh số 37/TL ngày 11–4–Nhâm Thìn (dl 4–5–1952), một lần nữa qua CTĐ lãnh trách vụ Quyền Ngọc Chánh Phối Sư.

– Năm 1955, Thánh lịnh số 54/TL ngày 27–3–1955 (âl 4–3–Ất Mùi), giao quyền Tam Đầu Chế HTĐ và cuối năm 1955, sau khi xin nghỉ dưỡng bịnh 6 tháng, trở lại hành sự. Người giao trả quyền Ngọc Chánh Phối Sư lại cho CTĐ.

– Đầu năm 1956, Đức Phạm Hộ Pháp rời Tòa Thánh đi Kim Biên, và tháng 3 năm 1957, Hội Thánh CTĐ và Phước Thiện hiệp nhau làm Tờ yêu cầu Đại huynh Thượng Sanh và chư vị Thời Quân về Tòa Thánh cầm giềng mối Đạo.

– Năm 1957, Đạo lịnh số 1/ĐL ngày 19–4–Đinh Dậu (dl 18–5–1957), phân công mỗi vị Thời Quân lãnh phận sự HTĐ cùng chư vị Thượng Thống Cửu Viện trao đổi ý kiến giúp hay cho Hội Thánh CTĐ.

– Đạo lịnh số 4/ĐL ngày 6–5–Đinh Dậu (dl 3–6–1957), tạm cầm quyền Ngọc Chánh Phối Sư, thay thế Ông Ngọc Non Thanh. Đây là lần thứ 3 mà Người qua cầm quyền Ngọc Chánh Phối Sư bên CTĐ.

– Đạo lịnh số 30/ĐL ngày 27–6–Đinh Dậu (dl 24–7–1957), Hội Thánh HTĐ và CTĐ lập Tờ Ủy quyền cho Ngài Khai Đạo thay mặt Hội Thánh đứng bộ những bất động sản của Đạo mua.

– Vi Bằng số 28/VB ngày 21–8–1957 (âl 26–7–Đinh Dậu), đề cử Người làm Trưởng Phái Đoàn viếng các địa phương Nam và Trung Tông Đạo.

– Năm 1958, Đạo lịnh số 29/ĐL ngày 9–6–Mậu Tuất

(dl 25–7–1958), giao cho Ngài Khai Đạo điều khiển Cơ Quan Phước Thiện.

– Đạo lịnh số 30/ĐL ngày 9–6–Mậu Tuất (dl 25–7–1958), giao quyền Đại diện HTĐ giao thiệp với Chánh phủ.

– Năm 1961, Đạo lịnh số 1/ĐL ngày 22–10–Tân Sửu (dl 29–11–1961), giao quyền Thống quản 4 vụ: Hộ, Lương, Nông (Kinh tế và Kỹ Nghệ) và Chẩn Tế vụ.

– Năm 1962, Đạo lịnh số 29/ĐL ngày 12–8–Nhâm Dần (dl 10–9–1962), giao cho Ngài Khai Đạo chăm lo về mặt Đạo với quyền hành như sau:

- Ngoài phận sự điều khiển CQPT, Ông lãnh nhiệm vụ chăm lo về Tịnh Thất và Thánh Thất.
- Người có quyền biện hộ cho những Chức sắc nào lỡ lầm phạm tội bị đưa ra Tòa Tam Giáo. Ông cũng có phận sự khuyên lơn, ngăn ngừa những người Đạo vô tình hay cố ý sa ngã vi phạm pháp luật Đạo.
- Nếu có sự lộn xộn ở địa phương nào làm tổn thương đến nền Đạo thì Ông sẽ hiệp với Thượng Chánh Phối Sư thân hành đến đó trấn an nhơn tâm.
- Được thay mặt cho HTĐ kiểm soát các cơ quan Giáo Huấn Chức sắc CTĐ và PT, vì Giáo Huấn là thuộc quyền của HTĐ. (Đạo Luật Mậu Dần trang 18, Điều 7: Về Hạnh đường).

– Đạo lịnh số 30/ĐL ngày 12–8–Nhâm Dần (dl 10–9–1962), giao trọn quyền điều khiển CQPT kiêm luôn các Cơ quan Lễ, Nhạc, Đồng Nhi và Ban Thuyền Bát Nhã.

– Năm 1963, Đạo lịnh số 11/ĐL, ngày 18–3–Quí Mão (dl 11–4–1963), giao nhiệm vụ Kiểm soát Chương trình và Bài giảng nơi Hạnh đường.

– Năm 1965, Đạo lịnh số 42/ĐL ngày 12–9–Ất Tỵ (dl

6–10–1965), làm Trưởng ban Kiểm soát Hỗn hợp tài sản Đạo.

– Năm 1967, Thánh Lịnh số 14/TL, ngày 19–Giêng-Đinh Mùi (dl 27–2–1967), giao nhiệm vụ Thống Quản Hội Thánh PT Nam Nữ, kiêm nhiệm Trưởng ban Kiểm soát Hỗn hợp tài sản của Đạo.

– Thánh Lịnh số 3/TL ngày 28–11–Đinh Mùi (dl 29–12–1967), làm Giám Đốc Cơ quan Phát Thanh Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

– Năm 1969, Thánh Lịnh số 13/TL ngày 28–11–Mậu Thân (dl 16–1–1969), Chủ Tọa Tòa HTĐ thay thế cho vị Thời Quân Bảo Thế.

– Năm 1971, Thánh Lịnh số 6/TL ngày 6–12–Canh Tuất (dl 2–1–1971), làm Trưởng Ban Nghiên cứu kế hoạch xây cất Đạo Đức Đại Học Đường.

– Thánh Lịnh số 3/TL ngày 26–5–Tân Hợi (dl 18–6–1971):

- Chưởng quản Bộ Pháp Chánh.
- Thống quản Vạn Pháp Cung.
- Trưởng ban Đạo Sử và Thư Viện.

– Thánh Lịnh số 19/TL ngày 10–10–Tân Hợi (dl 27–11–1971), Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Viện Đại Học Cao Đài.

– Năm 1972, Thánh Lịnh số 33/TL ngày 4–12–Tân Hợi (dl 19–1–1972), Quyền Viện Trưởng Viện Đại Học Cao Đài.

– Năm 1973, Thánh Lịnh số 61/TL, ngày 19–6–Quí Sửu (dl 18–7–1973), làm Chủ Tọa Hội Đồng Kiểm Án HTĐ.

– Đầu năm 1976, sau khi Đại huynh Hiến Pháp Chưởng quản HTĐ đăng Tiên, trong phiên họp khoáng đại Hội Thánh HTĐ ngày 21–12–Ất Mão (dl 21–1–1976), toàn thể Chức sắc HTĐ đồng ý với nhị vị Thời Quân Hiến Đạo và

Bảo Đạo, giao nhiệm vụ Quyền Chưởng quản HTĐ cho Thời Quân Khai Đạo; và do Thánh giáo tại Cung Đạo Đền Thánh đêm 23–12–Ất Mão (dl 23–1–1976), Đức Phạm Hộ Pháp đã chấp nhận cho Người lãnh trọng trách nầy. Lễ Tấn phong Quyền Chưởng quản HTĐ cho Người đã cử hành long trọng tại Đền Thánh ngày 19–1–Bính Thìn (dl 18–2–1976), và chỉ trong thời gian ngắn ngủi, tròn một tháng hành quyền Chưởng quản, Người đã trở lại ngôi Thiên, để cả cơ đồ HTĐ lại cho bao người đang bỡ ngỡ.

Kính thưa Quí vị,

Từ ngày Khai Đạo và suốt hơn 50 năm liên tục hành đạo, Người đã có mặt hầu hết trong mọi biến chuyển thăng trầm của cơ Đạo. Với rất nhiều nhiệm vụ khá nặng nhọc kể trên, Người đã gồng gánh và cố gắng làm tròn sứ mạng đã được phú giao, và những thành quả tốt đẹp như Viện Đại Học Cao Đài, Cơ quan Phát Thanh Phổ Thông Giáo Lý, Ban Đạo Sử, đã nói lên thực tiễn việc làm của Người.

Nhìn sự việc, chúng ta vô cùng mến tiếc và nguyện dốc sức tiếp tục chung trí hiệp tâm lo xây dựng và bảo tồn nghiệp Đạo đến ngày thành công rực rỡ, để khỏi phụ lòng các bậc tiền nhân đã khổ công xây dựng.

Trước khi dứt lời, tôi xin thành khẩn cầu nguyện Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng liêng ban hồng ân cho Hiền huynh Khai Đạo được cao thăng Thiên vị và rất mong Hiền huynh niệm tình đồng đạo, vùa trợ chúng tôi trên bước đường hành đạo.

Tòa Thánh, ngày 22 tháng 2 năm Bính Thìn.

(dl 22–3–1976)

TM. Hội Thánh

BẢO ĐẠO

Hồ tấn Khoa

(ấn ký)

Ngài Khai Đạo Phạm tấn Đãi đăng Tiên lúc 9 giờ 10 phút tối ngày 19–2–Bính Thìn (dl 19–3–1976), thì ngay chiều hôm sau, ngày 20–2–Bính Thìn, Ngài giáng cơ tại Giáo Tông Đường, cho bài Thánh giáo sau đây:

1. THÁNH GIÁO CỦA NGÀI KHAI ĐẠO

Giáng tại Giáo Tông Đường ngày 20–2–Bính Thìn.

KHAI ĐẠO

Xin chào Bảo Đạo, Đầu Sư, chư Chức sắc Nam Nữ có mặt nơi đây.

Bần tăng được lịnh về gấp, các bạn chớ thắc mắc về sự qui Tiên gấp của Bần tăng, bởi có lịnh Ngọc Hư. Một điều đáng tiếc là Bần tăng lãnh lịnh của Ngự Mã Quân Hộ Pháp Chưởng quản HTĐ mà chưa thực hành gì cả.

Như vậy, Hiền huynh Bảo Đạo và Hiến Đạo tiếp tục chung tâm hiệp trí lãnh đạo HTĐ y theo lời dạy của Đức Hộ Pháp. Nếu Hiến Đạo vì bịnh không thể thường trực tại Tòa Thánh thì Hiền huynh Bảo Đạo nhận Quyền Chưởng quản HTĐ thế cho Bần tăng và cứ thực hành y theo lời chỉ giáo của Đức Ngài tại Cung Đạo.

Đức Hộ Pháp căn dặn chư Thời Quân còn tại thế cố bảo thủ Chơn truyền và Đạo pháp vì chư Chức sắc Lưỡng Đài hành đạo ngoài lời dạy của Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng liêng từ ngày Khai Đạo, vi phạm Thiên điều, bị Thần Thánh lánh xa không ủng hộ, bằng cớ cho Kim Quan Sứ ra lịnh Quỉ Vương cám dỗ và thâu làm môn đệ là khác. Chừng ấy công nghiệp khổ hạnh của chư Chức sắc đều bị phế bỏ hết.

Vậy Bảo Đạo Hiền huynh cần mạnh dạng nhắc nhở

Chức sắc HTĐ cố gìn giữ luật pháp, đó là đặc ân đối với Chức sắc Nam Nữ chớ có gì e ngại!

Đức Hộ Pháp dặn Bảo Đạo và Hiến Đạo cố dìu dẫn Hội Thánh PT và bắt buộc họ phải thi hành Phước Thiện theo Đạo luật đã ấn định. Nếu sai lạc chủ nghĩa phước thiện là chư Chức sắc Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng phế vong trách nhiệm, bị Thiên điều trừng trị mà còn bị án bất tuân lịnh của Đức Hộ Pháp mà chớ.

Bần tăng bảo rằng, chúng cố thực hành cho chính chắn, sau nầy sẽ thấy thành công mỹ mãn mà cũng chính Đức Hộ Pháp tuyên dương công nghiệp tại Ngọc Hư Cung đó.

Về bài thài, đợi Bần tăng thương lượng rồi sẽ gởi.

Xin kiếu. Thăng.

▸ **Tái cầu:**

THÁNH HIỂN

Xin chào chư Hiền huynh Bảo Đạo, Ngọc Đầu Sư, chư Chức sắc Nam Nữ Lưỡng Đài.

Tệ Thánh vâng lịnh Hiền huynh Khai Đạo đem 4 câu thài sau đây:

KHAI mở Cao Đài độ chúng sanh,
ĐẠO mầu giải thoát giống dân lành.
CHƠN truyền cố vẹn, Đạo nhà vững,
QUÂN chủ dân quyền dứt chiến tranh.

Thăng.

2. THI VĂN CỦA NGÀI KHAI ĐẠO:

Thuở sinh tiền, Ngài Khai Đạo ít làm thơ. Sau đây xin chép vài bài thi của Ngài mà chúng tôi sưu tầm được:

- Họa vận bài thi "CHỮ BẦN "của Ngài Bảo Pháp:

Chịu tiếng thế gian gọi Đạo bần,
Mang bầu quẩy gậy đẩy đưa chân.
Ly gia thưởng thức mùi Đạo sự,
Giải thoát dây oan phủi nợ nần.
Gắng chí dồi mài thành Đạo sĩ,
Bền gan luyện tập đặng hiền nhân.
Khai đường giác thế mong đời tỉnh,
Độ dẫn quần sinh lánh bợn trần.

Khai Đạo Phạm tấn Đãi.

• Sau đây là bức thơ của Ngài Khai Đạo gởi Giám Đạo Nguyễn huợt Hải (đã qui vị ngày 26–12–Canh Dần, dl 2–2–1951).

Tòa Thánh, ngày 22–Giêng-Tân Mão (dl 27–2–1951)

(Năm Đạo thứ 26)

KHAI ĐẠO
PHẠM TẤN ĐÃI

Kính gởi: Ngài Giám Đạo Nguyễn huợt Hải.

Cầu xin cho biết rành tiền căn huynh đệ nơi cảnh thiêng liêng, tên mỗi người, coi còn ai nữa trong kiến họ Brahma Vichnou và cầu xin Hiền hữu họa nguyên vận bài thi của Bần sĩ làm để khóc Hiền hữu trong khi ly biệt Âm Dương hai ngã. Có lẽ phải chịu vắng hình vắng bóng, chớ lời lẽ qua lại hãy còn hoài.

THI:
Hiền đệ qui Thiên để mối sầu,
Tiền căn dan díu khóc canh thâu.
Nhớ lời mấy lúc cùng vui hứng,
Nhắn gọi bao lần chỗ thảm sầu.
Khuất bóng thông truyền vì cảnh giới,

Xót xa tiếng luận phải đương đầu.
Lòng ai đoái tưởng xin phò hộ,
Giám Đạo họa cùng mấy giọt châu.

KHAI ĐẠO PHẠM TẤN ĐÃI.

Sau đây là bài giáng cơ trả lời của Ngài Giám Đạo Nguyễn huợt Hải:

- PHÒ LOAN: Nhung–Nguyên.

Ngày 22–1–Tân Mão.

GIÁM ĐẠO NGUYỄN HUỢT HẢI

Cười... Lúc nảy Ngài Khai Đạo trông tin trả lời mà mấy "*toi*" không nói giùm... ... .

Còn việc Ngài Khai Đạo hỏi thì tên của Ông KHÝ và của "*moi*" ổng đã biết.

Tên của Ông LỢI là Brahma Vhrinich, Cô NHÂM là Brahma Prech, con của vua Brahma Itichnhon vào lúc năm 752, đệ tử của dòng Brahma Darma. Trong kiến họ tại đây không còn ai nữa.

Nhung, tịnh thêm chút nữa để họa thi:

HỌA:
Cảnh đọa tay chia luống nhớ sầu,
Tình huynh nghĩa đệ mấy trăng thâu.
Canh khuya nhìn ngọn hoa đăng cạn,
Trống nhặt nhỏ hình nhạn bút sầu.
Một thuở tương rau nên hiệp mặt,
Đôi khi muối tuyết đã chung đầu.
Hữu vô hai ngã đành ly biệt,
Đệ trở Thiên Cung bởi lịnh chầu.

Xin nhờ mấy "*toi*" biên rõ rồi chuyển cho Ngài Khai Đạo giùm. *(Tài liệu của Sĩ Tải Huỳnh văn Hưởng).*

Ngài Khai Đạo có họa vận bài Thi của Đức Thượng Sanh, ngày 12–6–Đinh Dậu (dl 29–6–1957):

Đạo Trời thử thách lúc chinh nghiêng,
Quyết chí tầm phương giữ vững thuyền.
Rán sức trở day theo máy tạo,
Tận tâm chèo chống đáp ân Thiên.
Từ bi nhẫn nại gương Tiên Phật,
Trung thứ khoan dung chí Thánh Hiền.
Mừng thấy thời cơ nhiều thuận tiện,
Muôn năm nghiệp Đạo để lưu truyền.

KHAI ĐẠO

TIẾP ĐẠO
CAO ĐỨC TRỌNG
(1897–1958)

Ngài Cao đức Trọng, sanh ngày 20–4–Đinh Dậu (dl 21–5–1897) tại làng Ích Thạnh quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định.

(Ngài là bào huynh của Đức Thượng Sanh Cao hoài Sang, nên phần gia thế, xin độc giả xem nơi Tiểu sử của Đức Thượng Sanh Cao hoài Sang ở phía trước).

Năm 1927, lúc Đức Phạm Hộ Pháp qua Nam Vang,

thủ đô nước Cao Miên để mở Đạo thì Đức Phạm Hộ Pháp ngụ tại nhà Ngài Cao đức Trọng. Ngài Cao đức Trọng lúc đó đang làm công chức nơi Sở Chưởng Khế tại Nam Vang.

Tại đây, Đức Chí Tôn giáng cơ thâu Ngài Cao đức Trọng và nhiều vị khác vào hàng môn đệ.

Đàn cơ ngày 27–7–1927 (âl 29–6–Đinh Mão), Đức Chí Tôn ân phong Ngài Cao đức Trọng vào chức Tiếp Đạo HTĐ. Ngài là vị Thời Quân được Đức Chí Tôn phong sau cùng trong số Thập nhị Thời Quân HTĐ.

Cũng trong Đàn cơ nầy, Đức Chí Tôn phong nhiều vị khác vào hàng Chức sắc CTĐ, và nhờ số Chức sắc đầu tiên nầy, Đức Phạm Hộ Pháp thành lập được Cơ Quan Truyền Giáo Hải Ngoại, giao cho Ngài Giáo Hữu Thượng Bảy Thanh (Lê văn Bảy) làm Chủ Trưởng, để rồi sau nầy trở thành Hội Thánh Ngoại Giáo, đặt dưới quyền điều khiển thiêng liêng của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo), với chức vụ Chưởng Đạo.

Từ năm 1938 đến năm 1942, Ngài Tiếp Đạo Cao đức Trọng được Đức Phạm Hộ Pháp bổ nhiệm làm Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo ở Kim Biên, Nam Vang.

Năm 1942, Đạo Cao Đài bị nhà cầm quyền Pháp khủng bố nặng nề, Tòa Thánh Tây Ninh bị quân đội Pháp chiếm đóng. Còn tại Nam Vang, Thánh Thất Kim Biên bị chiếm đoạt, quân Pháp phá quả Càn khôn thờ Đức Chí Tôn, đập phá các Long vị thờ chư Thần Thánh Tiên Phật. Ngài Cao Tiếp Đạo phải lánh nạn sang Thái Lan vào ngày 17–9–Nhâm Ngọ (26–10–1942).

Nhân dịp ở Thái Lan, Ngài Cao Tiếp Đạo phổ độ được một số ít người Thái Lan theo Đạo, gieo được một ít hột Thánh cốc nơi đất nước nầy.

Năm 1944, Ngài trở về VN, ngụ tại Sài gòn, hiệp cùng chư Chức sắc Thiên phong lo cơ phục hưng nền Đạo.

Ngày 4–8–Bính Tuất (dl 30–8–1946), chánh quyền Pháp đưa Đức Phạm Hộ Pháp từ hải đảo Madagascar trở về Tòa Thánh, sau 5 năm 2 tháng lưu đày, và liền sau đó, Đức Phạm Hộ Pháp tái thủ quyền hành, lo củng cố nền Đạo.

Ngài Cao Tiếp Đạo cũng trở về hành đạo tại Tòa Thánh Tây Ninh, được Đức Phạm Hộ Pháp cử giữ chức vụ Đổng Lý Văn phòng Hộ Pháp.

Sau đó, Ngài được Hội Thánh tạm cử vào chức vụ Quyền Thượng Chánh Phối Sư CTĐ để triệu tập Đại Hội Nhơn Sanh, tuyển chọn chư Chức sắc và Chức việc hữu công cùng Đạo xin cầu thăng và cầu phong, cho có đủ người hành đạo, mau gầy dựng trở lại cơ nghiệp Đạo.

Năm Quí Tỵ (1953), Thánh Lịnh số 281/TL cử Ngài Tiếp Đạo làm Cố Vấn Hành Chánh Đạo kiêm Nghị Trưởng Hội Đồng Kinh tế Châu Thành Thánh Địa (Thánh Lịnh số 150), và Ngài điều khiển Cơ Quan Truyền Giáo Hải Ngoại.

Năm Giáp Ngọ (1954), Ngài Cao Tiếp Đạo cầm quyền Thống Quản CQPT.

Năm Bính Thân (1956), sau khi Đức Phạm Hộ Pháp lưu vong qua Nam Vang (thủ đô nước Cao Miên), Ngài Cao Tiếp Đạo được Hội Thánh cử làm Đại diện Hội Thánh giao tiếp với Chánh phủ Ngô đình Diệm, xếp đặt ổn định việc Đạo. Ngài cùng với Ngài Bảo Thế Lê thiện Phước thảo luận với Ông Nguyễn ngọc Thơ, đại diện Chánh phủ Diệm, lập ra Thỏa Ước Bính Thân, qui định các điều khoản hành đạo của Đạo Cao Đài. (Xem chi tiết nơi Tiểu Sử Ngài Bảo Thế Lê thiện Phước)

Ngài Cao Tiếp Đạo được Chánh phủ Ngô đình Diệm

ủng hộ và thúc đẩy việc vận động với Hội Thánh rước Đức Thượng Sanh Cao hoài Sang (đang Ở Sài gòn) về Tòa Thánh Tây Ninh cầm giềng mối Đạo, thay thế Đức Phạm Hộ Pháp đang lưu vong nơi nước Cao Miên.

Với sự ủng hộ của Chánh quyền Ngô đình Diệm, vả lại Đức Thượng Sanh Cao hoài Sang là bào đệ của Ngài Cao Tiếp Đạo, nên việc vận động nầy thành công dễ dàng.

Tháng 5 năm 1957 (Đinh Dậu), Ngài Cao Tiếp Đạo hiệp cùng Đức Thượng Sanh và một số vị Thời Quân, từ Sài gòn về Tòa Thánh Tây Ninh cầm quyền điều khiển nền Đạo.

Mấy lúc sau nầy, Ngài Cao Tiếp Đạo lâm bịnh nặng, không ăn uống chi được, nên đến ngày 23–5–Mậu Tuất (dl 9–7–1958), Ngài qui vị hưởng thọ 62 tuổi.

Tang lễ được cử hành rất trọng thể tại Tòa Thánh Tây Ninh, theo hàng Thời Quân HTĐ, và liên đài kỵ long mã nhập Bửu tháp ở vùng đất Ao Hồ.

Sau khi qui vị, Ngài Cao Tiếp Đạo giáng cơ cho Bài thài Hiến lễ Ngài:

THI:
Cởi xác phàm vui lại cảnh Tiên,
Độ sanh phỉ hiệp tạo nên giềng.
Trường đời dầu chẳng tròn ân nghĩa,
Nợ Đạo rồi xong gác bút nghiên.
Cõi Thánh nhàn xem tranh đảnh Túy,
Chơn mây ngẩn chạnh bạn rừng thiền.
Từ đây dạo khắp trời non nước,
Nâng giúp quần sanh hưởng huệ duyên.

Thuở sinh tiền, Ngài Cao Tiếp Đạo là một nhà thơ lỗi lạc với bút hiệu là Huyền Quang. Năm 1950, Ngài lập Đạo Đức Văn Đàn, qui tụ các Chức sắc và tín đồ yêu mến thơ

văn của Đạo, gây được một phong trào thi văn nổi tiếng tại Tòa Thánh Tây Ninh. Phong trào này kéo dài được 2 năm thì có phần chựng lại vì Ngài Cao đức Trọng bận lo việc Đạo. Đến năm 1957, Ngài Bảo Pháp Nguyễn trung Hậu phục hồi sinh hoạt của Đạo Đức Văn Đàn.

Lúc sau nầy, Ngài Cao Tiếp Đạo lấy bút hiệu là Chánh Đức, do Đức Tiêu Diêu Đạo sĩ giáng cơ ban cho, với 2 câu đối nói lên ý nghĩa của bút hiệu nầy:

CHÁNH khí tà gian khủng,
ĐỨC trọng quỉ thần kinh.

Sau đây, xin chép lại một số bài thi của Ngài Cao Tiếp Đạo:

Họa vận bài thi "*CẢM TÁC*" của Đức Cao Thượng Sanh khi Ngài đến thăm Đức Phạm Hộ Pháp, sau ngày Đức Hộ Pháp trở về Tòa Thánh sau 5 năm bị đồ lưu nơi hải ngoại:

Màu sen Tây vức ngắm thêm tươi,
Hỏi khách Hỗn Ngươn đặng mấy người?
Ly hận ngày qua non ngó khóc,
Trùng hưng buổi hiện gió reo cười.
Cơ huyền trí định tan rồi hiệp,
Phép tạo tay cầm ngược cũng xuôi.
Tỏ đặng nỗi mừng chia hạnh phúc,
Đá kia cũng gật để nên lời.

CAO TIẾP ĐẠO

Họa vận bài thi của Bát Nương giáng cơ đêm 15–8–Bính Tuất (1946):

(Thuận Nghịch đọc)
Qua thu bước khổ cảnh thay lần,
Trị quốc điềm đem thấy hiện lân.

Hòa ái chạm gương nêu trước tử,
Nghĩa nhân bia dấu tạc kiều Ngân.
Ca hoàn Việt, lập an ngôi Thánh
Định đảnh Nam, vang tiếng hạc Thần,
Nhà nước Đạo xong gầy hậu phúc,
Hoa tiên bức chép rạng đài vân.

Họa vận bài thi "*Tức Sự*" của Đức Thượng Sanh:

Đường trần mừng tránh lối nghiêng xe,
Quán tục thanh tâm chẳng rượu chè.
Lướt thế trẻ dong đường dặm liễu,
Xem đời già núp cội cây hòe.
Noi gương Đỗ Phủ vài hàng mực,
Giỏi chí Nghiêm Lăng ít mảnh tre.
Đợi gió xây chiều về động Thánh,
Buồm nhân trở lái cánh loan sè.

SỐNG VỀ ĐẠO

Thuyền từ đưa khách lướt ngàn voi,
Đuốc huệ tay trau đã thấy mòi.
Tỉnh thế cung Trời đưa giọng khánh,
Độ nhân non Thánh trổi hơi còi.
Huyền châu động báu nguồn Tiên chỉ,
Xá lợi đài sen gốc Phật roi.
Lấy mắt vô hình xem vũ trụ,
Máy linh bao khắp ngoại vòng thoi.

Xủ áo phồn hoa tránh ngựa voi,
Riêng vui động Túy đã ra mòi.
Non nhân ngắm lại cành tươi tốt,
Rừng tục xem qua lá cọc còi.

Lục Tổ thọ truyền gương vẫn tạc,
Quan Âm đắc đạo tiếng còn roi.
Nhiệm mầu diệu pháp Ba-la-mật,
Hơn cả muôn vàng ức triệu thoi.

CHÁNH ĐỨC

BẢO THẾ
LÊ THIỆN PHƯỚC
(1895–1975)

Vào năm Mậu Thân (1968), Ngài Bảo Thế Lê thiện Phước có tự viết Tiểu sử của Ngài, xin chép ra sau đây:

I. Thế sự:

Sanh ngày 4–6–1895 (Ất Mùi) tại Sài gòn.

– Xuất thân nơi gia đình mô phạm. Thân phụ tôi là Lê

văn Dương, cố Giám Đốc trường Tiểu Học Dakao, hiện giờ là trường Tiểu Học Đinh Tiên Hoàng Sài gòn. Thân mẫu tôi là Trần thị Chọn, trong cửa Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tòa Thánh Tây Ninh. (Xem Tiểu sử Tiếp Thế Lê thế Vĩnh).

– Có cấp bằng Thành Chung trường bổn quốc Chasseloup Laubat Sài gòn năm 1912.

– Có cấp bằng trường Luật Đông Dương năm 1915.

– Thi đậu vào ngạch Thơ Ký Thượng Thơ (Dinh Hiệp Lý Sài gòn) đời Pháp thuộc.

– Rời quyền môn năm 1927 ra giúp xã hội, đắc cử Hộ Trưởng Quận Tân Định và Hòa Hưng (Đô Thành Sài gòn).

– Huyện danh dự năm 1944.

– Chủ 2 nhà máy xay gạo: một ở Dakao Sài gòn sản xuất 25 tấn gạo trắng 1 ngày và một ở Chợ Lớn, 50 tấn gạo trắng 1 ngày.

II. Đạo sự:

Một khi kia, tôi nghe thiên hạ đồn có cơ bút tại tư thất Ông Nguyễn ngọc Thơ ở Tân Định, tức Thái Đầu Sư thuộc Tòa Thánh Tây Ninh lúc sau nầy, tôi liền đến xem cho biết.

Mỗi người hầu đàn được phép biên tên họ mình để trên bàn thờ rồi chờ Ơn Trên giáng cơ định phận. Tôi được Đức Chí Tôn cho bài thi như vầy:

Cang nhu tình thế lắm đua tranh,
Danh lợi là bia kẻ giựt giành.
Mượn thú điền viên vui tuế nguyệt,
Phồn hoa âu cũng bỏ cho đành.

Đức Chí Tôn dạy tôi tập ăn chay 10 ngày và thượng Thánh tượng thờ Thầy.

Tuân lịnh trên, tôi mời Đức Quyền Giáo Tông, Đức Cao Thượng Phẩm và Đức Hộ Pháp với vài quan khách đến nhà tôi và chứng thị cho tôi nhập môn cầu Đạo.

Lập đàn xong, Đức Chí Tôn giáng dạy:

"Vạn thế vô tri tiếp sắc Thiên,
Khả quang chi hậu kiến nhi tiền.
Hậu lai hữu phúc Tam Kỳ hội,
Chỉ tín tâm thành đắc vị Tiên.

Thâu làm môn đệ chót như Cư, Tắc, Sang."

Chánh thức trọn phế đời về Tòa Thánh Tây Ninh hành đạo năm Bính Tuất (1946). Về Tòa Thánh nhằm lúc Đức Phạm Hộ Pháp rời hải đảo Madagascar qui hồi cố hương.

1. TRÁCH VỤ THỪA QUYỀN HỘ PHÁP:

Đức Hộ Pháp tái thủ quyền hành, liền giao cho tôi trách vụ Thừa quyền Hộ Pháp, chiếu Nghị Định của Đức Ngài số 1 ngày mùng 8 tháng 8 năm Bính Tuất (1946).

Trong thời gian hành đạo đầu tiên nầy, tôi làm những việc sau đây:

1. Nâng cao chức vụ Quản Lý và Phó Quản Lý Cửu Viện Nội Chánh lên hàng phẩm Thượng Thống và Phụ Thống, cho thích ứng với trách nhiệm nặng nề và thể thống nhơn vị của chư Chức sắc Đại Thiên phong đảm đương công việc trong hệ trong mỗi Viện.
2. Tạo lập Chợ Quan Âm Các, thay thế Chợ Ngã Năm đang choán một góc ngã tư đường, nơi một vị trí dơ bẩn bùn lầy thiếu vệ sinh luôn cả 4 mùa trong năm (cửa số 4 đi ra).
3. Mở rộng Châu vi Ngoại ô Tòa Thánh bằng cách sáp nhập 4 Hương đạo làm một Phận Đạo. Châu Thành

Thánh địa gồm 7 Phận Đạo đặt dưới quyền quản suất của một vị Khâm Thành và nhiều vị Đầu Phận Đạo.

Lần lượt tới hôm nay, Châu Thành Thánh Địa mở rộng từ chơn núi Bà đi vòng ngã Cầu Khởi xuống Bến Kéo, trở về Mít Một.

2. CHỨC VỊ TỔNG THƠ KÝ CHÁNH TRỊ ĐẠO:

Mãn trách nhiệm Thừa quyền Hộ Pháp ngày 1–12– Kỷ Sửu (dl 21–1–1950). Nhận chức vụ Tổng Thơ Ký Chánh Trị Đạo năm Canh Dần (1951), khai thác 4 khu rừng 176, 316, 56 và 55 (Rạch Rễ Dưới) diện tích chung là 2.354 mẫu tây).

3. THỐNG LÃNH VĂN PHÒNG HỘ PHÁP:

Lãnh nhiệm vụ Thống lãnh Văn Phòng Hộ Pháp do Thánh Lịnh ngày 7–5nhuần năm Nhâm Thìn (dl 28–6–1952), điều chỉnh Cơ quan Hành Chánh Đạo và Phước Thiện được hoàn mỹ hơn. Giữ gìn cho còn mãi sự tương liên mật thiết giữa Chức sắc CTĐ và Chức sắc Phước Thiện.

4. PHẬN SỰ TAM ĐẦU CHẾ:

Đứng trong Tam Đầu Chế HTĐ, đại diện chi Thế, do Thánh Lịnh ngày mùng 1–9–Ất Mùi (dl 16–10–1955), hiệp với Hội Thánh CTĐ gìn giữ mối Đạo trong lúc Đức Phạm Hộ Pháp nhập tịnh Trí Huệ Cung.

5. ĐẠI DIỆN HỘI THÁNH LẬP THOẢ ƯỚC BÍNH THÂN (1956):

– Tổng Thống Ngô đình Diệm (người Công giáo) làm khó Đức Phạm Hộ Pháp, nên Đức Ngài đi Nam Vang ngừa tai họa. Ngô đình Diệm phái Đặc sứ Nguyễn ngọc Thơ đến Tòa Thánh gặp tôi đặng dàn xếp cho đừng xảy ra mối bất

hòa nguy hiểm giữa quyền Đạo và quyền Đời.

Trong dịp nầy mới ra đời Thỏa Ước Bính Thân (1956) mà ai ai đều nhìn nhận là một linh phù khi thấy Đạo được quyền Đời kính nể. Vì kính nể mà Đặc sứ Nguyễn ngọc Thơ gán biệt hiệu cho tôi buổi nọ là Thầy Rùa.

– Thỏa Ước nầy được ký kết giữa Đặc sứ Nguyễn ngọc Thơ, đại diện Chánh phủ VNCH (thời Ngô đình Diệm) với Chức sắc đại diện Hội Thánh HTĐ, CTĐ và Phước Thiện ngày 28–2–1956. (Xem Nội dung Thỏa Ước Bính Thân bên dưới)

– Thay mặt Đức Thượng Sanh trong lúc Đức Thượng Sanh chưa về Tòa Thánh hành đạo (Thánh Lịnh Đức Hộ Pháp số 65/HP ngày 6–5–Bính Thân, dl 14–6–1956).

– Ngày 11–Giêng-Kỷ Hợi (dl 18–2–1959), lãnh phận sự Quyền Đầu Sư, Đạo Lịnh số 15/ĐL ngày 11–1–Kỷ Hợi. Sau khi nghỉ một thời gian ngắn, tái thủ nhiệm vụ Quyền Đầu Sư, Đạo Lịnh số 08/ĐL ngày 8–12–Canh Tý (dl 24–1–1961).

– Sáng lập Bá Huê Viên, diện tích một mẫu rưỡi tây, bên kia Đại lộ Phạm Hộ Pháp, trước Báo Ân Từ.

– Ngày mùng 8–Giêng-Giáp Thìn (dl 20–2–1964) lãnh phận sự Quyền Chưởng quản HTĐ, Vi Bằng Hội Thánh HTĐ số 01/VB ngày 8–1–Giáp Thìn.

– Ngày 14–11–Ất Tỵ (dl 6–12–1965), lãnh phận sự Thừa quyền Thượng Sanh, Thánh Lịnh số 27/TL ngày 14–11–Ất Tỵ (dl 6–12–1965).

– Ngày 21–2– Ất Tỵ (dl 23–3–1965) Trưởng Ban Thế Đạo và Thống quản Đại Đạo Thanh Niên Hội.

– Ngày 27–2–Ất Tỵ (dl 29–3–1965) Thống quản Nữ phái CTĐ do Hiến Pháp bổ túc ngày 27–2–Ất Tỵ (dl 29–3–1965), chiếu Thánh giáo của Đức Lý Giáo Tông Nhứt Trấn Oai

Nghiêm đêm mùng 9–Giêng-Quí Mão (dl 2–2–1963).

– Ngày 25–Giêng-Giáp Ngọ (dl 14–2–1966) Thống quản CQPT do Thánh Lịnh số 34/TL ngày 25–1–Bính Ngọ.

– Ngày 24–3–Bính Ngọ (dl 1–4–1966) ChủTọa Tòa HTĐ

– Ngày mùng 3–12–Bính Ngọ (1966) lâm trọng bịnh.

– Ngày 19–8–Đinh Mùi (dl 29–9–1967) phục hồi sức khỏe và tiếp tục phận sự như cũ.

– Thánh Lịnh số 04/TL ngày 3–12–Đinh Mùi (dl 2–1–1968) sửa đổi danh từ Trưởng Ban Thế Đạo lại là Chưởng quản Ban Thế Đạo.

– Thánh Lịnh số 10/TL ngày 2–2–Mậu Thân (dl 19–3–1968) tái thủ trách vụ Chủ Tọa Tòa HTĐ.

– Hiện thời đang lo thống nhứt các Chi Phái.

Lập tại TTTN, ngày 8–6–Mậu Thân (dl 3–7–1968).

BẢO THẾ
LÊ THIỆN PHƯỚC
(ấn ký)

(Tài liệu của Cải Trạng Lê minh Khuyên)

Sau đây chúng tôi xin chép nguyên văn **Thỏa Ước Bính Thân (1957):**

THỎA ƯỚC

Sau các cuộc hội đàm ngày 22, 26 và 28 tháng 2 năm 1956, Đại diện Chánh Phủ VNCH và các đại diện Đạo Cao Đài Tây Ninh đồng đi đến sự thỏa thuận hoàn toàn các điểm sau đây:

I. Đạo Cao Đài Tây Ninh được tự do truyền bá và được tự do hội họp cúng kiếng theo phép Đạo trong khắp nước

VN.

Đạo Cao Đài Tây Ninh do các Chức sắc cao cấp trong Đạo đại diện và dìu dắt trong lúc vắng mặt Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc, nhìn nhận chỉ biết hành đạo mà thôi, không làm chánh trị trên toàn lãnh thổ VN và về mặt pháp lý, chịu hệ thống luật lệ hiện hành của Chánh phủ VNCH do Ngô Tổng Thống lãnh đạo.

II. Những phần đất nào của Đạo Cao Đài ở Tây Ninh đã làm chủ vĩnh viễn bằng cách hoặc khẩn, hoặc mua, hoặc hưởng của cho, thì Đạo Cao Đài đặng toàn quyền sử dụng.

Những đất quốc gia nào trong vùng Tây Ninh, khi trước là rừng cấm hay đất hoang, đã được tín đồ Cao Đài khai phá và được trong Đạo Cao Đài phân chia theo cách tiểu sản, sẽ được hợp thức hóa đúng theo tinh thần chương trình cải cách điền địa của Chánh phủ đang thi hành bằng cách sẽ cấp phát bằng khoán vĩnh viễn đúng theo thủ tục và thể lệ hiện hành cho mỗi người, để cho các tín đồ đóng thuế mỗi năm cho Chánh phủ theo số đất mình sẽ làm chủ.

Trong thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày Thỏa Ước nầy được chấp thuận, Ông Tỉnh Trưởng Tây Ninh và đại diện Cao Đài phải khởi sự hợp thức hóa sự cấp đất và phát bằng khoán vĩnh viễn cho các người choán đất.

III. Trong 6 làng: Long Thành, Hiệp Ninh, Cẩm Giang, Trường Hòa, Phước Hội, Ninh Thạnh, bao trùm 13 Phận đạo hiện hữu, Đạo Cao Đài được cử ra 2 hay là 3 tín đồ tùy theo chỗ để đại diện Đạo và cộng tác với mỗi Ban Hội Đồng Hương chính.

IV. Trừ tiền hỷ cúng của tín đồ, Đạo Cao Đài bãi bỏ những thuế có thâu thuở giờ, hoặc trên đất Đạo làm chủ, hoặc trên đất quốc gia, còn trong vùng ảnh hưởng của Đạo.

Những Chợ hiện hữu trong vùng Đạo thuộc 6 làng kể trên do Đạo Cao Đài tạo ra, dầu trên đất Đạo cũng là nguồn lợi của quốc gia và chỉ có quốc gia mới được phép sắp đặt, sử dụng và hưởng huê lợi. Dầu vậy, Chánh phủ cũng bằng lòng để Đạo Cao Đài thâu những chợ nầy trong khoảng 4 năm liên tiếp (1956, 1957, 1958, 1959) bằng cách đóng góp cho làng sở tại một số tiền mỗi tháng:

- Năm đầu bằng 1 phần 5 số thâu góp hằng tháng.
- Năm thứ 2 bằng 1 phần 4 số thâu góp hằng tháng.
- Năm thứ 3 bằng 1 phần 3 số thâu góp hằng tháng.
- Năm thứ 4 bằng 1 phần 3 số thâu góp hằng tháng.

Số tiền thâu góp chợ mỗi ngày hay mỗi tháng do bên Đạo và Ông Tỉnh trưởng Tây Ninh thỏa thuận nhất định một năm 2 lần, trong tháng 6 và tháng 12 dương lịch.

Về phần Chợ Long Hoa, Đạo Cao Đài đang cất, Hành Chánh tỉnh đảm nhận tiếp tục theo bản đồ đã có. Những tổn phí của Đạo Cao Đài đã xuất phát tới ngày nay, Hành Chánh tỉnh chịu trả lại, sau khi được đôi bên xác nhận tánh cách chi phí và số tiền. Số tiền nầy được trả phân kỳ không quá 4 năm, mỗi năm đóng một lần nhằm trong tháng 4 dương lịch.

V. Trật tự an ninh trong 13 Phận đạo theo tổ chức hiện thời của Đạo sẽ đặt dưới hệ thống của Ban Hội Đồng Hương chính của 6 làng nói trên. Các Ban nầy hành sự với những toán, từ 20 đến 30 người "*Dân Vệ*", gốc người tín đồ Cao Đài, được Ông Tỉnh Trưởng chọn với sự đề cử của Ban Hội Đồng Hương chính.

Những toán Dân Vệ nầy được võ trang và trả lương theo thể lệ hiện hành. Hành Chánh tỉnh cấp súng, công nho làng trả lương.

VI. Cơ Thánh Vệ hiện hữu chỉ có phận sự về nghi lễ, giữ vẻ tôn nghiêm cho Đạo trong các cuộc hành lễ lớn nhỏ trong Nội Ô. Số người có thể lên không quá 160 người do Đạo Cao Đài hoàn toàn chọn lựa và trả lương (nếu không phải làm công quả).

Người trong cơ Thánh Vệ có thể có võ trang nhưng phải xin phép sắm và giữ súng theo luật lệ hiện hành. Súng ống đạn dược do Đạo Cao Đài đài thọ.

Trong Nội Ô, các lực lượng quân sự và cảnh sát quốc gia không được xâm nhập, trừ khi phải can thiệp hoặc để thi hành phận sự theo luật lệ hiện hành hoặc để đem trật tự an ninh lại, hoặc vì xảy ra thường tội hay trọng tội.

VII. Được miễn thuế (đủ các sắc) theo thể lệ hiện hành:

– Những Tu viện, Trường học cùng Dưỡng đường của Đạo Cao Đài Tây Ninh cất ra hoặc trên đất Đạo hoặc trên đất quốc gia.

– Những đất trên đó có những bất động sản nói trên. Hiện hữu những bất động sản có tên trong bản đính theo đây, được miễn thuế.

VIII. Các công trình của Đạo Cao Đài về mặt xã hội, y tế, mở mang hay tu bổ kiều lộ trong vùng Đạo, sau khi giao cho Hành chánh Tỉnh Tây Ninh đảm nhận, thì sẽ được tiếp tục tiến hành với sự hợp tác của các Chức sắc chuyên môn của Đạo Cao Đài.

Làm tại Tây Ninh, ngày 28 tháng 2 năm 1956.

ĐẠI DIỆN CHÁNH PHỦ
VIỆT NAM CỘNG HÒA
(ký tên)
Nguyễn ngọc Thơ

HIỆP THIÊN ĐÀI

Bảo Thế – (ký tên) Lê thiện Phước
Tiếp Pháp – (ký tên) Trương văn Tràng
Hiến Pháp – (ký tên) Trương hữu Đức
Tiếp Đạo – (ký tên) Cao đức Trọng

CỬU TRÙNG ĐÀI

Thái Chánh Phối Sư – (ký tên) Thái Bộ Thanh
Thượng Chánh Phối Sư – (ký tên) Thượng Sáng Thanh
Ngọc Chánh Phối Sư – (ký tên) Thượng Tước Thanh

PHƯỚC THIỆN

Chơn Nhơn (ký tên) – Trịnh phong Cương
Đạo Nhơn (ký tên) – Nguyễn văn Phú
Đạo Nhơn (ký tên) – Trần văn Lợi
Đạo Nhơn (ký tên) – Đỗ văn Viên

Số 337–BNV/VP
CHUẨN Y
Sàigòn, ngày 1 tháng 3 dl 1956.
BỘ TRƯỞNG NỘI VỤ
(ấn ký)
Bùi văn Thinh

Năm 1960, Đức Phạm Hộ Pháp giáng cơ tại Giáo Tông Đường, có khen Ngài Bảo Thế bằng bài thơ khoán thủ: *Bảo Thế Cứu Nước.*

BẢO trọng vạn linh hiệp Chí Linh,
THẾ nguy chuyển loạn lập hòa bình.
CỨU đời mở đạo kinh luân sẵn,
NƯỚC Việt trông chờ sách cứu tinh.

Ngày 6–2–Ất Tỵ (dl 8–3–1965) Đức Phạm Hộ Pháp cũng có giáng cho Ngài Bảo Thế bài thi khoán thủ: *"Quyền*

Chưởng quản Hiệp Thiên Đài Thừa mạng ":

QUYỀN uy nhờ bởi giữ Chơn truyền,
CHƯỞNG đức dụng hiển mộ Thánh Tiên.
QUẢN quán chúng sanh tu cội phúc,
HIỆP hào nhân sĩ hưởng tiền duyên.
THIÊN môn mở rộng Nguyên nhân đến,
ĐÀI nội tuyển thăng Thánh đức lên.
THỪA thế chuyển nguy an Thánh địa,
MẠNG Trời đâu để quỉ hành quyền.

Ngài Bảo Thế lúc về già bị bệnh bán thân bất toại, sức khỏe yếu dần và Ngài đăng Tiên vào lúc 6 giờ 30 phút sáng ngày 17–3–Ất Mão (dl 27–4–1975) hưởng thọ 81 tuổi.

Đàn cơ đêm 18–3–Ất Mão (dl 29–4–1975) tại Cung Đạo Đền Thánh hồi 19 giờ, Phò loan: Hiến Pháp – Khai Đạo, Đức Phạm Hộ Pháp giáng cơ cho bài thài tế lễ Ngài Bảo Thế, chép ra sau đây:

HỘ PHÁP

Chào chư Chức sắc Hiệp Thiên, Cửu Trùng, PT.

Quí bạn có điều chi hỏi?

Chưởng Ấn bạch: Xin bài thài tế lễ Ngài Bảo Thế.

– Bài thài chúng ta đã thấy: "*Bảo Thế Cứu Nước*" đã trúng lúc, vậy cứ dùng bài ấy thài cúng tế Bảo Thế.

– Còn về bài thài mà Hiến Pháp đã cho để cúng tế chung chư vị Thời Quân thì cứ để dùng như vậy trong lễ cúng tế chung.

Bần đạo ban ơn lành cho Hội Thánh và toàn thể.

THĂNG

Ngài Bảo Thế giáng cơ, lấy hiệu Vân Phong:

VÂN PHONG vừa đẩy đám mây lành,

Hội hiệp quần sanh bất cạnh tranh.
Phất phướn truy hồn qui lối cũ,
Vén màn mở ám cứu nhơn sanh.

Ngài Bảo Thế lúc sinh tiền, rất ít làm thơ, may mắn chúng tôi sưu tầm được bài thi của Ngài họa thi Bát Nương:

BÀI XƯỚNG của BÁT NƯƠNG:

Hễ muốn làm sư phải hược trò,
Vụng may thường đổ lỗi người đo.
Nhái duyên Tây tử cười môi méo,
Đoạt điệu Đường phi bước trẹo giò.
Bắt Nguyệt lại mò Trăng đáy nước,
Theo Tây bợ ngợ viết nhà nho.
Vui chi hơn gặp trang tài tử,
Vẩy lưỡi chòm cây có cứt cò.

BÀI HỌA của NGÀI BẢO THẾ:

Lố xố lăng xăng mấy chú trò,
Văn chương lá mít của so đo.
Vác mai chạy quấy ngồi rơi lụy,
Múa búa khoe danh chạy bại giò.
Trí thiển dòm Trời bằng cái xịa,
Tài sơ ngóng chữ tợ rừng nho.
May duyên đưa đến mùi Tiên Thánh,
Mừng được bài thi khỏi gắn cò.

HIẾN THẾ
NGUYỄN VĂN MẠNH
(1894–1970)

Tiểu sử của Ngài Hiến Thế Nguyễn văn Mạnh được Ngài Bảo Đạo Hồ tấn Khoa viết và đọc nhân ngày gia đình Ngài Hiến Thế thiêu hài cốt của Ngài, lấy tro đưa về Tòa Thánh:

Nguyên văn bản Tiểu sử nầy, chúng tôi xin chép ra sau đây:

TIỂU SỬ CỦA HIẾN THẾ NGUYỄN VĂN MẠNH

Đại huynh Nguyễn văn Mạnh, sanh năm Giáp Ngọ (1894) tại làng Tân Niên Trung, tỉnh Gò Công. Cụ thân sinh là Nguyễn văn Chợ, Xã Trưởng và Cụ thân mẫu là Lê thị Liễu, Giáo viên.

Thời thơ ấu, ở với cha mẹ đi học, đỗ bằng Tiểu học ở Gò Công, rồi lên Sài gòn ngụ nơi nhà người cậu là Cụ Đốc Phủ Lê quang Liêm tiếp tục đường học vấn nơi trường Tabert, thi đỗ bằng Trung học Phổ Thông và bằng Tú Tài.

Cũng như bao thanh niên thời ấy, sau khi đỗ đạt rồi thì cũng ra trường làm công chức tại Tòa Tân Đáo tức là Sở Ngoại Kiều ngày nay.

Vốn con nhà thế phiệt trâm anh đạo đức, nên Đại huynh vẫn giữ truyền thống của ông bà và được tiếng là vị công chức chí mực thanh liêm, luôn luôn tận tụy với nhiệm vụ, mau mắn giúp đỡ mọi người, nên Đại huynh được trên quan yêu, dưới dân chuộng, đường hoạn lộ Đại huynh thăng lần lên Thông Phán, Tri Huyện, Tri Phủ.

Được hấp thụ tinh thần đạo đức từ thuở bé, nên Đại huynh không bỏ qua một dịp nào để làm điều âm chất và nhơn nghĩa. Kịp đến năm Bính Dần, Đức Chí Tôn mở Đạo tại Sài gòn, thì Đại huynh là một trong các môn đệ đầu tiên được Đức Chí Tôn giao trọng trách phổ thông Chơn đạo.

Ngày Rằm tháng 3 năm Bính Dần (1926), cùng một lượt với Ông Phạm công Tắc được Đức Chí Tôn phong là Hộ Giá Tiên Đồng Tá Cơ Đạo Sĩ, Ông Cao quỳnh Cư là Tá Cơ Tiên Hạc Đạo Sĩ, Đại huynh và chư vị: Đức, Hậu, Nghĩa, Tràng, Tươi, Chương, Kim, Đãi, Mai, Nguyên, Phước đồng được Đức Chí Tôn phong là Tiên Đạo Phò Cơ Đạo Sĩ.

Mặc dầu việc quan ràng buộc, nhưng Đại huynh vẫn

tận tụy với nhiệm vụ của Đức Chí Tôn giao phó, nên ngày thì làm việc cho Nhà nước, đêm thì làm việc cho Đạo, phò cơ phổ độ chúng sanh.

Đến ngày 13–2–1927, Đại huynh được Đức Chí Tôn ân phong vào hàng Thập nhị Thời Quân với phẩm tước là Hiến Thế, một lượt với chư vị Thời Quân khác.

Đắc phong Thời Quân, Đại huynh càng hăng say thêm, chẳng quản nhọc nhằn, quên ăn quên ngủ, đêm nào cũng như đêm nấy, thức gần suốt sáng, ôm cơ phổ độ cùng với chư vị Thời Quân khác, khai đường mở lối đến ngày hôm nay, nền Đạo mới đặng huy hoàng đẹp đẽ để cho chúng ta thọ hưởng.

Tiếc một điều là Đại huynh có một thể xác không được tráng kiện mà lại phải quá lao tâm lao lực trong lúc Đạo mới phôi thai, nên Đại huynh thường hay bịnh hoạn, không thể hành đạo một cách liên tục như chư vị Thời Quân khác. Nhưng lúc nào Đại huynh cũng một lòng hoài bảo với sứ mạng thiêng liêng, luôn luôn lưu tâm về đại nghiệp Đạo.

Trong lúc Đức Phạm Hộ Pháp tự lưu vong nơi Cao Miên, nền Đạo chinh nghiêng, thì Đại huynh cùng Đức Thượng Sanh và chư vị Thời Quân khác về Tòa Thánh, hiệp sức cùng nhau để cầm giềng mối Đạo. Đại huynh lãnh trách nhiệm điều khiển CQPT với chức vụ Phó Thống Quản CQPT, do Thánh Lịnh số 26/TL ngày 19–8–Ất Tỵ (dl 14–9–1965).

Ít lâu sau, Đại huynh được thăng lên cầm quyền Thống Quản Phước Thiện, do Thánh Lịnh số 47/TL ngày 20–12–Ất Tỵ (dl 11–1–1966).

Nhưng sức người có hạn, cơn bịnh của Đại huynh ngày càng thêm trầm trọng, nên ngày 10–2–1966, Đại huynh phải

xin nghỉ một thời gian để đi qua Tích Lan và Thái Lan chữa bịnh, nhưng chỉ thuyên giảm đôi phần.

Trở về Sài gòn, mặc dầu gia đình tận tâm lo đủ phương điều trị về Tây cũng như Đông y, nhưng nhiệm kỳ đã mãn, nên ngày Rằm tháng Giêng Canh Tuất (dl 20–2–1970), Đại huynh đã trở về bái lịnh Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, hưởng thọ 77 tuổi.

Hôm nay, Đại huynh lại hiển linh kêu gọi và thúc giục gia quyến sớm đưa tro xá lợi của Đại huynh về nơi Tổ Đình, vì vậy mới có buổi lễ hôm nay, đi cặp với Lễ kỷ niệm Đức Cao Thượng Phẩm cho đặng thêm trọng thể.

Nhơn dịp nầy, tôi xin toàn thể Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu lưỡng phái thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu ban hồng ân cho Đức Cao Thượng Phẩm và Đại huynh Hiến Thế Nguyễn văn Mạnh được cao thăng Thiên vị, thường giáng linh hộ trì cho mỗi chúng ta được thi hành sứ mạng cho được vuông tròn.

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Tòa Thánh ngày 1–3–Đinh Tỵ (dl 19–4–1977)

BẢO ĐẠO

Hồ tấn Khoa

(Tài liệu của Cải Trạng Lê minh Khuyên)

◆ Bán Nguyệt San Thông Tin số 18 ngày 10–11–Canh Tuất (dl 8–12–1970) có đăng ngày Tiểu Tường của Cố Hiến Thế Nguyễn văn Mạnh là ngày 1–11–Canh Tuất (dl 29–11–1970). Buổi chiều, lúc 14 giờ 30 phút, Hội Thánh đã hành lễ Tiểu Tường trước Bàn linh của Ngài nơi Báo Ân Từ.

Bài Thài hiến lễ:

HIẾN mình cho Đạo buổi sơ khai,

THẾ cuộc càng xây dạ chẳng nài.
CHƠN chánh quyết tâm lo lập đức,
QUÂN thần vẹn nghĩa cảm bi ai.

◆ Bán Nguyệt san Thông Tịn số 40 ngày 12–11–1971 có đăng ngày Đại Tường của Cố Hiến Thế Nguyễn văn Mạnh là ngày 10–9–Tân Hợi (dl 28–10–1971).

Lễ Đại Tường được cử hành tại Báo Ân Từ, có tế điện.

Phối Sư Ngọc An Thanh, Thượng Thống Lễ Viện dâng sớ.

Hiện diện: Hiến Pháp, Hiến Đạo, 3 Chánh Phối Sư, Chơn Nhơn Phạm duy Hoai, chư Chức sắc và Đạo hữu Nam Nữ.

Thượng Thống Lễ Viện hành pháp xả tang.

Gia đình Ngài Hiến Thế Nguyễn văn Mạnh có:

– Hiền nội: Lê thị Biếu.

– Các con: Nguyễn hữu Thìn, Nguyễn văn Thinh, Nguyễn thị Bạch Mai, Nguyễn thị Bạch Cúc.

– Cháu nội: Nguyễn trung Toàn.

– Dâu: Trương thị Hạnh và Trần thị Kim Hoa.

KHAI THẾ
THÁI VĂN THÂU
(1899–1981)

Ngài Thái văn Thâu, sanh năm Kỷ Hợi (1899) (theo Thẻ Căn Cước thì sanh năm 1900) tại làng Qui Đức, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn.

Thân phụ của Ngài là Ông Thái văn Vá, và thân mẫu là Bà Ngô thị Mai.

Hiền nội của Ngài là Bà Đỗ thị Thoại, sanh năm 1906 tại làng Long Đức Đông tỉnh Chợ Lớn, và mất ngày 12–3–Quí

Hợi (dl 24–4–1983) tại xã Qui Đức.

Ngài Thái văn Thâu ở cùng quê với Ngài Hiến Đạo Phạm văn Tươi, thuở nhỏ hai người là bạn học với nhau.

Ngài Thái văn Thâu theo Tây học, đậu bằng Tiểu học Pháp, lên Trung học, đậu bằng Thành Chung (Diplôme). Ngài xin đi dạy học, và làm Giáo Sư tại trường Trung học Pétrus Trương vĩnh Ký Sài gòn, sau đổi xuống dạy tại Collège Mỹ Tho, nay là trường Trung học Nguyễn đình Chiểu, Mỹ Tho.

Đầu năm Bính Dần (1926), một đàn cơ phổ độ tổ chức ở Tân Kim (Cần Giuộc) tại nhà Ông Cựu Hội Đồng Địa Hạt Nguyễn văn Lai, Phò loan là 2 Ông Phạm văn Tươi và Ca minh Chương, Ngài Thái văn Thâu đến hầu đàn và được Đức Chí Tôn thâu làm môn đệ.

Khi Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền HTĐ, ngày 12–1–Đinh Mão (dl 13–2–1927), Đức Chí Tôn phong Ngài Thái văn Thâu vào phẩm Khai Thế HTĐ.

Kể từ đó, Ngài Khai Thế Thái văn Thâu, ngoài các giờ bận việc dạy học, Ngài cùng các vị Thời Quân khác phò cơ cho Đức Chí Tôn phổ độ nhơn sanh.

Ngày 11–2–1933, Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung hiệp cùng Đức Phạm Hộ Pháp đồng ký tên, ra một Thông Tri thăng phẩm Quyền Đầu Sư cho 3 vị Chánh Phối Sư: Thái Thơ Thanh, Thượng Tương Thanh, Ngọc Trang Thanh. Như vậy 3 phẩm Chánh Phối Sư bị khuyết, nên tạm cử 3 vị Thời Quân HTĐ vào hàng Khai qua CTĐ đảm nhận 3 nhiệm vụ kể trên. Thông tri ấy có đoạn như sau:

"*Việc giao quyền Chánh Phối Sư cho 3 vị Chức sắc HTĐ là việc của Hội Thánh mới định hôm kỳ nhóm ngày mùng 9 tháng Giêng rồi đây, nhằm bữa 4–3–1933.*

Ba Chức sắc ấy là:

- *Khai Thế Thái văn Thâu lãnh phận sự Thượng Chánh Phối Sư.*
- *Khai Pháp Trần duy Nghĩa, lãnh phận sự Ngọc Chánh Phối Sư.*
- *Khai Đạo Phạm tấn Đãi lãnh phận sự Thái Chánh Phối Sư.*"

Năm 1941, Đức Phạm Hộ Pháp và 5 vị Chức sắc cao cấp của HTĐ và CTĐ bị nhà cầm quyền Pháp bắt lưu đày ở hải đảo Madagascar Phi Châu, quân đội Pháp chiếm đóng Tòa Thánh và các cơ quan khác của Đạo, đuổi các Chức sắc và công quả về quê, Ngài Khai Thế Thái văn Thâu rút về quê nhà ở xã Qui Đức và trở lại nghề dạy học.

Sau đó, Ngài bị bịnh tâm thần, phải nghỉ dạy học, an dưỡng tại tư gia. Bịnh tâm thần của Ngài kéo dài, có lúc gần như hết bịnh, nhưng có lúc lại tái phát, nên Ngài không thể trở về Tòa Thánh tiếp tục phận sự của một Thời Quân HTĐ.

Ngài Khai Thế Thái văn Thâu qui liễu tại tư gia ở xã Qui Đức vào ngày mùng 2–6–Tân Dậu (dl 3–7–1981), lúc 5 giờ 30 phút chiều, hưởng thọ 83 tuổi.

Đại diện của Hội Thánh và Ban Cai Quản Thánh Thất Cần Giuộc hay tin, liền đến nơi lo tổ chức Lễ An táng cho Ngài rất trọng thể tại Xã Qui Đức.

Vì hoàn cảnh của Đạo lúc bấy giờ đang hồi biến chuyển rất khó khăn, Hội Thánh và các cơ Đạo bị giải thể, nên không thể liệm thi hài của Ngài vào liên đài và đưa về Tòa Thánh làm Lễ Đạo Táng, nên đành phải mai táng theo nghi lễ bình thường tại phần đất riêng của gia đình Ngài tại xã Qui Đức, quận Cần Giuộc.

Ngài Khai Thế Thái văn Thâu là vị Thời Quân đăng

Tiên sau chót trong số Thập nhị Thời Quân HTĐ kỳ đầu tiên của Đạo Cao Đài.

TIẾP THẾ
LÊ THẾ VĨNH
(1903–1945)

Ngài Lê thế Vĩnh, sanh năm Quí Mão (1903) tại Sài gòn, xuất thân trong gia đình mô phạm.

Thân phụ của Ngài là Cụ Đốc học Lê văn Dương, Hiệu Trưởng trường Tiểu học Dakao, nay là trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng ở Dakao, Sài gòn.

Thân mẫu là Bà Trần thị Chọn, thọ Thiên phong Nữ Giáo Hữu trong kỳ Đức Chí Tôn phong Thánh Nữ phái lần

thứ I ngày 14–Giêng-Đinh Mão (dl 15–2–1927).

Ngài Lê thế Vĩnh là em ruột của Ngài Bảo Thế Lê thiện Phước. Cả hai anh em đều được Đức Chí Tôn ân phong vào hàng Thời Quân HTĐ:

– Ngài Lê thiện Phước (1895–1975), chức Bảo Thế,

– Ngài Lê thế Vĩnh (1903–1945), chức Tiếp Thế.

Hiền nội của Ngài Lê thế Vĩnh là Bà Nguyễn thị Thơm, được đắc phong Lễ Sanh trong kỳ Đức Chí Tôn phong Thánh Nữ phái lần thứ I.

Trước năm Bính Dần, Ngài Lê thế Vĩnh là một ký giả nổi tiếng của các báo tại Sài gòn.

Vào năm 1925, Ngài Lê thế Vĩnh hay tin nhóm của quí Ông Cao quỳnh Cư, Phạm công Tắc và Cao hoài Sang xây bàn thỉnh Tiên về cho thi hay lắm, Ngài tò mò muốn biết thực hư, nên ngày 12–11–1925, Ngài cùng với một người bạn đồng nghiệp là Ông Phạm minh Kiên, tìm đến nhà Ông Cư để quan sát cho rõ ràng, định viết một thiên phóng sự đầy đủ chi tiết cho đăng báo cống hiến các độc giả.

Khi đến nhà Ông Cư thì thấy nhóm của Ông Cư đang xây bàn, có Đấng AĂÂ giáng.

Hai Ông Vĩnh và Kiên cũng bắt chước như các vị khác vào hầu đàn.

Ông Cư xin Đấng AĂÂ cho mỗi Ông một bài thi, Đấng AĂÂ gõ bàn đáp: "*Để Bần đạo cho chung 2 người một bài thi mà thôi.*"

Ai nấy đều lấy làm lạ, nghĩ rằng tâm sự của mỗi người mỗi khác, hai người mà cho chung một bài thi thì làm thế nào được.

Đấng AĂÂ gõ bàn cho bài thi tứ tuyệt như vầy:

THI:
Một viết với thân giữa diễn đàn,
Bằng xua trước giặc vạn binh lang.
Nước nhà ví biết thân là trọng,
Dạy dỗ sao cho đặng mở mang.

Cho bài thi xong, ai nấy đều khen bài thi có 4 câu mà gồm đủ bộ vận của hai nhà báo.

Bài thi của Đấng AĂÂ diễn tả đúng tâm trạng của hai nhà báo, khiến Ông Lê thế Vĩnh vô cùng khâm phục, nên về sau nầy Ông Vĩnh mới chịu nhập môn cầu Đạo.

Khi Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền HTĐ ngày 12–1– Đinh Mão (1927), Đức Chí Tôn phong Ngài Lê thế Vĩnh vào chức Tiếp Thế HTĐ.

Thời gian sau, Ngài Tiếp Thế Lê thế Vĩnh nghỉ nghề viết báo, về Tòa Thánh Tây Ninh hành đạo, làm việc nơi Văn phòng của Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung.

Khi xảy ra vụ Ông Nguyễn phan Long lên Tòa Thánh lập Hội Vạn Linh để vu khống và phỉ báng nhiều vị Chức sắc cao cấp, gây chia rẽ trong nội bộ của Đạo, Ngài Tiếp Thế Lê thế Vĩnh được Đức Quyền Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp cử làm đại diện để đối phó với nhóm Nguyễn phan Long.

Vào năm 1945, Ngài Tiếp Thế Lê thế Vĩnh bỗng nhiên bị mất tích, không biết lực lượng nào bắt cóc Ngài, lúc đó, tình hình tại miền Nam VN rất lộn xộn, có rất nhiều đảng phái chánh trị hoạt động có võ trang. Sau đó, người ta tin rằng Ngài Tiếp Thế đã bị hãm hại, nhưng không biết Ngài chết vào ngày nào, và thi thể được chôn vùi ở đâu.

Do đó, Ngài Thời Quân Tiếp Thế Lê thế Vĩnh không có bài thài và cũng không có ngày lễ kỷ niệm hằng năm như các vị Thời Quân khác.

DANH NHÂN
THẬP NHỊ BẢO QUÂN

BẢO VĂN PHÁP QUÂN
CAO QUỲNH DIÊU
(1884–1958)

Ngài Cao Quỳnh Diêu, hiệu là Mỹ Ngọc, nên thường xưng là Cao Mỹ Ngọc, Đạo hiệu là Cao Liên Tử, sanh năm Giáp Thân (1884) tại làng Hiệp Ninh, tổng Hàm Ninh Thượng, tỉnh Tây Ninh, trong một gia đình Nho phong thế phiệt. Thân phụ là Ông Cao quỳnh Tuân làm Cai Tổng Hàm Ninh Thượng. Ông Cao quỳnh Tuân mất lúc Ông Diêu được 14 tuổi. Đức Chí Tôn cho biết

Ông Cao quỳnh Tuân là Xuất Bộ Tinh Quân ở Thượng giới giáng trần.

Thân mẫu của Ngài Cao quỳnh Diêu là Bà Trịnh thị Huệ, đắc phong Nữ Giáo Sư ngày 14–Giêng-Đinh Mão (dl 15–2–1927) do Đức Chí Tôn ân phong trong kỳ phong Thánh Nữ phái lần thứ I.

Ngài Cao quỳnh Diêu là anh ruột của Ngài Cao quỳnh Cư. Ngài Diêu là anh thứ ba, Ngài Cư là em thứ tư. Cả hai vị đều đắc phong hàng Chức sắc Đại Thiên phong đầu tiên của Đạo Cao Đài:

Ngài Cao quỳnh Diêu đắc phong Bảo Văn Pháp Quân trong Thập Nhị Bảo Quân, Hàn Lâm Viện của Đạo Cao Đài.

Ngài Cao quỳnh Cư đắc phong Thượng Phẩm HTĐ.

Hiền nội của Ngài Cao quỳnh Diêu là Bà Trần thị Lựu, đắc phong Nữ Giáo Hữu trong kỳ Đức Chí Tôn phong Thánh Nữ phái lần đầu tiên, được Đức Chí Tôn giao nhiệm vụ cùng với Nữ Giáo Sư Hương Hiếu (hiền nội của Ngài Cư, đây là hai chị em bạn dâu trong gia đình họ Cao) dạy các Đồng nhi tụng kinh.

Trong TNHT, quyển I trang 44, Đức Chí Tôn bảo:

"*Lựu và Hiếu tập một lũ Nữ Đồng nhi chừng 36 đứa đặng mỗi khi Đại lễ nó tụng kinh cho Thầy.*"

(Lựu: Nữ Giáo Hữu Hương Lựu, hiền nội Ngài Diêu.

Hiếu: Nữ Giáo Sư Hương Hiếu, hiền nội Ngài Cư.)

Ngài Cao quỳnh Diêu là 1 trong 4 vị (Cư, Tắc, Sang, Diêu) khởi sự xây bàn đầu tiên tại nhà Ông Cao hoài Sang để tiếp xúc với các vong linh nơi cõi vô hình.

(Trong công cuộc Xây bàn nầy, Ông Cư đóng vai chủ động. Tiếp theo là thời kỳ phò Ngọc cơ tại nhà Ông Cư, với

Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung cũng được tổ chức tại nhà Ông Cư, rồi Vọng Thiên Cầu Đạo, cũng tại nhà Ông Cư ở số 134 đường Bourdais Sài gòn, Ông Cư đều chủ động và tổ chức, nên các việc xảy ra trong giai đoạn nầy, xin độc giả xem: I, II, III trong Tiểu sử của Đức Thượng Phẩm Cao quỳnh Cư, sẽ biết rõ các việc của 4 Ông: Cư, Tắc, Sang, Diêu, khỏi phải lập lại nơi Tiểu sử của mỗi Ông).

Sau ngày lễ Hội Yến DTC tại nhà Ông Cư, 4 Ông phân làm 2 nhóm: Ông Cư và Ông Tắc xây bàn tại nhà Ông Cư; Ông Diêu và Sang phò Ngọc cơ tại nhà Ông Sang.

Khoảng tháng 5 năm1926 (Bính Dần), Đức Chí Tôn dạy thành lập 5 đàn cơ phổ độ, trong đó có một đàn ở Chợ Lớn, tại nhà Ông Cựu Thượng Nghị viên Lê văn Trung, Ngài Trung và Ngài Đốc Phủ Lê bá Trang thay phiên nhau chứng đàn, phò loan là 2 Ông: Cao hoài Sang và Cao quỳnh Diêu.

Ngày mùng 6–8–Bính Dần (dl 12–9–1926), Đức Chí Tôn giáng dạy riêng Ngài Cao quỳnh Diêu (hiệu Mỹ Ngọc), sau đó Đức Chí Tôn cho Xuất Bộ Tinh Quân Cao quỳnh Tuân, thân phụ của Ông Diêu và Cư giáng cơ dạy tiếp.

Hai bài Thánh giáo nầy, xin chép ra sau đây (Phò loan: Cao hoài Sang và Cao quỳnh Diêu): (Xem TNHT. II. 9)

THẦY,

Mừng mấy con,

Mỹ Ngọc, từ đây việc nhà con an ổn, dầu điều chi nhớ để ý rằng có Thầy bên con.

Đặng một việc chi chớ vội mừng, thất một việc chi chớ vội buồn, vì sự buồn vui và sự buồn tủi thường pha lẫn kế cận nhau, còn sự gì phải đến cho con, ấy là tại nó phải vậy, chớ cượng cầu mà nghịch Thánh ý Thầy.

Hãy xem dò theo đây mà day trở trong bước đường Đạo:

Mối Đạo từ đây rán vẹn gìn,
Tu là khổ hạnh khá đinh ninh.
Lòng thành một tấm Trời soi xét,
Gương rạng nghìn Thu Nguyệt chiếu minh.
Gai gốc lần đường công trước gắng,
Thảnh thơi có lúc buổi sau dành.
Vòng trần chìm nổi từ đây dứt,
Công quả tua bền độ chúng sinh.

Thầy sẽ cho Xuất Bộ Tinh Quân đến nhập cơ.

Thăng.

- Tái cầu:

CAO QUỲNH TUÂN

Mừng mấy con và mấy cháu,

Diêu! Từ đây Thầy lấy làm vui mà thấy con đặng để bước vào đường Thánh Đạo. Vậy hãy rán tu hạnh hầu phục hồi cựu vị.

Thầy rất vui mà thấy Cư và con đã đem tấm nhiệt thành mà cứu độ nhơn sanh khỏi dòng khổ hải. Ấy cũng số phần rất may mắn của lịnh Ngọc Hoàng đã định cho con và Cư, Tắc, Sang.

Vậy thầy có mấy lời thiết yếu cùng con sau đây:

Cựu vị ngày xưa đã có rồi,
Đường về chớ bỏ há con ôi!
Công trình chớ nệ xây nền Đạo,
Phước mỏng đâu hay bởi tứ Trời.
Đức trước hưởng rồi tua trả đức,
Ngôi sau gìn ắt đặng an ngôi.
Từ đây son sắt vì sanh chúng,
Cảnh tịnh mai sau cũng đặng ngồi.

Thầy đã an lòng cho con và Cư, còn ĐỨC, AN, THÂN, thì có lịnh Thượng Đế định phần cho chúng nó. LƯỢNG từ đây phải ở nơi Lôi Âm Tự mà chầu Phật Như Lai và nghe lịnh, chừng có lịnh Thượng Đế đòi sai trấn thì nó sẽ về cùng con đặng.

Thầy kiếu mấy con.

Thăng.

▸ GHI CHÚ:

- **Diêu**: Cao quỳnh Diêu, tức Mỹ Ngọc.
- **Cư**: Cao quỳnh Cư.
- **Tắc**: Phạm công Tắc.
- **Sang**: Cao hoài Sang.
- **Đức**: Cao quỳnh Đức, con thứ hai của Ngài Cao quỳnh Diêu.
- **An**: Cao quỳnh An, con của Ngài Cao quỳnh Cư, mất bên Pháp.
- **Thân**: là Huệ Chương, con của Ngài Cao quỳnh Diêu.
- **Lượng**: Cao quỳnh Lượng, con của Ngài Cao quỳnh Diêu, đã chết.

Năm Đinh Mão (1927), Ngài Cao quỳnh Diêu thọ phong Tiếp Lễ Nhạc Quân, có phận sự sắp đặt Lễ nghi và âm nhạc trong việc cúng tế trong Đạo.

Đầu năm 1929, Ngài Tiếp Lễ Nhạc Quân Cao quỳnh Diêu vâng lịnh của Hội Thánh, đặt ra 3 Bài Dâng Tam Bửu (Bài Dâng Hoa, Bài Dâng Rượu và Bài Dâng Trà), có dâng lên Bát Nương giáng cơ chỉnh văn lại, để thay thế 3 bài Dâng Tam Bửu cũ đã dùng lúc mới mở Đạo do Ngài Ngô văn Chiêu đặt ra.

Năm 1929, trong lúc Ngài Cao quỳnh Diêu còn ở phẩm

Tiếp Lễ Nhạc Quân, Ngài viết quyển "*NGHI TIẾT ĐẠI ĐÀN TIỂU ĐÀN*" có mục đích chỉnh đốn Lễ Nhạc trong các Đàn Cúng Vía Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng liêng cho đúng theo qui cách tốt đẹp, đạt được sự trang nghiêm, để áp dụng thống nhứt trong Đạo Cao Đài, dâng lên Đức Phạm Hộ Pháp duyệt xét rồi chuyển qua Hội Thánh. Hội Thánh xem xét đồng ý và Đức Quyền Giáo Tông ban hành, kể từ ngày 17–6–Canh Ngọ (dl 12–7–1930), áp dụng thống nhứt cho tất cả các Thánh Thất.

Trong quyển "*Nghi Tiết Đại Đàn Tiểu Đàn*" nầy, Ngài Tiếp Lễ Nhạc Quân Cao quỳnh Diêu, tức Cao Mỹ Ngọc, viết Lời tựa:

"LỄ là một việc rất trọng hệ, vì là cái hình thể của nền Đạo phô bày ra trước mặt người.

Chư Đạo hữu cần phải để công xem sóc nhắc nhở nhau mà gìn giữ tư cách trong mỗi khi hành lễ cho trang hoàng, hầu tỏ tấc lòng thành kỉnh của mình cùng Đức Chí Tôn và chư Tiên Phật Thánh Thần, lại cũng là một phương châm về đường phổ độ nữa.

Mỗi khi chúng ta hành lễ, thì người ngoại Đạo sẵn ý xem vào mà phân biệt Tà Chánh một ít của nền Đạo trong đó, vì Đạo là việc nhiệm mầu huyền bí rất sâu xa, người ngoài nào thấu đặng, duy có chăm nom cách cử chỉ của chúng ta trọng kỉnh các Đấng thế nào, thì đủ cho người vẽ ảnh Đạo ra thế nấy mà thôi.

NHẠC cũng là một việc cần yếu, vì là phương làm cho đầm ấm tao nhã cốt để dìu dẫn giúp cho thành Lễ, ra vẻ long trọng, vì đã che lấp các việc xao động trong cơn hành lễ, trên thì hiến cái vẻ tiêu tao phù trầm cho các Đấng, dưới là làm cho chúng ta, vì nghe đặng cái giọng tao nhã, nhặt khoan,

hoặc có lúc vì tiếng nhạc trổi mà lòng ta vẫn hân hoan mà quên bẵng cái mỏi mệt trong cơn hành lễ hoặc có khoản vì cái thức phù ba của giọng đờn mà làm cho ta yên tịnh, mới có thể thiền tâm vọng cầu các Đấng cho thấu đáo.

Có câu phương ngôn của bậc hiền triết miền Âu rằng: "*La musique adoucit les moeurs*", lại có nói rằng: "*Nếu muốn biết sự tấn hóa của một sắc dân, sau sẽ trở nên thế nào, thì duy có xem trong nét văn chương và nghe giọng nhạc của sắc dân ấy cũng đủ hiểu trước.*" Huống chi Đấng Chí Tôn ra công khó nhọc khai sáng cho ta một nền Đại Đạo như vầy, lại dìu dẫn ta từ bước, mà ta lại chẳng để hết tâm chí chấn chỉnh nghề Nhạc cho hoàn toàn hầu gìn giữ đường tấn hóa cho nền Đạo sao?

Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 20–4–Kỷ Tỵ (1929)

LỄ NHẠC QUÂN

Cao Mỹ Ngọc

Đầu năm Canh Ngọ (1930), Ngài Cao quỳnh Diêu được thăng lên phẩm Bảo Văn Pháp Quân chánh vị đặng chỉnh đốn Lễ Nhạc cho hoàn toàn, cho tới ngày Thành Đạo.

Năm 1932, Ngài Cao quỳnh Diêu viết bài Kinh Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu, cũng được dâng lên Bát Nương DTC chỉnh văn lại, dùng để làm Kinh Cúng Tứ Thời Đức Phật Mẫu.

Đầu năm Giáp Tuất (1934), nền Đạo chinh nghiêng vì có sự chia rẽ trong nội bộ các Chức sắc lãnh đạo cao cấp, để rồi sau đó, một vài Chức sắc cao cấp tách ra lập Chi phái chống lại Tòa Thánh Tây Ninh, đứng đầu là 2 Ngài Quyền Đầu Sư Thượng Tương Thanh (Nguyễn ngọc Tương) và Ngọc Trang Thanh (Lê bá Trang). Ngài Bảo Văn Pháp Quân cũng bị Chi phái lôi kéo làm cho Ngài phân vân. May nhờ

Đức Thái Thượng Đạo Tổ giáng cơ khuyên nhủ, phân tách cho thấy điều hơn lẽ thiệt, làm cho Ngài thức tỉnh, quyết phụng sự Đạo nơi Tòa Thánh Tây Ninh.

Bài giáng cơ của Đức Thái Thượng ngày16–7–Giáp Tuất (dl 25–8–1934) khá dài, xin trích ra một đoạn:

"Nền Đạo đã chia ba, theo lời Bần Đạo đã nói, Mỹ Ngọc Hiền hữu muốn lập công nơi nào? Tòa Thánh, Trung Ương, Hậu Giang?

Mỹ Ngọc bạch: Nơi Tòa Thánh.

– Tòa Thánh là gốc cội của Đạo, nếu muốn lập công nơi đó, vì Thầy đã dạy, thì nên làm đi, cách xây đổi phương lược tùy cơ ứng biến, ấy là cơ nghiệp riêng của mỗi Đạo hữu, *Bần đạo không dám dạy, nếu chờ thì phải trễ chăng? Hiền hữu nên xét, Đời khác Đạo khác, những sự lỗi lầm của mình tạo khổ cho mình mà nguyên nhân vẫn cứ huyền bí, mắt thịt tâm phàm chưa dễ độ đặng, nên xét cho xa."* (TNHT. II. 96)

(Phần công nghiệp hành Đạo của Ngài Bảo Văn Pháp Quân, xin độc giả xem nơi bài Điếu Văn của Đức Cao Thượng Sanh).

Ngài Bảo Văn Pháp Quân đăng Tiên vào ngày mùng 4–9–Mậu Tuất (dl 16–10–1958, tại Văn Phòng Trung Tông Đạo, trong Nội Ô Tòa Thánh, hưởng thọ 75 tuổi.

Hội Thánh tổ chức Lễ Đạo Táng cho Ngài rất trọng thể.

Sau đây là Bài Ai Điếu của Đức Thượng Sanh Cao hoài Sang, đọc trong Lễ An Táng Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao quỳnh Diêu ngày 6–9–Mậu Tuất (dl 18–10–1958):

Kính thưa quí Quan chức,
Kính thưa quí Quan khách,
Kính thưa quí Ông, quí Bà,

Thay mặt Hội Thánh HTĐ, tôi xin thành thật để lời cám ơn quí vị không nệ đường sá khó nhọc, có lòng chiếu cố đến dự lễ an tọa liên đài của Đạo huynh chúng tôi là Ngài Bảo văn Pháp Quân Cao quỳnh Diêu, một vị trong hàng Thập nhị Bảo Quân.

Kính thưa Hội Thánh và toàn Đạo Lưỡng phái,

Trước liên đài, tôi xin nhắc lại công nghiệp của Ngài Bảo Văn Pháp Quân, đã hết lòng tận tụy sứ mạng thiêng liêng và trải qua bao nhiêu khổ cực để góp phần xây dựng nền Đại Đạo trong lúc ban sơ.

Hưởng thọ 75 tuổi, Ngài Bảo Văn Pháp Quân sanh trưởng tại làng Hiệp Ninh, tổng Hàm Ninh Thượng, thuộc tỉnh Tây Ninh, trong một gia đình thế phiệt Nho phong.

Cụ thân sinh Ngài có 3 người con trai, mà Ngài là Anh cả, và kế Ngài là Đức Cao Thượng Phẩm của ĐĐTKPĐ.

Ngài là một vị trong Chức sắc HTĐ mà buổi Đạo mới khai, Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng liêng đã đến dìu dắt trước nhứt để giao phó sứ mạng thiêng liêng sử dụng cơ bút đặng độ nhơn sanh nhập vào cửa Đại Đạo.

Đầu năm 1926, tức là năm Bính Dần, một lượt với chư vị Chức sắc cao cấp HTĐ, Ngài đắc lịnh nâng loan, hiệp với Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt, lúc đương phẩm Đầu Sư, và các vị Đại Thiên phong CTĐ đi phổ độ khắp các tỉnh, nhứt là các tỉnh trung ương và miền Tây Nam Việt.

Mặc dầu còn giúp việc cho một hãng tư, Ngài không nệ cực nhọc gắng làm tròn nhiệm vụ trong 2 năm Bính Dần và Đinh Mão (1926 và 1927), là 2 năm mà Đức Chí Tôn cho huyền diệu cơ bút, thâu nhập môn gần một triệu tín đồ, đem lại cho nền Đạo một thắng lợi vẻ vang về mặt tinh thần cũng như về mặt phổ thông Chơn Đạo.

Ngài thọ phong Tiếp Lễ Nhạc Quân năm Đinh Mão (1927), qua năm Kỷ Tỵ (1929) lối tháng 10, mặc dầu hưởng lương bổng trọng hậu, Ngài phế đời về Tòa Thánh hiến thân lo Đạo, giúp Hội Thánh sắp đặt nội bộ và nhứt là góp công trong việc nâng loan cho Đức Chí Tôn và các Đấng dạy truyền Đạo lý.

Đầu năm Canh Ngũ (1930), được đắc phẩm vị Bảo Văn Pháp Quân, Ngài cố tâm chấn chỉnh Lễ Nhạc, ra công dạy Nhạc cho ban Nhạc sĩ tại Tòa Thánh, từ điệu nghệ cầm roi trống cho tới bài bản Âm nhạc.

Đến cuối năm Canh Ngũ (1930), Ngài rủi bị nạn hỏa tai, cả nhà cửa sự nghiệp bị thiêu hủy, nên vi sinh kế Ngài trở về Phú Nhuận (Gia Định).

Kể một thời gian qua, Ngài hiệp với mấy bạn Thập nhị Thời quân HTĐ để gầy dựng cơ quan tái lập tại Thánh Thất Từ Vân nơi Phú Nhuận, lo chú giải Tân Luật, Pháp Chánh Truyền và lập Luật điều phụ thuộc, để sau nầy giúp cho Chức sắc dễ thi hành phận sự.

Mãi đến năm Canh Dần (1950), Ngài trở về Tòa Thánh, quyết lòng cộng tác với Chức sắc cao cấp HTĐ lo làm phận sự.

Nhưng từ ấy đến sau, vì tuổi cao sức yếu, Ngài không thể đảm đương nhiệm vụ chung lo với Hội Thánh, hơn nữa Ngài đã phế cả sự nghiệp vì chủ nghĩa của Đạo và bởi đó, Ngài chịu lắm vất vả về mặt vật chất, xác thân càng tiều tụy hao mòn.

Vừa rồi Ngài ngọa bịnh không mấy ngày, bỗng phút vĩnh biệt cố thân, xa miền dương thế.

Hôm nay, Ngài Bảo Văn Pháp Quân đã ra người thiên cổ. Tuy đã biết nợ Đạo rồi xong, tuồng đời chấm dứt, Ngài

trả xác thân lại cho gió bụi để về với Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ, và rồi đây chúng tôi có thể tiếp xúc với Ngài bằng huyền diệu cơ bút.

Nhưng trước cảnh tử biệt kẻ mất người còn, chúng tôi không khỏi ngậm ngùi mến tiếc khi nhớ đến bạn đồng thuyền đã cùng chúng tôi chia sớt ấm lạnh mặn nồng và chung lưng đâu cật trót hơn mấy mươi năm để mưu cầu hạnh phúc cho nhơn loại.

Vậy nơi đây là nơi an nghỉ giấc ngàn thu, chúng tôi thành kỉnh nghiêng mình để bái biệt liên đài lần cuối cùng và xin thành tâm cầu nguyện cho Ngài được hưởng đầy ân huệ của Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu nơi cõi TLHS.

Tòa Thánh, ngày 6–9–Mậu Tuất (dl 18–10–1958)

Thay mặt Hội Thánh HTĐ

THƯỢNG SANH

Cao hoài Sang

Nguyên căn của Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao quỳnh Diêu là Liên Huê Tiên, một vị Tán Tiên mà vị Đệ nhứt Tổ Sư là Đông Phương Sóc, Đệ nhị Tổ Sư là Tây Phương Sóc. Trong Truyện Phong Kiếm Xuân Thu, Liên Huê Tiên có phép thuật rất huyền diệu, khi gặp biến thì miệng nhả ra một cái bông sen để chống đỡ. Liên Huê Tiên có theo Đông Phương Sóc xuống trần giúp Liễu Nhứt Chơn Nhơn Tôn Tẫn đánh lại Hải Triều Thánh Nhân.

Thời Tam Kỳ Phổ Độ, Liên Huê Tiên chiết Chơn Linh giáng trần là Ngài Cao quỳnh Diêu để làm tướng soái cho Đức Chí Tôn mở Đạo.

Do đó, lúc ban sơ, còn xây bàn năm 1925, Liên Huê Tiên có giáng, kêu ngay Mỹ Ngọc, dặn do:

"Mỹ Ngọc! Nghe Lão:

Hoành thượng đơn khai chí bách thiền,
Hựu tu chưởng hiệp khởi tranh liên.
Mật đài khánh nhựt khinh hành định,
Cửu tái quang minh đắc cộng niên.
Mật sự khá kiếm hiểu."

LIÊN HUÊ TIÊN

Thuở sanh tiền, Ngài Bảo Văn Pháp Quân là một thi sĩ có tiếng trên thi đàn. Sau đây xin trích tượng trưng vài bài thi của Ngài:

NGỤ ĐỜI

Tuồng đời mộng ảo có chi mong,
Giành giựt càng thêm lấm bụi hồng.
Phú quí dường mây treo trước gió,
Lợi danh như bọt nổi trên dòng.
Gặp cơn nước đổ giông tuông đến,
Là buổi mây tan, bọt há còn?
Nào bẵng lánh mình xa bến tục,
Lần theo Chơn Đạo bước thong dong.

TRÒ ĐỜI

Dừng chơn toan hỏi thử trò đời,
Ngảnh lại tuổi đầu đã sáu mươi.
Thấy nẻo công danh thêm chán ngán,
Dòm gương phú quí bắt buồn cười.
Đai cân mượn vẻ như con hát,
Chung đỉnh bày trò ấy chuyện chơi.
Sao bẵng đưa chơn theo hạc nội,
Ven mây lần bước đến thang Trời.

CAO LIÊN TỬ

Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao quỳnh Diêu giáng cơ:

Đêm 12–9–Mậu Tuất (dl 24–10–1958), tức là sau khi Ngài Diêu mất được 8 ngày, Ngài giáng cơ tại Trung Tông Đạo,

- PHÒ LOAN: Huệ Chương và Nữ Giáo Hữu Hương Cường.

BẢO VĂN PHÁP QUÂN CAO QUỲNH DIÊU

Chào tất cả mấy em Nam Nữ và mấy con,

Bần đạo có mấy lời nầy để mấy em và mấy con được hiểu: Bần đạo rất mừng được mấy em và mấy con lo lắng cho Bần đạo. Vậy Bần đạo hết lòng cảm tạ.

Bần đạo được Đức Phật Mẫu ban ân, nên được nhẹ nhàng lo phổ độ vô vi nơi miền Á Đông cùng mấy bạn tiền bối.

Mấy em và mấy con nên vui để lo phận sự tiếp tục. Bần đạo được đặc ân mới được về sớm để tạo nghiệp thiêng liêng, công quả như thế để kịp buổi Long Hoa Đại Hội.

Bà Ngoại con Vân, rán lo phục dược ân cần, chớ nên âu sầu theo thường tình. Bần đạo mất cũng như còn, chớ đâu phải biệt tích mà buồn. Nên tự giải mới là hiểu Đạo đó, có Bần đạo trợ giúp luôn về vô hình. Hiện giờ Bần đạo thơ thới, chớ không phải khổ nhọc như hồi sanh tiền. Nên vui mừng cho Bần đạo đã thoát khổ.

Có Phối sư Thái Hào Thanh ở nhà không?

Bạch: Ông Phối Sư Hào đã vào nghỉ tại Nội Chánh.

Nói lại, Bần đạo rất cám ơn về sự hết lòng với Bần đạo buổi chung qui, và xin cảm tạ ơn Hội Thánh Hiệp Thiên, Cửu Trùng Nam Nữ và Phước Thiện, toàn thể Trung Tông, tất cả Giáo Viên Đạo Đức Học Đường và toàn Đạo.

Sự dĩ định của Thiên Thơ đúng theo với thời cơ xây

chuyển. Kiếm Thánh giáo cũ xem lại thì thấy rõ. Mấy em và mấy con cần cấp lo bồi đắp công quả thiêng liêng cho kịp buổi, đừng để mất thì giờ, vì cơ mầu nhiệm mắc lắm đó, khó đoán được.

THĂNG.

Đàn cơ đêm 26–11–Mậu Tuất (dl 5–1–1959) tại Giáo Tông Đường,

- PHÒ LOAN: Thượng Sanh – Tiếp Pháp. (8 giờ 30)

BẢO VĂN PHÁP QUÂN CAO QUỲNH DIÊU

Chào Hai em Thượng Sanh và Tiếp Pháp, và mấy em.

Cười...

Tiếp Pháp! Bây giờ Bần đạo hết rệu rồi nghe không! Nhớ lại buổi trước còn nằm dầm tại Trung Tông thì chán quá! Đi ở cũng là sự thường. Đi rồi ngảnh lại thương mấy bạn còn ở phải chịu bao nhiêu nhọc nhằn tâm trí, nhưng đó là nhiệm vụ của mỗi bạn do Đức Chí Tôn sắp đặt.

Bần đạo nhờ từ tâm của Phật Mẫu và Cửu vị Phật Nương DTC nên cũng đặng phần ân huệ thiêng liêng.

Hiện giờ, Bần đạo hiệp với mấy bạn của chúng ta nơi Thiêng liêng tiếp tục làm công quả về mặt phổ độ Á Châu.

Bần đạo có lời hiến chư quí bạn:

Đau khổ ném xong cái gánh trần,
Nhẹ nhàng mới toại chí thanh vân.
Đường mây vừa thoát tầm sông lệ,
Cánh hạc vui qua tận đảnh thần.
Công lớn chưa ghi trang sử đạo,
Nghiệp hồng còn tiếp dựng nền nhân.
Giựt mình hối tiếc bao tâm sự,

Nhắn bạn trường tu gắng vẹn phần.

Thượng Sanh cùng cả thảy mấy bạn, Bần đạo xin để lời cám ơn, thôi xin kiếu.

THĂNG.

DANH NHÂN
CỜ QUAN PHƯỚC THIỆN

PHỐI THÁNH
PHẠM VĂN MÀNG
(1888–1933)

Ngài Phạm văn Màng, sanh năm Mậu Tý (1888) tại làng Thanh Phước, quận Gò Dầu Hạ, tỉnh Tây Ninh. Thân phụ là Cụ Phạm văn Nhơn, thân mẫu là Bà Trần thị Tơ, gia đình lễ giáo Nho gia.

Thuở nhỏ, Ông Màng được cha mẹ cho đi học chữ Nho độ 4 năm, sau đó theo học chữ quốc ngữ và chữ Pháp.

Năm 18 tuổi, Ông cưới vợ, Cô Trịnh thị Bền, người cùng

làng. Hai vợ chồng sanh đặng tất cả 7 người con, nhưng chỉ nuôi được 1 trai và 3 gái: Một trai tên là Phạm văn Xạnh (về sau đắc phong phẩm Chơn Nhơn, chết), 3 gái tên là: Phạm thị Xia (Giáo Thiện, chết), Phạm thị Hỏi (Giáo Thiện, chết), Phạm thị Xong (Giáo Thiện, hiện được 73 tuổi tính đến năm 1996, có chồng là Lê ngọc Lượm).

Ông Màng được Ban Hội Tề trong làng cử làm Phó Hương Quản.

Ngày 21–12–Bính Dần, Ông Màng đến Thánh Thất tại chùa Gò Kén để tìm hiểu sự huyền diệu của Đức Chí Tôn và Ông thành tâm xin nhập môn vào Đạo Cao Đài ngay hôm đó.

Khi quí Chức sắc Thiên phong vâng lịnh Đức Lý Giáo Tông đi mua đất rừng tại làng Long Thành để cất Tòa Thánh làm nền tảng cho Đạo, Ông Màng liền xin từ chức Phó Hương Quản để trọn hiến thân làm công quả cho Đạo.

Ông được Đức Cao Thượng Phẩm và Phối Sư Thái Bính Thanh cho phép về quê mộ nhân viên công quả lên tiếp sức khai phá rừng, tạo tác xe bò để chuyên chở và làm những lâm cụ cần thiết. Ông đã hoàn thành công tác và cùng với anh em công quả cất một dãy nhà ở Đông Lang bằng cây lợp tranh để Chức sắc và khách thập phương có nơi tạm nghỉ.

Ngài Phối Sư Thái Bính Thanh dạy Ông về làng mộ thêm công quả nữa để tiếp tục khai phá rừng làm những con đường trong Nội Ô. Ông Màng đều hoàn thành tốt đẹp.

Dưới sự chỉ dạy của Đức Cao Thượng Phẩm, Ông Màng đã góp phần đắc lực vào những công việc quan trọng như cất Tòa Thánh tạm, Hậu Điện, Đông Lang, Tây Lang, Phòng Trù, Nhà khách.

Năm 1928, cơ khảo Đạo xảy ra, Đức Cao Thượng Phẩm

bị một nhóm người dùng bạo lực đuổi ra khỏi Tòa Thánh, Ông Màng cùng với Lễ Sanh Trịnh Phong Cương phò tá Đức Cao Thượng Phẩm về khu đất của gia đình Đức Ngài ở gần Giếng Mạch Tây Ninh, rồi cùng với một số bạn đạo tạo dựng nơi đây một ngôi nhà, được Đức Cao Thượng Phẩm đặt tên là Thảo Xá Hiền Cung để làm nơi dưỡng tu cho Đức Ngài.

Năm 1929, Đức Cao Thượng Phẩm đăng Tiên. Sau khi lo việc đám táng cho Đức Ngài xong thì 2 Ông Màng và Cương lui về quê nhà. Ông Màng nhận chức Phó Trị Sự để tiếp tục lập công quả.

Đầu năm Canh Ngọ (1930), Đức Phạm Hộ Pháp vâng lịnh Đức Chí Tôn lập Phạm Môn để tận độ nhơn sanh. Ông Màng vội thu xếp công việc gia đình, từ chức Phó Trị Sự, trở lên Tòa Thánh hội hiệp cùng các bạn đạo trung kiên buổi trước xin hiến thân trọn đời vào Phạm Môn để lập công quả.

Đức Hộ Pháp giao cho Ông Màng trách nhiệm Cai quản Sở Trường Hòa, điều động 50 anh em công quả, trong đó có một số người Tần (người Miên) khuếch trương Lương điền Công nghệ, tạo nguồn sống khá dồi dào cho Đạo. Ông Màng về điều độ gia đình gồm vợ và 4 đứa con cùng theo Ông lên Tòa Thánh, cùng làm công quả nơi Sở Trường Hòa, và hiến thân trọn đời vào Phạm Môn.

Trong thời gian Ông Màng làm Cai Sở Trường Hoà, Ông bị một số người đứng đơn vu oan Ông gồm 36 khoản tố cáo lên Đức Hộ Pháp.

Đức Hộ Pháp gọi Ông lên để xét hỏi Ông có phạm vào các tội đó không?

Ông Màng nói: *Bạch Thầy, con có các tội đó, con xin nhận chịu và cúi đầu thọ tội.*

Đức Hộ Pháp hỏi: *Sao em dám phạm tội như vậy?*

Ông Màng cung kính đáp: *Bạch Thầy, các anh lớn con, mấy em con, không thương con, nói con như vậy, nếu mà con nói không có thì thành ra mấy anh em con nói không thật với Thầy. Thầy quở phạt anh em con tội nghiệp.*

Đức Phạm Hộ Pháp vốn đã rõ oan khúc của Ông, nhưng hỏi thử để xem Ông đối đáp như thế nào, nay nghe Ông Màng nói như vậy thì Đức Ngài nghẹn ngào đổ lụy. Đức Ngài an ủi Ông với một tình cảm thắm thiết giữa thầy và trò, và khuyến khích Ông cứ chí quyết quên mình để phụng sự Đạo pháp.

Ngày mùng 3–Giêng–Nhâm Thân (dl 7–2–1932), Đức Phạm Hộ Pháp lập hồng thệ cho 72 vị công quả Phạm Môn kỳ nhứt tại Sở Trường Hòa. Ông Màng đứng tên trong danh sách với số thứ tự 26, vợ Ông là Trần thị Bền cùng 4 con cũng được lập hồng thệ cùng với Ông. Về sau, Cô Trần thị Bền được Đức Lý Giáo Tông giáng cơ phong vào phẩm Lễ Sanh Giáo Thiện Nữ phái đêm 15–2–Ất Hợi (dl 19–3–1935), sau nầy, Cô được thăng lên phẩm Chí Thiện.

Sau 3 năm cai quản ổn định Sở Trường Hòa, Đức Phạm Hộ Pháp bổ Ông Màng qua làm Cai Sở Bàu Sen để khuếch trương thêm.

Làm Cai Sở Bàu Sen được gần một năm thì Ông Màng lâm bịnh nặng. Đức Hộ Pháp thường đến thăm và tặng thuốc cho Ông uống.

Ngày 27–9–Quí Dậu (dl 14–11–1933), Ông Thần Võ văn Thoàn (một vị công quả trong Phạm Môn đã qui vị trước đây và đắc Thần vị), về cơ bạch với Đức Phạm Hộ Pháp rằng: "*Đắc lịnh Trần văn Xương (Thần Hoàng Long Thành), chư Địa Thần lo nghinh tiếp Phối Thánh Phạm văn Màng.*"

Đúng 12 giờ khuya, tức 00 giờ ngày 1–10–Quí Dậu (dl 18–11–1933) Ông Phạm văn Màng nhẹ nhàng thoát xác tại Sở Quảng Nghệ, hưởng được 46 tuổi.

Linh cữu được quàn tại Sở Quảng Nghệ 3 ngày, Đức Hộ Pháp đứng chủ sự đám táng, hành pháp độ thăng và có thuyết minh cho toàn thể tín đồ tham dự đám táng biết rằng, Ông Phạm văn Màng đã đắc Thánh vị, phẩm Phối Thánh.

13 ngày sau, tại đàn cơ nơi Phạm Nghiệp, Đức Phạm Hộ Pháp và Ngài Bảo Văn Pháp Quân phò loan, vị Thần Võ văn Thoàn về cơ bạch với Đức Phạm Hộ Pháp: "*Phạm văn Màng đã đắc Thánh vị, và xin tái kiếp hành đạo vì Ông chưa thỏa nguyện công nghiệp hành đạo.*"

Đức Phạm Hộ Pháp không cho Ông Màng tái kiếp vì e không kịp với Cơ Chuyển thế của Đức Chí Tôn.

Sự đắc Thánh của Ông Phạm văn Màng tỏ ra một cách rõ ràng rằng: **Dù phẩm vị tại thế gian thấp kém, nhưng công hạnh và tâm đức đầy đủ, trọn vẹn phế đời hành đạo, trọn tâm trọn chí lập công bồi đức thì nhứt định sẽ đạt được phẩm vị cao trọng xứng đáng nơi cõi thiêng liêng.**

Đức Chí Tôn đã từng dạy rằng:

"***Thầy lập cho các con một trường thi công quả, các con muốn đến đặng Cực Lạc thì phải đi tại cửa nầy mà thôi.***"

Ngày 15–3–1938, Đức Phạm Hộ Pháp Chưởng quản Nhị Hữu hình Đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng, đã ký Đạo Nghị Định số 7/PT truy phong Ngài Phối Thánh Phạm văn Màng vào phẩm THÁNH NHƠN của Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng của Hội Thánh Phước Thiện, cùng với một số Chức sắc PT hữu công khác đã qui liễu, cũng được truy phong lên các phẩm Đạo Nhơn, Chí Thiện, vv...

Văn Phòng PHẠM HỘ PHÁP

Số: 7 / PT

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Thập nhị niên)

Tòa Thánh Tây Ninh

ĐẠO NGHỊ ĐỊNH

Chiếu y Pháp Chánh Tuyền ban quyền hành cho Giáo Tông và Hộ Pháp,

Chiếu y Tờ Vi bằng của Đại Hội Phước Thiện ngày mùng 9 tháng Giêng năm Mậu Dần (1938) công cử những vị hữu công cùng Cơ Quan Phước Thiện vào hàng truy phong Nam phái theo kỷ luật Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng.

Chiếu theo hồ sơ công nghiệp của mỗi vị,

Nghĩ vì những vị kể tên dưới đây tận tâm cùng Cơ Quan Phước Thiện từ buổi ban sơ cho đến ngày qui liễu, nên:

NGHỊ ĐỊNH

❖ ĐIỀU THỨ NHỨT: Ban hành cho toàn đạo đều rõ, những vị dưới đây đặng truy phong vào hàng Chức sắc PT:

I. THÁNH NHƠN:

1. **Phạm văn Màng**, 46 tuổi, ở làng Thanh Phước, Tổng Mỹ Ninh, Tây Ninh.

II. ĐẠO NHƠN:

2. ... ...

❖ ĐIỀU THỨ NHÌ: Trần Khai Pháp HTĐ Chưởng quản Cơ Quan Phước Thiện ĐĐTKPĐ và Quyền Ngọc Chánh Phối Sư, mỗi vị tùy phận sự của mình, lãnh thi hành Đạo Nghị Định nầy.

Lập tại Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 14–2–Mậu Dần.
(Le 15 Mars 1938)

HỘ PHÁP
Chưởng quản Nhị Hữu hình Đài
Hiệp Thiên và Cửu Trùng
(ấn ký)
PHẠM CÔNG TẮC

Ngày 14–11–Mậu Tý (dl 14–12–1948), Đức Phạm Hộ Pháp Chưởng quản Nhị Hữu hình Đài ký Thánh Lịnh cho Hội Thánh hằng năm cử hành Lễ Vía Kỷ niệm Nhị vị Phối Thánh Phạm văn Màng và Bùi ái Thoại, vì công nghiệp của Nhị vị Phối Thánh từ buổi ban sơ đã được Ngọc Hư Cung nhìn nhận, cùng đặc ân của Quyền Chí Tôn ân tứ.

▸ GHI CHÚ: Vị Thần Võ văn Thoàn và Phối Thánh Phạm văn Màng, lúc ở thế là 2 anh em bạn rể, Ông Thoàn vai anh. Cả 2 vị đều là đệ tử của Phạm Môn, được Đức Phạm Hộ Pháp điểm đạo cho lập Hồng Thệ Đào Viên Pháp cùng một lượt tại Sở Trường Hòa ngày 3–Giêng-Nhâm Thân. Ông Thoàn qui liễu trước và đắc Thần vị.

Đức Phạm Hộ Pháp có cho đôi liễn đặt trên Bàn đưa:

VÕ phong trần khổ thoát,
THOÀN pháp cảnh Tiên du.

BÀI THÀI hiến lễ Ngài Phối Thánh Phạm văn Màng:

1.

May sanh trọn kiếp vốn hiền lương,
Nẻo Thánh từ xưa giữ một đường.
Đoạt đạo nhờ Thầy dìu bước tục,
Thiên ân hạnh hưởng phước thuần dương.

2.

Dương trần chạnh nhớ bạn đồng môn,
Khổ nhọc lao lung chịu dập dồn.
Độ thế Thầy nêu cờ cứu khổ,
Chỉ phiền thế tục dốt tầm chơn.

3.

Tầm chơn đã có mặt Chơn Sư,
Hưởng phước ban cho lại chối từ.
Quyền lợi đổi trao nền hạnh phúc,
Mà ra khổ hải chịu đồ lưu.

Theo sự giải thích của Ông Nhạc Sư Trần thiện Niệm, khi tế Ngài Phối Thánh Phạm văn Màng, trước hết đồng nhi thài bài Tuần Hương: "*Nghệ hương hiến, nghệ hương tiền*".

– Đến Tuần Hoa thì đồng nhi thài Bài 1.

– Đến Tuần Tửu thì đồng nhi thài Bài 2.

– Đến Tuần Trà thì đồng nhi thài Bài 3.

Phối Thánh Phạm văn Màng rất thường giáng cơ.

Năm 1935, Ngài giáng cơ nói chuyện với 20 vị Lễ Sanh Giáo Thiện đầu tiên, có cho bài thi:

THI:

Trường công thấy bạn những xôn xao,
Nhớ đến tình xưa bắt nghẹn ngào.
Dặm thảm thương ai đang để bước,
Cõi Thiên ôm dạ chịu riêng đau.

Báo Ân Từ, đêm 7–11–Mậu Tý (dl 7–12–1948),

- PHÒ LOAN: Hộ Pháp – Khai Pháp.

Phối Thánh Màng giáng cơ:

PHỐI THÁNH PHẠM VĂN MÀNG

– Bạch Sư phụ, con là Màng đây.

– Hễ thấy nhau thêm tủi.

– Xin chào mấy vị Sư thúc, mấy bạn, mấy em.

– Bạch Sư phụ, khi Sư phụ bị đồ lưu thì con và "*Nhượng*" vẫn gần bên, Nhượng và con đã chán thấy điều phản phúc của nhiều người. Nếu chẳng quả Thiên Thơ định trấn Thánh thì mấy kẻ ấy đã bị hai con tàn hại. Lẽ định là sanh Thánh chớ không phải tử Thánh. Nhưng Thiên Thơ biến chuyển, ngày nay họ vẫn còn ra vào Ngọc Hư Cung đợi án. Tiếc thay cho một kiếp sanh, đã gặp Phật mà không thấy Phật thì Thiên vị lấy đâu mà định đặng?

Các bạn Phạm Môn! Khá để ý cho lắm nghe! Một lời quở cũng đủ sa đọa, đừng gây tội tình mà khổ đa.

Thưa các bạn, Anh "*Linh*" ngày giờ nầy đã ra thân phận một người phụ nữ, hại nỗi lại tái sanh nơi cửa cướp đảng côn đồ, biết có nhớ thân mà tầm đạo.

Thưa cùng Sư Mẫu rằng: Cô "*Bền*" đã an phận nơi Bạch Thiên Cung. Còn mấy bạn kia cũng có phần đoạt vị mà cũng có tái kiếp. Chị "*Yến*" đương hành đạo tại Trung Huê, vì sanh tiền chị đã đại nguyện độ rỗi Đường nhơn. Nói với anh "*Tiểu*" rằng: Con nhỏ đã theo má nó.

Thường thường các bạn tuy không thấy chớ chúng tôi hằng về thăm viếng.

Anh "*Thế*" còn hầu ở Cung Hiệp Thiên Hành Hóa, có mảy mún lỗi lầm chẳng chi trọng hệ mà phòng ngại.

Các anh em đã qui liễu thì về chung một chỗ với nhau hết. Mấy anh em đừng lo ngại, chỉ lo TU và theo chơn Sư phụ là đủ. Em nhượng cơ cho Phối Thánh Thoại.

Thăng.

PHỐI THÁNH
BÙI ÁI THOẠI
(1909–1946)

Ngài Bùi ái Thoại, tên thật là Bùi văn Dậu, sanh năm Kỷ Dậu (1909) (Theo lời thuật lại của Ông Văn hiếu Liêm ở Phạm Nghiệp, khi Ngài Bùi văn Dậu nhập môn cầu Đạo thì Ngài đổi tên là Bùi ái Thoại, (Ái là yêu, Thoại là tiếng lời nói) ý nghĩa là Ngài yêu tiếng gọi của Hội Thánh nên nhập môn và hiến thân làm công quả cho Hội Thánh. Nhưng Sớ Cầu Đạo của Ngài thì ghi

tên là: Bùi ái Thại, sanh năm 1913 (Quí Sửu). Hiện ngôi mộ của Ngài tọa lạc tại Nghĩa địa Cực Lạc cũ, bên cạnh Thánh Thất Phận Đạo Đệ Tứ, và trên mộ bia lại ghi năm sanh của Ngài là 1908 (Mậu Thân).) tại làng Hậu Thành, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè tỉnh Mỹ Tho. Nghề nghiệp: Thợ vẽ.

Thân phụ là Bùi văn Hên (Đội Trưởng của Nam triều) và thân mẫu là Huỳnh thị Ngà (có chỗ chép là Nguyễn thị Ngà).

Ngài Bùi Ái Thoại nhập môn vào Đạo Cao Đài ngày mùng 7–10–Đinh Mão (dl 1–11–1927) tại Hậu Thành, Cái Bè, và cũng từ ngày nầy, Ông hiến thân làm công quả nơi Sở Lương điền Công nghệ Quận Đạo Cái Bè.

Thân phụ của Ngài Bùi ái Thoại xuất thân từ võ quan của triều đình Huế, người miền Trung, vì sanh kế phải vào Nam lập nghiệp, mới gặp thân mẫu của Ngài ở Cái Bè, nên nếp sống gia đình chịu ảnh hưởng Nho phong. Ông Bà sanh con đông, nhưng không nuôi được vẹn toàn, chỉ còn Ngài Bùi ái Thoại là con độc nhứt, nhưng Ông Bà lại mất sớm lúc Ngài Bùi ái Thoại còn niên thiếu.

Tuy còn nhỏ tuổi, nhưng nhờ hấp thụ sự giáo hóa của gia đình nên Ngài Thoại được bà con chòm xóm thương mến, nhất là tánh chất của Ngài rất hiền hòa chơn thật.

Khi Đạo Cao Đài vừa truyền đến quê của Ngài thì Ngài liền nhập môn cầu Đạo, rồi làm tờ hiến thân vào Sở Lương điền Công nghệ tại Quận đạo Cái bè. Năm ấy, Ngài được 19 tuổi.

Năm 1933, Ngài Thoại được 25 tuổi, Ngài lập gia đình, vợ của Ngài cũng ở Cái Bè, sanh được một đứa con gái, rồi chẳng may, vợ của Ngài đau bịnh qua đời, để lại gà trống nuôi con. Chẳng bao lâu sau, đứa con gái thân yêu cũng bị

bịnh chết. Ngài trở nên bơ vơ một mình, nhưng vẫn đối xử với cha mẹ vợ rất hiếu kỉnh như đối với cha mẹ ruột, hòa mục cùng anh em trong nhà, khiến mọi người đều thương mến, đồng Đạo nể vì.

Năm Ất Hợi (1935), có lịnh của Hội Thánh mộ công quả lên Tây Ninh xây cất Tòa Thánh, Ngài liền xin phép cha mẹ vợ để đi lên Tây Ninh hiến thân làm công quả.

Ngài có tức cảnh làm bài thi:

Xót cảnh cuồng phong chiết cội ngô,
Khách trần sống sót bại cơ đồ.
Hai năm thê phụng người tròn tiết,
Thảm đạm hài nhi xót cụm mồ.
Thệ hải lời vàng cam lỗi hẹn,
Than ôi! Ai lỡ nhịp cầu ô.
Thủ trinh cùng nghĩa duyên trăm nguyện,
Toan tránh đường ba niệm Nam-Mô.

Ngài Thoại lên Tây Ninh trình diện Đức Phạm Hộ Pháp, được bổ vào Sở Bò Cạp lập công năm 1936 (Bính Tý).

Đức Phạm Hộ Pháp định khởi công cất Tòa Thánh, nên ra Châu Tri kêu mộ nhơn công của các cơ sở, ai có biệt tài gì thì ra giúp Hội Thánh đặng tạo tác Tổ Đình. Ngài Thoại đến trình diện, và được giao trách nhiệm Tá Lý Sở Đắp Vẽ.

Nhờ được sự chỉ dạy của Đức Phạm Hộ Pháp, Ngài Bùi ái Thoại trở nên là một nhơn tài trong nghề đắp vẽ, trên được yêu mến tín nhiệm, dưới được em út kỉnh vì.

Công việc tạo tác Tòa Thánh mới được chừng 80 % thì có lịnh nhà cầm quyền Pháp bắt đình chỉ.

Ngày mùng 4–6–Tân Tỵ (dl 28–6–1941) nhà cầm quyền Pháp vào Tòa Thánh bắt Đức Phạm Hộ Pháp, mặc dầu trước đó, Đức Ngài đã bày tỏ lập trường và tôn chỉ của Đạo Cao

Đài qua Tờ Phúc Trình gởi quan Chủ trưởng Ủy Ban Điều Tra các thuộc địa ngày 12–12–1937, và khi Thế Chiến thứ 2 bùng nổ, Đức Ngài kêu gọi Đạo hữu tùng quân giúp vào đội Công binh của Pháp. Nghĩa cử xem thù là bạn, lấy ơn đáp oán, trong thế kỷ 20 nầy, chỉ có 2 vị siêu nhân của nhơn loại là Thánh Gandhi ở Ấn Độ và Đức Phạm Hộ Pháp ở VN mà thôi. (Ông Gandhi kêu gọi dân Ấn Độ giúp quân đội Anh trong đội Hồng Thập Tự)

Sau khi nhà cầm quyền Pháp bắt Đức Phạm Hộ Pháp và 5 vị Chức sắc cao cấp của Đạo, chúng đe dọa và xua đuổi các Chức sắc, chức việc, và các công quả trong Nội Ô trở về nguyên quán.

Ông Tá Lý Bùi ái Thoại, một dạ trung thành với Đạo, không chịu trở về nguyên quán, mà ở lại tạm trú với anh em trong vùng Thánh địa, chờ ngày yên ổn để trở lại tiếp tục làm công quả nữa.

Ông Bùi ái Thoại ra hiệp với Ông Chí Thiện Lê văn Gấm tạo lập Lò chén thuộc Sở Công nghệ Giang Tân, trước có phương thế lo cho sự sống, sau là dạy nghề cho các công quả hầu đùm bọc nhau trong buổi nền Đạo chinh nghiêng.

Ngày 25–Giêng-Ất Dậu (dl 9–3–1945), quân đội Nhựt đảo chánh Pháp tại Sài gòn, Pháp đầu hàng. Quân đội Pháp phải rút khỏi Tòa Thánh Tây Ninh, Hội Thánh hoạt động trở lại. Ông Bùi ái Thoại liền về trình diện với Hội Thánh, xin tái thủ phận sự Tá Lý Sở Đắp Vẽ để tiếp tục tái thiết Tòa Thánh.

Trong thời gian quân Pháp chiếm đóng Nội Ô, chúng dùng Tòa Thánh làm nơi để xe, dùng Báo Ân Từ làm Câu lạc bộ, phá phách các dinh thự tan hoang, hư hao nhiều chỗ, nên công việc tái thiết rất vất vả và đòi hỏi nhiều công phu.

Mặc dầu Đức Phạm Hộ Pháp vẫn còn bị đồ lưu nơi Mã đảo, chưa trở về Tổ đình, nhưng Ông Tá Lý Bùi ái Thoại vẫn nhớ rất kỹ những lời chỉ dạy của Đức Phạm Hộ Pháp, những phát họa của Đức Ngài, nên khi Ông Thoại trở lại làm việc thì Ông đều làm đúng như lời Đức Phạm Hộ Pháp, không hề sai chạy. Ông hăng say làm việc ngày đêm, đôn đốc và khuyến khích anh em trong Sở đem hết khả năng tô điểm lịch xinh ngôi Tổ Đình, là khối Đức tin của toàn Đạo, trước trả hiếu với Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, sau trọn nghĩa với thầy là Đức Phạm Hộ Pháp, để khỏi uổng phí một kiếp sanh may duyên gặp Đạo.

Ông Tá Lý Bùi ái Thoại, như được Ơn Trên bố hóa tâm trí minh mẫn, tay nghề khéo léo, nên Ông đắp vẽ tượng cốt các Đấng Giáo chủ Tam giáo, Tam Trấn Oai Nghiêm, Đức Chúa Jésus, Đức Khương Thượng, các tượng của Bát Tiên và Thất Thánh trên tấm diềm nơi BQĐ, còn trước mặt tiền Tòa Thánh là tượng Đức Quyền Giáo Tông, Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh, tượng Đức Phật Di-Lạc trên nóc HTĐ, và sau cùng là tượng Tam Thế Phật trên nóc BQĐ.

Qua bàn tay khéo léo của Ông Bùi ái Thoại, hình tượng của các Đấng như sống động, uy nghi, vô cùng đẹp đẽ.

Ông Tá Lý Bùi ái Thoại có làm bài thi bày tỏ cảm xúc của mình trước cảnh tang thương của cuộc Đời:

Hè chí Thu sang tiết trở Đông,
Ưởm Xuân thoạt nhớ nợ tang bồng.
Quanh năm ngẫm lại buồn cho phận,
Chất tuổi càng thêm thẹn với lòng.
Ơn nước trót đời mang khó trả,

Nợ nhà mãn kiếp tính chưa xong.
Ngùi trông trăm họ vùi chung đỉnh,
Giành giựt giết nhau chẳng tưởng dòng.

Ông Bùi ái Thoại đem hết tâm trí và sức lực vào công cuộc đắp vẽ các pho tượng và trang trí Tòa Thánh, làm việc ngày đêm, nên cuối cùng ông kiệt sức và lâm bịnh nặng.

Ngày 29–Giêng–Bính Tuất (dl 2–3–1946), Ông cởi xác trần trở về cõi thiêng liêng, sống được 38 tuổi, trong có có 19 năm phụng sự cho Đạo. Nhiều người thương tiếc than rằng: *Phải chi Ông rán sống thêm mấy tháng nữa thì thấy được ngày Đức Phạm Hộ Pháp hồi loan, để thầy trò sum hiệp vui vầy*. (Đức Phạm Hộ Pháp được đưa trở về Tòa Thánh ngày 30–8–1946 (âl 4–8–Bính Tuất).

Năm Đinh Hợi (1947), Bát Nương giáng cơ cho Hội Thánh biết Ông Tá Lý Bùi ái Thoại đã đắc quả Phối Thánh, và nên ghi vào lịch Đạo ngày mất mà thiết lễ kỷ niệm hằng năm, giống như trường hợp Phối Thánh Phạm văn Màng, để nêu gương cho hậu thế.

Thật vậy, người ở thế, nếu Tam Lập (Lập Đức, Lập Công, Lập Ngôn) được hoàn toàn, thì dù ở phẩm bực nào nơi cõi trần, cũng đắc được phẩm vị cao trọng nơi Cõi Thiêng Liêng. Cân công bình thiêng liêng rất vô tư, hữu công tất đắc.

Trong TNHT, Đức Chí Tôn nhiều lần nói rằng:

"Thầy đến độ rỗi các con là thành lập một Trường Công Đức cho các con nên Đạo. Vậy đắc đạo cùng chăng là tại nơi các con muốn cùng chẳng muốn."

Ngài Phối Thánh Bùi ái Thoại thỉnh thoảng có giáng cơ tại Báo Ân Từ, không thường xuyên bằng Ngài Phối Thánh Phạm văn Màng.

Sau đây là Bài giáng cơ của Phối Thánh Bùi ái Thoại,

Ngài Phối Thánh Màng giáng trước, tái cầu thì Ngài Phối Thánh Thoại giáng tiếp theo.

- Tái cầu:

PHỐI THÁNH BÙI ÁI THOẠI

– Bạch sư phụ, con là Thoại.

Thưa chào chư vị Sư thúc, Sư huynh.

Hèn lâu, con nhớ Sư phụ lắm, mà không biết làm sao!

Khi Sư phụ bị đày, con rầu buồn quá đổi, thêm lo lắng Đền Thánh chưa rồi. Làm ngày làm đêm, mang bịnh nan y nên qui liễu.

Nhờ Chí Tôn thương nên ban lịnh Ngọc Hư Cung cho vào hàng Phối Thánh.

Bạch Sư phụ, làm ơn nói với "*Năm Sởi*" và "*Sáu Út*" rằng "*Kỉnh*" bị án sa đọa Phong Đô, nhưng nhờ công nghiệp tạo tác Tòa Thánh, Đức Chí Tôn ân xá cho chuyển kiếp luân hồi, mà chưa đi, còn đương kiện Ông "*Chữ*".

Con gặp "*Quân*" và "*Ngưu*" lẩn quẩn nơi Thánh địa đặng đợi dịp trả oán theo Ngọc Hư Cung cho phép. Nhưng Phạm Phối Thánh và con khuyên lơn họ, để cho kẻ tội nhơn phụng sự quốc gia, và nghĩ Thánh tâm, oan gia nên giải bất nghi kết, nên họ cũng an lòng, đặng xem hành tàng của kẻ tội nhơn, hoặc tha hoặc trị.

Con mới dắt Anh "*Thiết*" kiến diện Sư thúc Thượng Phẩm đặng người điều độ.

Con nhớ mấy anh em con quá! Khi thấy thờ phượng con, con đau lòng quá!

Sư phụ nói lại giùm, con để lời cám ơn họ.

Nếu con có phước giáng cơ đặng thường, con có nhiều điều nói với họ.

Con kính lạy Sư phụ, con xin kiếu.

Thăng.

BÀI THI HOÀI NIỆM đề nơi mộ của Ngài Phối Thánh Bùi ái Thoại:

HOÀI NIỆM

Kính bút truyền ghi bậc đức tài,
Đã dày công buổi Đạo hoằng khai.
Đem thân hiến trọn về cửa Phạm,
Tạo nghiệp Tam Kỳ tiếng hậu lai.
Bởi ý thức đời là giả tạm,
Nên tìm bến Đạo bỏ đường hai.
Quả mãn công viên hồi cựu vị,
Phối Thánh Thiên phong bậc đức tài.

HIỀN NHƠN
LÊ VĂN TRUNG
(1902–1976)

BẢN TUYÊN DƯƠNG CÔNG NGHIỆP

Của Ngài Hiền Nhơn Lê văn Trung được Ngài Hiến Đạo HTĐ, Thống Quản Phước Thiện, đọc tại Giảng Đài Đền Thánh lúc 9 giờ ngày 20–1–Bính Thìn (dl 19–2–1976) sau khi hành pháp Độ Thăng.

Kính Hội Thánh Hiệp Thiên, Cửu Trùng và Phước Thiện,

Kính chư Chức sắc Thiên phong, Chức việc, các Ban Bộ và toàn Đạo Nam Nữ,

Tôi nhơn danh Hiến Đạo HTĐ, Thống quản Hội Thánh Phước Thiện, tuyên dương công nghiệp của Ông Hiền Nhơn Lê văn Trung, khi sanh tiền, Ông hành đạo, ngày hôm nay đã quá cố.

Lai lịch: Ông Lê văn Trung sanh năm Nhâm Dần (1902), nguyên quán tại Hương Đạo Phú Mỹ, Tộc đạo Bến Tranh, Châu Đạo Mỹ Tho, hiện cư ngụ tại Hương Đạo Thái Hiệp Thạnh, Tộc Đạo Phú Khương, Châu Thành Tây Ninh, nơi nhà lễ giáo Nho phong, thật hành Nhơn đạo, học lực Việt ngữ được thông minh trí tuệ.

Phần Công nghiệp: Sớm nghe Đại Đạo hoằng khai, nhập môn ngày 26–5–Đinh Mão (1927) tại Thánh Thất Phú Mỹ, Mỹ Tho, tùng luật pháp Chơn truyền Đại Đạo lo tu hành, làm lành lánh dữ, được sự tín nhiệm của toàn Đạo nơi Hương, đồng công cử Ông lên chức Phó Trị Sự, lo tròn trách nhiệm.

– Năm Mậu Thìn (1928), ngày 15 tháng Giêng, giữ trai giới trường trai. Ngày 15 tháng 7 nhập Minh Thiện Đàn. Đàn nầy do Đức Lý Giáo Tông giáng cơ lập ra dạy đạo, Ông Đinh công Trứ làm chủ đàn, Ông xin nghỉ chức Phó Trị Sự.

– Năm Kỷ Tỵ (1929), ngày 3 tháng Giêng, Đức Quan Thánh Đế Quân giáng cơ lập Đồng Nghĩa Đường tại nhà Ông để nhơn sanh đến lập thệ vào Minh Thiện Đàn, đặng lập cơ sở giúp Đạo. Đến ngày 15 tháng 2, nhơn sanh nhập Minh Thiện Đàn đặng 3400 người, lập 36 Ty, mỗi Ty có 3 Sở Lương điền hoặc Công nghệ, trong 5 tỉnh: Mỹ Tho, Tân An, Vĩnh Long, Long Xuyên, và Châu Đốc.

Ngày 22 tháng 2, Đức Hộ Pháp ở Thủ Đức xuống tại

Thánh Thất Phú Mỹ. Đức Lý giáng cơ giao Minh Thiện Đàn cho Đức Hộ Pháp điều khiển. Đức Ngài cho lịnh mời đêm 28 đặng Đức Ngài hành pháp cân thần, hiện diện được 93 vị.

Trưa ngày 29, lúc 11 giờ, đặng tin nhà Bưu Điện cho hay Đức Cao Thượng Phẩm đau nặng, Đức Ngài tuyển chọn trong 93 vị cân thần đặng 24 vị, dạy mời 24 vị 7 giờ tối phải có mặt cả gia đình đặng thọ "*Đào Viên Pháp*", trong 24 vị có Ông Trung, còn lại bao nhiêu, Đức Ngài hẹn khi khác sẽ hành pháp. Sáng ngày 30, Đức Ngài ra xe về Tòa Thánh.

Ngày 10 tháng 6, Đức Ngài và Đức Quyền GiáoTông cùng đi xuống Thánh Thất Phú Mỹ, cân thần thêm những người Minh Thiện Đàn, kỳ nầy ở 7 ngày, cân thần 647 người, chỉ lựa đặng 48 người.

Sáng ngày 18, Đức Quyền Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp trở về Tòa Thánh.

Soạn lại 2 kỳ cân thần, tuyển đặng 72 người.

Khi cúng Lễ Trung Nguơn xong, Đức Hộ Pháp và Đức Quyền Giáo Tông chứng giấy cho đi hành thiện, đặng cho toàn Đạo ở Miền Tây hay biết, mấy vị Chức sắc cao cấp tách ra lập Chi phái, nếu vị Đạo hữu nào muốn hành đạo nơi Tòa Thánh thì biên tên vào danh sách.

Riêng Ông với Ông Đinh công Trứ đi 2 tỉnh Rạch Giá và Long Xuyên, còn hai tỉnh Mỹ Tho và Tân An cứ lưu hành.

Trong thời gian đi hành thiện, 72 người, ai hành đạo theo địa phương nấy, cho đến cuối năm Kỷ Tỵ (1929), làm sổ thống kê tất cả đặng 17.400 người.

- Năm Canh Ngọ (1930), đắc lịnh trở về lo vận động hành lý và gạo lúa cho anh em ở Tòa Thánh đi làm 1000 công ruộng tại núi Sập Long Xuyên. Sau khi về lo việc làm ruộng xong, cứ thay phiên nhau đi trong 2 tỉnh Mỹ Tho

và Tân An.

- Năm Tân Mùi (1931), đắc lịnh Đức Phạm Hộ Pháp bổ trách nhiện Chủ Sở Giang Tân, đặng lo kiến tạo cơ sở.
- Năm Nhâm Thân (1932), đời Pháp thuộc, chánh phủ làm khó dễ ngăn đón đủ mọi phương, nhưng Ông vẫn tận tâm len lỏi lo giúp Đạo.
- Năm Ất Hợi (1935), Ngày 15 tháng 10, đắc phong Lễ Sanh Giáo Thiện.
- Năm Đinh Sửu (1937), lãnh trách nhiệm Đầu Họ Phước Thiện Gia Định, Đạo Nghị Định số 48/NĐ ngày 16 tháng Giêng.
- Năm Mậu Dần (1938), được bổ Đầu Họ Phước Thiện Tây Ninh, Nghị Định số 181/NĐ ngày 2 tháng 7.
- Năm Kỷ Mão (1939), ngày mùng 4 tháng 10, kiêm nhiệm Thủ Bổn HTĐ.
- Năm Canh Thìn (1940), lãnh trách nhiệm đi quan sát các Họ Đạo Phước Thiện, Nghị Định số 284/NĐ ngày mùng 8 tháng 11.
- Năm Tân Tỵ (1941), lãnh trách nhiệm Đầu Họ Phước Thiện Mỹ Tho, Nghị Định số 04/NĐ ngày 20 tháng Giêng. Đến tháng 6 Đức Phạm Hộ Pháp bị đồ lưu, tháng 10 nhà cầm quyền Pháp ra lịnh cấm, những người đứng bộ tỉnh nào thì về tỉnh đó ở, không đặng ở Tây Ninh nữa. Vì tình thế khó khăn, Ông trở về Sài gòn ở, lâu lâu đi xuống Họ đạo một lần.
- Năm Quí Mùi (1943), Ông hợp tác Hãng tàu Nittinan, cộng sự chung với quí Chức sắc lo cơ chuyển thế. Lúc nầy nhà binh Pháp chiếm Tòa Thánh làm trại lính.
- Năm Ất Dậu (1945), ngày 25 tháng Giêng (dl 9–3–1945), cuộc đảo chánh Pháp thành công, tháng 8 rước Đức

Phạm Hộ Pháp về Tòa Thánh.

- Năm Bính Tuất (1946), Đại Hội Phước Thiện cầu thăng được vào phẩm Chí Thiện, toàn hội dâng tờ xin thăng cho Ông lên phẩm Đạo Nhơn, Ông không dám nhận. Kế đắc lịnh bổ nhiệm làm Khâm Châu Phước Thiện tại Sài gòn, Thánh Lịnh số 28/TL ngày 18 tháng Giêng.
- Năm Đinh Hợi (1947), lãnh trách nhiệm Cai quản Trường Qui Thiện, Thánh Lịnh số 84/TL ngày 18 tháng 5.
- Năm Mậu Tý (1948), lãnh trách nhiệm Trưởng ban Kinh Tế Lý Tài, sắc tứ số 606/ST ngày 8 tháng 7.
- Năm Canh Dần (1950), đắc lịnh kiêm ban Trấn định nhơn tâm toàn đạo do Ngài Tiếp Pháp làm Trưởng ban, Thánh Lịnh số 347/TL ngày 27 tháng 6.
- Năm Tân Mão (1951), lãnh trách nhiệm Hội viên Hội Đồng Tối Cao, Thánh Lịnh số 416/TL ngày 4 tháng 7.
- Năm Giáp Ngọ (1954), lãnh trách nhiệm kiêm Hội Viên Ban Hội Đồng miễn dịch thanh niên Cao Đài, do Ngài Tiếp Pháp làm Trưởng Ban.
- Năm Bính Thân (1956), Hội Thánh xét vì Ông đã dày công với Đạo, đủ điều kiện xứng đáng thăng thưởng vào phẩm Đạo Nhơn, Thánh Lịnh số 15/TL ngày 25 tháng 11.
- Năm Đinh Dậu (1957), đắc lịnh Hội Thánh HTĐ thuyên bổ trách nhiệm Chưởng quản CQPT, Đạo Lịnh số 09/ĐL ngày 7 tháng 6.
- Năm Canh Tý (1960), được thăng lên phẩm Chơn Nhơn, Đạo Lịnh số 03/ĐL ngày 13 tháng 11.
- Năm Tân Sửu (1961), lãnh phận sự Cố Vấn Phước Thiện, kiêm Quản Văn phòng Khai Đạo HTĐ, Huấn Lịnh số

30/HL ngày 10 tháng 3 (dl 24–4–1961).

- Năm Nhâm Dần (1962), lãnh trách nhiệm Tổng quản Văn phòng Tiếp Pháp, Thống quảm tam Vụ : Hòa, Lại, Lễ.
- Năm Giáp Thìn (1964), trách nhiệm Chưởng quản Phước Thiện, thay thế Chơn Nhơn Nguyễn văn Phú.
- Năm Nhâm Tý (1972), chiếu Thánh Giáo tại Cung Đạo Đền Thánh đêm mùng 1 tháng Chạp (dl 4–1–1973), Đức Phạm Hộ Pháp thăng thưởng vị Chơn Nhơn Lê văn Trung lên phẩm Hiền Nhơn, Thánh Lịnh số 07/TL ngày 8 tháng chạp (dl 11–1–1973).
- Năm Quí Sửu (1973), lãnh trách nhiệm Cố Vấn HTĐ, kiêm nhiệm Chưởng quản Hội Thánh Phước Thiện Nam phái, Sắc Lịnh số 04/SL ngày 11–6 (dl 10–7–1973) cho đến nay.

Ôi! Người sanh nơi thế nầy đều phải thọ Tứ khổ là Sanh, Lão, Bệnh, Tử.

Ngày Ông ngọa bịnh cũng thông thường, nhưng vì tuổi cao sức kém, biến chứng nội thương, có đi bệnh viện Sài gòn, Bác sĩ chuyên khoa điều trị có trên tháng trường, nhưng không thuyên giảm, như khuôn thuyền chở khẳm, cả gia đình đều lo sợ, xin chở về nhà.

Nào hay đâu, Thiên số nan đào, Ông trút hơi thở cuối cùng lúc 19 giờ 15 phút ngày 17 tháng Giêng năm Bính Thìn (dl 16–2–1976) tại tư gia.

Tuy sự mất còn là do định mệnh của Đức Chí Tôn, nhưng đối với kiếp sanh của con người có giới hạn, sao khỏi đau lòng lúc tử biệt sanh ly, dầu bậc nào đi nữa, cũng không khỏi rơi châu đổ lụy.

Thánh xưa có câu: Sanh ký tử qui, sống gởi thác về, là lẽ dĩ nhiên Thiên định.

Trước khi dứt lời Tuyên dương, kính chư Chức sắc, chư Chức việc, các Ban Bộ và toàn đạo Nam Nữ, đồng hướng về BQĐ, thành tâm cầu nguyện cho Linh hồn Ông Hiền Nhơn Lê văn Trung được hưởng pháp siêu thăng về Thiên cảnh, an nhàn nơi cõi thọ.

Nay kính.

HIẾN ĐẠO HTĐ
Thống Quản Phước Thiện
(ấn ký)
PHẠM VĂN TƯƠI

Sau đây xin trích vài đoạn trong các bài Điếu văn, nhắc lại công nghiệp của Ngài Hiền Nhơn Lê văn Trung.

- **Trích Điếu văn của Hội Thánh Phước Thiện:**

"Có lẽ toàn Đạo còn nhớ, năm Kỷ Tỵ (1929), tại Tòa Thánh Tây Ninh lúc bấy giờ, cơ Đạo chinh nghiêng chia phe phân phái, thì tại Thánh Thất Khổ Hiền Trang, Phú Mỹ, Đức Phạm Hộ Pháp điều khiển Minh Thiện Đàn, giao phó cho Đại huynh cùng Ông Cố Đốc Trường Đinh công Trứ, với 72 người trong Minh Thiện Đàn, có sứ mạng, Đức Hộ Pháp bổ nhiệm cho đi hành thiện khắp trong Lục tỉnh Nam Kỳ, để trấn tỉnh nhơn tâm bổn Đạo và đem được một số tín hữu trở về Tòa Thánh, tổng số thống kê cuối năm Kỷ Tỵ đặng 17.400 người.

Năm Ất Hợi (1935), ngày Rằm tháng 10, Đại huynh được Đức Lý Giáo Tông chấm phong Lễ Sanh Giáo Thiện, được Đức Phạm Hộ Pháp thuyên bổ trách nhiệm Đầu Họ Đạo Phước Thiện các tỉnh Gia Định, Tây Ninh, Mỹ Tho, để lo khai mở CQPT, hầu đem huê lợi về tạo tác Tòa Thánh và các dinh thự trong Nội Ô Thánh địa, ngày nay được nguy nga

đồ sộ, ấy cũng một phần công cán của Đại huynh đáng kể.

Qua năm Đinh Dậu (1957), cầm quyền Chưởng quản Phước Thiện, lo phổ hóa nhơn sanh, khuếch trương các cơ sở địa phương, cùng kiến tạo nghiệp Đạo Phước Thiện tại Trung Ương Tòa Thánh được tốt đẹp, dìu dắt anh chị em tiến bước trên trường thi công quả của Đức Chí Tôn, hầu thực hành cơ cứu khổ.

Trải qua nhiều giai đoạn gay go thử thách, nhưng Đại huynh tâm không đổi, chí chẳng dời, một lòng nhất quyết giữ lập trường Phước Thiện, hầu dìu dắt đàn em đến nơi bỉ ngạn."

- **Trích Ai Điếu của Đại diện Thệ hữu Phạm Môn:**

"Về Tiểu sử và công nghiệp, Hội Thánh đã biểu dương nơi Đền Thánh, nên xin miễn lập lại. Đây tôi xin trích lược đôi điều trọng yếu để tỏ nỗi niềm trong tình Thệ hữu trên 45 năm theo thầy học đạo, dưới mái Đạo trường, đồng chung khổ hạnh, chịu đủ điều cay đắng ngọt bùi, hiệp sức chung tâm đắp xây đạo nghiệp.

Nguyên Thệ huynh đây, hồi năm Mậu Thìn (1928) được tin Đức Phạm Hộ Pháp từ Tòa Thánh đến Thủ Đức và sẽ ở nơi đây để lo về Đạo sự, Thệ huynh liền tìm đến yết kiến Đức Phạm Hộ Pháp và xin thỉnh Đức Ngài đến Phú Mỹ (Mỹ Tho) để tìm phương hoằng hóa nền Chánh giáo.

Khi Đức Hộ Pháp đến Phú Mỹ thì ở tại nhà của Thệ huynh, bổn đạo hay tin có Đức Hộ Pháp đến, nên rủ nhau tụ lại để nghe Đức Ngài giảng dạy về Giáo lý và hạt Thánh cốc Minh Thiện Đàn cũng bắt đầu gieo rải từ đây. Mãi đến ngày 28 tháng 9 Tân Mùi (1931), Đức Hộ Pháp mới làm lễ điểm đạo tức là Hồng Thệ tại Khổ Hiền Trang được 24 vị.

Một việc đáng lưu ý hơn nữa là vụ lấy ếm tại Khổ Hiền

Trang.

Nguyên hôm nọ, bất ngờ Đức Hộ Pháp đến tại Phú Mỹ cho Thệ huynh biết rằng: Đức Ngài vừa được các Đấng mách bảo là tại đây người ngoại bang ếm không cho nước Việt Nam xuất tướng, nên cần phải lấy cho được cái ếm nầy thì VN mới xuất hiện nhân tài. Liền trong đêm ấy, Đức Hộ Pháp chấp bút nhờ các Đấng thiêng liêng chỉ địa điểm, sáng ngày do Thệ huynh đây hướng dẫn đến địa điểm mà các Đấng đã chỉ, đào sâu xuống đất, lấy vật ếm là: 1 lưỡi kiếm và 6 con cờ tướng.

Đến năm Bính Tý (1936), Thệ huynh thu xếp gia đình về Tòa Thánh hành đạo. Đức Phạm Hộ Pháp định cho Thệ huynh làm Thủ Bổn cho Đức Ngài, quan trọng là số tài chánh tạo tác Đền Thánh thuở đó đều do Thủ Bổn nầy thâu và xuất.

Đến năm Bính Thân (1956), Đức Phạm Hộ Pháp xuất ngoại sang Miên quốc, con thuyền đạo gặp cơn gió dập sóng dồi, Thệ huynh chẳng nệ hiểm nguy gian khổ, lãnh trọng trách lèo lái con thuyền Phước Thiện, nhờ khả năng Thiên phú thấy rộng hiểu xa, nên con thuyền vượt sóng trùng dương cập đến bờ giác ngạn và dìu dẫn đàn em tiến bước trên đường đạo đức."

Theo lời thuật lại của Ông Chơn Nhơn Phạm duy Hoai, các tiền bối cho biết nguyên căn của Ngài Hiền Nhơn Lê văn Trung là Nhạc Phi đời nhà Tống bên Tàu tái kiếp, mà Chơn Linh của Nhạc Phi lại là Hộ Pháp Thần Kỳ gọi là Đại Bàng Kim Xí Minh Vương, hầu Đức Phật Tổ nơi Lôi Âm Tự cõi CLTG, vì phạm tội giết chết con dơi Nữ Thổ Bức vô phép trước mặt Phật, nên phải đầu kiếp xuống làm Nhạc Phi để trả quả.

Ngài Hiền Nhơn Lê văn Trung có người con trai trưởng nam là Lê thanh Tòng, làm chức Thiếu Tá Quân đội Cao Đài, bị tử trận ngày 26–4–1946, lúc còn rất trẻ, mới 27 tuổi. Đó chính là Nhạc Vân, con trưởng của Nhạc Phi, tái kiếp. Ông Lê thanh Tòng được truy thăng Đại Tá và đắc phong vào hàng Thánh Tử Đạo.

Ngài Hiền Nhơn Lê văn Trung rất ít làm thơ. Chúng tôi sưu tập được một bài thơ của Ngài, đăng trong Bán Nguyệt san Thông Tin, số 58 trang 13, Ngài làm lúc Ngài còn ở phẩm Chơn Nhơn và được 69 tuổi.

TỰ THUẬT

Sáu mươi chín tuổi, Đạo như Đời,
Mây nước từng vui thú thảnh thơi.
Hành thiện dám đâu bì Mạnh Tử,
Chơn nhơn đã hẳn kém Nhan Hồi.
Nêu gương bác ái, sương pha tóc,
Tìm lẽ công bình, muối chát môi.
Tuổi hạc Trời cho tăng nếp sống,
Gieo truyền Phước Thiện khắp nơi nơi.

CHƠN NHƠN Lê văn Trung

DANH NHÂN ĐẠI ĐẠO
Soạn-giả: Đức Nguyên

DANH NHÂN
ĐẠI ĐẠO

Biên Soạn | ĐỨC NGUYÊN